

Canon

EOS 1300D

EOS 1300D (W)



Hướng dẫn sử dụng

- Hướng dẫn sử dụng này giả định rằng phiên bản firmware là 1.1.0 hoặc mới hơn.
- Bạn có thể tải hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF) và phần mềm từ trang web của Canon (tr.4, 323).



Giới thiệu

EOS 1300D (W) là loại máy ảnh kỹ thuật số phần xạ ống kính đơn được trang bị cảm biến CMOS chuẩn xác với độ phân giải hình ảnh khoảng 18,0 megapixel, DIGIC 4+, hệ thống lấy nét tự động chính xác tốc độ cao 9 điểm, chụp liên tục tối đa khoảng 3,0 fps, chụp Live View, quay phim độ phân giải cao (Full HD) và chức năng không dây (Wi-Fi/NFC).

Trước khi bắt đầu chụp, đảm bảo đọc kỹ những điều sau

Để tránh làm hỏng ảnh và xảy ra tai nạn, trước tiên tham khảo phần “Cảnh báo an toàn” (tr.20-22) và phần “Những điều cần chú ý khi thao tác” (tr.23-25). Ngoài ra, đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này để bảo đảm sử dụng máy ảnh đúng cách.

Tham khảo Hướng dẫn sử dụng khi sử dụng máy ảnh để làm quen với máy

Khi đọc hướng dẫn sử dụng, chụp thử vài kiểu ảnh và xem kết quả. Điều này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về máy ảnh. Cất giữ hướng dẫn sử dụng cẩn thận để tham khảo lại khi cần.

Kiểm tra máy ảnh trước khi sử dụng và tìm hiểu trách nhiệm pháp lý

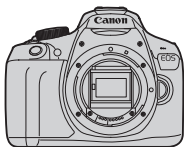
Sau khi chụp, bạn nên xem lại và kiểm tra xem ảnh đã được ghi chính xác chưa. Nếu máy ảnh hay thẻ nhớ bị lỗi dẫn đến không thể ghi hoặc tải ảnh xuống máy tính, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ mất mát hoặc những bất tiện xảy ra.

Bản quyền

Luật bản quyền tại quốc gia sở tại có thể cấm sử dụng ảnh hoặc nhạc có bản quyền cũng như ảnh kèm theo nhạc lưu trong thẻ nhớ cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích giải trí cá nhân. Ngoài ra, lưu ý rằng một số hoạt động công cộng như biểu diễn, triển lãm, v.v... có thể cấm chụp ảnh ngay cả khi dùng vào mục đích giải trí cá nhân.

Danh sách vật dụng

Trước khi bắt đầu, kiểm tra để đảm bảo tất cả các vật dụng sau được đi kèm máy ảnh. Nếu thiếu bất kỳ vật dụng nào, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng.



Máy ảnh

(kèm vành đỡ mắt và nắp thân máy)



Pin LP-E10

(kèm nắp bảo vệ)



**Sạc pin
LC-E10E***



Dây đeo



Cáp nối

* Sạc pin LC-E10E đi kèm với máy ảnh. (Có kèm theo dây nguồn.)

- Hướng dẫn sử dụng kèm theo được liệt kê ở trang tiếp.
- Nếu bạn mua bộ kèm ống kính, kiểm tra để đảm bảo có ống kính đi kèm.
- Tùy thuộc vào loại bộ kèm ống kính, hướng dẫn sử dụng ống kính có thể được đi kèm.
- Chú ý tránh làm mất các vật dụng nêu trên.



Tài Hướng dẫn sử dụng ống kính từ trang web của Canon nếu cần (tr.4). Hướng dẫn sử dụng ống kính (PDF) chỉ dành cho các ống kính bán riêng. Lưu ý rằng khi mua bộ kèm ống kính, một số phụ kiện đi kèm với ống kính có thể không khớp với danh sách được liệt kê trong Hướng dẫn sử dụng ống kính.

Hướng dẫn sử dụng



Hướng dẫn sử dụng cơ bản về máy ảnh và chức năng không dây

Sổ tay là Hướng dẫn sử dụng cơ bản.

Hướng dẫn sử dụng chi tiết hơn (Tập tin PDF) có thể được tải về từ trang web của Canon.

Tải xuống và xem Hướng dẫn sử dụng (Tập tin PDF)

1 Tải xuống Hướng dẫn sử dụng (Tập tin PDF).

- Kết nối internet và truy cập trang web dưới đây của Canon.

www.canon.com.vn/localizedmanual

Các Hướng dẫn sử dụng có thể tải xuống

- Hướng dẫn sử dụng máy ảnh
- Hướng dẫn sử dụng chức năng không dây

2 Xem Hướng dẫn sử dụng (Tập tin PDF).

- Nhấp đúp vào Hướng dẫn sử dụng (Tập tin PDF) đã tải xuống để mở.
- Để xem Hướng dẫn sử dụng (Tập tin PDF), bạn cần cài đặt Adobe Acrobat Reader DC hoặc phần mềm xem PDF khác của Adobe (nên sử dụng phiên bản mới nhất).
- Bạn có thể tải miễn phí Adobe Acrobat Reader DC từ internet.
- Để tìm hiểu về cách sử dụng phần mềm xem PDF, tham khảo mục Trợ giúp của phần mềm.



Phần mềm có thể tải về từ trang web của Canon (tr.323).

Thẻ nhớ tương thích

Máy ảnh có thể sử dụng các loại thẻ nhớ sau với dung lượng bất kỳ:

Nên định dạng thẻ mới hay thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh này (tr.52).

- Thẻ nhớ SD
- Thẻ nhớ SDHC
- Thẻ nhớ SDXC



Máy ảnh có thể sử dụng thẻ UHS-I, nhưng do máy không tương thích với chuẩn UHS-I nên tốc độ đọc/ghi chỉ dừng lại ở tốc độ tương đương với thẻ SD class 10.

Những thẻ có thể ghi phim

Khi quay phim, cần sử dụng thẻ SD dung lượng lớn từ thẻ SD Speed Class 6 “CLASS6” trở lên.

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm khi quay phim, phim có thể không được ghi chính xác. Ngoài ra, nếu xem lại phim trên thẻ có tốc độ đọc chậm, phim có thể không được phát lại chính xác.
- Để kiểm tra tốc độ đọc/ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ.

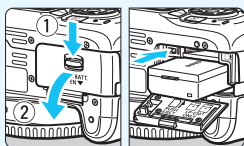


Trong hướng dẫn sử dụng này, từ “thẻ” dùng để chỉ thẻ nhớ SD, thẻ nhớ SDHC và thẻ nhớ SDXC.

* **Máy ảnh không kèm theo thẻ để ghi ảnh/phim.** Vui lòng mua riêng thẻ.

Hướng dẫn bắt đầu nhanh

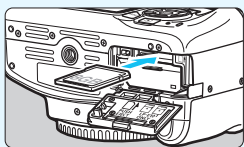
1



Lắp pin (tr.36).

- Để sạc pin, tham khảo trang 34.

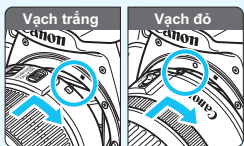
2



Lắp thẻ (tr.36).

- Hướng nhãn trên thẻ quay về mặt sau của máy ảnh, rồi cắm thẻ vào khe.

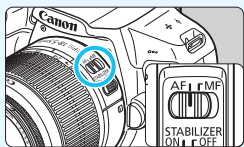
3



Lắp ống kính (tr.44).

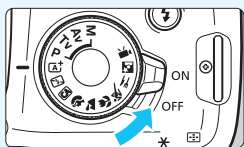
- Điều chỉnh cho vạch trắng hoặc vạch đỏ của ống kính trùng với vạch màu tương ứng trên máy ảnh.

4



Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.44).

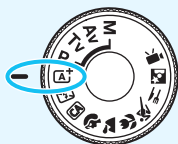
5



Đặt công tắc nguồn thành <ON> (tr.39).

- Khi màn hình LCD hiển thị màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ, tham khảo trang 41.

6



Đặt nút xoay chế độ thành <A+> (Tự động nhận cảnh thông minh) (tr.58).

- Tất cả thiết lập cần thiết cho máy ảnh sẽ được tự động cài đặt.

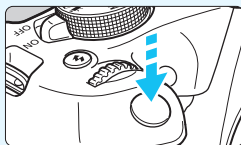
7



Lấy nét chủ thể (tr.47).

- Nhìn vào khung ngắm và hướng trung tâm của khung ngắm vào chủ thể.
- Nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể.
- Đèn flash tích hợp sẽ nâng lên nếu cần.

8



Chụp ảnh (tr.47).

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

9



Xem ảnh.

- Ảnh chụp sẽ hiển thị trong khoảng 2 giây trên màn hình LCD.
- Để hiển thị lại ảnh, nhấn nút <▶> (tr.83).

- Để chụp trong khi nhìn vào màn hình LCD, tham khảo phần “Chụp Live View” (tr.139).
- Để xem ảnh đã chụp, tham khảo phần “Xem lại ảnh” (tr.83).
- Để xóa ảnh, tham khảo phần “Xóa ảnh” (tr.232).

Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn

Biểu tượng sử dụng trong hướng dẫn

-  : Biểu thị nút xoay chính.
-  : Biểu thị các phím trên, dưới, trái và phải trên phím đa chiều .
-  : Biểu thị nút thiết lập.
-  4,  6,  10,  16 : Biểu thị từng chức năng vẫn tiếp tục hoạt động trong khoảng 4 giây, 6 giây, 10 giây hoặc 16 giây sau khi nhả nút chức năng.

* Ngoài ra, các biểu tượng và ký hiệu sử dụng trên nút máy ảnh và hiển thị trên màn hình LCD cũng được sử dụng trong hướng dẫn này khi đề cập đến các thao tác và chức năng liên quan.

- MENU** : Biểu thị chức năng có thể điều chỉnh bằng cách nhấn nút <MENU> để thay đổi thiết lập.
- ☆ : Khi hiển thị ở phía trên bên phải trang, biểu tượng này biểu thị chức năng chỉ có thể sử dụng trong chế độ vùng sáng tạo (tr.30).
- (tr.**): : Số trang tham khảo để tìm hiểu thông tin.
-  : Cảnh báo để tránh vấn đề trực trực khi chụp ảnh.
-  : Thông tin bổ sung.
-  : Gợi ý hoặc lời khuyên để chụp tốt hơn.
- ? : Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trực.

Giả định cơ bản

- Mọi thao tác mô tả trong hướng dẫn này giả định rằng công tắc nguồn đang đặt thành <ON> (tr.39).
- Giả định tất cả thiết lập menu và chức năng tùy chỉnh đã đặt ở chế độ mặc định.
- Hình minh họa trong tài liệu hướng dẫn này lấy ví dụ máy ảnh lắp ống kính EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS II.

Chương

Chương 1 và chương 2 giải thích các thao tác và quy trình chụp cơ bản dành cho người lần đầu tiên sử dụng máy ảnh DSLR.

	Giới thiệu	2
1	Hướng dẫn bắt đầu	33
2	Chụp cơ bản và xem lại ảnh	57
3	Chụp sáng tạo	85
4	Chụp nâng cao	107
5	Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)	139
6	Quay phim	159
7	Tính năng tiện dụng	183
8	Xem lại ảnh	209
9	Xử lý hậu kỳ ảnh	237
10	In ảnh	243
11	Tùy chỉnh máy ảnh	259
12	Tham khảo	271
13	Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm / Tải ảnh xuống máy tính	321



Nội dung sơ lược

Chụp

- **Chụp tự động** → **tr.57-82** (Chế độ vùng cơ bản)
- **Chụp liên tục** → **tr.102** (📷 Chụp liên tục)
- **Chụp ảnh nhóm có cả bạn** → **tr.103** (👤 Chụp hẹn giờ)
- **Làm dừng chuyển động** → **tr.108** (Tv Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập)
- **Làm mờ chuyển động**
- **Làm mờ hậu cảnh** → **tr.64** (CA Tự động sáng tạo)
- **Giữ hậu cảnh rõ nét** → **tr.110** (Av Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ)
- **Điều chỉnh độ sáng ảnh (phơi sáng)** → **tr.116** (Bù trừ phơi sáng)
- **Chụp trong điều kiện ánh sáng yếu** → **tr.58, 104** (⚡ Chụp ảnh với đèn flash)
tr.92 (Thiết lập tốc độ ISO)
- **Chụp không sử dụng flash** → **tr.63** (🔋 Flash tắt)
→ **tr.75** (🔋 Flash tắt)
- **Chụp pháo hoa vào ban đêm** → **tr.114** (Phơi sáng bulb)
- **Chụp trong khi xem màn hình LCD** → **tr.139** (📺 Chụp Live View)
- **Quay phim** → **tr.159** (🎥 Quay phim)

Chất lượng ảnh

- **Chụp với các hiệu ứng hình ảnh** → **tr.95** (Kiểu ảnh)
phù hợp với chủ thể
- **Tạo bản in ảnh kích thước lớn** → **tr.88** (📐 L, 📐 L, RAW)





- **Chụp nhiều ảnh** → **tr.88** (▲ S1, ■ S1, S2, S3)

Lấy nét

- **Thay đổi điểm lấy nét** → **tr.99** (☒ Chọn điểm AF)
- **Chụp chủ thể chuyển động** → **tr.70, 98** (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)

Xem lại

- **Xem ảnh trên máy ảnh** → **tr.83** (▶ Xem lại)
- **Tìm kiếm ảnh nhanh** → **tr.210** (☒ Hiển thị bảng kê)
→ **tr.211** (🔍 Duyệt ảnh)
- **Xếp hạng ảnh** → **tr.214** (Xếp hạng)
- **Ngăn các ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa** → **tr.230** (🔒 Bảo vệ ảnh)
- **Xóa ảnh không cần thiết** → **tr.232** (🗑 Xóa)
- **Tự động xem lại ảnh và phim** → **tr.224** (Trình chiếu)
- **Xem ảnh hoặc phim trên TV** → **tr.228** (TV)
- **Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD** → **tr.185** (Độ sáng màn hình LCD)
- **Áp dụng hiệu ứng đặc biệt cho ảnh** → **tr.238** (Bộ lọc sáng tạo)

In

- **In ảnh dễ dàng** → **tr.243** (In trực tiếp)



Danh mục các tính năng

Thiết bị nguồn

- Pin
 - Sạc pin → tr.34
 - Lắp/Tháo → tr.36
 - Mức pin → tr.40
- Ổ điện gia đình → tr.272
- Tự động tắt nguồn → tr.39

Thế

- Lắp/Tháo → tr.36
- Định dạng → tr.52
- Nhà màn trập khi không lắp thế → tr.184

Ống kính

- Lắp/Tháo → tr.44
- Zoom → tr.45

Thiết lập cơ bản

- Điều chỉnh độ khúc xạ → tr.46
- Ngôn ngữ → tr.43
- Ngày/Giờ/Múi giờ → tr.41
- Tiếng bíp → tr.184
- Nút bật/tắt LCD → tr.199
- Điều chỉnh độ sáng LCD → tr.185

Ghi ảnh

- Tạo/chọn thư mục → tr.186
- Đánh số thứ tự tập tin → tr.188

Chất lượng ảnh

- Chất lượng ghi ảnh → tr.88
- Kiểu ảnh → tr.95
- Cân bằng trắng → tr.131
- Không gian màu → tr.137
- Các tính năng nâng cao ảnh
 - Tự động tối ưu hóa ánh sáng → tr.123
 - Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi của ống kính → tr.124
 - Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu → tr.264
 - Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao → tr.265
 - Ưu tiên tông màu sáng → tr.265

AF (Lấy nét tự động)

- Thao tác AF → tr.97
- Chọn điểm AF → tr.99
- Lấy nét tay → tr.101

Kiểu chụp

- Kiểu chụp → tr.28
- Chụp liên tục → tr.102
- Chụp hẹn giờ → tr.103
- Số ảnh chụp liên tục tối đa → tr.90

Chụp

- Chế độ chụp → tr.30
- Tốc độ ISO → tr.92
- Hướng dẫn tính năng → tr.55
- Phơi sáng bulb → tr.114
- Chế độ đo sáng → tr.115
- Điều khiển nhanh → tr.48

Phơi sáng

- Bù trừ phơi sáng → tr.116
- AEB → tr.118
- Khóa phơi sáng → tr.120

Flash

- Flash tích hợp → tr.104
 - Bù trừ phơi sáng flash → tr.117
 - Khóa phơi sáng flash → tr.121
- Đèn flash ngoài → tr.274
- Điều khiển flash → tr.200

Chụp Live View

- Chụp Live View → tr.139
- Phương pháp lấy nét tự động (AF) → tr.148
- Tỷ lệ khung ảnh → tr.146
- Khung lưới → tr.145
- Điều khiển nhanh → tr.144

Quay phim

- Quay phim → tr.159
- Ghi âm → tr.178
- Khung lưới → tr.179
- Phơi sáng chỉnh tay → tr.162
- Điều khiển nhanh → tr.167
- Video quay nhanh → tr.170

Xem lại

- Thời gian xem lại ảnh → tr.184
- Hiện thị từng ảnh → tr.83
- Hiện thị thông tin chụp → tr.234
- Hiện thị bảng kê → tr.210

- Duyệt ảnh (Hiện thị nhảy ảnh) → tr.211
- Xem phóng to → tr.212
- Xoay ảnh → tr.213
- Xếp hạng → tr.214
- Phát lại phim → tr.220
- Chỉnh sửa cảnh đầu tiên/cuối cùng của phim → tr.222
- Trình chiếu → tr.224
- Xem ảnh trên TV → tr.228
- Bảo vệ ảnh → tr.230
- Xóa → tr.232
- Điều khiển nhanh → tr.216

Chỉnh sửa ảnh

- Bộ lọc sáng tạo → tr.238
- Thay đổi cỡ ảnh → tr.241

In

- PictBridge → tr.246
- Lệnh in (DPOF) → tr.253
- Lập sách ảnh → tr.257

Tùy chỉnh

- Chức năng tùy chỉnh (C.Fn) → tr.260
- Danh mục riêng → tr.269

Phần mềm

- Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm → tr.322
- Hướng dẫn sử dụng phần mềm → tr.324

Chức năng không dây

- Hướng dẫn sử dụng chức năng không dây

Nội dung

Giới thiệu 2

Danh sách vật dụng	3
Hướng dẫn sử dụng	4
Thẻ nhớ tương thích	5
Hướng dẫn bắt đầu nhanh	6
Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn.....	8
Chương	9
Nội dung sơ lược.....	10
Danh mục các tính năng	12
Cảnh báo an toàn.....	20
Những điều cần chú ý khi thao tác.....	23
Tên bộ phận	26

1 Hướng dẫn bắt đầu 33

Sạc pin	34
Lắp và tháo pin và thẻ	36
Bật nguồn	39
Thiết lập ngày, giờ và múi giờ	41
Chọn ngôn ngữ giao diện	43
Lắp và tháo ống kính	44
Thao tác cơ bản	46
 Điều khiển nhanh chức năng chụp	48
 Thao tác với menu	50
Định dạng thẻ	52
Chuyển hiển thị màn hình LCD	54
Hướng dẫn tính năng	55

2 Chụp cơ bản và xem lại ảnh 57

 Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh).....	58
 Kỹ thuật tự động hoàn toàn (Tự động nhận cảnh thông minh).....	61
 Tắt flash	63
 Chụp tự động sáng tạo	64
 Chụp chân dung.....	67
 Chụp phong cảnh	68
 Chụp cận cảnh.....	69
 Chụp chủ thể chuyển động.....	70
 Chụp đồ ăn	71
 Chụp chân dung ban đêm.....	72
 Điều khiển nhanh	74
Chụp theo lựa chọn môi trường.....	76
Chụp theo kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh.....	80
 Xem lại ảnh	83

3 Chụp sáng tạo 85

P : Phơi sáng tự động P	86
Thiết lập chất lượng ghi ảnh	88
ISO: Thay đổi tốc độ ISO để phù hợp với mức ánh sáng	92
 Chọn đặc tính ảnh tối ưu cho chủ thể (Kiểu ảnh)	95
AF: Thay đổi thao tác lấy nét tự động (Thao tác AF).....	97
 Chọn điểm AF	99
Chủ thể khó lấy nét.....	101
MF: Lấy nét tay.....	101
 Chụp liên tục	102
 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ	103
 Sử dụng đèn flash tích hợp.....	104

4 Chụp nâng cao 107

Tv : Truyền tải chuyển động của chủ thể.....	108
Av : Thay đổi độ sâu trường ảnh	110
Xem trước độ sâu trường ảnh.....	112
M : Phơi sáng chỉnh tay	113
 Thay đổi chế độ đo sáng	115
Thiết lập bù trừ phơi sáng	116
Tự động phơi sáng hỗn hợp.....	118
✱ Khóa phơi sáng.....	120
✱ Khóa phơi sáng flash	121
Tự động hiệu chỉnh độ sáng và độ tương phản (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)	123
Hiệu chỉnh ảnh tối góc.....	124
 Tùy chỉnh đặc tính ảnh (Kiểu ảnh)	126
 Đăng ký đặc tính ảnh ưu tiên (Kiểu ảnh).....	129
WB : Phù hợp với nguồn sáng (Cân bằng trắng)	131
 Điều chỉnh tông màu cho nguồn sáng.....	135
Thiết lập phạm vi tái tạo màu (Không gian màu).....	137

5 Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View) 139

 Chụp với màn hình LCD	140
Thiết lập chức năng chụp	144
Thiết lập chức năng menu.....	145
Sử dụng lấy nét tự động để lấy nét (Phương pháp AF).....	148
MF : Lấy nét tay.....	156

6 Quay phim 159

Quay phim	160
Quay phim phơi sáng tự động.....	160
Quay phim phơi sáng chỉnh tay.....	162
Thiết lập chức năng quay phim.....	167
Thiết lập kích thước ghi phim	168
Quay video quay nhanh.....	170
Thiết lập chức năng menu	176

7 Tính năng tiện dụng 183

Tính năng tiện dụng	184
Tắt tiếng bíp	184
Trình nhắc thẻ	184
Đặt thời gian xem lại ảnh	184
Đặt thời gian tự động tắt nguồn	185
Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD	185
Tạo và chọn thư mục	186
Phương pháp đánh số thứ tự tập tin.....	188
Thiết lập thông tin bản quyền.....	190
Tự động xoay ảnh dọc	192
Kiểm tra thiết lập máy ảnh	193
Khôi phục thiết lập mặc định của máy ảnh	194
Bật/tắt màn hình LCD.....	199
Thay đổi màu của màn hình thiết lập chụp	199
Thiết lập flash.....	200
Thêm dữ liệu xóa bụi	205
Làm sạch cảm biến bằng tay	207

8 Xem lại ảnh 209

 Tìm kiếm ảnh nhanh chóng	210
 Xem phóng to	212
 Xoay ảnh	213
Thiết lập xếp hạng	214
 Điều khiển nhanh trong khi xem lại	216
 Thưởng thức phim	218
 Phát lại phim	220
 Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim	222
Trình chiếu (Tự động phát)	224
Xem ảnh trên TV	228
 Bảo vệ ảnh	230
 Xóa ảnh	232
DISP. Hiển thị thông tin chụp	234

9 Xử lý hậu kỳ ảnh 237

 Áp dụng bộ lọc sáng tạo	238
 Thay đổi cỡ ảnh JPEG	241

10 In ảnh 243

Chuẩn bị in	244
 In ảnh	246
Cắt ảnh	251
 Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)	253
 In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in	256
 Chỉ định ảnh cho sách ảnh	257

11 Tùy chỉnh máy ảnh 259

Thiết lập chức năng tùy chỉnh	260
Thiết lập chức năng tùy chỉnh	262
C.Fn I: Phơi sáng	262
C.Fn II: Ảnh	264
C.Fn III: Lấy nét tự động/Kiểu chụp	266
C.Fn IV: Thao tác/Khác	267
Đăng ký Danh mục riêng	269

12 Tham khảo 271

Sử dụng ổ điện gia đình	272
📶 Sử dụng công tắc điều khiển từ xa	273
Đèn Speedlite gắn ngoài	274
📶 Sử dụng thẻ Eye-Fi	276
Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp	278
Sơ đồ hệ thống	280
Thiết lập menu	282
Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực	294
Mã lỗi	306
Thông số kỹ thuật	307

13 Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm / Tải ảnh xuống máy tính 321

Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm	322
Tải xuống và xem Hướng dẫn sử dụng phần mềm (Tập tin PDF)	324
Tải ảnh xuống máy tính	325
Chỉ mục	327

Cảnh báo an toàn

Chú ý những điều sau để tránh gây hại, chấn thương cho bạn và người khác. Bảo đảm hiểu kỹ và thực hiện theo hướng dẫn trước khi sử dụng sản phẩm.

Nếu có vấn đề trực trực hoặc hư hỏng sản phẩm, liên hệ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon hoặc đại lý bán hàng nơi bạn mua sản phẩm.



Cảnh báo: Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Để tránh hỏa hoạn, nhiệt độ quá nóng, rò rỉ hóa chất, nổ hoặc điện giật, hãy thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Không sử dụng pin, nguồn điện và phụ kiện không được quy định trong hướng dẫn này. Không sử dụng pin tự chế tạo, pin hỏng hoặc đã qua chỉnh sửa.
 - Không làm đoản mạch, tháo rời hoặc chỉnh sửa pin. Không đốt nóng hoặc hàn pin. Không để pin tiếp xúc với lửa hoặc nước. Không để pin chịu va chạm vật lý mạnh.
 - Không lắp các cực pin ngược chiều.
 - Không sạc pin trong môi trường có nhiệt độ ngoài phạm vi nhiệt độ cho phép sạc (vận hành). Ngoài ra, không sạc pin quá thời gian chỉ định trong hướng dẫn sử dụng.
 - Không cầm bất kỳ vật lạ bằng kim loại nào vào các tiếp xúc điện của máy ảnh, phụ kiện, cáp kết nối, v.v...
- Khi vứt bỏ pin, bọc cách ly các tiếp xúc điện bằng băng dính. Tiếp xúc với các vật kim loại hoặc pin khác có thể gây cháy hoặc nổ.
- Trong khi sạc pin, khói hoặc mùi lạ sẽ phát ra nếu pin quá nóng. Rút phích cắm của sạc pin ra khỏi ổ điện để ngừng sạc nhằm chống cháy nổ. Nếu không, có thể gây cháy, bỏng hoặc điện giật.
- Nếu pin bị rò rỉ, đổi màu, biến dạng hoặc phát ra khói hoặc mùi lạ, cần tháo pin ngay lập tức. Cần thận không để bị bỏng trong quá trình xử lý. Có thể gây cháy, điện giật hoặc bỏng nếu tiếp tục sử dụng.
- Ngăn các chất rò rỉ của pin khỏi tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Các chất này có thể gây mù hoặc các vấn đề da liễu. Nếu chất rò rỉ của pin tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo, dùng nhiều nước để xối rửa khu vực bị ảnh hưởng nhưng không được chà xát. Gặp bác sĩ ngay lập tức.
- Không để bất kỳ dây điện nào gần nguồn nhiệt. Nhiệt có thể làm biến dạng dây điện hoặc làm chảy lớp cách điện và gây cháy hoặc điện giật.
- Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài. Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, rộp da do bỏng tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.
- Không đánh sáng flash vào người đang lái ô tô hay các phương tiện khác. Việc này có thể gây tai nạn.

- Khi không sử dụng máy ảnh hoặc phụ kiện, bảo đảm đã tháo pin, rút dây nguồn và cáp kết nối khỏi thiết bị trước khi cất giữ để tránh điện giật, sinh nhiệt, cháy và ăn mòn.
- Không sử dụng thiết bị ở nơi có khí dễ cháy để tránh cháy nổ.
- Nếu bạn đánh rơi thiết bị và vỏ bị vỡ hở ra để lộ các bộ phận bên trong, không chạm vào các bộ phận bên trong máy. do có khả năng bị điện giật.
- Không tháo rời hoặc chỉnh sửa thiết bị. Các bộ phận điện áp cao bên trong có thể gây điện giật.
- Không nhìn vào mặt trời hoặc nguồn sáng cực chói qua máy ảnh hoặc ống kính. Làm vậy có thể gây hỏng thị lực của bạn.
- Cất giữ thiết bị ngoài tầm với của trẻ em và trẻ sơ sinh, ngay cả khi đang sử dụng thiết bị. Dây đeo hoặc dây điện có thể vô tình gây nghẹt thở, điện giật hoặc chấn thương. Nghẹt thở hoặc chấn thương cũng có thể phát sinh do trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện của máy ảnh. Nếu trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện, cần tham vấn bác sĩ ngay lập tức.
- Không bảo quản hay sử dụng thiết bị ở những nơi nhiều bụi hoặc ẩm ướt. Ngoài ra, giữ pin tránh xa các vật bằng kim loại và bảo quản pin ở trạng thái có gắn nắp bảo vệ để tránh đoản mạch. Làm vậy sẽ tránh được tia lửa, sinh nhiệt, điện giật và cháy.
- Trước khi sử dụng máy ảnh bên trong máy bay hoặc bệnh viện, kiểm tra xem có được phép sử dụng máy ảnh hay không. Sóng điện từ do máy ảnh phát ra có thể gây nhiễu các dụng cụ của máy bay hoặc thiết bị y tế của bệnh viện.
- Để chống cháy và điện giật, thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Luôn cắm hoàn toàn phích cắm điện vào ổ.
 - Không cầm phích cắm điện bằng tay ướt.
 - Khi rút phích cắm điện, cầm chặt và kéo phích cắm thay vì dây điện.
 - Không làm xước, cắt hoặc uốn cong quá mức dây điện hoặc đặt vật nặng lên dây điện. Ngoài ra không vặn hoặc thắt nút dây điện.
 - Không kết nối quá nhiều phích cắm điện vào cùng một ổ điện.
 - Không sử dụng dây điện bị đứt hoặc hỏng lớp cách điện.
- Rút phích cắm điện định kỳ và dùng khăn khô lau sạch bụi bám quanh ổ điện. Nếu xung quanh nhiều bụi, ẩm ướt hoặc có dầu, bụi trên ổ điện có thể bị ẩm và làm đoản mạch ổ điện gây ra cháy.
- Không kết nối trực tiếp pin với nguồn điện hoặc với lỗ châm thuốc trên ô tô. Pin có thể rò rỉ, sinh nhiệt hoặc nổ, gây tia lửa, cháy hoặc gây chấn thương.
- Khi cho trẻ em sử dụng sản phẩm, cần được người lớn hướng dẫn cẩn thận. Luôn giám sát khi trẻ dùng máy. Sử dụng không đúng cách có thể gây điện giật hoặc chấn thương.
- Không để ống kính hoặc máy ảnh có lắp ống kính dưới nắng mà không lắp nắp ống kính. Nếu không, ống kính có thể hội tụ các tia nắng và gây cháy.
- Không dùng vải che hoặc bọc thiết bị. Nhiệt bị tích bên trong sẽ khiến vỏ bị biến dạng hoặc bắt lửa.
- Cẩn thận không để ướt máy ảnh. Nếu đánh rơi máy ảnh vào nước hoặc nếu nước hoặc mảnh kim loại rơi vào trong máy ảnh, nhanh chóng tháo pin. Làm vậy sẽ tránh được tia lửa, điện giật và cháy.
- Không sử dụng chất pha loãng sơn, benzen hoặc dung môi hữu cơ khác để làm sạch sản phẩm. Các chất này có thể gây cháy hoặc nguy hại đối với sức khỏe.



Thận trọng: Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể xảy ra hư hỏng hoặc chấn thương.

- Không sử dụng hoặc cất giữ sản phẩm trong môi trường nhiệt độ cao, chẳng hạn như ô tô dưới trời nắng nóng. Sản phẩm có thể trở nên nóng và gây bỏng. Làm vậy cũng có thể gây rò rỉ hoặc nổ pin, làm cho hiệu suất kém đi hoặc tuổi đời sản phẩm bị rút ngắn.
- Không di chuyển máy ảnh khi máy đang lắp vào chân máy. Làm vậy có thể gây chấn thương hoặc tai nạn. Ngoài ra, đảm bảo chân máy đủ vững chắc để đỡ máy ảnh và ống kính.
- Không để sản phẩm trong môi trường nhiệt độ thấp trong thời gian dài. Sản phẩm sẽ trở nên lạnh và có thể gây chấn thương khi tiếp xúc.
- Không đánh sáng flash gần mắt người. Có thể gây hại cho mắt.

Những điều cần chú ý khi thao tác

Bảo quản máy ảnh

- Máy ảnh là thiết bị có độ chính xác cao. Không làm rơi máy ảnh hoặc để máy ảnh chịu tác động mạnh.
- Máy ảnh không có khả năng chống thấm nước, vì vậy không thể sử dụng dưới nước. Nếu vô tình làm rơi máy ảnh xuống nước, cần nhanh chóng liên lạc với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon. Lau sạch nước bằng khăn sạch và khô. Nếu máy ảnh tiếp xúc với không khí nhiễm mặn, cần lau sạch máy ảnh bằng vải ẩm vắt kỹ.
- Tuyệt đối không để máy ảnh gần các vật có từ trường mạnh như nam châm hoặc động cơ điện. Ngoài ra, tránh sử dụng hoặc để máy ảnh gần vật phát sóng vô tuyến mạnh như ăng-ten lớn. Từ trường mạnh có thể khiến máy ảnh trục trặc hoặc làm hỏng dữ liệu ảnh.
- Không để máy ảnh tại những nơi có nhiệt độ cao như trong ô tô có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp.
- Máy ảnh có hệ thống mạch điện tử chính xác. Tuyệt đối không tự ý tháo rời máy ảnh.
- Không để ngón tay hoặc các vật khác cản trở đèn flash tích hợp hoặc hoạt động của gương lật. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Chỉ sử dụng bóng thổi có sẵn trên thị trường để thổi sạch bụi trên ống kính, khung ngắm, gương lật, màn hình lấy nét v.v... Không sử dụng chất tẩy rửa có chứa dung môi hữu cơ để vệ sinh máy ảnh hoặc ống kính. Với vết bẩn khó lau, bạn cần mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.
- Không chạm ngón tay vào điểm tiếp xúc điện của máy ảnh. Điều này bảo vệ điểm tiếp xúc khỏi bị mòn. Điểm tiếp xúc bị mòn có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Nếu đột ngột chuyển máy ảnh từ nơi lạnh vào phòng ấm, hơi nước có thể đọng trên máy ảnh và các bộ phận bên trong. Để tránh đọng hơi nước, trước tiên đặt máy ảnh vào túi nhựa kín và để máy thích nghi với nhiệt độ ấm hơn trước khi lấy ra khỏi túi.

- Không sử dụng nếu hơi nước đọng trên máy ảnh. Điều này giúp tránh làm hỏng máy ảnh. Nếu đọng hơi nước, tháo ống kính, thẻ và pin ra khỏi máy ảnh. Chỉ tiếp tục sử dụng máy khi hơi ẩm bay hơi hết.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên tháo pin và bảo quản máy ảnh ở nơi khô ráo, thoáng mát. Trong thời gian cất giữ máy ảnh, thỉnh thoảng nên nhấn nút chụp vài lần để đảm bảo máy ảnh vẫn hoạt động bình thường.
- Tránh cất giữ máy ảnh ở nơi có hóa chất gây gỉ và ăn mòn như trong phòng thí nghiệm hóa học.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên kiểm tra tất cả chức năng máy ảnh trước khi sử dụng. Nếu không sử dụng máy ảnh trong một khoảng thời gian hoặc cần chụp những sự kiện quan trọng, ví dụ: chuyển đi du lịch nước ngoài sắp tới, bạn nên nhờ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon hoặc tự mình kiểm tra lại máy ảnh để đảm bảo rằng máy vẫn hoạt động chính xác.
- Máy ảnh có thể bị nóng nếu sử dụng tính năng chụp liên tục, chụp Live View hoặc quay phim trong khoảng thời gian dài. Đây không phải vấn đề trực trực.
- Nếu có nguồn sáng trong hoặc ngoài phạm vi chụp, hiện tượng bóng ma (ảnh bị mờ do lóe sáng) có thể xảy ra.

Màn hình LCD

- Mặc dù màn hình LCD được sản xuất bằng công nghệ có độ chính xác rất cao với hơn 99,99% số điểm ảnh hiệu dụng, nhưng trong ít hơn 0,01% số điểm ảnh còn lại có thể có một vài điểm ảnh chết, chỉ hiển thị màu đen hoặc màu đỏ, v.v... Điểm ảnh chết không phải vấn đề trực trực và không ảnh hưởng đến ảnh được ghi.
- Nếu màn hình LCD ở trạng thái bật trong khoảng thời gian dài, có thể xảy ra hiện tượng lưu ảnh, bạn sẽ nhìn thấy dấu vết của ảnh đã hiển thị trước đó trên màn hình. Tuy nhiên, hiện tượng này chỉ là tạm thời và sẽ biến mất khi không sử dụng máy ảnh trong vài ngày.
- Màn hình LCD có thể hiển thị chậm trong điều kiện nhiệt độ thấp hoặc trông đen hơn trong điều kiện nhiệt độ cao. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

Thẻ

Để bảo vệ thẻ và dữ liệu ghi trong thẻ, lưu ý những điều sau:

- Không làm rơi, bẻ cong hoặc làm ướt thẻ. Không để thẻ chịu lực tác động lớn, va đập hoặc rung lắc.
- Không chạm ngón tay hoặc vật kim loại vào các điểm tiếp xúc điện của thẻ.
- Không dán bất kỳ vật nào lên thẻ, ví dụ: miếng dán, v.v...
- Không bảo quản hoặc sử dụng thẻ gần các vật có từ trường mạnh như TV, loa hoặc nam châm. Ngoài ra, tránh những nơi có tĩnh điện.
- Không để thẻ ở nơi có ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp hoặc gần nguồn nhiệt.
- Bảo quản thẻ trong hộp, v.v...
- Không bảo quản thẻ ở những nơi có nhiệt độ cao, nhiều bụi bẩn hoặc ẩm ướt.

Ống kính

Sau khi tháo ống kính khỏi máy ảnh, đặt mặt dưới ống kính ngửa lên và đẩy nắp sau ống kính để tránh trầy xước bề mặt ống kính và các điểm tiếp xúc điện.

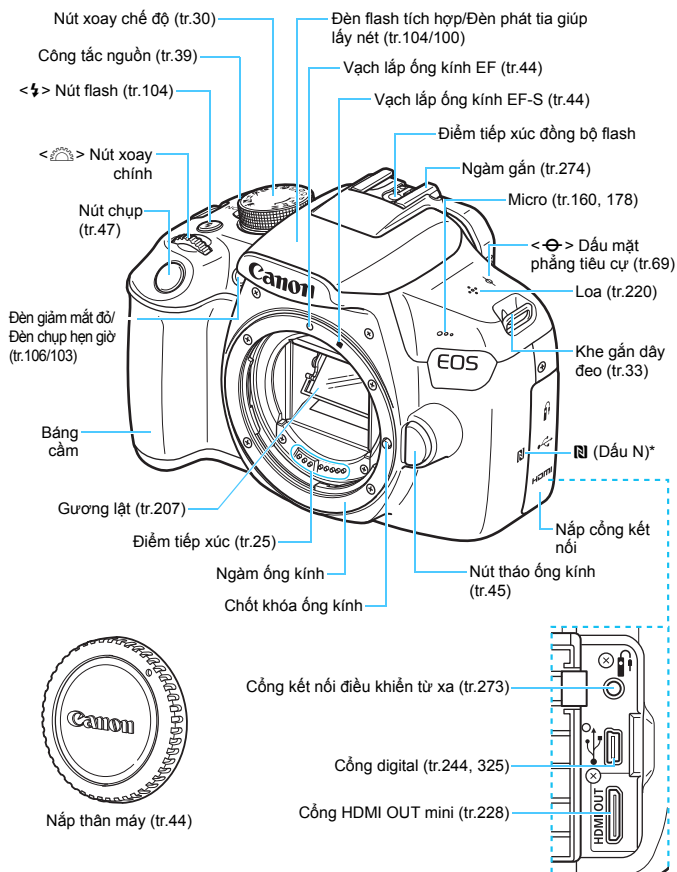
Đối với vết bẩn bám vào mặt trước của cảm biến

Ngoài việc bụi bên ngoài rơi vào trong máy ảnh, trong một số ít trường hợp, dầu bôi trơn của các bộ phận bên trong máy ảnh có thể bám vào mặt trước cảm biến. Nếu vết bẩn vẫn còn trên ảnh, bạn nên mang máy đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

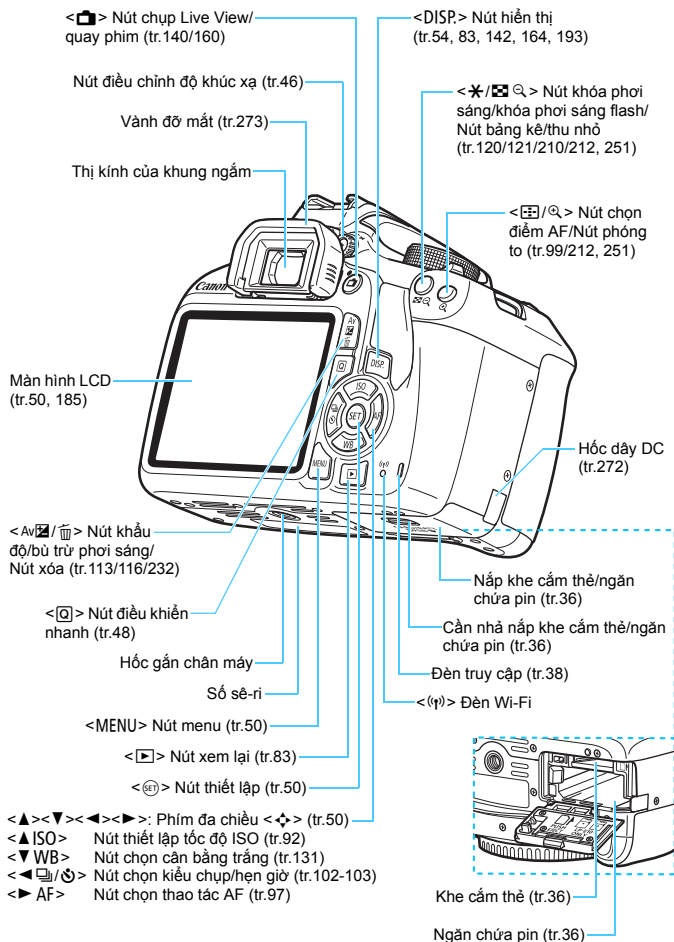
Điểm tiếp xúc



Tên bộ phận



* Được sử dụng để kết nối không dây qua chức năng NFC.



Thiết lập chức năng chụp (trong chế độ vùng sáng tạo, tr.30)

Vạch chỉ nút xoay chỉnh (tr.107)

Chế độ chụp

Thang đo sáng
Lượng bù trừ phơi sáng (tr.116)
Phạm vi AEB (tr.118)

Kiểu ảnh (tr.95)

Thao tác AF (tr.97)
ONE SHOT:
Lấy nét một lần
AI FOCUS:
Lấy nét tự động AI
AI SERVO:
Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục
MF:
Lấy nét tay

Biểu tượng điều khiển nhanh (tr.48, 74)

Mức pin (tr.40)

Cân bằng trắng (tr.131)

AWB Tự động: Ưu tiên môi trường
AWB w Tự động: Ưu tiên màu trắng
Ban ngày
Bóng râm
Nhiều mây
Ánh đèn dây tóc
Ánh đèn huỳnh quang trắng
Flash
Tùy chỉnh

Tốc độ màn trập

Khẩu độ

Tự động tối ưu hóa ánh sáng (tr.123)

Tốc độ ISO (tr.92)

Ưu tiên tông màu sáng (tr.265)

Bù trừ phơi sáng flash (tr.117)
Bù trừ phơi sáng flash ngoài

Năng đèn flash tích hợp

Chất lượng ghi ảnh (tr.88)

L Lớn/Đẹp
L Lớn/Bình thường
M Trung bình/Đẹp
M Trung bình/Bình thường
S1 Nhỏ 1/Đẹp
S1 Nhỏ 1/Bình thường
S2 Nhỏ 2 (Đẹp)
S3 Nhỏ 3 (Đẹp)
RAW + L RAW+Lớn/Đẹp
RAW RAW

Số ảnh có thể chụp
Số ảnh có thể chụp khi cân bằng trắng hỗn hợp
Thời gian đếm ngược của chụp hẹn giờ

WB Hiệu chỉnh cân bằng trắng (tr.135)
WB Cân bằng trắng hỗn hợp (tr.136)

Chế độ đo sáng (tr.115)

☒ Đo sáng toàn khung ảnh
☒ Đo sáng từng phần
☐ Đo sáng trung bình trung tâm

Chỉ báo kết nối GPS (tr.288)

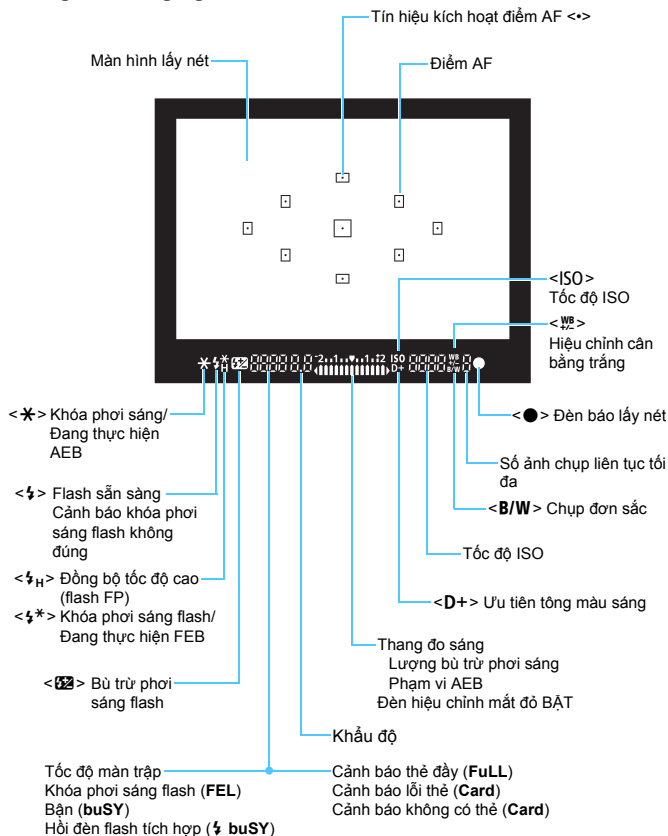
Trạng thái truyền của thẻ Eye-Fi (tr.276)

Kiểu chụp/hẹn giờ (tr.102-103)

☐ Chụp từng ảnh
☐ Chụp liên tục
☑ Chụp hẹn giờ: 10 giây
☑₂ Chụp hẹn giờ: 2 giây
☑_c Chụp hẹn giờ: Liên tục

Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.

Thông tin khung ngắm



Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.

Nút xoay chế độ

Nút xoay chế độ bao gồm các chế độ vùng cơ bản, chế độ vùng sáng tạo và chế độ quay phim.

Vùng sáng tạo

Những chế độ sau giúp điều khiển máy ảnh tốt hơn khi chụp các chủ thể khác nhau theo mong muốn.

P : Phơi sáng tự động P (tr.86)

Tv : Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập (tr.108)

Av : Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (tr.110)

M : Phơi sáng chỉnh tay (tr.113)

Vùng cơ bản

Bạn chỉ cần nhấn nút chụp. Máy ảnh sẽ thiết lập cài đặt phù hợp với chủ thể hoặc cảnh cần chụp.

[A]⁺ : Tự động nhận cảnh thông minh (tr.58)

[Flash] : Flash tắt (tr.63)

[CA] : Tự động sáng tạo (tr.64)

Vùng ảnh

[Chân dung] : Chân dung (tr.67)

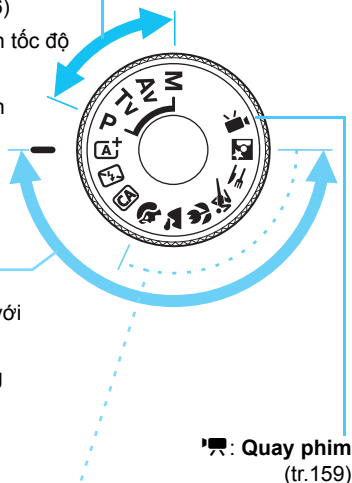
[Phong cảnh] : Phong cảnh (tr.68)

[Cận cảnh] : Cận cảnh (tr.69)

[Thể thao] : Thể thao (tr.70)

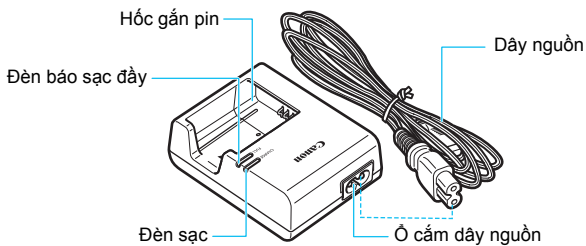
[Đồ ăn] : Đồ ăn (tr.71)

[Chân dung ban đêm] : Chân dung ban đêm (tr.72)



Sạc pin LC-E10E

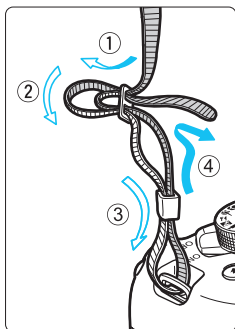
Sạc cho Pin LP-E10 (tr.34).



This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Hướng dẫn bắt đầu

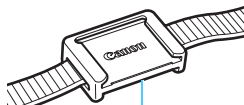
Chương này giải thích các bước chuẩn bị trước khi bắt đầu chụp và các thao tác cơ bản với máy ảnh.



Gắn dây đeo

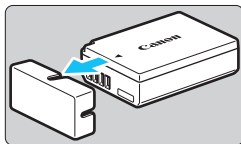
Luồn dây đeo từ dưới lên qua khe gắn dây đeo. Sau đó, kéo dây đeo qua khóa như hình minh họa. Kéo căng dây đeo để đảm bảo nút thắt không bị rơi lỏng.

- Nắp thị kính cũng được gắn vào dây đeo (tr.273).



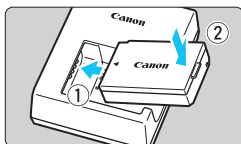
Nắp thị kính

Sạc pin



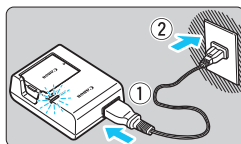
1 Tháo nắp bảo vệ.

- Tháo nắp bảo vệ đi kèm với pin.



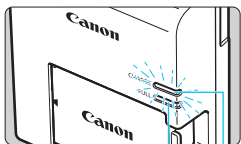
2 Lắp pin.

- Lắp pin cố định vào sạc như hình minh họa.
- Để tháo pin, thực hiện theo các bước ngược lại với quy trình trên.



3 Sạc pin.

- Kết nối dây nguồn với sạc và cắm phích vào ổ điện.
- Quá trình sạc tự động bắt đầu và đèn sạc phát sáng màu cam.
- Khi pin được sạc đầy, đèn báo sạc đầy sẽ phát sáng màu xanh lá cây.



Đèn báo sạc đầy

Đèn sạc

- Trong nhiệt độ phòng (23°C / 73°F), thời gian sạc đầy pin đã hết kéo dài khoảng 2 giờ. Thời gian sạc pin sẽ thay đổi phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường và lượng pin còn lại.
- Vì lý do an toàn, ở nhiệt độ thấp (6°C - 10°C / 43°F - 50°F), thời gian sạc sẽ dài hơn (tối đa khoảng 4 giờ).



Gợi ý sử dụng pin và sạc

- **Khi mua máy ảnh, pin chưa được sạc đầy.**
Sạc pin trước khi sử dụng.
- **Sạc lại pin trước một ngày hoặc trong ngày sử dụng máy ảnh.**
Trong thời gian cất giữ, pin đã sạc cũng sẽ dần cạn và mất năng lượng.
- **Sau khi sạc pin, tháo pin và rút sạc khỏi ổ cắm điện.**
- **Tháo pin ra khi không sử dụng máy ảnh.**
Nếu lắp pin trong máy ảnh trong khoảng thời gian dài, pin sẽ giải phóng một lượng nhỏ năng lượng, dẫn đến pin phóng điện quá nhiều và làm giảm tuổi thọ pin. Bảo quản pin với nắp bảo vệ (kèm theo máy). Cất giữ pin khi đã sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- **Sạc pin có thể sử dụng ở nước ngoài.**
Sạc pin tương thích với nguồn điện 50/60 Hz 100 V AC đến 240 V AC. Nếu cần, cắm sạc pin thông qua bộ chuyển đổi phích cắm bán trên thị trường của quốc gia hoặc khu vực sử dụng tương ứng. Không cắm sạc pin vào bộ biến thể di động. Làm vậy có thể gây hỏng sạc pin.
- **Nếu pin nhanh hết ngay cả khi đã sạc đầy, tuổi thọ pin đã hết.**
Hãy mua pin mới.



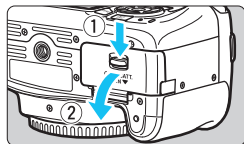
- Sau khi rút phích cắm điện của sạc, không chạm vào chân cắm trong ít nhất 3 giây.
- Không sạc bất kỳ loại pin nào khác ngoại trừ Pin LP-E10.
- Pin LP-E10 chỉ dành riêng cho sản phẩm của Canon. Sử dụng pin với sạc pin hay sản phẩm không tương thích có thể gây trục trặc cho pin hoặc tai nạn, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho các sự cố này.

Lắp và tháo pin và thẻ

Lắp Pin LP-E10 đã sạc đầy vào máy ảnh. Máy ảnh có thể sử dụng thẻ nhớ SD, SDHC hoặc SDXC (bán riêng). Ảnh chụp được ghi vào thẻ.

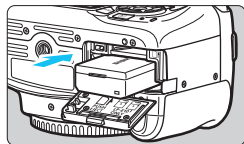
⚠️ Đảm bảo mấu chống ghi của thẻ được đẩy lên để có thể ghi và xóa.

Lắp pin và thẻ nhớ



1 Mở nắp.

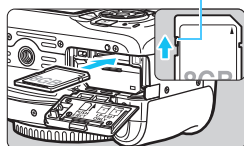
- Đẩy nút gạt theo hướng mũi tên và mở nắp.



2 Lắp pin.

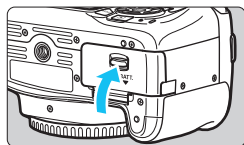
- Lắp đầu có các điểm tiếp xúc điện vào.
- Lắp pin cho đến khi vào vị trí khóa.

Mấu chống ghi



3 Lắp thẻ.

- Thực hiện như hình minh họa, quay mặt có nhãn thẻ về phía sau máy ảnh và cắm thẻ vào cho đến khi phát ra tiếng tách ở vị trí đóng.



4 Đóng nắp.

- Nhấn nắp cho đến khi khóa đóng lại.
- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON>, số lượng ảnh có thể chụp (tr.40) sẽ hiển thị trên màn hình LCD.



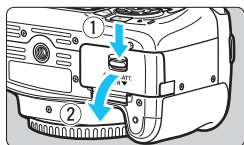
Sau khi mở nắp khe cắm thẻ/ngăn chứa pin, chú ý không dùng lực đẩy nắp ra phía sau. Nếu không, bản lề có thể bị gãy.



- Số lượng ảnh có thể chụp phụ thuộc vào dung lượng còn lại của thẻ, chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, v.v...
- Đặt [1: Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ) thành [Disable (Tắt)] sẽ giúp bạn không quên lắp thẻ khi chụp (tr.184).

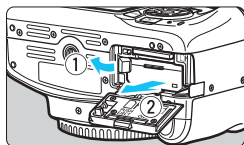
Tháo pin và thẻ nhớ

1 Đặt công tắc nguồn thành <OFF>
(tr.39).



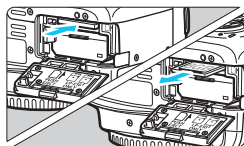
2 Mở nắp.

- Đảm bảo đèn truy cập đã tắt, rồi mở nắp.
- Đóng nắp khi thông báo [Recording... (Đang ghi...)] hiển thị.



3 Tháo pin.

- Nhấn nút gạt khóa pin theo hướng mũi tên và tháo pin.
- Để ngăn hiện tượng đoản mạch cho các điểm tiếp xúc điện, đảm bảo gắn nắp bảo vệ kèm theo (tr.34) vào pin.



4 Tháo thẻ.

- Đẩy nhẹ thẻ vào trong, rồi để thẻ tự đẩy ra.
- Kéo thẳng thẻ ra.

5 Đóng nắp.

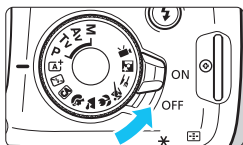
- Nhấn nắp cho đến khi khóa đóng lại.



- **Đèn truy cập phát sáng hoặc nhấp nháy cho biết ảnh đang được ghi vào thẻ hoặc đọc trên thẻ, ảnh đang bị xóa hoặc dữ liệu đang truyền. Không mở nắp khe cắm thẻ/ngăn chứa pin. Ngoài ra, khi đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau. Nếu không, dữ liệu ảnh, thẻ hoặc máy ảnh có thể bị hỏng.**
 - **Tháo thẻ.**
 - **Tháo pin.**
 - **Lắc hoặc đập máy ảnh.**
 - **Cắm hoặc rút dây nguồn** (khi sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.272)).
- Nếu thẻ đã chứa ảnh, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.188).
- Nếu thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị trên màn hình LCD, cần tháo và lắp lại thẻ. Nếu vẫn còn lỗi, nên sử dụng thẻ khác. Nếu có thể truyền tất cả ảnh trên thẻ vào máy tính, bạn nên truyền tất cả ảnh và sau đó thực hiện định dạng thẻ bằng máy ảnh (tr.52). Thẻ có thể khôi phục trạng thái bình thường.
- Không dùng ngón tay hoặc vật kim loại chạm vào các điểm tiếp xúc của thẻ. Không để bụi hoặc nước dính vào điểm tiếp xúc. Vết bẩn bám vào điểm tiếp xúc có thể khiến tiếp xúc thất bại.
- Không thể sử dụng thẻ đa phương tiện (MMC) (thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị).

Bật nguồn

Khi bật nguồn và màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ xuất hiện, tham khảo trang 41 để thiết lập ngày/giờ/múi giờ.



<ON> : Máy ảnh bật.

<OFF> : Máy ảnh tắt và không hoạt động. Đặt công tắc về vị trí này khi không sử dụng máy ảnh.

MENU Tự động tắt nguồn

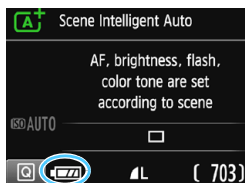
- Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt sau khoảng 30 giây không hoạt động. Nhấn nửa chừng nút chụp để bật lại máy ảnh (tr.47).
- Bạn có thể thay đổi thời gian tự động tắt nguồn với [**1**: **Auto power off** (Tự động tắt nguồn)] (tr.185).



Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF> khi đang ghi ảnh vào thẻ, thông báo [**Recording... (Đang ghi...)**] sẽ hiển thị và nguồn sẽ tắt sau khi quá trình ghi ảnh kết thúc.

Thang đo mức pin

Khi bật nguồn, mức pin sẽ được biểu thị ở một trong bốn mức.



 : Mức pin đủ.

 : Mức pin ít, nhưng vẫn có thể sử dụng máy ảnh.

 : Pin sắp hết. (Nhấp nháy)

 : Sạc lại pin.

Số ảnh có thể chụp

(Số ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Không sử dụng flash	600	580
Sử dụng flash đối với 50% ảnh	500	410

- Các số liệu ở trên căn cứ theo Pin LP-E10 được sạc đầy, không chụp Live View và các tiêu chuẩn thử nghiệm của CIPA (Camera & Imaging Products Association).

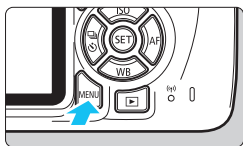


- Thực hiện các thao tác sau sẽ khiến pin hết nhanh hơn:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt AF mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
- Số ảnh có thể chụp có thể giảm tùy thuộc vào điều kiện chụp thực tế.
- Pin máy ảnh cung cấp năng lượng cho ống kính hoạt động. Một số loại ống kính có thể tiêu thụ pin nhanh hơn các loại khác.
- Để tìm hiểu số ảnh có thể chụp trong chế độ chụp Live View, tham khảo trang 141.

MENU Thiết lập ngày, giờ và múi giờ

Khi bật nguồn lần đầu tiên hoặc nếu ngày/giờ/múi giờ bị mất, màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ sẽ xuất hiện. Thực hiện theo các bước sau để thiết lập múi giờ trước. Nếu thiết lập đúng múi giờ địa phương hiện tại cho máy ảnh, khi bạn di chuyển, chỉ cần thay đổi thiết lập múi giờ cho điểm đến, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh ngày/giờ.

Lưu ý rằng ngày/giờ thêm vào ảnh sẽ căn cứ theo thiết lập ngày/giờ này. Hãy đảm bảo ngày/giờ được thiết lập chính xác.



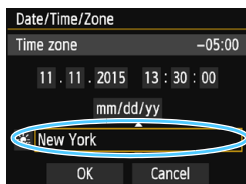
1 Hiện thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



2 Trong tab [2], chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)].

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn tab [2].
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)], rồi nhấn <SET>.

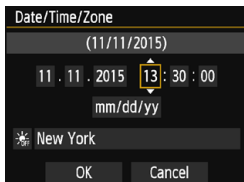


3 Thiết lập múi giờ.

- Múi giờ [London] được cài đặt mặc định.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ô múi giờ.
- Nhấn <SET> để hiển thị <⬆>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn múi giờ, rồi nhấn <SET>. (Trở về <□>.)

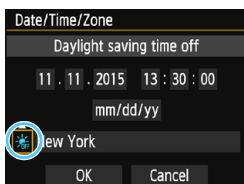


- Quy trình thiết lập menu được giải thích ở các trang 50-51.
- Ở bước 3, thời gian hiển thị ở phía trên bên phải màn hình là thời gian chênh lệch so với Giờ phối hợp quốc tế (Coordinated Universal Time - UTC). Nếu không thấy múi giờ địa phương, tham khảo chênh lệch giờ UTC để thiết lập múi giờ.



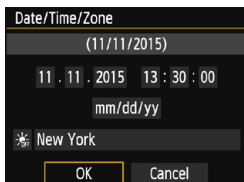
4 Thiết lập ngày và giờ.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số.
- Nhấn <SET> để hiển thị <⌚>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn số, rồi nhấn <SET>. (Trở về <□>.)



5 Thiết lập giờ mùa hè.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [☀].
- Nhấn <SET> để hiển thị <⌚>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [☀], rồi nhấn <SET>.
- Khi giờ mùa hè được đặt thành [☀], thời gian thiết lập ở bước 4 sẽ sớm hơn 1 giờ. Nếu đặt thành [☹], giờ mùa hè sẽ bị hủy và thời gian sẽ lùi lại 1 giờ.



6 Thoát thiết lập.

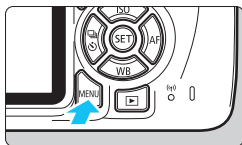
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngày/giờ/múi giờ và giờ mùa hè được thiết lập và menu sẽ xuất hiện lại.

! Thiết lập ngày/giờ/múi giờ có thể bị mất trong các trường hợp sau. Trong trường hợp này, cần thiết lập lại ngày/giờ/múi giờ.

- Khi cất giữ máy ảnh không có pin.
- Khi pin máy ảnh đã hết.
- Khi máy ảnh được đặt ở dưới nhiệt độ đóng băng trong một khoảng thời gian dài.

- Ngày/giờ đã thiết lập sẽ bắt đầu hiệu lực sau khi bạn nhấn <SET> ở bước 6.
- Sau khi thay đổi múi giờ, kiểm tra để đảm bảo ngày và giờ đã được thiết lập chính xác.

MENU Chọn ngôn ngữ giao diện



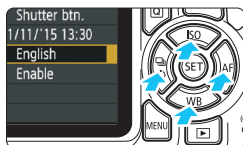
1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



2 Trong tab [F2], chọn [Language] (Ngôn ngữ).

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn tab [F2].
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Language] (Ngôn ngữ), rồi nhấn <SET>.



English	Norsk	Română
Deutsch	Svenska	Türkçe
Français	Español	العربية
Nederlands	Ελληνικά	ελληνικά
Dansk	Русский	русский
Português	Polski	繁體中文
Suomi	Čeština	한국어
Italiano	Magyar	日本語
Українська		

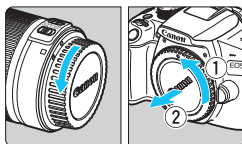
3 Thiết lập ngôn ngữ mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn ngôn ngữ, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngôn ngữ giao diện sẽ thay đổi.

Lắp và tháo ống kính

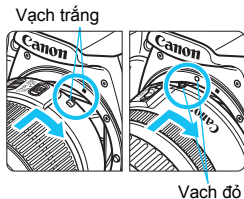
Máy ảnh tương thích với tất cả ống kính Canon EF và EF-S. **Không thể sử dụng máy ảnh với ống kính EF-M.**

Lắp ống kính



1 Tháo nắp.

- Tháo nắp sau của ống kính và nắp thân máy bằng cách xoay nắp theo hướng mũi tên.

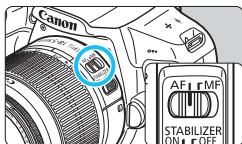


Vạch trắng

Vạch đỏ

2 Lắp ống kính.

- Điều chỉnh vạch đỏ hoặc vạch trắng của ống kính trùng với vạch màu tương ứng của máy ảnh. Xoay ống kính theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.



3 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

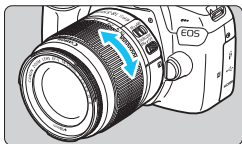
- <AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động).
- Nếu đặt máy ảnh ở chế độ <MF> (lấy nét tay), tính năng lấy nét tự động sẽ không hoạt động.

4 Tháo nắp trước của ống kính.

Giảm thiểu bụi

- Thực hiện thay ống kính nhanh chóng ở nơi ít bụi.
- Khi cất giữ máy ảnh mà không lắp ống kính, đảm bảo đã lắp nắp thân máy vào máy ảnh.
- Loại bỏ bụi trên nắp thân máy trước khi lắp.

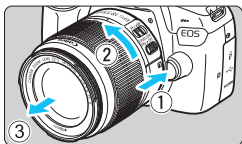
Zoom



Dùng ngón tay xoay vòng zoom trên ống kính.

- Nếu bạn muốn zoom, hãy thực hiện tính năng này trước khi lấy nét. Xoay vòng zoom sau khi lấy được nét có thể làm mất nét.

Tháo ống kính



Khi nhấn nút tháo ống kính, xoay ống kính theo hướng mũi tên.

- Xoay ống kính cho đến khi dừng, rồi tháo ống kính.
- Lắp nắp sau của ống kính vào ống kính đã tháo.

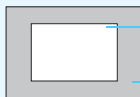


- Không nhìn trực tiếp vào ánh nắng mặt trời qua ống kính. Làm vậy có thể gây tổn thương thị lực.
- Khi lắp hoặc tháo ống kính, đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.
- Nếu phần phía trước (vòng lấy nét) của ống kính xoay trong khi lấy nét tự động, chú ý không chạm vào phần xoay.
- Khi chụp với khung ngắm hoặc chụp Live View, nếu sử dụng ống kính TS-E (ngoại trừ TS-E17mm f/4L hoặc TS-E24mm f/3.5L II) và di chuyển hoặc nghiêng ống kính hoặc sử dụng ống nối, có thể không đạt được phơi sáng chuẩn hoặc có thể dẫn đến phơi sáng không chính xác.



Góc ngắm

Do kích thước cảm biến ảnh nhỏ hơn định dạng phim 35mm, góc nhìn của ống kính lắp trên máy sẽ tương đương góc nhìn của ống kính có 1,6 lần tiêu cự được hiển thị.

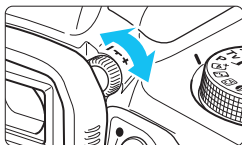


Kích thước cảm biến hình ảnh (Ước chừng)
(22,3 x 14,9 mm / 0,88 x 0,59 in.)

Kích thước phim 35mm
(36 x 24 mm / 1,42 x 0,94 in.)

Thao tác cơ bản

Điều chỉnh độ nét khung ngắm



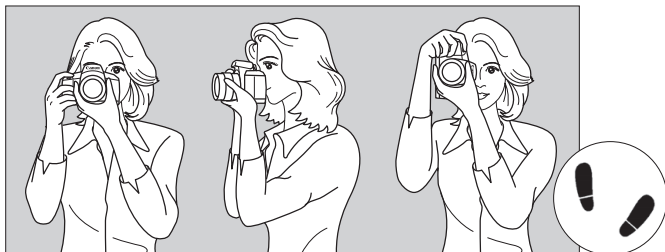
Xoay nút điều chỉnh độ khúc xạ.

- Xoay nút sang trái hoặc sang phải đến khi nhìn rõ nét nhất điểm AF (chín ô vuông) trong khung ngắm.
- Tháo vành đỡ mắt nếu khó xoay nút (tr.273).

 Nếu điều chỉnh độ khúc xạ của máy ảnh vẫn không làm ảnh trong khung ngắm sắc nét, nên sử dụng thấu kính điều chỉnh độ khúc xạ sê-ri E (bán riêng).

Giữ máy ảnh

Để thu được ảnh sắc nét, giữ chắc máy ảnh để giảm thiểu rung máy.



Chụp ngang

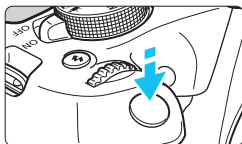
Chụp dọc

1. Tay phải nắm chắc báng cầm.
2. Tay trái giữ phía dưới ống kính.
3. Nhẹ nhàng đặt ngón trỏ tay phải lên nút chụp.
4. Cánh tay và khuỷu tay tỳ nhẹ vào thân người.
5. Để duy trì tư thế ổn định, bàn chân này đặt trước mũi bàn chân kia một khoảng cách.
6. Áp sát khuôn mặt vào máy ảnh và nhìn vào khung ngắm.

 Để chụp trong khi xem màn hình LCD, tham khảo trang 139.

Nút chụp

Nút chụp có hai mức. Bạn có thể nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, có thể nhấn hoàn toàn nút chụp.

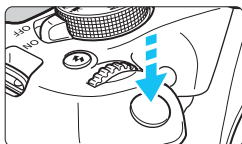


Nhấn nửa chừng

Thao tác này kích hoạt lấy nét tự động và hệ thống phơi sáng tự động để thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

Các thiết lập phơi sáng (tốc độ màn trập và khẩu độ) được hiển thị trong khung ngắm (❶).

Khi nhấn nửa chừng nút chụp, màn hình LCD sẽ tắt (tr.199).



Nhấn hoàn toàn

Màn trập được nhả và ảnh sẽ được chụp.

Chống rung máy

Chuyển động của máy ảnh cầm tay trong khi phơi sáng gọi là rung máy. Rung máy có thể làm mờ ảnh. Để chống rung máy, lưu ý những điều sau:

- Cầm và giữ chắc máy ảnh như hình minh họa ở trang trước.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét tự động, rồi từ từ nhấn hoàn toàn nút chụp.



- Nếu bạn nhấn hoàn toàn nút chụp mà không nhấn nửa chừng trước hoặc nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp rồi nhấn hoàn toàn nút chụp ngay, máy ảnh sẽ mất một khoảng thời gian trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả trong khi hiển thị menu, xem lại ảnh hoặc ghi ảnh, bạn cũng có thể chụp ảnh trở lại ngay bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.

Q Điều khiển nhanh chức năng chụp

Bạn có thể trực tiếp chọn và thiết lập các chức năng chụp hiển thị trên màn hình LCD. Tính năng này được gọi là điều khiển nhanh.



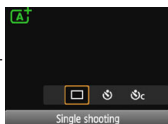
1 Nhấn nút <Q>.

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện (tr.10).

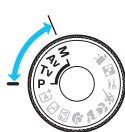
2 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Nhấn phím đa chiều <◀▶> để chọn chức năng.
- ▶ Các thiết lập của chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.55) sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <◀▶> để thay đổi thiết lập.
- Bạn cũng có thể chọn từ danh sách bằng cách chọn một chức năng và nhấn <SET>.

Chế độ vùng cơ bản



Chế độ vùng sáng tạo

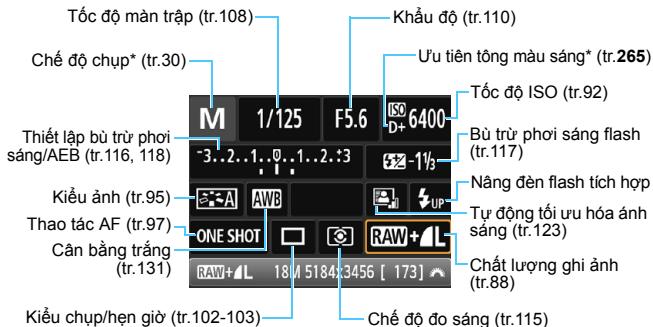


3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị.

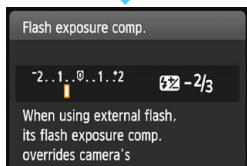
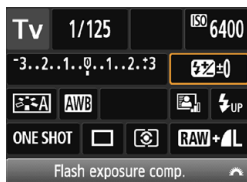
 Để tìm hiểu về các chức năng có thể thiết lập trong chế độ vùng cơ bản và quy trình thiết lập, tham khảo trang 74.

Màn hình mẫu điều khiển nhanh



- Không thể thiết lập các chức năng đánh dấu sao * với màn hình điều khiển nhanh.
- Khi chọn $\uparrow$ và nhấn SET , flash tích hợp sẽ nâng lên.

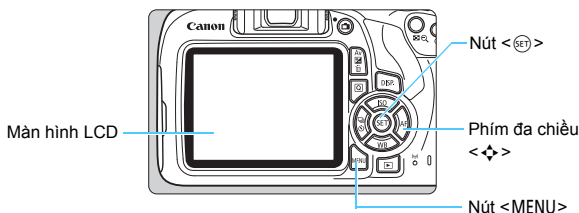
Màn hình thiết lập chức năng



- Chọn chức năng mong muốn và nhấn SET . Màn hình thiết lập của chức năng đó sẽ xuất hiện.
- Nhấn các phím $\leftarrow$ $\rightarrow$ hoặc xoay nút xoay $\curvearrowright$ để thay đổi thiết lập. Một số chức năng có thể được thiết lập bằng cách nhấn nút DISP. .
- Nhấn SET để kết thúc thiết lập và quay lại màn hình điều khiển nhanh.

MENU Thao tác với menu

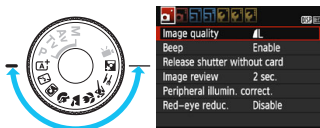
Bạn có thể đặt nhiều thiết lập khác nhau với menu như chất lượng ghi ảnh, ngày và giờ, v.v...



Màn hình menu

Các tab menu và mục hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào chế độ chụp.

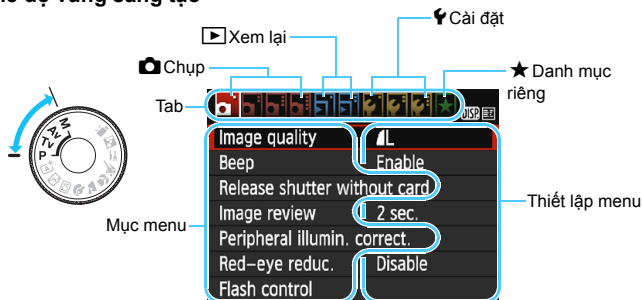
Chế độ vùng cơ bản



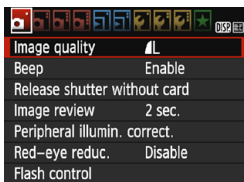
Chế độ quay phim



Chế độ vùng sáng tạo



Quy trình thiết lập menu



1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.

2 Chọn tab.

- Nhấn các phím <◀> <▶> trên phím đa chiều để chọn tab (nhóm các chức năng).
- Ví dụ, trong sách hướng dẫn này, “tab [📷3]” chỉ màn hình sẽ hiển thị khi tab 📷 (Chụp ảnh) thứ ba từ bên trái [📷:] được chọn.



3 Chọn mục mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> trên phím đa chiều để chọn mục, rồi nhấn <SET>.



4 Chọn thiết lập.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> trên phím đa chiều để chọn thiết lập mong muốn. (Một vài thiết lập chỉ cho phép nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn.)
- Thiết lập hiện thời biểu thị bằng màu xanh da trời.



5 Cài đặt thiết lập mong muốn.

- Nhấn <SET> để thiết lập.

6 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút <MENU> để quay lại màn hình thiết lập chức năng chụp.

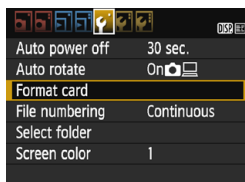


- Ở bước 2, bạn có thể xoay nút xoay <🌀> để chọn tab menu.
- Phần giải thích các chức năng menu sau đây giả định bạn đã nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.
- Để hủy thao tác, nhấn nút <MENU>.
- Để tìm hiểu chi tiết từng mục menu, tham khảo trang 282.

MENU Định dạng thẻ

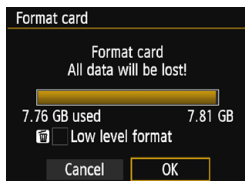
Định dạng thẻ mới hoặc thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn.

! Khi định dạng thẻ, tất cả ảnh và dữ liệu trong thẻ sẽ bị xóa. Ngay cả ảnh được bảo vệ chống xóa cũng sẽ bị xóa, do đó đảm bảo rằng bạn không cần giữ lại thông tin nào trên thẻ. Nếu cần, truyền ảnh và dữ liệu vào máy tính, v.v... trước khi định dạng thẻ.



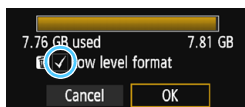
1 Chọn [Format card (Định dạng thẻ)].

- Trong tab [1], chọn [Format card (Định dạng thẻ)], rồi nhấn <SET>.



2 Định dạng thẻ.

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- Thẻ sẽ được định dạng.
- Khi quá trình định dạng hoàn tất, menu sẽ xuất hiện lại.



- Để định dạng mức thấp, nhấn nút <[checkmark]> để đánh dấu chọn [✓] vào [Low level format (Định dạng mức thấp)], rồi chọn [OK].

**Định dạng thẻ trong các trường hợp sau:**

- Thẻ mới.
- Thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác.
- Thẻ chứa đầy ảnh hoặc dữ liệu.
- Hiện thị lỗi liên quan đến thẻ (tr.306).

Định dạng mức thấp

- Thực hiện định dạng ở mức thấp nếu tốc độ đọc hoặc ghi của thẻ chậm hoặc nếu bạn muốn xóa toàn bộ dữ liệu trong thẻ.
- Định dạng mức thấp sẽ định dạng tất cả phân khu có thể ghi trong thẻ, do vậy sẽ tốn nhiều thời gian hơn so với định dạng thông thường.
- Bạn có thể dừng định dạng mức thấp bằng cách chọn **[Cancel (Hủy)]**. Trong trường hợp này, định dạng thông thường vẫn được hoàn tất và bạn có thể sử dụng thẻ như bình thường.



- Khi định dạng thẻ hoặc xóa dữ liệu, chỉ có thông tin quản lý tập tin thay đổi. Dữ liệu thực không bị xóa hoàn toàn. Lưu ý điều này khi bán hoặc vứt bỏ thẻ. Khi vứt bỏ thẻ, thực hiện định dạng ở mức thấp hoặc hủy thẻ bằng cách đập vỡ, bẻ gãy, v.v... để ngăn chặn rò rỉ dữ liệu cá nhân.
- **Trước khi sử dụng thẻ Eye-Fi mới, cần cài đặt phần mềm trong thẻ trên máy tính. Sau đó, định dạng thẻ bằng máy ảnh.**

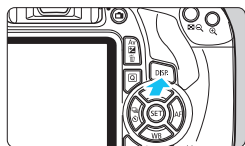


- Dung lượng thẻ hiển thị trên màn hình định dạng có thể nhỏ hơn dung lượng được ghi trên thẻ.
- Thiết bị này kết hợp công nghệ exFAT được cấp phép bởi Microsoft.

Chuyển hiển thị màn hình LCD

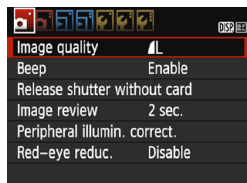
Màn hình LCD có thể hiển thị màn hình thiết lập chụp, màn hình menu, ảnh đã chụp, v.v...

Thiết lập chức năng chụp



- Khi bật nguồn, thiết lập chụp sẽ hiển thị.
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, hiển thị sẽ tắt. Và khi nhả nút chụp, hiển thị sẽ bật trở lại.
- Bạn cũng có thể tắt màn hình bằng cách nhấn nút <DISP.>. Nhấn lại nút để bật hiển thị.

Chức năng menu



- Xuất hiện khi nhấn nút <MENU>. Nhấn lại nút này để quay về màn hình thiết lập chụp.

Ảnh đã chụp



- Xuất hiện khi nhấn nút <▶>. Nhấn lại nút này để quay về màn hình thiết lập chụp.

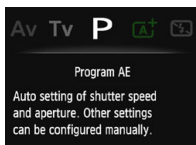
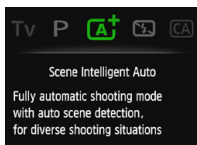


- Bạn có thể đặt [**2: LCD off/on btn (Nút bật/tắt LCD)**] để màn hình thiết lập chụp không liên tục tắt và bật lại (tr.199).
- Ngay cả khi màn hình menu hoặc ảnh đã chụp hiển thị, bạn vẫn có thể nhấn nút chụp để chụp lại ngay lập tức.

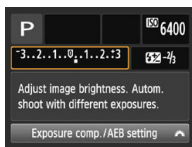
Hướng dẫn tính năng

Hướng dẫn tính năng xuất hiện kèm theo mô tả ngắn gọn về các chế độ, chức năng hoặc tùy chọn khi bạn thay đổi chế độ chụp hoặc thiết lập chức năng chụp, chụp Live View, quay phim hoặc điều khiển nhanh trong khi xem lại. Mô tả cũng xuất hiện khi bạn chọn một chức năng hoặc tùy chọn với điều khiển nhanh. Hướng dẫn tính năng sẽ tắt khi bạn tiếp tục bắt kỳ thao tác nào.

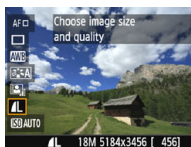
● Chế độ chụp (Mẫu)



● Điều khiển nhanh (Mẫu)



Thiết lập chụp



Chụp Live View



Xem lại

MENU Tắt hướng dẫn tính năng



Chọn [Feature guide (Hướng dẫn tính năng)].

- Trong tab [**2**], chọn **[Feature guide (Hướng dẫn tính năng)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn **[Disable (Tắt)]**, rồi nhấn **<SET>**.

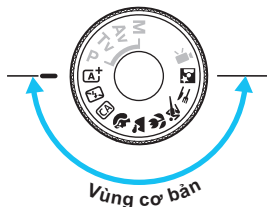
This image shows a single page of white paper with horizontal grey ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, leaving small gaps between them. There are no margins, text, or other markings on the paper.

2

Chụp cơ bản và xem lại ảnh

Chương này giới thiệu cách sử dụng chế độ vùng cơ bản trên nút xoay chế độ cho kết quả tốt nhất và cách xem lại ảnh.

Với chế độ vùng cơ bản, bạn chỉ cần ngắm và chụp, máy ảnh sẽ tự động đặt các thiết lập (tr.75, 278). Ngoài ra, để tránh làm hỏng ảnh do thao tác sai, bạn không thể thay đổi các thiết lập chức năng chụp nâng cao.



Tự động tối ưu hóa ánh sáng

Trong chế độ vùng cơ bản, chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng (tr.123) sẽ tự động điều chỉnh ảnh để đạt được độ sáng và độ tương phản tối ưu. Chức năng này được bật mặc định trong chế độ vùng sáng tạo.

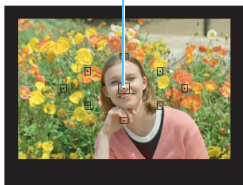
[A⁺] Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)

<A⁺> là chế độ tự động hoàn toàn. Máy ảnh phân tích cảnh và tự động thiết lập các thiết lập tối ưu. Chế độ này cũng tự động điều chỉnh lấy nét bằng cách phát hiện chủ thể tĩnh hay đang chuyển động (tr.61).



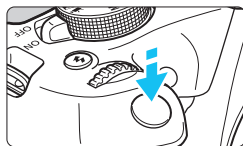
1 Đặt nút xoay chế độ thành <A⁺>.

Điểm AF



2 Hướng điểm AF bất kỳ vào chủ thể.

- Tất cả các điểm AF đều được sử dụng để lấy nét và máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể gần nhất.
- Hướng điểm AF trung tâm vào chủ thể sẽ giúp lấy nét dễ dàng hơn.



3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp. Vòng lấy nét của ống kính sẽ xoay để lấy nét.
- ▶ Dấu chấm nằm trong điểm AF khi lấy được nét sẽ nhấp sáng đỏ. Đồng thời, máy phát ra tiếng bip và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ phát sáng.
- ▶ Đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên nếu cần.



Đèn báo lấy nét



4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị trong khoảng 2 giây trên màn hình LCD.
- Sau khi chụp ảnh, dùng ngón tay đẩy đèn flash tích hợp xuống.



Chế độ <**A+**> giúp màu sắc trong cảnh tự nhiên, ngoài trời và hoàng hôn trở nên ấn tượng hơn. Nếu bạn chưa đạt được tông màu mong muốn, chuyển sang chế độ vùng sáng tạo và chọn kiểu ảnh khác với <**A+**>, rồi chụp lại (tr.95).

? Câu hỏi thường gặp

- **Đèn báo lấy nét <●> nhấp nháy và không lấy được nét.**
Hướng điểm AF vào khu vực có độ tương phản tốt, sau đó nhấn nửa chừng nút chụp (tr.47). Di chuyển ra xa và thử lại nếu bạn ở quá gần chủ thể.
- **Nhiều điểm AF nhấp sáng đồng thời.**
Biểu thị các điểm AF này đều lấy được nét. Khi điểm AF bao quanh chủ thể nhấp sáng, bạn có thể bắt đầu chụp ảnh.
- **Tiếng bíp nhỏ phát ra liên tục. (Đèn báo lấy nét <●> không phát sáng.)**
Biểu thị máy ảnh đang lấy nét liên tục trên chủ thể chuyển động. (Đèn báo lấy nét <●> không phát sáng.) Bạn có thể chụp ảnh sắc nét với chủ thể chuyển động.
Lưu ý rằng khóa lấy nét (tr.61) không hoạt động trong trường hợp này.
- **Nhấn nửa chừng nút chụp nhưng không lấy được nét.**
Đặt công tắc chế độ lấy nét trên ống kính thành <**AF**> (lấy nét tự động) nếu đang ở chế độ <**MF**> (lấy nét tay).

- **Đèn flash nâng lên cho dù vào ban ngày.**

Đối với chủ thể ngược sáng, flash có thể đánh sáng giúp làm sáng các vùng tối của chủ thể. Nếu bạn không muốn đèn flash đánh sáng, sử dụng chế độ flash tắt (tr.63). Khác với thiết lập flash, máy ảnh sẽ chụp với thiết lập giống như < >.

- **Flash đánh sáng và ảnh chụp quá sáng.**

Di chuyển ra xa chủ thể rồi chụp. Khi chụp ảnh với đèn flash, nếu chủ thể ở quá gần máy ảnh, ảnh chụp có thể quá sáng (dư sáng).

- **Trong điều kiện ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp phát ra một loạt tia sáng.**

Nhấn nửa chừng nút chụp để kích hoạt đèn flash tích hợp phát ra một loạt tia sáng nhằm hỗ trợ lấy nét tự động. Tính năng này được gọi là tia giúp lấy nét. Phạm vi hiệu quả khoảng 4 mét /13,1 feet.

- **Khi sử dụng flash, phần dưới của ảnh chụp bị tối một cách thiếu tự nhiên.**

Bóng của vành ống kính sẽ xuất hiện trong ảnh khi chủ thể ở quá gần ống kính. Di chuyển ra xa chủ thể rồi chụp. Tháo loa che nắng trên ống kính trước khi chụp ảnh sử dụng flash.

[A⁺] Kỹ thuật tự động hoàn toàn (Tự động nhận cảnh thông minh)

Bố cục lại ảnh



Tùy thuộc vào bối cảnh chụp, định vị chủ thể sang trái hoặc sang phải để tạo hậu cảnh cân bằng và phối cảnh tốt.

Ở chế độ <[A⁺]>, khi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét chủ thể tĩnh, lấy nét sẽ bị khóa. Bố cục lại ảnh trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, rồi nhấn xuống hoàn toàn để chụp ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”. Khóa lấy nét cũng có thể thực hiện ở các chế độ vùng cơ bản khác (ngoại trừ <[M]>).

Chụp chủ thể chuyển động



Ở chế độ <[A⁺]>, nếu chủ thể chuyển động (khoảng cách từ chủ thể tới máy ảnh thay đổi) trong khi hoặc sau khi bạn lấy nét, Lấy nét AI Servo sẽ thực hiện lấy nét liên tục. (Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục.) Nếu bạn tiếp tục hướng điểm AF vào chủ thể trong khi nhấn nửa chừng nút chụp, quá trình lấy nét sẽ tiếp tục. Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

Chụp Live View

Bạn có thể chụp trong khi xem ảnh trên màn hình LCD. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 139.



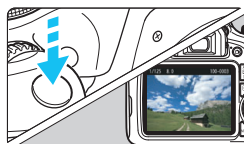
1 Hiện thị ảnh Live View trên màn hình LCD.

- Nhấn nút .
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



2 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF trung tâm  vào chủ thể.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Đèn flash tích hợp sẽ tự động nâng lên nếu cần.

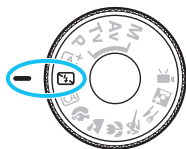


3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem lại kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút  để thoát khỏi chế độ chụp Live View.

Tắt flash

Máy ảnh phân tích cảnh và tự động thiết lập các thiết lập tối ưu. Ở những nơi cấm chụp ảnh với đèn flash, như trong bảo tàng hoặc công viên thủy sinh, vui lòng sử dụng chế độ <  > (Flash tắt). Chế độ này cũng hiệu quả khi chụp cảnh có môi trường đặc biệt như chụp cảnh ảnh nền.



Gợi ý chụp ảnh

- **Tránh rung máy nếu thông số hiển thị (tốc độ màn trập) trong khung ngắm nhấp nháy.**

Trong điều kiện ánh sáng yếu, khi dễ xảy ra rung máy ảnh, thông số tốc độ màn trập trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Hãy giữ chắc máy ảnh hoặc sử dụng chân máy. Khi sử dụng ống kính zoom, nên sử dụng tiêu cự góc rộng để giảm mờ do rung máy khi chụp cầm máy bằng tay.

- **Khi chụp chân dung mà không sử dụng flash.**

Trong điều kiện ánh sáng yếu, đảm bảo chủ thể đứng yên cho đến khi ảnh được chụp. Chuyển động của chủ thể trong khi chụp sẽ làm mờ ảnh.

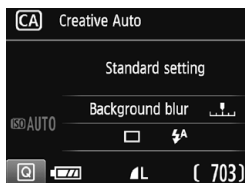
[CA] Chụp tự động sáng tạo

Ở chế độ <[CA]>, bạn có thể dễ dàng thay đổi độ sâu trường ảnh, kiểu chụp/hẹn giờ và đánh sáng flash. Bạn cũng có thể chọn và chụp với môi trường muốn truyền tải vào trong ảnh. Thiết lập mặc định tương tự chế độ <[A+]>.

* CA là viết tắt của Creative Auto (Tự động sáng tạo).

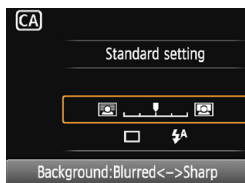


1 Đặt nút xoay chế độ thành <[CA]>.



2 Nhấn nút <[Q]> (10).

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.

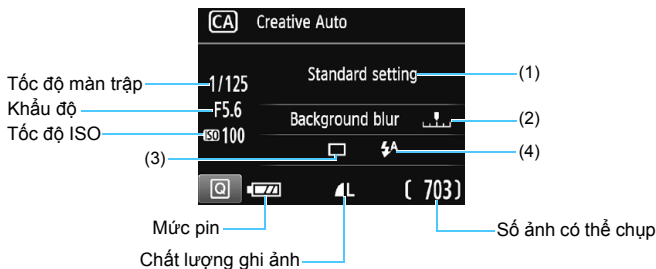


3 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Nhấn phím đa chiều <[4-way]> để chọn chức năng.
- ▶ Các thiết lập của chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.55) sẽ xuất hiện.
- Để tìm hiểu về quy trình thiết lập và chi tiết mỗi chức năng, tham khảo các trang 65-66.

4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.



Nhấn nút <Q> cho phép bạn thiết lập các tính năng sau:

(1) Chụp ảnh dựa trên môi trường

Bạn có thể chọn và chụp với môi trường muốn truyền tải vào trong ảnh. Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <🔧> để chọn môi trường. Bạn cũng có thể chọn từ danh sách bằng cách nhấn <SET>. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 76.

(2) Làm mờ/làm sắc nét hậu cảnh



Nếu bạn dịch chuyển dấu chỉ về bên trái, hậu cảnh sẽ mờ hơn. Nếu dịch chuyển về bên phải, hậu cảnh sẽ sắc nét hơn. Nếu muốn làm mờ hậu cảnh, tham khảo phần “Chụp chân dung” ở trang 67. Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <🔧> để chọn độ mờ mong muốn.

Tùy thuộc vào ống kính và điều kiện chụp, hậu cảnh có thể trông không quá mờ.

Tính năng này không thiết lập được khi sử dụng flash. Nếu đã chọn <⚡> và flash đánh sáng, thiết lập này sẽ không được áp dụng.

(3) Kiểu chụp/hẹn giờ: Nhấn <  > rồi cài đặt bằng các nút <  > <  > hoặc nút xoay <  >.

<  > **Chụp từng ảnh:**

Chụp mỗi lần một ảnh.

<  > **Chụp liên tục:**

Khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp liên tục. Bạn có thể chụp tối đa khoảng 3 ảnh/giây.

<  > **Chụp hẹn giờ: 10 giây:**

Ảnh sẽ được chụp 10 giây sau khi nhấn nút chụp.

<  > **Chụp hẹn giờ: Liên tục:**

Nhấn các phím <  > <  > để thiết lập số ảnh chụp liên tục (2 đến 10 ảnh) khi chụp hẹn giờ. Số ảnh chụp liên tục đã thiết lập sẽ được chụp sau khi nhấn nút chụp 10 giây.

(4) Đánh sáng flash tích hợp: Nhấn <  > rồi cài đặt bằng các phím <  > <  > hoặc nút xoay <  >.

<  > **Flash tích hợp tự động:**

Đèn flash tự động đánh sáng khi cần thiết.

<  > **Flash tích hợp bật:** Đèn flash luôn đánh sáng.

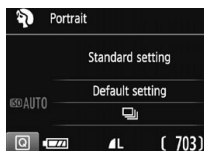
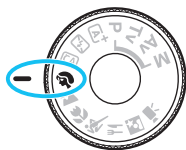
<  > **Flash tích hợp tắt:** Đèn flash tắt.



- Khi sử dụng chụp hẹn giờ, tham khảo lưu ý  ở trang 103.
- Khi sử dụng <  >, tham khảo phần “Tắt flash” ở trang 63.

Chụp chân dung

Chế độ (Chân dung) làm mờ hậu cảnh để làm nổi bật chủ thể người. Chế độ này làm tông màu da và tóc dịu hơn.



Gợi ý chụp ảnh

- **Chọn vị trí nơi khoảng cách giữa chủ thể và hậu cảnh là xa nhất.**

Khoảng cách giữa chủ thể và hậu cảnh càng xa, hậu cảnh sẽ trông càng mờ. Chủ thể sẽ nổi bật hơn khi ở trước hậu cảnh tối và đơn giản.

- **Sử dụng ống kính tele.**

Nếu bạn có ống kính zoom, sử dụng tiêu cự chụp xa để đưa phần thân trên của chủ thể vào khung hình. Di chuyển lại gần chủ thể hơn nếu cần.

- **Lấy nét khuôn mặt.**

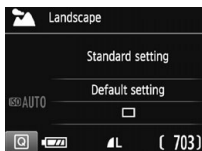
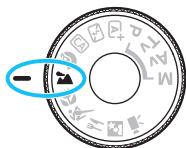
Kiểm tra điểm AF bao quanh khuôn mặt đã phát sáng chưa. Lấy nét đối mắt khi chụp cận cảnh khuôn mặt.



- Nếu nhấn giữ nút chụp, bạn có thể chụp liên tục (tối đa khoảng 3 ảnh/giây) để ghi lại các thay đổi trong biểu cảm khuôn mặt và tư thế của chủ thể.
- Flash tích hợp sẽ tự động đánh sáng nếu cần.

Chụp phong cảnh

Sử dụng chế độ <🏞️> (Phong cảnh) để chụp cảnh rộng hoặc lấy nét mọi vật từ gần đến xa. Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong và sắc nét hơn.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng tiêu cự góc rộng của ống kính zoom.**

Khi sử dụng tiêu cự góc rộng của ống kính zoom, những chủ thể ở gần và xa sẽ được lấy nét tốt hơn so với khi sử dụng tiêu cự chụp xa. Tiêu cự góc rộng giúp tăng thêm độ rộng cho cảnh.

- **Khi chụp cảnh đêm.**

Do flash tích hợp sẽ tắt, chế độ <🏞️> này cũng thích hợp để chụp cảnh đêm. Sử dụng chân máy để tránh rung máy.

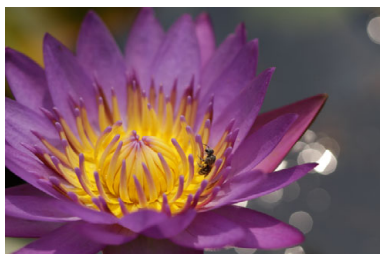
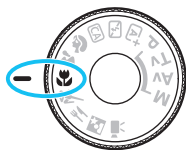
Nếu muốn chụp người trong cảnh đêm, đặt nút xoay chế độ thành <📸> (Chân dung ban đêm) và sử dụng chân máy (tr.72).



- Đèn flash tích hợp sẽ không đánh sáng ngay cả trong điều kiện ngược sáng hoặc ánh sáng yếu.
- Nếu bạn đang sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, đèn Speedlite sẽ đánh sáng.

Chụp cận cảnh

Khi chụp cận cảnh hoa hoặc vật thể nhỏ, bạn nên sử dụng chế độ <🌸> (Cận cảnh). Sử dụng ống kính macro (bán riêng) để phóng to nhiều lần vật thể nhỏ.



Gợi ý chụp ảnh

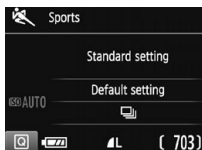
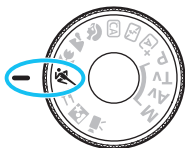
- **Sử dụng hậu cảnh đơn giản.**
Hậu cảnh đơn giản làm nổi bật vật thể nhỏ như bông hoa.
- **Di chuyển gần chủ thể nhất có thể.**
Kiểm tra để biết khoảng cách lấy nét nhỏ nhất của ống kính. Một số ống kính có chỉ số ví dụ như <MACRO 0.25m/0.8ft>. Khoảng cách lấy nét nhỏ nhất của ống kính được đo từ dấu <⊕> (mặt phẳng tiêu cự) ở trên cùng máy ảnh đến chủ thể. Nếu ở quá gần chủ thể, đèn báo lấy nét <●> sẽ nhấp nháy.
Nếu sử dụng flash và phần dưới của ảnh trông tối một cách không tự nhiên, di chuyển ra xa chủ thể và thử lại.
- **Sử dụng tiêu cự chụp xa của ống kính zoom.**
Nếu bạn có ống kính zoom, sử dụng tiêu cự chụp xa sẽ làm chủ thể trông lớn hơn.



Flash tích hợp sẽ tự động đánh sáng nếu cần.

Chụp chủ thể chuyển động

Sử dụng chế độ < > (Thể thao) để chụp chủ thể chuyển động như người đang chạy hay xe cộ di chuyển.



Gợi ý chụp ảnh

● Sử dụng ống kính tele.

Nên sử dụng ống kính tele khi chụp từ khoảng cách xa.

● Sử dụng điểm AF trung tâm để lấy nét.

Hướng điểm AF trung tâm vào chủ thể, rồi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét tự động. Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục trong khi lấy nét tự động. Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> sẽ nhấp nháy.

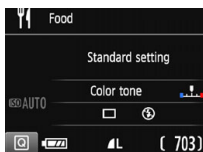
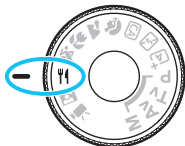
Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh. Nếu nhấn giữ nút chụp, bạn có thể chụp liên tục (tối đa khoảng 3 ảnh/giây) trong khi duy trì lấy nét tự động để ghi lại các thay đổi trong chuyển động của chủ thể.



- Đèn flash tích hợp sẽ không đánh sáng ngay cả trong điều kiện ngược sáng hoặc ánh sáng yếu.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu khi dễ xảy ra rung máy, thông số tốc độ màn trập ở phần dưới bên trái của khung ngắm sẽ nhấp nháy. Hãy giữ chắc máy và chụp.
- Nếu bạn đang sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, đèn Speedlite sẽ đánh sáng.

🍴 Chụp đồ ăn

Sử dụng <🍴> (Đồ ăn) để chụp đồ ăn. Ảnh sẽ trông sáng và rực rỡ. Ngoài ra, tùy thuộc vào nguồn sáng, tông màu ánh đồ có thể bị thay đổi trong ảnh khi chụp dưới ánh đèn dây tóc, v.v...



Gợi ý chụp ảnh

● Thay đổi tông màu.

Bạn có thể thay đổi **[Color tone (Tông màu)]**. Để tăng tông màu ánh đồ của đồ ăn, đặt tông màu thành **[Warm (Ấm)]**. Đặt tông màu về **[Cool (Lạnh)]** nếu màu quá đỏ.

● Tránh sử dụng flash.

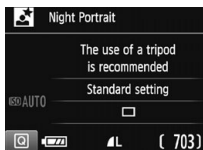
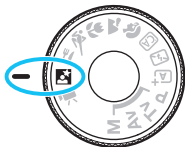
Nếu sử dụng flash, ánh đèn sẽ bị đĩa hoặc đồ ăn dội lại, gây ra đồ bóng không tự nhiên. Cài đặt mặc định là <🔼> (Flash tích hợp tắt). Tránh làm rung máy khi chụp trong điều kiện ánh sáng yếu.



- Tông màu ở chế độ này được thiết lập để chụp đồ ăn trông sống động hơn, nên khi chụp chủ thể người có thể không cho tông màu da phù hợp.
- Sắc thái màu ấm của chủ thể có thể bị nhạt.
- Tông ấm của ảnh có thể sẽ không bị giảm khi có nhiều nguồn sáng trên màn hình.
- Nếu sử dụng flash, thiết lập **[Color tone (Tông màu)]** sẽ chuyển sang thiết lập tiêu chuẩn.

Chụp chân dung ban đêm

Sử dụng chế độ <A> (Chân dung ban đêm) để chụp chủ thể người vào buổi tối với hậu cảnh ban đêm trông tự nhiên hơn. Bạn nên sử dụng chân máy.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng ống kính góc rộng và chân máy.**

Sử dụng tiêu cự góc rộng của ống kính zoom để tăng độ rộng của cảnh. Ngoài ra, bạn nên sử dụng chân máy để tránh rung máy.

- **Kiểm tra độ sáng của chủ thể.**

Trong điều kiện ánh sáng yếu, đèn flash tích hợp sẽ tự động đánh sáng để chủ thể được phơi sáng tốt.

Nên xem lại ảnh sau khi chụp để kiểm tra độ sáng của ảnh. Di chuyển lại gần chủ thể và chụp lại nếu chủ thể trông tối.

- **Chụp bằng chế độ <A+> (Tự động nhận cảnh thông minh).**

Do dễ xảy ra rung máy khi chụp cảnh đêm, bạn cũng nên chụp bằng chế độ <A+>.



Khi chụp Live View, có thể khó lấy nét các chấm sáng, ví dụ như trong cảnh đêm. Trong trường hợp này, bạn nên đặt phương pháp AF thành **[Quick mode (Chế độ nhanh)]** và chụp. Nếu vẫn khó lấy nét, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành **<MF>** rồi lấy nét tay.



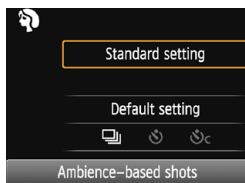
- Đảm bảo chủ thể đứng yên ngay cả sau khi flash đánh sáng.
- Nếu sử dụng chụp hẹn giờ cùng với flash, đèn chụp hẹn giờ sẽ nháy sáng nhanh sau khi chụp ảnh.

Q Điều khiển nhanh

Ở chế độ vùng cơ bản, khi màn hình thiết lập chức năng chụp hiển thị, bạn có thể nhấn nút **<Q>** để hiển thị màn hình điều khiển nhanh. Các bảng ở trang tiếp theo cho biết các chức năng có thể thiết lập với màn hình điều khiển nhanh trong từng chế độ vùng cơ bản.

1 Đặt nút xoay chế độ thành chế độ vùng cơ bản.

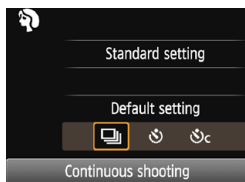
Ví dụ: Chế độ chụp chân dung



2 Nhấn nút **<Q> (ⓘ10).**

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.

3 Thiết lập chức năng mong muốn.



- Nhấn phím đa chiều **<⬅➡>** để chọn chức năng. (Thao tác này không cần thiết ở chế độ **[A+]** / **[M]**.)
- ▶ Các thiết lập của chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.55) sẽ xuất hiện.
- Nhấn các phím **<⬅>** / **<➡>** hoặc xoay nút xoay **<⚙>** để thay đổi thiết lập.
- Bạn cũng có thể chọn từ danh sách bằng cách chọn một chức năng và nhấn **<SET>**.

Chức năng có thể thiết lập ở chế độ vùng cơ bản

●: Thiết lập mặc định ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn

Chức năng										
Drive/ self-timer (Kiểu chụp/ hẹn giờ) (tr.102-103)	: Chụp từng ảnh	●	●	●		●	●		●	●
	: Chụp liên tục			○	●			●		
	: 10 giây	○	○	○	○	○	○	○	○	○
	: Chụp liên tục*	○	○	○	○	○	○	○	○	○
Built-in flash firing (Đánh sáng flash tích hợp)	: Tự động đánh sáng	●		●	●		●			●
	: Flash bật (Luôn đánh sáng)			○					○	
	: Flash tắt		●	○		●		●	●	
Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường) (tr.76)				○	○	○	○	○	○	○
Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh) (tr.80)					○	○	○	○		
Blurring/sharpening the background (Làm mờ/làm sắc nét hậu cảnh) (tr.65)				○						
Color tone (Tông màu) (tr.71)									○	

* Sử dụng các phím <▲> <▼> để thiết lập số ảnh chụp liên tục.



Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành <OFF>, tất cả chức năng sẽ trở về thiết lập mặc định (ngoại trừ chụp hẹn giờ).

Chụp theo lựa chọn môi trường

Bạn có thể chọn môi trường chụp, ngoại trừ <A+> và <M> trong chế độ vùng cơ bản.

Môi trường	A+	M	CA	👤	🏔️	🌸	🌿	🍴	📷	Hiệu ứng môi trường
(1) Standard setting (Thiết lập tiêu chuẩn)			○	○	○	○	○	○	○	Không có thiết lập
(2) Vivid (Rực rỡ)			○	○	○	○	○		○	Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh
(3) Soft (Dịu)			○	○	○	○	○		○	Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh
(4) Warm (Ấm)			○	○	○	○	○		○	Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh
(5) Intense (Mạnh)			○	○	○	○	○		○	Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh
(6) Cool (Lạnh)			○	○	○	○	○		○	Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh
(7) Brighter (Sáng hơn)			○	○	○	○	○	○	○	Thấp / Trung bình / Cao
(8) Darker (Tối hơn)			○	○	○	○	○	○	○	Thấp / Trung bình / Cao
(9) Monochrome (Đơn sắc)			○	○	○	○	○	○	○	Xanh da trời / Đen trắng / Nâu đỏ

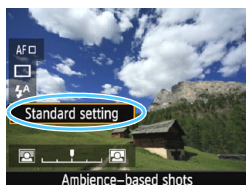
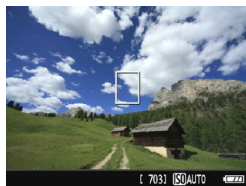
1 Đặt nút xoay chế độ thành một trong các chế độ sau: <CA>, <👤>, <🏔️>, <🌸>, <🌿>, <🍴> hoặc <📷>.

2 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <📷> để hiện thị ảnh Live View.

3 Với điều khiển nhanh, chọn môi trường mong muốn.

- Nhấn nút <Q> (👁️10).
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Standard setting (Thiết lập tiêu chuẩn)]. [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)] sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <🌤️> để chọn môi trường.
- ▶ Màn hình LCD sẽ hiện thị ảnh với môi trường đã chọn.





4 Thiết lập hiệu ứng môi trường.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn hiệu ứng sao cho [**Effect (Hiệu ứng)**] xuất hiện ở dưới cùng.
- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <⚙️> để chọn hiệu ứng mong muốn.

5 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Để chụp qua khung ngắm, trước tiên nhấn nút <📷> để thoát chế độ chụp Live View. Sau đó, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành <OFF>, thiết lập sẽ trở về [**Standard setting (Thiết lập tiêu chuẩn)**].



- Ảnh Live View hiển thị với thiết lập môi trường được chọn sẽ không giống hoàn toàn như ảnh chụp thực tế.
- Sử dụng flash có thể làm giảm hiệu ứng môi trường.
- Ở ngoài trời sáng, ảnh Live View thấy trên màn hình LCD có thể không có độ sáng hoặc môi trường giống hoàn toàn như ảnh thực tế. Đặt [**🔢2: LCD brightness (Độ sáng LCD)**] thành 4 và xem ảnh Live View để màn hình LCD không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng bên ngoài.



Nếu không muốn ảnh Live View hiển thị khi thiết lập chức năng, nhấn nút <Q> sau bước 1 đồng thời thiết lập [**Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)**] và [**Effect (Hiệu ứng)**].

Thiết lập môi trường

(1) **Standard setting (Thiết lập tiêu chuẩn)**

Đặc tính ảnh tiêu chuẩn cho chế độ chụp tương ứng. Lưu ý rằng chế độ <📷> có đặc tính ảnh phù hợp với ảnh chân dung và chế độ <🏞️> phù hợp với ảnh phong cảnh. Mỗi môi trường là một biến thể các đặc tính ảnh của chế độ chụp tương ứng.

(2) **Vivid (Rực rỡ)**

Chủ thể trông sắc nét và rực rỡ. Thiết lập này khiến ảnh trông ấn tượng hơn so với [Standard setting (Thiết lập tiêu chuẩn)].

(3) **Soft (Dịu)**

Chủ thể trông dịu nhẹ hơn. Phù hợp với ảnh chân dung, vật nuôi, hoa, v.v...

(4) **Warm (Ấm)**

Chủ thể trông dịu hơn với màu ấm hơn. Phù hợp với ảnh chân dung, vật nuôi và các chủ thể bạn muốn đem lại cảm giác ấm áp.

(5) **Intense (Mạnh)**

Trong khi độ sáng tổng thể bị giảm đi, chủ thể được làm nổi bật để trông sống động hơn. Giúp con người hoặc chủ thể sống thêm nổi bật.

(6) **Cool (Lạnh)**

Độ sáng tổng thể thấp với sắc thái màu lạnh hơn. Chủ thể trong bóng râm trông dịu và ấn tượng hơn.

(7) **Brighter (Sáng hơn)**

Ảnh trông sáng hơn.

(8) **Darker (Tối hơn)**

Ảnh trông tối hơn.

(9) **Monochrome (Đơn sắc)**

Ảnh chụp là ảnh đơn sắc. Bạn có thể chọn màu đơn sắc là xanh da trời, đen trắng hoặc nâu đỏ. Khi chọn [**Monochrome (Đơn sắc)**], biểu tượng <**B/W**> sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

Chụp theo kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh

Trong chế độ vùng cơ bản <P>, <A>, <S> và <M>, bạn có thể chụp với các thiết lập phù hợp với kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh.

Thông thường, chỉ cần sử dụng [Default setting (Thiết lập mặc định)], nhưng nếu thiết lập phù hợp với điều kiện ánh sáng hoặc cảnh, ảnh sẽ trông gần giống với thực tế hơn.

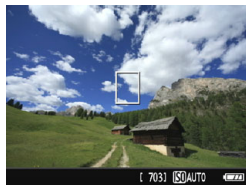
Để chụp Live View, nếu thiết lập cả [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)] và [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)] (tr.76), nên thiết lập [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)] trước, để xem các hiệu ứng trên màn hình LCD dễ dàng hơn.

Ánh sáng hoặc cảnh	[A+]	[M]	[CA]	[P]	[A]	[S]	[M]	[F]	[L]
(1) Default setting (Thiết lập mặc định)				○	○	○	○		
(2) Daylight (Ánh sáng ban ngày)				○	○	○	○		
(3) Shade (Bóng râm)				○	○	○	○		
(4) Cloudy (Nhiều mây)				○	○	○	○		
(5) Tungsten light (Ánh đèn dây tóc)				○		○	○		
(6) Fluorescent light (Ánh đèn huỳnh quang)				○		○	○		
(7) Sunset (Hoàng hôn)				○	○	○	○		

1 Đặt nút xoay chế độ thành một trong các chế độ sau: <P>, <A>, <S> hoặc <M>.

2 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <L> để hiện thị ảnh Live View.





3 Chọn kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh với điều khiển nhanh.

- Nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$ ($\odot 10$).
- Nhấn các phím $\langle \blacktriangle \rangle$ < $\blacktriangledown$ > để chọn [Default setting (Thiết lập mặc định)]. [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)] sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Nhấn các phím $\langle \blacktriangleleft \rangle$ < $\blacktriangleright$ > hoặc xoay nút xoay $\langle \text{Sun} \rangle$ để chọn kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh.
- ▶ Ảnh kết quả sẽ hiển thị với kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh đã chọn.

4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Để chụp qua khung ngắm, trước tiên nhấn nút $\langle \text{Live View} \rangle$ để thoát chế độ chụp Live View. Sau đó, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành $\langle \text{OFF} \rangle$, thiết lập sẽ trở về [Default setting (Thiết lập mặc định)].

- ❗
- Nếu sử dụng flash, thiết lập sẽ chuyển thành [Default setting (Thiết lập mặc định)]. (Tuy nhiên, thông tin chụp sẽ hiển thị kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh đã thiết lập.)
 - Nếu muốn đặt chức năng này cùng với [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)], bạn nên thiết lập kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh phù hợp nhất với môi trường đã thiết lập. Ví dụ trong trường hợp [Sunset (Hoàng hôn)], màu ám sẽ trở nên nổi bật, vì vậy môi trường đã thiết lập có thể không đạt hiệu quả tốt.

- 📄
- Nếu không muốn ảnh Live View hiển thị khi thiết lập chức năng, nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$ sau bước 1 và thiết lập [Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)].

Thiết lập kiểu ánh sáng hoặc kiểu cảnh

(1) **Default setting (Thiết lập mặc định)**

Thiết lập mặc định phù hợp với hầu hết các chủ thể.

(2) **Daylight (Ánh sáng ban ngày)**

Để chụp chủ thể dưới ánh sáng mặt trời. Giúp bầu trời xanh và cây cỏ trông tự nhiên hơn và mô phỏng hoa sáng màu trông đẹp hơn.

(3) **Shade (Bóng râm)**

Để chụp chủ thể trong bóng râm. Phù hợp khi chụp ảnh có tông màu da bị ngả xanh và các loại hoa sáng màu.

(4) **Cloudy (Nhiều mây)**

Để chụp chủ thể dưới bầu trời âm u. Làm tông màu da và phong cảnh xám màu vào ngày trời nhiều mây trông ấm hơn. Cũng có hiệu quả đối với hoa sáng màu.

(5) **Tungsten light (Ánh đèn dây tóc)**

Để chụp chủ thể được chiếu sáng dưới đèn dây tóc. Giảm sắc thái màu cam đỏ do đèn dây tóc gây ra.

(6) **Fluorescent light (Ánh đèn huỳnh quang)**

Để chụp chủ thể dưới đèn huỳnh quang. Phù hợp với tất cả loại đèn huỳnh quang.

(7) **Sunset (Hoàng hôn)**

Phù hợp khi muốn chụp lại màu sắc ấn tượng của cảnh mặt trời lặn.

▶ Xem lại ảnh

Hướng dẫn bên dưới giúp bạn xem lại ảnh một cách dễ dàng nhất. Để tìm hiểu chi tiết về quy trình xem lại, tham khảo trang 209.



1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <▶>.
- ▶ Ảnh chụp sau cùng hoặc ảnh xem sau cùng sẽ xuất hiện.



2 Chọn ảnh.

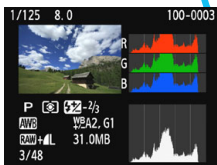
- Để bắt đầu xem ảnh từ ảnh chụp sau cùng, nhấn phím <◀>.
- Để bắt đầu xem ảnh từ ảnh đầu tiên (ảnh cũ nhất), nhấn phím <▶>.
- Mỗi lần nhấn nút <DISP.>, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.



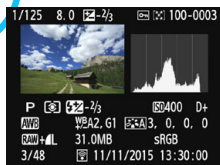
Hiển thị thông tin cơ bản



Thông tin cơ bản +
Chất lượng ảnh/Số thứ tự xem lại



Biểu đồ sắc độ



Hiển thị thông tin chụp

3 Thoát xem lại ảnh.

- Nhấn nút <▶> để thoát xem lại ảnh và trở về hiển thị thiết lập chức năng chụp.

[illegible]

3

Chụp sáng tạo

Ở chế độ vùng cơ bản, để tránh chụp hỏng ảnh, các thiết lập chức năng nâng cao được đặt tự động và bạn không thể thay đổi. Tuy nhiên, ở chế độ <P> (Program AE - Phơi sáng tự động P), bạn có thể thiết lập nhiều chức năng khác nhau và sáng tạo hơn.

- Ở chế độ <P>, máy ảnh tự động thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn.
- Sự khác nhau giữa chế độ vùng cơ bản và <P> được giải thích ở trang 278-279.
- Các chức năng giải thích ở chương này cũng có thể sử dụng trong chế độ <Tv>, <Av> và <M> được giải thích ở Chương 4.
- Dấu ★ hiển thị ở bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo (tr.30).

P: Phơi sáng tự động P

Máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ thích hợp với độ sáng chủ thể. Chức năng này gọi là Program AE (Phơi sáng tự động P).

* <P> là viết tắt của Program (Chương trình).

* AE là viết tắt của Auto Exposure (Tự động phơi sáng).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <P>.



2 Lấy nét chủ thể.

- Nhìn qua khung ngắm và hướng điểm AF đã chọn vào chủ thể. Sau đó, nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Dấu chấm nằm trong điểm AF khi lấy được nét sẽ chớp sáng đỏ và đèn báo lấy nét <●> ở phần dưới bên phải của khung ngắm sẽ phát sáng (ở chế độ lấy nét một lần).
- ▶ Tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ được tự động thiết lập và hiển thị trong khung ngắm.



3 Kiểm tra hiển thị.

- Khi thông số tốc độ màn trập và khẩu độ không nhấp nháy, máy ảnh đã đạt được độ phơi sáng chuẩn.

4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.



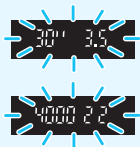
Gợi ý chụp ảnh

● Thay đổi tốc độ ISO. Sử dụng flash tích hợp.

Để chủ thể và mức ánh sáng xung quanh phù hợp với nhau, bạn có thể thay đổi tốc độ ISO (tr.92) hoặc sử dụng flash tích hợp (tr.104). Ở chế độ <P>, flash tích hợp sẽ không tự động đánh sáng. Khi chụp ảnh trong nhà hoặc dưới điều kiện ánh sáng yếu, bạn nên bấm nút <⚡> (flash) để nâng đèn flash tích hợp. (Cũng có thể nâng flash tích hợp bằng cách chọn <⚡_{UP}> với điều khiển nhanh.)

● Điều chỉnh chương trình bằng Thay đổi chương trình.

Sau khi nhấn nửa chừng nút chụp, xoay nút xoay <⚙️> để thay đổi tổ hợp (chương trình) thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ. Thay đổi chương trình tự động hủy sau khi chụp ảnh. Không thể thay đổi chương trình khi sử dụng flash.



- Nếu tốc độ màn trập hiển thị ở “30” và chỉ số khẩu độ f ở mức nhỏ nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng. Hãy tăng tốc độ ISO hoặc sử dụng đèn flash.
- Nếu tốc độ màn trập hiển thị ở “4000” và chỉ số khẩu độ f ở mức lớn nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng. Hãy giảm tốc độ ISO.

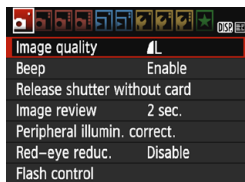


Sự khác biệt giữa <P> và <A+>

Ở chế độ <A+>, nhiều chức năng như thao tác AF và chế độ đo sáng được thiết lập tự động để tránh làm hỏng ảnh. Các chức năng có thể thay đổi bị giới hạn. Ở chế độ <P>, chỉ có tốc độ màn trập và khẩu độ được tự động thiết lập. Bạn có thể tùy ý thiết lập thao tác AF, chế độ đo sáng và các chức năng khác (tr.278).

MENU Thiết lập chất lượng ghi ảnh

Bạn có thể chọn độ phân giải và chất lượng ảnh. Máy ảnh cung cấp mười chất lượng ghi ảnh: **L**, **L**, **M**, **M**, **S1**, **S1**, **S2**, **S3**, **RAW** + **L**, **RAW**.

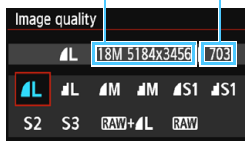


1 Chọn chất lượng ghi ảnh.

- Trong tab [**1**], chọn [**Image quality (Chất lượng ảnh)**], rồi nhấn < **SET** >.
- [**Image quality (Chất lượng ảnh)**] sẽ xuất hiện.

Độ phân giải được ghi (độ phân giải)

Số ảnh có thể chụp



2 Đặt chất lượng ghi ảnh.

- Độ phân giải của chất lượng ảnh và số ảnh có thể chụp tương ứng sẽ hiển thị để giúp bạn chọn chất lượng ảnh mong muốn. Sau đó, nhấn < **SET** >.

Hướng dẫn thiết lập chất lượng ghi ảnh (Ước chừng)

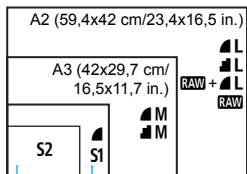
Chất lượng ảnh			Độ phân giải được ghi (megapixel)	Kích thước tập tin (MB)	Số ảnh có thể chụp	Số ảnh chụp liên tục tối đa
L	Chất lượng cao	JPEG	Khoảng 17,9 (18M)	6,4	1110	1110
L				3,2	2190	2190
M	Chất lượng trung bình		3,4	2100	2100	
M			1,7	4100	4100	
S1	Chất lượng thấp		Khoảng 4,5 (4,5M)	2,2	3270	3270
S1				1,1	6210	6210
S2			Khoảng 2,5 (2,5M)	1,3	5440	5440
S3			Khoảng 0,35 (0,3M)	0,3	21060	21060
L		Chất lượng cao	Khoảng 17,9 (18M)	24,5+6,4	230	5
				24,5	290	6

* Kích thước tập tin, số ảnh có thể chụp và số ảnh chụp liên tục tối đa trong khi chụp liên tục dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon (tỷ lệ khung ảnh 3:2, ISO 100 và kiểu ảnh tiêu chuẩn) khi sử dụng thẻ 8 GB. **Số liệu sẽ khác nhau tùy thuộc vào chủ thể, thương hiệu thẻ, tỷ lệ khung ảnh, tốc độ ISO, kiểu ảnh, chức năng tùy chỉnh và các thiết lập khác.**

? Câu hỏi thường gặp

- **Tôi muốn chọn chất lượng ghi ảnh phù hợp với khổ giấy in.**

Khổ giấy



12,7x8,9 cm/5,0x3,5 in.

Tham khảo biểu đồ ở bên trái khi chọn chất lượng ghi ảnh. Chọn chất lượng ảnh cao hơn (nhiều điểm ảnh hơn) nếu muốn cất ảnh, ví dụ **L**, **L+**, **RAW** + **L** hoặc **RAW**.

S2 thích hợp để xem ảnh trên khung ảnh kỹ thuật số. **S3** thích hợp để gửi ảnh qua email hoặc sử dụng ảnh trên trang web.

- **Sự khác nhau giữa **L** và **L+** là gì?**

Những thiết lập này biểu thị mức độ khác nhau của chất lượng ảnh do tỷ lệ nén khác nhau. Thiết lập **L** cho chất lượng ảnh cao hơn với cùng số lượng điểm ảnh. Mặc dù **L+** cho chất lượng ảnh thấp hơn, nhưng có thể lưu nhiều ảnh hơn vào thẻ. Cả **S2** và **S3** đều có chất lượng **L** (Đẹp).

- **Tôi có thể chụp nhiều ảnh hơn số ảnh có thể chụp đã nêu.**

Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bạn có thể chụp được nhiều hơn hoặc ít hơn số ảnh chỉ định. Số ảnh có thể chụp được hiển thị chỉ mang tính tương đối.

- **Máy ảnh có hiển thị số ảnh chụp liên tục tối đa không?**

Số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị ở bên phải khung ngắm. Do thang đo chỉ có **0 - 9**, nên những số lớn hơn 8 sẽ hiển thị là **"9"**. Lưu ý rằng số ảnh chụp liên tục tối đa cũng hiển thị ngay cả khi không lắp thẻ vào máy ảnh. Đảm bảo lắp thẻ vào máy ảnh trước khi chụp.

- **Khi nào thì tôi nên sử dụng **RAW** ?**

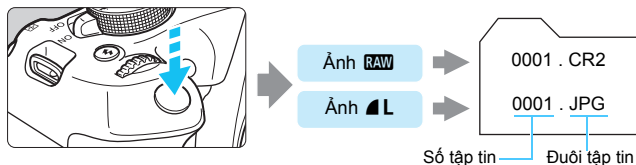
Ảnh **RAW** cần được xử lý trên máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần **"RAW"** và **"RAW" + **L**** ở trang tiếp theo.

RAW

RAW là dữ liệu ảnh thô trước khi được tạo thành **■ L** hoặc các ảnh khác. Không thể xem ảnh **RAW** trên máy tính nếu không sử dụng phần mềm EOS, như Digital Photo Professional (tr.322). Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện nhiều điều chỉnh khác nhau trên ảnh, điều không khả thi đối với các định dạng ảnh khác như **■ L**. Ảnh **RAW** có hiệu quả khi bạn muốn tự điều chỉnh chính xác ảnh hoặc chụp chủ thể quan trọng.

RAW + ■ L

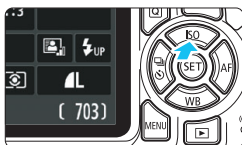
RAW + ■ L cho phép ghi ảnh **RAW** và ảnh **■ L** trong một lần chụp. Hai ảnh được lưu vào thẻ cùng lúc và lưu trong một thư mục với số thứ tự tập tin giống nhau (đuôi tập tin .JPG cho JPEG và .CR2 cho RAW). Có thể xem hoặc in ảnh **■ L** ngay cả khi máy tính không cài đặt phần mềm EOS.

**Phần mềm xử lý ảnh RAW**

- Để hiển thị ảnh RAW trên máy tính, nên sử dụng Digital Photo Professional (DPP, phần mềm EOS) (tr.322).
- Phiên bản cũ DPP 4.x không thể xử lý ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Nếu máy tính cài đặt phiên bản DPP 4.x cũ, tải và cài đặt phiên bản DPP mới nhất từ trang web của Canon để cập nhật (tr.323). (Phiên bản trước sẽ bị ghi đè.) Chú ý rằng phiên bản DPP 3.x hoặc cũ hơn không thể xử lý ảnh RAW chụp từ máy ảnh này.
- Phần mềm được bán trên thị trường có thể không hiển thị được ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

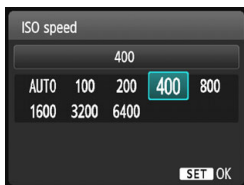
ISO: Thay đổi tốc độ ISO để phù hợp với mức ánh sáng ☆

Thiết lập tốc độ ISO (độ nhạy sáng của cảm biến ảnh) phù hợp với mức ánh sáng xung quanh. Ở chế độ vùng cơ bản, tốc độ ISO được thiết lập tự động (tr.93).



1 Nhấn nút <▲ ISO>.

- ▶ [ISO speed (Tốc độ ISO)] sẽ xuất hiện.



2 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <⚙> để chọn tốc độ ISO mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Khi chọn [AUTO], tốc độ ISO sẽ được cài đặt tự động (tr.93).

Hướng dẫn về tốc độ ISO

Tốc độ ISO	Tình huống chụp (Không sử dụng flash)	Phạm vi flash
ISO 100 - ISO 400	Ngoài trời nắng	Tốc độ ISO càng cao, phạm vi flash càng rộng hơn (tr.105).
ISO 400 - ISO 1600	Bầu trời u ám hoặc buổi tối	
ISO 1600 - ISO 6400, H	Trong nhà tối hoặc ban đêm	

* Tốc độ ISO cao sẽ làm ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn.



- Trong [**3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], nếu [**2: ISO expansion (Mở rộng ISO)**] được đặt thành [**1: On (Bật)**], cũng có thể chọn "H" (tương đương với ISO 12800) (tr.262).
- Trong [**3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], nếu [**10: Flash button function (Chức năng của nút flash)**] được đặt thành [**1: ISO speed (Tốc độ ISO)**], thì có thể thiết lập tốc độ ISO với nút <⚡>.

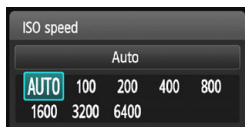


- Trong [**3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], nếu [**6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] được đặt thành [**1: Enable (Bật)**], không thể thiết lập ISO 100 và "H" (tương đương với ISO 12800) (tr.265).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể khiến ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn. Phơi sáng lâu cũng có thể khiến màu trong ảnh không đồng đều.



- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiều hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dài).
- Sử dụng tốc độ ISO cao và flash để chụp chủ thể gần, có thể dẫn đến ảnh bị dư sáng.
- Do “H” (tương đương với ISO 12800) là thiết lập tốc độ ISO mở rộng, nhiều hạt (ví dụ như điểm sáng và dài) và các màu không đồng đều sẽ nhìn thấy rõ hơn và độ phân giải sẽ thấp hơn bình thường.

ISO [AUTO]



Nếu đặt tốc độ ISO thành **[AUTO]**, tốc độ ISO thực tế được thiết lập sẽ hiển thị khi nhấn nửa chừng nút chụp. Như hướng dẫn ở trang tiếp theo, tốc độ ISO sẽ được tự động cài đặt phù hợp với chế độ chụp.

Chế độ chụp	Thiết lập tốc độ ISO
       	Tự động cài đặt trong khoảng ISO 100 - ISO 3200
P/Tv/Av/M	Tự động cài đặt trong khoảng ISO 100 - ISO 6400* ¹
	ISO 100
Sử dụng flash	ISO 800* ² * ³ * ⁴ * ⁵
Sử dụng phơi sáng bulb	ISO 800* ⁵

*1: Tùy thuộc vào giới hạn tốc độ ISO tối đa được cài đặt.

*2: Nếu sử dụng flash bổ sung gây ra hiện tượng dư sáng, có thể giảm tốc độ ISO xuống đến giới hạn thấp nhất có thể là ISO 100.

*3: Khi sử dụng flash phản xạ với đèn Speedlite gắn ngoài trong chế độ vùng cơ bản (ngoại trừ chế độ <A>) hoặc <P>, ISO 800 - 1600 (hoặc lên đến giới hạn cao nhất) sẽ được đặt tự động.

*4: Cố định tại ISO 400 trong chế độ <P>. Khi sử dụng flash phản xạ với đèn Speedlite gắn ngoài trong chế độ <P>, ISO 400 - ISO 1600 sẽ được đặt tự động.

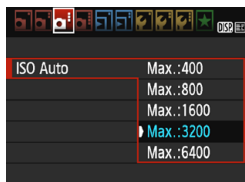
*5: Cố định ở ISO 400 nếu giới hạn cao nhất là ISO 400.



- Khi đặt **[AUTO]**, tốc độ ISO được biểu thị ở mức tăng chẵn. Tuy nhiên, tốc độ ISO thực sự được thiết lập sẽ ở mức tăng thấp hơn. Do đó, thông tin chụp ảnh (tr.234) sẽ hiển thị tốc độ ISO ví dụ như ISO 125 hoặc ISO 640.
- Trong chế độ <A>, tốc độ ISO khác với ISO 100 có thể hiển thị, nhưng tốc độ ISO thực tế được sử dụng vẫn là tốc độ ở bảng trên.

MENU Thiết lập tốc độ ISO tối đa cho **[AUTO]** ☆

Đối với ISO tự động, bạn có thể thiết lập giới hạn tốc độ ISO tối đa trong khoảng ISO 400 - ISO 6400.

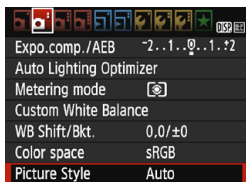


Trong tab **[3]**, chọn **[ISO Auto (ISO tự động)]**, rồi nhấn <SET>. Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn <SET>.

Chọn đặc tính ảnh tối ưu cho chủ thể ☆

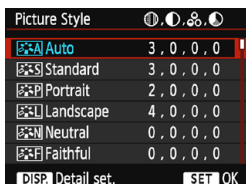
Chọn kiểu ảnh để đạt được đặc tính ảnh phù hợp với chủ thể hoặc sắc thái ảnh khi chụp.

Ở chế độ vùng cơ bản, bạn không thể chọn kiểu ảnh.



1 Chọn [Picture Style (Kiểu ảnh)].

- Trong tab [ 2], chọn [Picture Style (Kiểu ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



2 Chọn kiểu ảnh.

- Nhấn phím <▲> <▼> để chọn kiểu ảnh, rồi nhấn <SET>.
- Kiểu ảnh được cài đặt và menu xuất hiện lại.

Đặc tính của kiểu ảnh

Auto (Tự động)

Tông màu được điều chỉnh phù hợp với cảnh. Màu sắc trông rực rỡ đối với bầu trời xanh, cây cỏ và cảnh mặt trời lặn, đặc biệt là những cảnh tự nhiên, ngoài trời và lúc hoàng hôn.



Thay đổi kiểu ảnh nếu không đạt được tông màu mong muốn với [Auto (Tự động)].

Standard (Tiêu chuẩn)

Hình ảnh trông rực rỡ, sắc nét và sinh động. Đây là kiểu ảnh đa năng phù hợp với hầu hết các cảnh.

Portrait (Chân dung)

Làm tông màu da đẹp. Ảnh trông mịn hơn. Phù hợp để chụp chân dung cận cảnh.

Thay đổi [Color tone (Tông màu)] (tr.127) để điều chỉnh tông màu da.

Landscape (Phong cảnh)

Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong và sắc nét hơn. Có hiệu quả cho phong cảnh ấn tượng.

Neutral (Trung tính)

Kiểu ảnh này phù hợp với người sử dụng thích xử lý ảnh trên máy tính. Cho màu tự nhiên, ảnh dịu với độ sáng và bão hòa màu vừa phải.

Faithful (Chân thực)

Kiểu ảnh này phù hợp với người sử dụng thích xử lý ảnh trên máy tính. Màu sắc của chủ thể được chụp trong ánh nắng mặt trời ở nhiệt độ màu 5200K sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với thang màu của chủ thể. Cho ảnh dịu với độ sáng và bão hòa màu vừa phải.

Monochrome (Đơn sắc)

Tạo ảnh đen trắng.



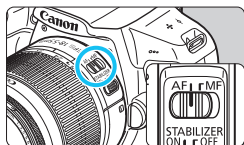
Không thể khôi phục màu cho ảnh đen trắng chụp ở các định dạng khác ngoại trừ **RAW**. Cần thận không bật thiết lập [**Monochrome (Đơn sắc)**] khi bạn muốn chụp màu lại. Khi chọn [**Monochrome (Đơn sắc)**], biểu tượng <**B/W**> sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

User Def. 1-3 (Người dùng xác định 1-3)

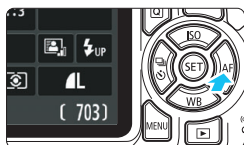
Bạn có thể đăng ký kiểu ảnh cơ bản như [**Portrait (Chân dung)**], [**Landscape (Phong cảnh)**], tập tin kiểu ảnh, v.v... và tùy ý điều chỉnh (tr.129). Kiểu ảnh người dùng xác định chưa cài đặt sẽ có thiết lập mặc định giống với kiểu ảnh [**Auto (Tự động)**].

AF: Thay đổi thao tác lấy nét tự động ☆

Bạn có thể chọn đặc tính thao tác AF (lấy nét tự động) phù hợp với điều kiện chụp hoặc chủ thể. Ở chế độ vùng cơ bản, thao tác AF tối ưu được tự động thiết lập cho chế độ chụp tương ứng.

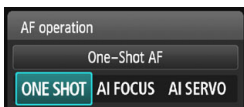


- 1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.



- 2 Nhấn nút <▶ AF>.

▶ [AF operation (Thao tác AF)] sẽ xuất hiện.



- 3 Chọn thao tác AF.

- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <⚙> để chọn thao tác lấy nét tự động mong muốn, rồi nhấn <SET>.

- 4 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, máy ảnh sẽ tự động lấy nét bằng thao tác AF đã chọn.

Lấy nét một lần cho chủ thể tĩnh

Thích hợp với chủ thể tĩnh. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần.

- Khi lấy được nét, dấu chấm nằm trong điểm AF sẽ nhấp sáng đỏ và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm cũng phát sáng.
- Đối với đo sáng toàn khung ảnh (tr.115), thiết lập phơi sáng được đặt cùng lúc lấy được nét.
- Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, lấy nét sẽ khóa. Sau đó, bạn có thể bố cục lại ảnh nếu muốn.



- Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn hoàn toàn nút chụp. Bố cục lại ảnh, thử lấy nét lại hoặc tham khảo phần “Chủ thể khó lấy nét” (tr.101).
- Nếu đặt [1: Beep (Bíp)] thành [Disable (Tắt)], tiếng bíp sẽ không phát ra khi lấy được nét.

Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục cho chủ thể chuyển động

Thao tác AF này phù hợp để chụp các chủ thể chuyển động khi khoảng cách lấy nét luôn thay đổi. Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể.

- Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.
- Khi chọn điểm AF (tr.99) tự động, máy ảnh sử dụng điểm AF trung tâm trước tiên để lấy nét. Trong khi tự động lấy nét, nếu chủ thể di chuyển ra xa điểm AF trung tâm, quá trình theo dõi lấy nét vẫn tiếp tục khi chủ thể nằm trong một điểm AF khác.



Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tiếng bíp sẽ không phát ra ngay cả khi lấy được nét. Ngoài ra, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng.

Lấy nét tự động AI để tự động chuyển đổi thao tác AF

Chế độ lấy nét tự động AI sẽ tự động chuyển thao tác AF từ lấy nét một lần sang lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục khi chủ thể tĩnh bắt đầu di chuyển.

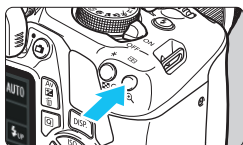
- Sau khi chủ thể được lấy nét bằng thao tác lấy nét một lần, nếu chủ thể bắt đầu di chuyển, máy ảnh sẽ phát hiện chuyển động, tự động chuyển thao tác AF thành Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và bắt đầu theo dõi chủ thể chuyển động.



Khi chế độ Servo được kích hoạt, nếu lấy được nét với thao tác Lấy nét tự động AI, máy ảnh sẽ phát ra tiếng bíp nhỏ. Tuy nhiên, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng. Lưu ý rằng lấy nét sẽ không khóa trong trường hợp này.

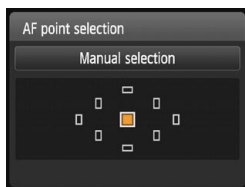
Chọn điểm AF ☆

Ở chế độ vùng cơ bản, máy ảnh thường tự động lấy nét chủ thể gần nhất. Do đó, không phải lúc nào máy ảnh cũng lấy nét vào chủ thể đích. Trong các chế độ <P>, <Tv>, <Av> và <M>, bạn có thể chọn và sử dụng điểm AF để chỉ lấy nét chủ thể nằm trong điểm AF đó.



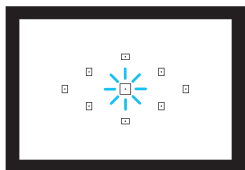
1 Nhấn nút <AF-ON> (C6).

- ▶ Điểm AF được chọn sẽ hiển thị trên màn hình LCD và trong khung ngắm.



2 Chọn điểm AF.

- Nhấn phím đa chiều <Multi-selector> để chọn điểm AF.
- Trong khi xem khung ngắm, bạn có thể chọn điểm AF bằng cách xoay nút xoay <Multi-selector> đến khi điểm AF mong muốn nhấp sáng đỏ.
- Khi tất cả các điểm AF nhấp sáng, chọn điểm AF tự động được thiết lập. Điểm AF sẽ được chọn tự động để lấy nét chủ thể.
- Nhấn <SET> để chuyển trạng thái chọn điểm AF giữa chọn điểm AF trung tâm và điểm AF tự động.



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF được chọn vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.



Gợi ý chụp ảnh

- **Khi chụp chân dung cận cảnh, sử dụng lấy nét một lần và lấy nét vào đôi mắt.**
Nếu lấy nét đôi mắt, khuôn mặt chủ thể vẫn sắc nét ngay cả khi bố cục lại ảnh.
- **Nếu khó lấy nét, chọn và sử dụng điểm AF trung tâm.**
Điểm AF trung tâm là điểm nhạy nhất trong 9 điểm AF.
- **Để dễ dàng lấy nét chủ thể chuyển động, đặt máy ảnh thành chọn điểm AF tự động và lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục (tr.98).**
Điểm AF trung tâm sẽ được sử dụng trước tiên để lấy nét chủ thể. Trong khi tự động lấy nét, nếu chủ thể di chuyển ra xa điểm AF trung tâm, quá trình theo dõi lấy nét vẫn tiếp tục khi chủ thể nằm trong một điểm AF khác.

Tia giúp lấy nét với đèn flash tích hợp

Trong điều kiện ánh sáng yếu, khi nhấn nửa chừng nút chụp, flash tích hợp sẽ đánh một loạt flash ngắn, giúp chiếu sáng chủ thể để lấy nét tự động dễ dàng hơn.



- Đèn flash sẽ không phát tia giúp lấy nét trong các chế độ: <[M]>, <[A]> hoặc <[S]> hay khi **[Built-in flash firing (Đánh sáng flash tích hợp)]** được đặt thành <[ON]> trong chế độ <[CA]> hoặc <[P]>.
- Tia giúp lấy nét không thể phát ra với thao tác lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.
- Phạm vi hiệu quả của tia giúp lấy nét được phát ra bởi flash tích hợp là khoảng 4 m / 13,1 ft.
- Ở chế độ vùng sáng tạo, khi nâng flash tích hợp bằng nút <[L]> (tr.104), tia giúp lấy nét sẽ phát ra khi cần. Lưu ý rằng tùy thuộc vào thiết lập cho **[7: AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)]** trong **[43: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))]**, tia giúp lấy nét có thể không phát ra (tr.266).



Khi sử dụng ống nối (bán riêng), nếu khẩu độ tối đa lớn hơn f/5.6, chụp AF sẽ không thực hiện được (ngoại trừ trong chế độ **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]** và **[L Live mode (L Chế độ Live)]** trong khi chụp Live View). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của ống nối.

Chủ thể khó lấy nét

Lấy nét tự động có thể không lấy được nét (đèn báo lấy nét của khung ngắm <●> sẽ nhấp nháy) đối với các chủ thể sau đây:

- Chủ thể có độ tương phản rất thấp
(Ví dụ: Bầu trời xanh, mặt phẳng đồng màu, v.v...)
- Chủ thể trong điều kiện ánh sáng rất yếu
- Chủ thể ngược sáng và chủ thể phản chiếu mạnh
(Ví dụ: Ô tô với thân xe có độ phản chiếu cao, v.v...)
- Chủ thể gần và xa được đóng khung gần điểm AF
(Ví dụ: Động vật trong chuồng, v.v...)
- Chủ thể như các điểm sáng được đóng khung gần với điểm AF
(Ví dụ: Cảnh đêm, v.v...)
- Các dạng lặp đi lặp lại
(Ví dụ: Cửa sổ của tòa nhà chọc trời, bàn phím máy tính, v.v...)

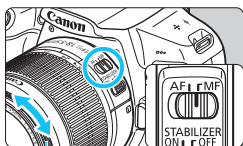
Trong những trường hợp như vậy, lấy nét bằng cách thực hiện một trong hai thao tác sau:

- (1) Đối với lấy nét một lần, nên lấy nét vật thể ở cùng khoảng cách với chủ thể và khóa lấy nét, rồi bố cục lại ảnh (tr.61).
- (2) Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay.



- Tùy thuộc vào chủ thể, có thể lấy được nét bằng cách bố cục lại ảnh một chút và thực hiện lại thao tác AF.
- Đối với các chủ thể khó lấy nét trong khi chụp Live View với [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] và [L Live mode (L Chế độ Live)], tham khảo trang 152.

MF: Lấy nét tay



Vòng lấy nét

1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

2 Lấy nét chủ thể.

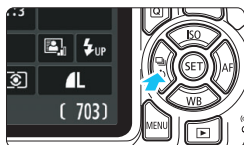
- Lấy nét bằng cách xoay vòng lấy nét của ống kính cho đến khi chủ thể trong khung ngắm trở nên sắc nét.



Nếu nhấn nửa chừng nút chụp trong khi lấy nét tay, điểm AF lấy được nét sẽ nhấp sáng đỏ và phát ra tiếng bíp, đồng thời đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ sáng lên.

Chụp liên tục ☆

Bạn có thể chụp tối đa khoảng 3 ảnh/giây. Tính năng này có hiệu quả khi chụp trẻ em đang chạy về phía bạn hoặc chụp các biểu cảm khác nhau của khuôn mặt.



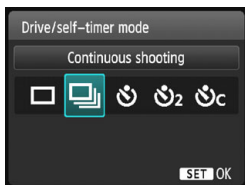
1 Nhấn nút <◀▶>.

2 Chọn <▶>.

- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <☀> để chọn chụp liên tục <▶>, rồi nhấn <SET>.

3 Chụp ảnh.

- Máy ảnh sẽ chụp liên tục khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp.



Gợi ý chụp ảnh

Thiết lập thao tác lấy nét tự động (tr.97) phù hợp với chủ thể.

• **Đối với chủ thể chuyển động**

Khi đặt lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét trong quá trình chụp liên tục.

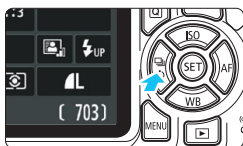
• **Đối với chủ thể tĩnh**

Khi đặt lấy nét một lần, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần trong quá trình chụp liên tục.



- Trong [**4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], nếu [**5: High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)**] được đặt thành [**2: Strong (Mạnh)**] (tr.265), số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ bị giảm đáng kể. Ngoài ra, tốc độ chụp liên tục có thể sẽ chậm hơn.
- Tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn nếu mức pin còn lại thấp hoặc nếu chụp trong điều kiện thiếu sáng.
- Trong thao tác lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào chủ thể và ống kính được sử dụng.

🕒 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ



1 Nhấn nút <◀▶📷🕒>.

2 Chọn chế độ chụp hẹn giờ.

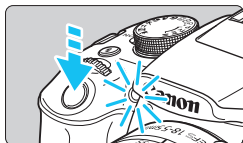
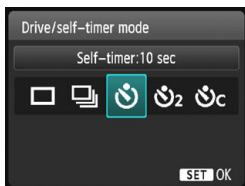
- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <📷> để chọn chế độ chụp hẹn giờ, rồi nhấn <SET>.

🕒 : Chụp sau khoảng 10 giây

🕒₂ : Chụp sau khoảng 2 giây[☆]

🕒_c : Chụp liên tục số lượng ảnh đã thiết lập sau khoảng 10 giây

 Nhấn các phím <▲> <▼> để thiết lập số ảnh chụp liên tục (2 đến 10 ảnh) khi chụp hẹn giờ.



3 Chụp ảnh.

- Nhìn qua khung ngắm, lấy nét chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.

- ▶ Bạn có thể kiểm tra thao tác hẹn giờ bằng đèn chụp hẹn giờ, tiếng bíp và hiển thị đếm ngược (bằng giây) trên màn hình LCD.
- ▶ 2 giây trước khi chụp ảnh, đèn chụp hẹn giờ sẽ sáng lên và tiếng bíp phát ra nhanh hơn.



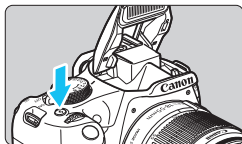
- Với <🕒_c>, khoảng thời gian giữa nhiều lần chụp có thể kéo dài hơn tùy thuộc vào thiết lập chức năng chụp ví dụ như chất lượng ghi ảnh hoặc flash.
- Nếu không nhìn qua khung ngắm khi nhấn nút chụp, nên đậy nắp thị kính lại (tr.273). Ánh sáng lọt vào khung ngắm khi chụp có thể làm sai giá trị phơi sáng.



- Sau khi chụp ảnh hẹn giờ, nên xem lại ảnh (tr.83) để kiểm tra lấy nét và phơi sáng.
- Khi sử dụng chụp hẹn giờ để tự chụp, bạn nên sử dụng khóa lấy nét (tr.61) cho vật thể ở cùng khoảng cách với vị trí bạn sẽ đứng.
- Chế độ hẹn giờ sau khi đã khởi động có thể hủy bằng cách nhấn nút <◀▶📷🕒>.

⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp

Trong điều kiện trong nhà, ánh sáng yếu hoặc ngược sáng vào ban ngày, bạn chỉ cần nâng flash tích hợp lên và nhấn nút chụp để chụp ảnh có flash. Ở chế độ <P>, tốc độ màn trập (1/60 giây - 1/200 giây) sẽ được tự động thiết lập để tránh rung máy.



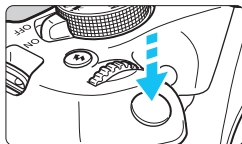
1 Nhấn nút <⚡>.

- Ở chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể nhấn nút <⚡> để chụp ảnh có flash.
- Khi đèn flash đang nạp, “⚡buSY” hiển thị trong khung ngắm và [BUSY⚡ (BẠN⚡)] hiển thị trên màn hình LCD.



2 Nhấn nửa chừng nút chụp.

- Đảm bảo rằng biểu tượng <⚡> ở phần dưới bên trái khung ngắm phát sáng.



3 Chụp ảnh.

- Khi lấy được nét và bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, đèn flash sẽ đánh sáng cho ảnh.



Gợi ý chụp ảnh

• Trong ánh sáng chói, cần giảm tốc độ ISO.

Giảm tốc độ ISO nếu thiết lập phơi sáng trong khung ngắm nhấp nháy.

• Tháo loa che nắng. Không đứng ở quá gần chủ thể.

Nếu ống kính có lắp loa che nắng hoặc bạn ở quá gần chủ thể, phần dưới cùng của ảnh có thể bị tối do flash bị che khuất. Với những ảnh quan trọng, kiểm tra ảnh trên màn hình LCD để đảm bảo phơi sáng flash trông tự nhiên (không bị tối ở phần dưới cùng).

Phạm vi hiệu quả của đèn flash tích hợp (Giá trị ước chừng bằng m/ft.)

Tốc độ ISO (tr.92)	EF-S18-55mm f/3.5-5.6 IS II	
	Góc rộng	Chụp xa
	f/3.5	f/5.6
ISO 100	1 - 2,6 / 3,3 - 8,5	1 - 1,6 / 3,3 - 5,2
ISO 400	1 - 5,3 / 3,3 - 17,4	1 - 3,3 / 3,3 - 10,8
ISO 800/AUTO*	1 - 7,4 / 3,3 - 24,3	1 - 4,6 / 3,3 - 15,1
ISO 1600	1,3 - 10,5 / 4,3 - 34,4	1 - 6,6 / 3,3 - 21,7
ISO 6400	2,6 - 21,0 / 8,5 - 68,9	1,6 - 13,1 / 5,2 - 43,0

* Khi sử dụng flash bổ sung, tốc độ ISO có thể được đặt thấp hơn ISO 800.

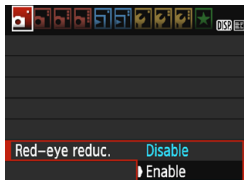


- Khi đặt tốc độ ISO cao cùng khoảng cách lấy nét xa, tùy vào điều kiện chủ thể, v.v... mà có thể không đạt được phơi sáng thích hợp.
- Không thực hiện chụp ảnh với đèn flash khi ngón tay đang giữ đèn flash hạ xuống hoặc đèn không được nâng lên hoàn toàn do một số lý do khác.

MENU Giảm mắt đỏ

Sử dụng đèn giảm mắt đỏ trước khi chụp ảnh có flash có thể làm giảm mắt đỏ.

Giảm mắt đỏ có tác dụng ở mọi chế độ chụp ngoại trừ <[📷]>, <[🏠]>, <[🔍]> hoặc <[🗨]>.



- Trong tab [**📷 1**], chọn [**Red-eye reduc. (Giảm mắt đỏ)**], rồi nhấn <[SET]>.
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn <[SET]>.
- Khi chụp ảnh với đèn flash, đèn giảm mắt đỏ sẽ phát sáng khi nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, khi nhấn hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp.



- Tính năng giảm mắt đỏ sẽ hiệu quả hơn khi chủ thể nhìn vào đèn giảm mắt đỏ, khi căn phòng được chiếu sáng tốt hoặc khi bạn ở gần chủ thể.
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, hiển thị tỷ lệ ở dưới cùng khung ngắm sẽ thu lại và tắt đi. Chụp ảnh sau khi tắt hiển thị tỷ lệ để có kết quả tốt nhất.
- Hiệu quả của giảm mắt đỏ sẽ khác nhau tùy thuộc vào từng chủ thể.



4

Chụp nâng cao

Chương này tiếp theo Chương 3 và giới thiệu thêm các cách chụp ảnh hiệu quả.

- Phần nửa đầu của chương giải thích cách sử dụng các chế độ <Tv>, <Av> và <M> trên nút xoay chế độ.
- Tất cả các chức năng giải thích trong Chương 3 cũng có thể sử dụng trong các chế độ <Tv>, <Av> và <M>.
- Để tìm hiểu các chức năng có thể sử dụng trong từng chế độ chụp, tham khảo trang 278.
- Dấu ☆ hiển thị ở bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo (tr.30).

Vạch chỉ nút xoay chính

 1/125 

 F5.6 

 3..2..1..0..1..2..3 

Biểu tượng vạch chỉ < > được hiển thị cùng với thiết lập tốc độ màn trập, khẩu độ hoặc lượng bù trừ phơi sáng biểu thị rằng bạn có thể xoay nút xoay < > để điều chỉnh thiết lập tương ứng.

Tv : Truyền tải chuyển động của chủ thể

Bạn có thể chụp rõ nét từng chuyển động của chủ thể hoặc tạo hiệu ứng chuyển động mờ với chế độ <Tv> (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập) trên nút xoay chế độ.

* <Tv> là viết tắt của Time value (Giá trị thời gian).



Chuyển động mờ
(Tốc độ màn trập chậm: 1/30 giây)



Chuyển động rõ nét
(Tốc độ màn trập nhanh: 1/2000 giây)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Tv>.



2 Thiết lập tốc độ màn trập mong muốn.

- Tham khảo “Gợi ý chụp ảnh” để xem lời khuyên về cách thiết lập tốc độ màn trập.
- Xoay nút xoay <🌞> sang phải sẽ thiết lập tốc độ màn trập nhanh hơn và xoay nút xoay sang trái sẽ thiết lập tốc độ chậm hơn.



3 Chụp ảnh.

- Khi bạn lấy nét và nhấn hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp ở tốc độ màn trập đã chọn.

Hiển thị tốc độ màn trập
Màn hình LCD hiển thị tốc độ màn trập ở dạng phân số. Tuy nhiên, khung ngắm chỉ hiển thị mẫu số. “0”5” biểu thị 0,5 giây và “15” là 15 giây.



Gợi ý chụp ảnh

- Để chụp rõ nét từng chuyển động của chủ thể đang di chuyển nhanh**
 Sử dụng tốc độ màn trập nhanh như 1/4000 giây đến 1/500 giây.
- Để làm mờ trẻ em hoặc động vật đang chạy nhằm truyền tải ấn tượng chung về chuyển động**
 Sử dụng tốc độ màn trập trung bình chẳng hạn như 1/250 giây đến 1/30 giây. Theo dõi chủ thể chuyển động qua khung ngắm và nhấn nút chụp để chụp ảnh. Nếu sử dụng ống kính tele, giữ vững ống kính để tránh rung máy.
- Để làm mờ dòng sông hoặc vòi phun nước đang chảy**
 Sử dụng tốc độ màn trập chậm với 1/30 giây trở xuống. Sử dụng chân máy để tránh rung máy khi cầm tay.
- Thiết lập tốc độ màn trập để thông số khẩu độ không nhấp nháy.**
 Nếu nhấn nửa chừng nút chụp và thay đổi tốc độ màn trập khi khẩu độ hiển thị, thông số khẩu độ cũng sẽ thay đổi để duy trì cùng một độ phơi sáng (lượng ánh sáng chiếu đến cảm biến hình ảnh). Nếu vượt quá phạm vi khẩu độ có thể điều chỉnh, thông số khẩu độ sẽ nhấp nháy để biểu thị không thể có được phơi sáng chuẩn.
 Nếu phơi sáng quá tối, khẩu độ tối đa (chỉ số khẩu độ f nhỏ nhất) sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, xoay nút xoay <  > sang trái để thiết lập tốc độ màn trập chậm hơn hoặc tăng tốc độ ISO.
 Nếu phơi sáng quá sáng, khẩu độ tối thiểu (chỉ số khẩu độ f lớn nhất) sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, xoay nút xoay <  > sang phải để thiết lập tốc độ màn trập nhanh hơn hoặc giảm tốc độ ISO.



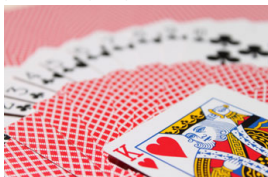
⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp

Để có phơi sáng flash chính xác, công suất flash sẽ được thiết lập tự động (phơi sáng flash tự động) để phù hợp với khẩu độ được thiết lập tự động. Có thể đặt tốc độ màn trập từ 1/200 giây đến 30 giây.

Av : Thay đổi độ sâu trường ảnh

Để làm mờ hậu cảnh hoặc làm cho các vật thể gần và xa trông sắc nét, đặt nút xoay chế độ thành <Av> (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) để điều chỉnh độ sâu trường ảnh (phạm vi lấy nét hợp lý).

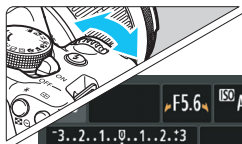
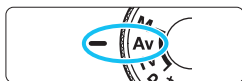
* <Av> là viết tắt của Aperture value (Giá trị khẩu độ), là kích thước của lỗ chắn sáng bên trong ống kính.



Hậu cảnh mờ
(Với chỉ số khẩu độ f nhỏ: f/5.6)



Tiền cảnh và hậu cảnh sắc nét
(Với chỉ số khẩu độ f lớn: f/32)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Av>.

2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Chỉ số khẩu độ f càng lớn, độ sâu trường ảnh càng rộng, tiền cảnh và hậu cảnh đều sắc nét.
- Xoay nút xoay <  > sang phải để thiết lập chỉ số khẩu độ f lớn hơn (độ mở khẩu độ nhỏ hơn) và xoay nút xoay sang trái sẽ thiết lập chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn (độ mở khẩu độ lớn hơn).



3 Chụp ảnh.

- Lấy nét và nhấn hoàn toàn nút chụp. Ảnh sẽ được chụp với khẩu độ đã chọn.



Thông số khẩu độ

Chỉ số khẩu độ f càng lớn, thì độ mở của khẩu độ sẽ càng nhỏ. Chỉ số khẩu độ f khác nhau tùy thuộc vào ống kính. Nếu không gắn ống kính nào vào máy ảnh, khẩu độ sẽ hiển thị "00".



Gợi ý chụp ảnh

- Khi sử dụng khẩu độ có chỉ số khẩu độ f cao hoặc chụp trong điều kiện ánh sáng yếu, lưu ý rằng có thể xảy ra rung máy.**
Chỉ số khẩu độ f càng lớn sẽ làm cho tốc độ màn trập chậm hơn. Trong điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ màn trập có thể dài tới 30 giây. Trong những trường hợp này, vui lòng tăng tốc độ ISO và giữ vững máy ảnh hoặc sử dụng chân máy.
- Độ sâu trường ảnh không chỉ phụ thuộc vào khẩu độ mà còn phụ thuộc vào ống kính và khoảng cách của chủ thể.**
Do các ống kính góc rộng có độ sâu trường ảnh rộng (phạm vi lấy nét hợp lý ở phía trước và phía sau điểm lấy nét), nên không cần thiết lập chỉ số khẩu độ f lớn để có được hình ảnh sắc nét từ tiền cảnh đến hậu cảnh. Ngược lại, ống kính tele có độ sâu trường ảnh hẹp.
Chủ thể càng gần, độ sâu trường ảnh càng hẹp. Chủ thể ở xa hơn sẽ có độ sâu trường ảnh rộng hơn.
- Thiết lập khẩu độ để thông số tốc độ màn trập không nhấp nháy.**
Nếu nhấn nửa chừng nút chụp và thay đổi khẩu độ khi tốc độ màn trập hiển thị, thông số tốc độ màn trập cũng sẽ thay đổi để duy trì cùng độ phơi sáng (lượng ánh sáng chiếu đến cảm biến hình ảnh). Nếu vượt quá phạm vi tốc độ màn trập có thể điều chỉnh, thông số tốc độ màn trập sẽ nhấp nháy biểu thị không thể có được phơi sáng chuẩn.
Nếu ảnh quá tối, thông số tốc độ màn trập “30” (30 giây) sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, xoay nút xoay <  > sang trái để thiết lập chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn hoặc tăng tốc độ ISO.
Nếu ảnh quá sáng, thông số tốc độ màn trập “4000” (1/4000 giây) sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, xoay nút xoay <  > sang phải để thiết lập chỉ số khẩu độ f lớn hơn hoặc giảm tốc độ ISO.



⚡ Sử dụng đèn flash tích hợp

Để có phơi sáng flash chính xác, công suất flash sẽ được thiết lập tự động để phù hợp với khẩu độ đã đặt (phơi sáng flash tự động). Tốc độ màn trập sẽ được thiết lập tự động từ 1/200 giây - 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh.

Trong điều kiện ánh sáng yếu, chủ thể chính được phơi sáng với đo sáng flash tự động và hậu cảnh phơi sáng với tốc độ màn trập chậm được thiết lập tự động. Cả chủ thể và hậu cảnh trông như được phơi sáng chuẩn (đồng bộ flash tốc độ chậm tự động). Nếu cầm máy ảnh bằng tay, giữ vững máy để tránh rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy. Để tránh tốc độ màn trập quá chậm, trong [**⚡3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], đặt [**3: Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**1: 1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**] hoặc [**2: 1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**] (tr.263).

MENU Xem trước độ sâu trường ảnh ☆

Độ mở của khẩu độ (lá khẩu) chỉ thay đổi tại thời điểm chụp ảnh. Còn lại, khẩu độ vẫn sẽ mở hoàn toàn. Do đó, khi bạn ngắm cảnh qua khung ngắm hoặc trên màn hình LCD, độ sâu trường ảnh trông sẽ hẹp. Bạn có thể thực hiện theo quy trình bên dưới để kiểm tra độ sâu trường ảnh trước khi chụp.

1 Bật xem trước độ sâu trường ảnh để sử dụng.

- Trong [**⚡3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], đặt [**9: Assign SET button (Gán cho nút SET)**] thành [**4: Depth-of-field preview (Xem trước độ sâu trường ảnh)**] (tr.268).
- Để tìm hiểu chi tiết về các thiết lập chức năng tùy chỉnh, tham khảo trang **260**.

2 Thoát menu.

- Nhấn nút <MENU> 2 lần để thoát menu.

3 Nhấn nút <SET>.

- Khẩu độ sẽ được thu hẹp để bạn có thể xem độ sâu trường ảnh.

 Nhấn giữ nút <SET> trong khi xem ảnh Live View (tr.140), bạn có thể thay đổi khẩu độ và xem độ sâu trường ảnh thay đổi như thế nào.

M: Phơi sáng chỉnh tay

Bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ bằng tay theo mong muốn. Khi xem thang đo sáng trong khung ngắm, bạn có thể thiết lập phơi sáng theo mong muốn. Phương pháp này được gọi là phơi sáng chỉnh tay.

* <M> là viết tắt của Manual (Chỉnh tay).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.



2 Thiết lập tốc độ ISO (tr.92).



<Av/☒> + <☒/☒>

3 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <☒/☒>.
- Để thiết lập khẩu độ, nhấn giữ nút <Av/☒> và xoay nút xoay <☒/☒>.

Chỉ số phơi sáng chuẩn



Kim đo sáng

4 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Các thiết lập phơi sáng sẽ hiển thị trong khung ngắm.
- Kim đo sáng <☒> cho biết khoảng cách mức phơi sáng hiện tại so với mức phơi sáng chuẩn.

5 Thiết lập phơi sáng và chụp ảnh.

- Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ mong muốn.
- Nếu mức phơi sáng vượt quá phơi sáng chuẩn ± 2 điểm dừng, đầu của thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶> trong khung ngắm. (Trên màn hình LCD, nếu mức phơi sáng vượt quá ± 3 điểm dừng, biểu tượng <■> sẽ nhấp nháy ở vị trí <-3> hoặc <+3> hiển thị.)

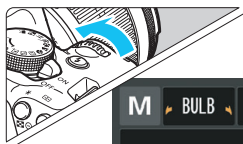


- Nếu đặt [☒2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.123) thành thiết lập khác ngoại trừ [Disable (Tắt)], ảnh có thể vẫn đủ sáng ngay cả khi đã thiết lập phơi sáng tối hơn.
- Nếu đặt ISO tự động, thiết lập tốc độ ISO sẽ thay đổi phù hợp với tốc độ màn trập và khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn. Do đó, có thể không thu được hiệu ứng phơi sáng mong muốn.

⚡ Sử dụng flash tích hợp

Để có được phơi sáng flash chính xác, công suất flash sẽ được thiết lập tự động (phơi sáng flash tự động) để phù hợp với khẩu độ được thiết lập bằng tay. Bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập từ 1/200 giây đến 30 giây hoặc phơi sáng bulb.

BULB: Phơi sáng bulb



Thời gian đã phơi sáng

Phơi sáng bulb giữ cho màn trập mở khi vẫn nhấn giữ nút chụp. Bạn có thể sử dụng chức năng phơi sáng lâu để chụp pháo hoa và các chủ thể khác cần phơi sáng lâu.

Ở bước 3 trong trang trước, xoay nút xoay <  > sang trái để thiết lập <BULB>. Thời gian đã phơi sáng sẽ hiển thị trên màn hình LCD.

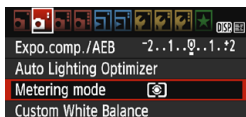
- ⚠ Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Vì phơi sáng bulb gây nhiều hơn bình thường nên ảnh có thể hơi nhiều hạt.
- Bạn có thể giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu bằng cách đặt [4: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)] trong [43: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] thành [1: Auto (Tự động)] hoặc [2: On (Bật)] (tr.264).
- Nếu đặt ISO Auto (ISO tự động) cho phơi sáng bulb, tốc độ ISO sẽ được cố định ở ISO 800 (tr.94).

 Khi dùng phơi sáng bulb, nên sử dụng chân máy và công tắc điều khiển từ xa (bán riêng, tr.273).

Thay đổi chế độ đo sáng ☆

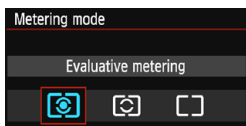
Máy cung cấp 3 phương pháp (chế độ đo sáng) để đo độ sáng của chủ thể. Thông thường, nên sử dụng đo sáng toàn khung ảnh.

Trong chế độ vùng cơ bản, chế độ đo sáng được thiết lập tự động.



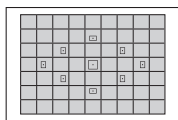
1 Chọn [Metering mode (Chế độ đo sáng)].

- Trong tab [ 2], chọn [Metering mode (Chế độ đo sáng)], rồi nhấn <SET>.



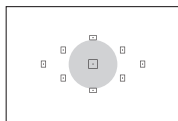
2 Thiết lập chế độ đo sáng.

- Chọn chế độ đo sáng mong muốn, rồi nhấn <SET>.



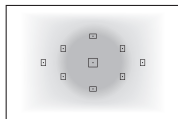
Đo sáng toàn khung ảnh

Chế độ đo sáng đa năng phù hợp với cả các chủ thể ngược sáng. Máy ảnh sẽ tự động thiết lập phơi sáng để phù hợp với cảnh.



Đo sáng từng phần

Có hiệu quả ở nơi ánh sáng xung quanh chủ thể sáng hơn nhiều do ngược sáng, v.v... Vùng xám ở hình bên trái là nơi độ sáng được đo để có phơi sáng chuẩn.



Đo sáng trung bình trung tâm

Đo độ sáng ở trung tâm ảnh và sau đó lấy trung bình cho toàn cảnh. Chế độ đo sáng này dành cho người sử dụng chuyên nghiệp.



Trong chế độ  (Đo sáng toàn khung ảnh), thiết lập phơi sáng sẽ khóa khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp và lấy được nét. Trong các chế độ  (Đo sáng từng phần), và  (Đo sáng trung bình trung tâm), phơi sáng sẽ được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh. (Nhấn nửa chừng nút chụp sẽ không khóa phơi sáng.)

Thiết lập bù trừ phơi sáng ☆

Av/☒ Thiết lập bù trừ phơi sáng

Thiết lập bù trừ phơi sáng nếu độ phơi sáng (không sử dụng flash) không đạt hiệu quả như mong muốn. Có thể sử dụng tính năng này ở các chế độ vùng sáng tạo (ngoại trừ <M>). Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 5 điểm dừng ở mức tăng 1/3 điểm dừng.



Tăng phơi sáng giúp ảnh sáng hơn



Giảm phơi sáng giúp ảnh tối hơn



Phơi sáng tối



Tăng phơi sáng giúp ảnh sáng hơn

Làm ảnh sáng hơn

Nhấn giữ nút <Av/☒> và xoay nút xoay <☒> sang phải (tăng phơi sáng).

Làm ảnh tối hơn

Nhấn giữ nút <Av/☒> và xoay nút xoay <☒> sang trái (giảm phơi sáng).

► Mức phơi sáng hiển thị trên màn hình LCD và trong khung ngắm như hình minh họa.

- Sau khi chụp ảnh, hủy bù trừ phơi sáng bằng cách đặt về 0.



- Lượng bù trừ phơi sáng hiển thị trong khung ngắm chỉ tăng lên tối đa ± 2 điểm dừng. Nếu lượng bù trừ phơi sáng vượt quá ± 2 điểm dừng, đầu thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶>.
- Nếu muốn thiết lập bù trừ phơi sáng vượt quá ± 2 điểm dừng, chỉnh với [☑2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)] (tr.118) hoặc với điều khiển nhanh (tr.48).

Thiết lập bù trừ phơi sáng flash

Thiết lập bù trừ phơi sáng flash nếu phơi sáng flash của chủ thể không đạt hiệu quả như mong muốn. Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash tối đa ± 2 điểm dừng ở mức tăng 1/3 điểm dừng.



1 Nhấn nút (F10).

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện (tr.48).



2 Chọn .

- Nhấn phím đa chiều  để chọn .
- ▶ [Flash exposure comp. (Bù trừ phơi sáng flash)] sẽ xuất hiện ở dưới cùng.



3 Thiết lập lượng bù trừ phơi sáng flash.

- Nếu phơi sáng quá tối, xoay nút xoay  sang phải (để tăng phơi sáng). Nếu phơi sáng quá sáng, xoay nút xoay  sang trái (để giảm phơi sáng).

- ▶ Khi nhấn nửa chừng nút chụp, biểu tượng  sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

- Sau khi chụp, hủy bù trừ phơi sáng flash bằng cách đặt về 0.



Nếu đặt [ 2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.123) thành thiết lập khác với [Disable (Tắt)], ảnh có thể trông vẫn sáng ngay cả khi đã giảm phơi sáng hoặc giảm phơi sáng flash.



Bạn cũng có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash với [Built-in flash func. settings (Thiết lập chức năng flash tích hợp)] trong [ 1: Flash control (Điều khiển flash)] (tr.202).

MENU Tự động phơi sáng hỗn hợp ☆

Tính năng này sẽ tăng bù trừ phơi sáng lên một mức bằng cách tự động thay đổi phơi sáng (tối đa ± 2 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng) với ba ảnh như minh họa bên dưới. Sau đó, bạn có thể chọn phơi sáng tốt nhất.

Tính năng này được gọi là AEB (Auto Exposure Bracketing - Tự động phơi sáng hỗn hợp).



Phơi sáng chuẩn



Phơi sáng tối hơn
(Giảm phơi sáng)

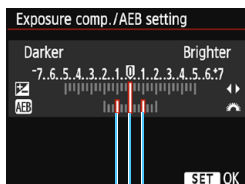


Phơi sáng sáng hơn
(Tăng phơi sáng)



1 Chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)].

- Trong tab [2], chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)], rồi nhấn <SET>.



Phạm vi AEB

2 Thiết lập phạm vi AEB.

- Xoay nút xoay < > để thiết lập phạm vi AEB.
- Nhấn các phím < > để thiết lập lượng bù trừ phơi sáng. Nếu AEB kết hợp với bù trừ phơi sáng, AEB sẽ được chỉnh về chính giữa mức bù trừ phơi sáng.
- Nhấn <SET> để thiết lập.
- Khi nhấn nút <MENU> để thoát menu, phạm vi AEB sẽ hiển thị trên màn hình LCD.



3 Chụp ảnh.

- Lấy nét và nhấn hoàn toàn nút chụp. Ba ảnh bù trừ sáng sẽ được chụp theo thứ tự sau: phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.

Hủy AEB

- Thực hiện các bước 1 và 2 để tắt hiển thị phạm vi AEB.
- Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF> hoặc quá trình hồi đèn flash đã hoàn tất, v.v..., thiết lập AEB cũng sẽ tự động hủy.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng AEB khi chụp liên tục**
Nếu đặt thành chụp liên tục <[]> (tr.102) và nhấn hoàn toàn nút chụp, 3 ảnh bù trừ sáng sẽ được chụp liên tiếp theo thứ tự sau: phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.
- **Sử dụng AEB khi chụp từng ảnh (□)**
Nhấn nút chụp ba lần để chụp ba ảnh bù trừ sáng. Ba ảnh bù trừ sáng sẽ được chụp theo thứ tự sau: phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.
- **Sử dụng AEB khi chụp hẹn giờ**
Với chụp hẹn giờ <[]> <[]> (tr.103), bạn có thể chụp liên tục 3 ảnh sau khoảng thời gian 10 giây hoặc 2 giây. Khi đặt thành <[]> (tr.103), số ảnh chụp liên tục sẽ gấp 3 lần số lượng đã đặt.



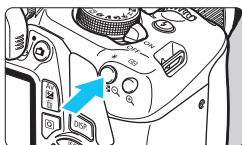
- AEB sẽ không hoạt động với flash hoặc phơi sáng bulb.
- Nếu đặt [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.123) thành thiết lập khác với [Disable (Tắt)] có thể làm giảm thiểu hiệu ứng của AEB.

✳ Khóa phơi sáng ☆

Bạn có thể khóa phơi sáng khi khu vực lấy nét khác với khu vực đo độ phơi sáng hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh với cùng thiết lập phơi sáng. Nhấn nút <✳> để khóa phơi sáng, sau đó bố cục lại ảnh và chụp. Chức năng này được gọi là khóa phơi sáng. Chức năng này có hiệu quả khi chụp các chủ thể ngược sáng, v.v...

1 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Thiết lập phơi sáng sẽ hiển thị.



2 Nhấn nút <✳> (ⓘ4).

- ▶ Biểu tượng <✳> phát sáng trong khung ngắm biểu thị đã khóa thiết lập phơi sáng (Khóa phơi sáng).
- Mỗi lần bạn nhấn nút <✳>, thiết lập phơi sáng hiện tại sẽ khóa.



3 Bố cục lại ảnh và chụp.

- Nếu muốn chụp nhiều ảnh hơn trong khi giữ nguyên khóa phơi sáng, nhấn giữ nút <✳> và nhấn nút chụp để chụp ảnh khác.

Hiệu ứng khóa phơi sáng

Chế độ đo sáng (tr.115)	Phương pháp chọn điểm AF (tr.99)	
	Chọn tự động	Chọn bằng tay
 *	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF lấy được nét.	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF đã chọn.
	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.	

* Khi đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.

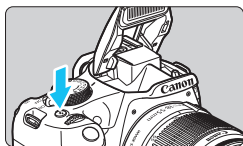


Không thể khóa phơi sáng với phơi sáng bulb.

✱ Khóa phơi sáng flash ☆

Nếu chủ thể nằm ở cạnh khung và bạn sử dụng flash, chủ thể có thể trở nên quá sáng hoặc quá tối tùy thuộc vào hậu cảnh, v.v... Trong trường hợp này, hãy sử dụng khóa phơi sáng flash. Sau khi thiết lập phơi sáng flash phù hợp cho chủ thể, bạn có thể bố cục lại ảnh (đưa chủ thể sang cạnh bên) và chụp. Tính năng này cũng có thể sử dụng với đèn Speedlite sê-ri EX của Canon.

* FE là viết tắt của Flash Exposure (Phơi sáng flash).

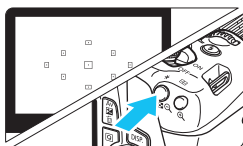


1 Nhấn nút $\star$.

- ▶ Đèn flash tích hợp sẽ nâng lên.
- Nhấn nửa chừng nút chụp và ngắm trong khung ngắm để kiểm tra biểu tượng $\star$ đã phát sáng chưa.



2 Lấy nét chủ thể.



3 Nhấn nút $\star$ (☆16).

- Hướng trung tâm khung ngắm vào chủ thể bạn muốn khóa phơi sáng flash, rồi nhấn nút $\star$.
- ▶ Đèn flash sẽ nháy đo sáng và công suất flash cần thiết được tính toán và lưu giữ trong bộ nhớ.
- ▶ Trong khung ngắm, thông báo “FEL” hiển thị trong giây lát và biểu tượng $\star$ sẽ phát sáng.
- Mỗi lần bạn nhấn nút $\star$, đèn flash sẽ nháy đo sáng và công suất flash cần thiết được tính toán và lưu giữ trong bộ nhớ.



4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Đèn flash đánh sáng và ảnh sẽ được chụp.



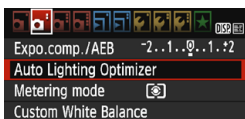
* Khóa phơi sáng flash *

- Nếu chủ thể quá xa và nằm ngoài phạm vi hiệu quả của flash, biểu tượng <⚡> sẽ nhấp nháy. Tiến gần chủ thể hơn và lặp lại các bước từ 2 đến 4.
- Không thể sử dụng khóa phơi sáng flash trong khi chụp Live View.

MENU Tự động hiệu chỉnh độ sáng và độ tương phản ☆

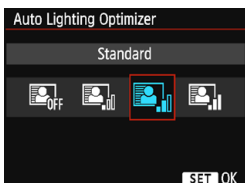
Nếu ảnh tối hoặc có độ tương phản thấp, độ sáng và độ tương phản sẽ được tự động điều chỉnh. Chức năng này được gọi là Tự động tối ưu hóa ánh sáng. Thiết lập mặc định là **[Standard (Tiêu chuẩn)]**. Đối với ảnh JPEG, hiệu chỉnh được áp dụng khi chụp ảnh.

Ở chế độ vùng cơ bản, **[Standard (Tiêu chuẩn)]** được tự động thiết lập.



1 Chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]**.

- Trong tab **[2]**, chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]**, rồi nhấn **< (SET) >**.



2 Chọn thiết lập.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn **< (SET) >**.

3 Chụp ảnh.

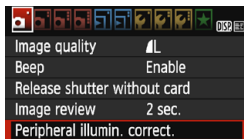
- Nếu cần, ảnh sẽ được ghi với độ sáng và độ tương phản đã chỉnh.



- Trong **[43: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))]**, nếu đặt **[6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)]** thành **[1: Enable (Bật)]**, Tự động tối ưu hóa ánh sáng sẽ được tự động đặt thành **[Disable (Tắt)]** và không thể thay đổi thiết lập này.
- Nếu hiệu ứng của chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng quá mạnh và ảnh quá sáng, đặt thành **[Low (Thấp)]** hoặc **[Disable (Tắt)]**.
- Nếu thiết lập khác với **[Disable (Tắt)]** và sử dụng bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash để làm tối phơi sáng, ảnh vẫn có thể bị sáng. Nếu muốn giảm phơi sáng, đặt chức năng này thành **[Disable (Tắt)]**.
- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, ảnh có thể nhiều hạt hơn.

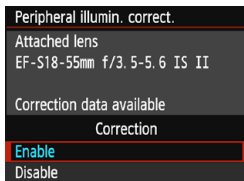
MENU Hiệu chỉnh ảnh tối góc

Do đặc tính của ống kính, 4 góc của ảnh trông tồi hơn. Hiện tượng này được gọi là thiếu ánh sáng do ống kính hoặc thiếu ánh sáng vùng ngoại vi và có thể hiệu chỉnh. Thiết lập mặc định là **[Enable (Bật)]**. Đối với ảnh JPEG, hiệu chỉnh được áp dụng khi chụp ảnh. Bạn có thể hiệu chỉnh ảnh RAW bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.322).



1 Chọn **[Peripheral illumin. correct. (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)]**.

- Trong tab **[1]**, chọn **[Peripheral illumin. correct. (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)]**, rồi nhấn **<(SET)>**.



2 Chọn thiết lập.

- Kiểm tra **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]** có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Nếu **[Correction data not available (Không có dữ liệu chỉnh)]** hiển thị, tham khảo “Dữ liệu chỉnh ống kính” trên trang tiếp theo.
- Chọn **[Enable (Bật)]**, rồi nhấn **<(SET)>**.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với ánh sáng vùng ngoại vi đã hiệu chỉnh.



Tắt hiệu chỉnh



Bật hiệu chỉnh

Dữ liệu chỉnh ống kính

Máy ảnh đã có dữ liệu hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi của ống kính cho khoảng 30 ống kính. Nếu bạn chọn **[Enable (Bật)]** ở bước 2, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi sẽ áp dụng tự động cho bất kỳ ống kính nào đã đăng ký dữ liệu chỉnh trong máy ảnh.

Với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.322), bạn có thể kiểm tra xem ống kính nào đã đăng ký dữ liệu chỉnh trong máy ảnh. Bạn cũng có thể đăng ký dữ liệu chỉnh cho ống kính chưa đăng ký. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility.



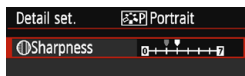
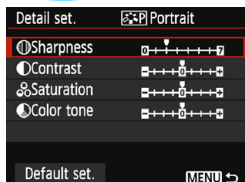
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi không thể áp dụng cho ảnh JPEG đã chụp.
- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, nhiễu hạt có thể xuất hiện trên vùng ngoại vi ảnh.
- Khi sử dụng ống kính không phải của Canon, nên đặt các hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]**, ngay cả khi hiển thị **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]**.
- Nếu bạn sử dụng chế độ xem phóng to trong khi chụp Live View, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi sẽ không phản ánh trong ảnh hiển thị trên màn hình.



- Nếu không nhìn thấy hiệu ứng chỉnh, phóng to và kiểm tra lại ảnh.
- Có thể áp dụng hiệu chỉnh ngay cả khi lắp ống nối hoặc bộ chuyển đổi kích thước thực.
- Nếu dữ liệu chỉnh cho ống kính đã lắp không được đăng ký vào máy ảnh, kết quả sẽ giống như khi đặt hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]**.
- Lượng hiệu chỉnh được áp dụng sẽ thấp hơn so với lượng hiệu chỉnh tối đa có thể cài đặt với Digital Photo Professional (phần mềm EOS).
- Lượng chỉnh sửa sẽ ít hơn nếu ống kính được sử dụng không có thông tin về khoảng cách.
- Tốc độ ISO càng cao thì lượng hiệu chỉnh sẽ càng thấp.

🔧 Tùy chỉnh đặc tính ảnh ☆

Bạn có thể tùy chỉnh kiểu ảnh bằng cách điều chỉnh các thông số riêng như **[Sharpness (Độ sắc nét)]** và **[Contrast (Độ tương phản)]** từ vị trí mặc định. Chụp thử vài ảnh để xem kết quả hiệu ứng. Để tùy chỉnh **[Monochrome (Đơn sắc)]**, tham khảo trang 128.



1 Chọn [Picture Style (Kiểu ảnh)].

- Trong tab **[2]**, chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.

2 Chọn kiểu ảnh.

- Chọn kiểu ảnh, rồi nhấn nút **<DISP>**.

3 Chọn thông số.

- Chọn thông số như **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, rồi nhấn **<SET>**.

4 Thiết lập thông số.

- Nhấn các phím **<◀>** để điều chỉnh thông số mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.
- Nhấn nút **<MENU>** để lưu các thông số đã điều chỉnh. Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- Các thiết lập thông số không phải mặc định sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.



- Bằng cách chọn **[Default set. (Thiết lập mặc định)]** ở bước 3, bạn có thể chuyển các thiết lập thông số của kiểu ảnh tương ứng trở về thiết lập mặc định.
- Để chụp với kiểu ảnh đã sửa đổi, thực hiện theo bước 2 ở trang 95 để chọn kiểu ảnh đã sửa đổi rồi chụp.

Thiết lập thông số và hiệu ứng

Sharpness (Độ sắc nét)

Điều chỉnh độ sắc nét của chủ thể.

Để làm cho ảnh mờ nét hơn, thiết lập độ sắc nét về phía đầu **0**.

Càng gần **0**, ảnh càng dịu màu hơn.

Để làm cho ảnh nét hơn, thiết lập độ sắc nét về phía đầu **7**. Càng gần **7**, ảnh càng sắc nét hơn.

Contrast (Độ tương phản)

Điều chỉnh độ tương phản và sống động của màu sắc.

Để giảm độ tương phản, thiết lập độ tương phản về phía đầu trừ.

Càng gần **-**, ảnh trông càng trầm.

Để tăng độ tương phản, thiết lập độ tương phản về phía đầu cộng.

Càng gần **+**, ảnh trông càng sống động hơn.

Saturation (Bão hòa màu)

Điều chỉnh bão hòa màu của ảnh.

Để giảm bão hòa màu, thiết lập bão hòa màu về phía đầu trừ.

Càng gần **-**, màu sắc trông càng nhạt.

Để tăng bão hòa màu, thiết lập bão hòa màu về phía đầu cộng.

Càng gần **+**, màu sắc trông càng đậm.

Color tone (Tông màu)

Điều chỉnh tông màu da.

Để làm cho tông màu da đỏ hơn, thiết lập tông màu da về phía đầu trừ. Càng gần **-**, tông màu da trông càng đỏ hơn.

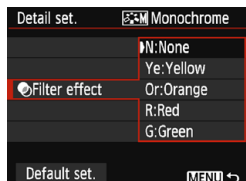
Để làm cho màu da bớt đỏ, thiết lập tông màu da về phía đầu cộng.

Càng gần **+**, tông màu da trông càng vàng hơn.

Điều chỉnh đơn sắc

Đối với ảnh đơn sắc, ngoài [**Sharpness (Độ sắc nét)**] và [**Contrast (Độ tương phản)**] được giải thích ở trang trước, bạn còn có thể thiết lập [**Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)**] và [**Toning effect (Hiệu ứng tông màu)**].

Filter Effect (Hiệu ứng bộ lọc)

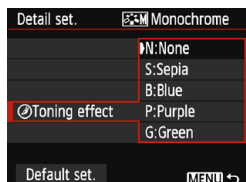


Với hiệu ứng bộ lọc áp dụng cho ảnh đơn sắc, đám mây trắng hoặc cây xanh trông sẽ nổi bật hơn.

Bộ lọc	Hiệu ứng mẫu
N: None (Không)	Ảnh đen trắng thông thường không có hiệu ứng bộ lọc.
Ye: Yellow (Vàng)	Bầu trời xanh trông sẽ tự nhiên hơn và mây trắng trông sẽ sống động hơn.
Or: Orange (Cam)	Bầu trời xanh trông sẽ tối hơn một chút. Hoàng hôn trông sẽ rực rỡ hơn.
R: Red (Đỏ)	Bầu trời xanh trông sẽ khá tối. Lá rơi trông sẽ sống động và sáng hơn.
G: Green (Xanh lá cây)	Tông màu da và môi trông sẽ trầm. Lá cây xanh trông sẽ sống động và sáng hơn.

Tăng [**Contrast (Độ tương phản)**] sẽ làm cho hiệu ứng bộ lọc rõ ràng hơn.

Toning Effect (Hiệu ứng tông màu)



Áp dụng hiệu ứng tông màu có thể tạo ảnh đơn sắc với màu được chọn. Hiệu ứng này có thể làm ảnh trông ấn tượng hơn.

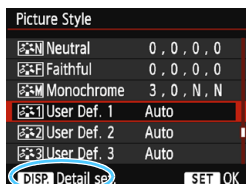
Có thể chọn những thiết lập sau: [**N:None (Không)**], [**S:Sepia (Nâu đỏ)**], [**B:Blue (Xanh da trời)**], [**P:Purple (Tím)**] hoặc [**G:Green (Xanh lá cây)**].

Đăng ký đặc tính ảnh ưu tiên ☆

Bạn có thể chọn kiểu ảnh cơ bản như **[Portrait (Chân dung)]** hoặc **[Landscape (Phong cảnh)]**, điều chỉnh thông số như mong muốn và đăng ký với **[User Def. 1 (Người dùng xác định 1)]**, **[User Def. 2 (Người dùng xác định 2)]** hoặc **[User Def. 3 (Người dùng xác định 3)]**. Bạn có thể tạo nhiều kiểu ảnh bằng các thiết lập khác nhau cho các thông số độ sắc nét, độ tương phản. Bạn cũng có thể điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (Phần mềm EOS, tr.322).

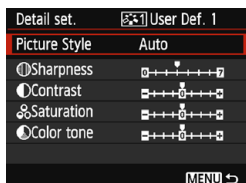
1 Chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**.

- Trong tab **[2]**, chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



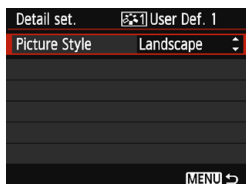
2 Chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**.

- Chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, rồi nhấn nút **<DISP.>**.
- Màn hình thiết lập chi tiết sẽ xuất hiện.



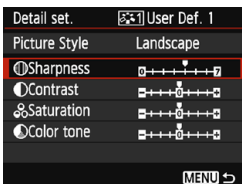
3 Nhấn **<SET>**.

- Chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.



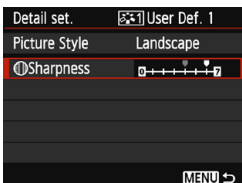
4 Chọn kiểu ảnh cơ bản.

- Nhấn các phím **<▲>** **<▼>** để chọn kiểu ảnh cơ bản, rồi nhấn **<SET>**.
- Để điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (Phần mềm EOS), chọn kiểu ảnh ở đây.



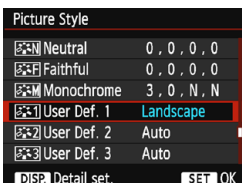
5 Chọn thông số.

- Chọn thông số như **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, rồi nhấn **<SET>**.



6 Thiết lập thông số.

- Nhấn các phím **<◀>** để điều chỉnh thông số mong muốn, rồi nhấn **<SET>**. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo “Tùy chỉnh đặc tính ảnh” ở các trang 126-128.
- Nhấn nút **<MENU>** để đăng ký kiểu ảnh đã sửa đổi. Sau đó, màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- Kiểu ảnh cơ bản sẽ hiển thị bên phải của **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**.
- Nếu thiết lập kiểu ảnh đăng ký trong **[User Def. * (Người dùng xác định *)]** đã được sửa đổi khác với thiết lập kiểu ảnh cơ bản, tên của kiểu ảnh sẽ hiển thị màu xanh da trời.

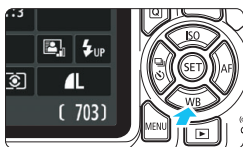


- Nếu đã đăng ký kiểu ảnh trong **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, thay đổi kiểu ảnh ở bước 4 sẽ làm vô hiệu các thiết lập thông số của kiểu ảnh được đăng ký.
- Nếu thực hiện **[Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)]** (tr.194), tất cả thiết lập **[User Def. * (Người dùng xác định *)]** sẽ trở về mặc định. Đối với kiểu ảnh được đăng ký thông qua EOS Utility (Phần mềm EOS), chỉ có thông số đã sửa đổi mới trở về thiết lập mặc định.

- Để chụp với kiểu ảnh đã đăng ký, thực hiện theo bước 2 ở trang 95 để chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, rồi chụp.
- Để tìm hiểu quy trình đăng ký tập tin kiểu ảnh vào máy ảnh, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility.

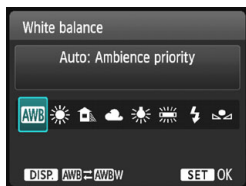
WB: Phù hợp với nguồn sáng ☆

Chức năng điều chỉnh tông màu để các vật màu trắng trông sẽ có màu trắng trong ảnh, được gọi là cân bằng trắng (WB). Thông thường thiết lập tự động [AWB] (Ưu tiên môi trường) hoặc [AWB w] (Ưu tiên màu trắng) sẽ thu được cân bằng trắng chính xác. Nếu không thu được màu tự nhiên với Tự động, bạn có thể chọn cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng hoặc thiết lập bằng tay bằng cách chụp một vật màu trắng. Trong chế độ vùng cơ bản, [AWB] (Ưu tiên môi trường) sẽ được thiết lập tự động. (Trong chế độ <P>, [AWB w] (Ưu tiên màu trắng) được thiết lập.)



1 Nhấn nút <▼ WB>.

- ▶ [White balance (Cân bằng trắng)] sẽ xuất hiện.



2 Chọn thiết lập cân bằng trắng.

- Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <🌀> để chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- “Approx. ****K (Khoảng ****K)”
(K: Kelvin - một đơn vị đo nhiệt độ)
hiển thị cho thiết lập cân bằng trắng
<🌞>, <🏠>, <☁>, <🌙> hoặc
<🌋> là nhiệt độ màu tương ứng.

[AWB] Thiết lập cân bằng trắng tự động

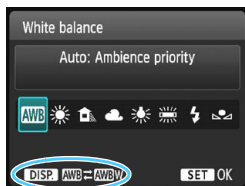
Với **[AWB]** (Ưu tiên môi trường), bạn có thể tăng cường độ của sắc thái màu ấm khi chụp ảnh dưới ánh đèn dây tóc. Nếu bạn chọn **[AWB w]** (Ưu tiên màu trắng), có thể giảm cường độ sắc thái màu ấm của ảnh. Nếu muốn tự động cân bằng trắng giống như các model máy ảnh EOS DIGITAL trước kia, chọn **[AWB]** (Ưu tiên môi trường).

1 Nhấn nút **<▼ WB>**.

- ▶ **[White balance (Cân bằng trắng)]** sẽ xuất hiện.

2 Chọn **[AWB]**.

- Chọn **[AWB]**, rồi nhấn nút **<DISP.>**.



3 Chọn mục mong muốn.

- Chọn **[Auto: Ambience priority (Tự động: Ưu tiên môi trường)]** hoặc **[Auto: White priority (Tự động: Ưu tiên màu trắng)]**, rồi nhấn **<SET>**.

[AWB] : Tự động: Ưu tiên môi trường

[AWB w] : Tự động: Ưu tiên màu trắng

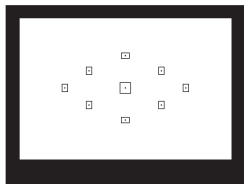


Thận trọng khi thiết lập **[AWB w]** (Ưu tiên màu trắng)

- Sắc thái màu ấm của chủ thể có thể bị nhạt.
- Tổng ấm của ảnh có thể sẽ không bị giảm khi có nhiều nguồn sáng trên màn hình.
- Khi sử dụng flash, tông màu sẽ tương tự như **[AWB]** (Ưu tiên môi trường).

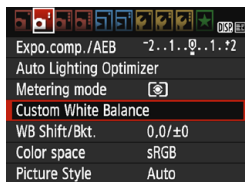
Cân bằng trắng tùy chỉnh

Cân bằng trắng tùy chỉnh cho phép bạn thiết lập cân bằng trắng bằng tay cho nguồn sáng cụ thể. Đảm bảo thực hiện quy trình này dưới nguồn sáng của địa điểm chụp ảnh thực tế.



1 Chụp vật màu trắng.

- Đặt vật trắng hoàn toàn choán hết trung tâm khung ngắm.
- Lấy nét tay và chụp với mức phơi sáng chuẩn thiết lập cho chủ thể màu trắng.
- Bạn có thể sử dụng bất kỳ cân bằng trắng nào.



2 Chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)].

- Trong tab [, chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình chọn cân bằng trắng tùy chỉnh sẽ xuất hiện.



3 Nhập dữ liệu cân bằng trắng.

- Chọn ảnh đã chụp ở bước 1, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Trên màn hình hộp thoại xuất hiện, chọn [OK] và dữ liệu sẽ được nhập.
- Khi menu xuất hiện lại, nhấn nút <MENU> để thoát menu.



4 Chọn [(Tùy chỉnh)].

- Nhấn nút <▼ WB>.
- Chọn [ (Tùy chỉnh)], rồi nhấn <SET>.

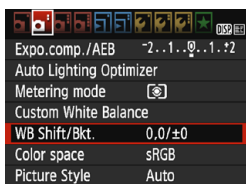
- Nếu độ phơi sáng thu được ở bước 1 khác nhiều so với phơi sáng chuẩn, có thể không đạt được cân bằng trắng chính xác.
- Ở bước 3, không thể chọn các ảnh sau: ảnh được chụp khi đặt kiểu ảnh thành **[Monochrome (Đơn sắc)]** (tr.96), ảnh được xử lý bằng bộ lọc sáng tạo hoặc ảnh chụp bằng máy ảnh khác.

- Thay vì vật màu trắng, biểu đồ màu xám hoặc thẻ phản chiếu màu xám 18% (bán sẵn trên thị trường) có thể tạo cân bằng trắng chính xác hơn.
- Cân bằng trắng riêng đã đăng ký với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.322) sẽ được đăng ký trong []. Nếu bạn thực hiện bước 3, dữ liệu cân bằng trắng cá nhân đã đăng ký sẽ bị xóa.

WB Điều chỉnh tông màu cho nguồn sáng ☆

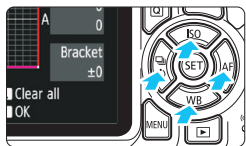
Bạn có thể sửa mức cân bằng trắng đã được thiết lập. Điều chỉnh này sẽ có cùng hiệu ứng như sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bộ lọc bù màu có bán sẵn. Mỗi màu có thể được chỉnh thành một trong chín mức. Chức năng này dành cho người dùng chuyên nghiệp, đặc biệt là người dùng hiểu rõ cách sử dụng bộ lọc bù màu và chuyển đổi nhiệt độ màu cũng như hiệu ứng của bộ lọc.

Hiệu chỉnh cân bằng trắng



1 Chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].

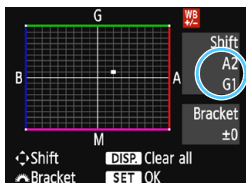
- Trong tab [2], chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình hiệu chỉnh cân bằng trắng/cân bằng trắng hỗn hợp sẽ xuất hiện.



2 Thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng.

- Nhấn phím đa chiều <4-way> để di chuyển dấu "■" đến vị trí mong muốn.
- B là màu xanh da trời, A là màu hồng phách, M là màu đỏ tím và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu sẽ được điều chỉnh theo hướng màu di chuyển.
- Ở bên phải màn hình, biểu tượng "Shift" biểu thị hướng và lượng chỉnh sửa tương ứng.
- Nhấn nút <DISP.> sẽ hủy tất cả thiết lập [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn <SET> để thoát thiết lập và quay lại menu.

Thiết lập mẫu: A2, G1



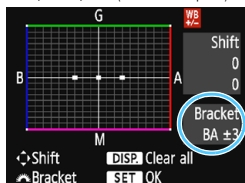
- Khi cân bằng trắng được chỉnh, <WB> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên màn hình LCD.
- Một mức chỉnh màu xanh da trời/màu hồng phách tương ứng với khoảng 5 mired trong bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu. (Mired: Đơn vị đo lường biểu thị mật độ của bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu.)

Tự động cân bằng trắng hỗn hợp

Chỉ với một lần chụp, có thể ghi đồng thời 3 ảnh có tông màu khác nhau. Dựa trên nhiệt độ màu của thiết lập cân bằng trắng hiện tại, ảnh sẽ bù độ chênh lệch xanh da trời/hồ phách hoặc độ chênh lệch đỏ tía/xanh lá cây. Tính năng này được gọi là cân bằng trắng hỗn hợp (WB Bkt.). Có thể thực hiện cân bằng trắng hỗn hợp lên tới ± 3 mức trong tăng giảm mức đơn.



Mức độ chênh lệch B/A (Xanh da trời/Hồ phách) ± 3



Thiết lập lượng cân bằng trắng hỗn hợp.

- Ở bước 2 trong phần “Hiệu chỉnh cân bằng trắng”, khi xoay nút xoay < >, dấu “■” trên màn hình sẽ chuyển thành “■■■” (3 điểm). Xoay nút xoay sang phải để thiết lập B/A hỗn hợp (Xanh da trời/Hồ phách) và xoay sang trái để thiết lập M/G hỗn hợp (Đỏ tía/Xanh lá cây).
- Ở bên phải, “**Bracket (Hỗn hợp)**” biểu thị hướng chỉnh hỗn hợp và lượng hiệu chỉnh.
- Nhấn nút <DISP.> sẽ hủy tất cả thiết lập [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn <SET> để thoát thiết lập và quay lại menu.

Thứ tự phơi sáng hỗn hợp

Ảnh sẽ được phơi sáng hỗn hợp theo thứ tự sau: 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Độ chênh lệch xanh da trời (B) và 3. Độ chênh lệch hồ phách (A) hoặc 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Độ chênh lệch đỏ tía (M) và 3. Độ chênh lệch xanh lá cây (G).

Trong cân bằng trắng hỗn hợp, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ thấp hơn và số ảnh có thể chụp cũng sẽ giảm xuống khoảng 1/3 số lượng thông thường.



- Bạn cũng có thể thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng và AEB đồng thời với cân bằng trắng hỗn hợp. Nếu thiết lập AEB kết hợp với cân bằng trắng hỗn hợp, mỗi lần chụp sẽ ghi tổng số chín ảnh.
- Vì có ba ảnh được ghi trong một lần chụp nên việc ghi ảnh vào thẻ sẽ mất thời gian hơn.
- Trong khi chụp Live View, biểu tượng cân bằng trắng sẽ nhấp nháy.
- “Bkt.” là viết tắt của bracketing (thực hiện hỗn hợp với các giá trị bao quanh).

MENU Thiết lập phạm vi tái tạo màu ☆

Phạm vi màu sắc có thể được tạo ra gọi là “không gian màu”. Với máy ảnh này, bạn có thể thiết lập không gian màu cho ảnh chụp thành sRGB hoặc Adobe RGB. Khi chụp bình thường, nên sử dụng sRGB. Trong chế độ vùng cơ bản, sRGB được tự động thiết lập.

1 Chọn [Color space (Không gian màu)].

- Trong tab [📷2], chọn [Color space (Không gian màu)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập không gian màu mong muốn.

- Chọn [sRGB] hoặc [Adobe RGB], rồi nhấn <SET>.



Adobe RGB

Không gian màu này chủ yếu sử dụng trong in thương mại và các mục đích công nghiệp khác. Không nên sử dụng thiết lập này nếu bạn không quen với xử lý ảnh, Adobe RGB và quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Ảnh trông sẽ rất dẹt trong môi trường máy tính sRGB và với máy in không tương thích với quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Do đó, bắt buộc phải xử lý hậu kỳ ảnh bằng phần mềm máy tính.



- Nếu ảnh được chụp ở không gian màu Adobe RGB, ký tự đầu tiên trong tên tập tin sẽ là dấu gạch dưới “_”.
- Cấu hình ICC không được cung cấp kèm. Để tìm hiểu giải thích về cấu hình ICC, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional.

[illegible]

5

Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)

Bạn có thể chụp khi đang xem ảnh trên màn hình LCD của máy ảnh. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”.

Chụp Live View có hiệu quả với các chủ thể không chuyển động.

Nếu bạn cầm máy ảnh và chụp khi đang xem màn hình LCD, máy ảnh rung có thể làm mờ ảnh. Bạn nên sử dụng chân máy.



Chụp Live View từ xa

Với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.322) cài đặt trên máy tính, bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và chụp từ xa khi đang xem trên màn hình máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility.

Chụp với màn hình LCD



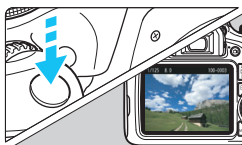
1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút .
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Ảnh Live View phản ánh xác thực hơn độ sáng của ảnh chụp thực tế.



2 Lấy nét chủ thể.

- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF đang được thiết lập (tr.148).



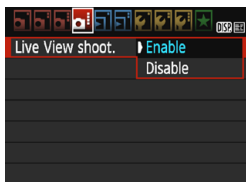
3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem lại kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút  để thoát khỏi chế độ chụp Live View.



- Phạm vi xem ảnh là khoảng 100% (khi chất lượng ghi ảnh đặt thành JPEG .
- Lấy nét một lần sẽ được áp dụng khi chụp Live View (tr.97) đối với tất cả các chế độ chụp.
- Khi chụp Live View, chế độ đo sáng sẽ cố định thành đo sáng toàn khung ảnh.
- Ở chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể kiểm tra độ sâu trường ảnh bằng cách đặt [9: Assign SET button (Gán cho nút SET)] trong [4: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] thành [4: Depth-of-field preview (Xem trước độ sâu trường ảnh)] và nhấn nút .
- Khi chụp liên tục, độ phơi sáng thiết lập cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh sau đó.

Bật chế độ chụp Live View



Đặt [Live View shoot. (Chụp Live View)] thành [Enable (Bật)].

Ở chế độ vùng cơ bản, các tùy chọn menu Live View sẽ hiển thị trong [CAM2], và ở chế độ vùng sáng tạo, các tùy chọn sẽ hiển thị trong [CAM4].

Số ảnh có thể chụp ở chế độ chụp Live View

(Số lượng ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Không sử dụng flash	190	180
Sử dụng flash đối với 50% ảnh	180	170

- Các số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E10 được sạc đầy và tiêu chuẩn thử nghiệm của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Với Pin LP-E10 được sạc đầy, máy ảnh có thể chụp Live View liên tục trong khoảng 1 giờ 25 phút ở nhiệt độ phòng (23°C / 73°F).



- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Các lưu ý chung khi chụp Live View nằm ở trang 157-158.**



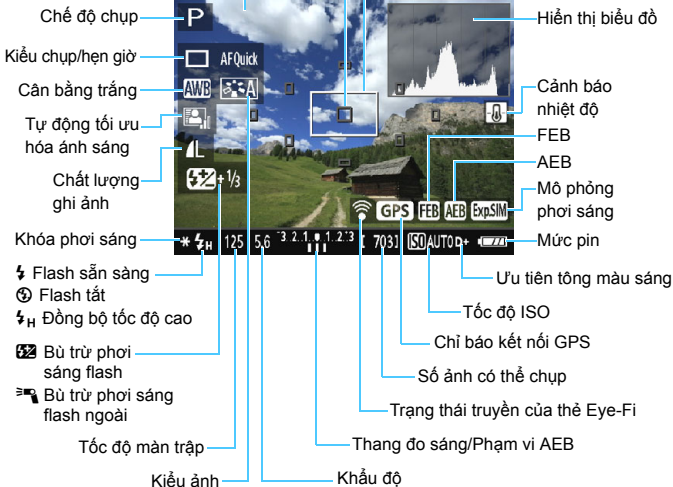
- Khi sử dụng flash, tiếng màn trập sẽ phát ra hai lần, nhưng chỉ có một ảnh được chụp. Ngoài ra, thời gian chuẩn bị để chụp ảnh sau khi nhấn hoàn toàn nút chụp sẽ hơi lâu hơn so với chụp bằng khung ngắm.
- Nếu máy ảnh không hoạt động trong thời gian dài, nguồn sẽ tự động tắt sau khi hết thời gian thiết lập trong [F1: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] (tr.185). Nếu đặt [F1: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] thành [Disable (Tắt)], chụp Live View sẽ tự động kết thúc sau khoảng 30 phút (nguồn máy ảnh luôn bật).
- Sử dụng cáp HDMI (bán riêng) để hiển thị ảnh Live View trên TV (tr.228). Lưu ý rằng không có âm thanh đầu ra.

Hiện thị thông tin

- Mỗi lần nhấn nút <DISP.>, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.

Phương pháp AF

- AF □ : Vùng linh hoạt - 1 điểm
- AF ˆ : ˆ Chế độ Live
- AFQuick : Chế độ nhanh



- Biểu tượng <Exp.SIM> hiển thị màu trắng cho biết ảnh Live View có độ sáng gần với độ sáng của ảnh chụp thực tế.
- Biểu tượng <Exp.SIM> nhấp nháy cho biết ảnh Live View có độ sáng khác với ảnh chụp thực tế do điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ phản ánh thiết lập phơi sáng. Lưu ý rằng ảnh chụp thực tế sẽ thấy rõ nhiễu hạt hơn.
- Nếu sử dụng đèn flash hoặc thiết lập phơi sáng bulb, biểu tượng <Exp.SIM> và biểu đồ sẽ hiển thị màu xám (để tham khảo). Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, biểu đồ có thể không hiển thị chính xác.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng là chức năng hiển thị ảnh Live View có áp dụng các thiết lập hiện tại về kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng chụp khác.

Trong khi chụp, ảnh Live View sẽ tự động biểu thị các thiết lập chức năng được liệt kê bên dưới. Tuy nhiên, ảnh hiển thị có thể hơi khác so với ảnh kết quả.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng trong khi chụp Live View

- Kiểu ảnh
 - * Tất cả các thiết lập ví dụ như độ sắc nét, độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Hiệu chỉnh cân bằng trắng
- Chụp ảnh dựa trên môi trường
- Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh
- Tông màu (ở chế độ <P>)
- Phơi sáng
- Độ sâu trường ảnh (Khi đặt C.Fn-9-4 và <SET> BẬT)
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Ưu tiên tông màu sáng
- Tỷ lệ khung ảnh (xác nhận khu vực chụp)

Thiết lập chức năng chụp

Các thiết lập chức năng cụ thể cho chụp Live View được giải thích bên dưới.

Q Điều khiển nhanh

Trong chế độ vùng sáng tạo, khi ảnh đang hiển thị trên màn hình LCD, bạn có thể nhấn nút <Q> để thiết lập các chức năng sau: **Phương pháp AF, Kiểu chụp/hẹn giờ, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Chất lượng ghi ảnh và tốc độ ISO**. Trong chế độ vùng cơ bản, bạn có thể thiết lập các chức năng trong bảng ở trang 75 cũng như các chức năng in đậm ở trên.



1 Nhấn nút <Q>.

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt với điều khiển nhanh sẽ xuất hiện ở bên trái màn hình.
- Nếu phương pháp AF là <AFQuick>, thì điểm AF cũng sẽ hiển thị. Bạn cũng có thể chọn điểm AF (tr.154).

2 Chọn và thiết lập chức năng.

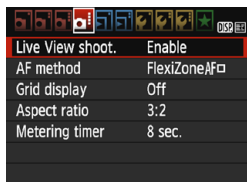
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chức năng.
- ▶ Các thiết lập của chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.55) sẽ xuất hiện.
- Nhấn phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <⌂> để chọn chức năng. Nhấn <SET> sẽ hiển thị màn hình thiết lập chức năng tương ứng.
- Để đặt cân bằng trắng tự động, chọn [AWB], nhấn <SET>, rồi nhấn nút <DISP>.

3 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút <Q> để quay lại màn hình chụp Live View.

 Ở chế độ vùng sáng tạo, nếu đặt [10: Flash button function (Chức năng của nút flash)] thành [1: ISO speed (Tốc độ ISO)] trong [43: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], bạn có thể nâng flash tích hợp bằng điều khiển nhanh. Tốc độ ISO sẽ được đặt bằng nút <⚡>.

Thiết lập chức năng menu



Tùy chọn menu hiển thị như sau.

Các chức năng có thể cài đặt trên màn hình menu bên trái chỉ áp dụng cho chụp Live View. Không thể sử dụng các chức năng này khi chụp qua khung ngắm (thiết lập bị tắt).

Ở chế độ vùng cơ bản, các tùy chọn menu Live View sẽ hiển thị trong [📷2], và ở chế độ vùng sáng tạo, các tùy chọn sẽ hiển thị trong [📷4].

- **Live View shooting (Chụp Live View)**

Bạn có thể đặt chức năng chụp Live View thành [Enable (Bật)] hoặc [Disable (Tắt)].

- **AF method (Phương pháp AF)**

Bạn có thể chọn [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)], [📷 Live mode (📷 Chế độ Live)] hoặc [Quick mode (Chế độ nhanh)]. Để tìm hiểu thêm về phương pháp AF, tham khảo trang 148-155.

- **Grid display (Hiển thị khung lưới)**

Bạn có thể chọn hiển thị [Grid 1 1# (Khung lưới 1 1#)] hoặc [Grid 2 2# (Khung lưới 2 2#)]. để có thể cân bằng máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang khi chụp.

● Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh) ☆

Bạn có thể đặt tỷ lệ khung ảnh thành **[3:2]**, **[4:3]**, **[16:9]** hoặc **[1:1]**. Khu vực xung quanh ảnh Live View được che bằng màu đen khi tỷ lệ khung ảnh là: **[4:3]** **[16:9]** **[1:1]**.

Ảnh JPEG sẽ được lưu lại với tỷ lệ khung ảnh đã đặt. Ảnh RAW luôn được lưu lại với tỷ lệ khung ảnh **[3:2]**. Thông tin tỷ lệ khung ảnh đã chọn sẽ được thêm vào tập tin ảnh RAW. Khi xử lý ảnh RAW bằng phần mềm EOS, ảnh được tạo sẽ có tỷ lệ khung ảnh giống với khi chụp. Trong trường hợp tỷ lệ khung ảnh là **[4:3]**, **[16:9]** và **[1:1]**, các đường kẻ biểu thị tỷ lệ khung ảnh sẽ xuất hiện khi xem lại ảnh, nhưng không hiển thị trên ảnh.

Chất lượng ảnh	Tỷ lệ khung ảnh và độ phân giải (Ước chừng)			
	3:2	4:3	16:9	1:1
L	5184x3456 (17,9 megapixel)	4608x3456 (16,0 megapixel)	5184x2912* (15,1 megapixel)	3456x3456 (11,9 megapixel)
M	3456x2304 (8,0 megapixel)	3072x2304 (7,0 megapixel)	3456x1944 (6,7 megapixel)	2304x2304 (5,3 megapixel)
S1	2592x1728 (4,5 megapixel)	2304x1728 (4,0 megapixel)	2592x1456* (3,8 megapixel)	1728x1728 (3,0 megapixel)
S2	1920x1280 (2,5 megapixel)	1696x1280* (2,2 megapixel)	1920x1080 (2,1 megapixel)	1280x1280 (1,6 megapixel)
S3	720x480 (350.000 pixel)	640x480 (310.000 pixel)	720x400* (290.000 pixel)	480x480 (230.000 pixel)

- Thiết lập chất lượng ghi ảnh đánh dấu sao không khớp chính xác với tỷ lệ khung ảnh tương ứng.
- Đối với tỷ lệ khung ảnh đánh dấu sao, khu vực chụp hiển thị sẽ lớn hơn khu vực ảnh được ghi. Kiểm tra ảnh trên màn hình LCD khi chụp.
- Ở tỷ lệ khung ảnh 1:1, nếu sử dụng máy ảnh khác để in trực tiếp ảnh được chụp bằng máy ảnh này, ảnh có thể không được in chính xác.

● **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng) [☆]**

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị thiết lập phơi sáng (thời gian khóa phơi sáng). Ở chế độ vùng cơ bản, hẹn giờ đo sáng được cố định ở 8 giây.



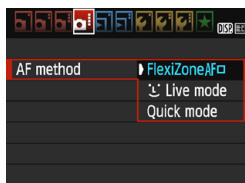
Chụp Live View sẽ tạm dừng khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây. Nhấn lại nút <📷> để tiếp tục chụp Live View.

- Chọn [**3: Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)**], [**2: Clean manually (Làm sạch bằng tay)**], [**3: Clear settings (Xóa thiết lập)**] hoặc [**3: Firmware ver. (Phiên bản firmware)**]
- Chuyển chế độ chụp (giữa một chế độ vùng cơ bản và một chế độ vùng sáng tạo).

Sử dụng lấy nét tự động để lấy nét (Phương pháp AF)

Chọn phương pháp AF

Bạn có thể chọn phương pháp AF phù hợp với điều kiện chụp hoặc chủ thể. Máy ảnh cung cấp các phương pháp AF sau: **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**, **[Live mode (Chế độ Live)]** (nhận diện khuôn mặt, tr.149) và **[Quick mode (Chế độ nhanh)]** (tr.154). Để lấy nét chính xác, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, phóng to ảnh và thực hiện lấy nét tay (tr.156).



Chọn phương pháp AF.

- Trong tab [**4**], chọn **[AF method (Phương pháp AF)]**. (Ở chế độ vùng cơ bản, chức năng này ở trong tab [**2**].)
- Chọn phương pháp AF mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Khi hiển thị ảnh Live View, bạn có thể nhấn nút <Q> để chọn phương pháp AF với điều khiển nhanh (tr.144).

Vùng linh hoạt - 1 điểm: AF □

Cảm biến hình ảnh được sử dụng để lấy nét. Mặc dù máy ảnh có thể tự động lấy nét đối với ảnh Live View được hiển thị, **thao tác AF sẽ tốn nhiều thời gian hơn so với chế độ nhanh**. Ngoài ra, quá trình lấy nét có thể khó hơn so với chế độ nhanh.



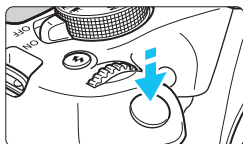
Điểm AF

1 Hiển thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <LIVE VIEW>.
- Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Điểm AF <□> xuất hiện.

2 Di chuyển điểm AF.

- Nhấn phím đa chiều <DIR> để di chuyển điểm AF đến vị trí muốn lấy nét. (Không thể di chuyển đến phần rìa của màn hình.)
- Nhấn <SET> để đưa điểm AF về trung tâm. (Nếu đặt C.Fn-9, nhấn giữ nút <Av/ISO/AF-ON> rồi nhấn <SET>.)



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.140).

☺ (Nhận diện khuôn mặt) Chế độ Live: AF ☺

Khuôn mặt người được nhận diện và lấy nét bằng phương pháp AF giống như Vùng linh hoạt - 1 điểm. Để người cần chụp hướng về máy ảnh.

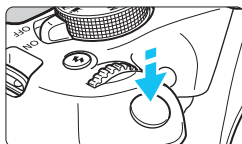


1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <📷>.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

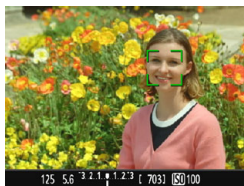
2 Kiểm tra điểm AF.

- Khung <[]> sẽ xuất hiện trên khuôn mặt được phát hiện để lấy nét.
- Khung <[]> hiển thị trong trường hợp nhiều khuôn mặt được phát hiện. Sử dụng các phím <◀> <▶> để di chuyển khung <[]> đến khuôn mặt muốn lấy nét.



3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét khuôn mặt nằm trong khung <[]>.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bip.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.
- Nếu không nhận diện được khuôn mặt, điểm AF <[]> sẽ hiển thị và máy ảnh thực hiện lấy nét tự động ở trung tâm.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.140).

- !
- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt của chủ thể bị mất nét. Nếu ống kính cho phép lấy nét tay ngay cả khi công tắc chế độ lấy nét của ống kính được đặt thành <AF>, xoay vòng lấy nét để lấy nét sơ qua. Sau đó, khuôn mặt sẽ được nhận diện và khung <[]> hiển thị.
 - Máy ảnh có thể nhận diện nhầm các chủ thể khác thành khuôn mặt người.
 - Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt trong ảnh quá nhỏ/quá lớn, quá sáng/quá tối, nghiêng ngang/chéo hoặc bị che khuất một phần.
 - Khung <[]> có thể chỉ bao quanh một phần khuôn mặt.

- !
- Khi nhấn <[SET]>, phương pháp AF sẽ chuyển thành **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]** (tr.148). Bạn có thể nhấn phím đa chiều <[]> để di chuyển điểm AF. Nhấn lại <[SET]> để quay lại **[Face detection) Live Mode ((Nhận diện khuôn mặt) Chế độ Live)]**. (Nếu đặt C.Fn-9, nhấn giữ nút <[Av]/[]> rồi nhấn <[SET]>.)
 - Do máy ảnh không thể tự động lấy nét khuôn mặt được phát hiện gần rìa bức ảnh, khung <[]> sẽ mờ đi. Sau đó, nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp, điểm AF trung tâm <[]> sẽ được sử dụng để lấy nét.

Lưu ý cho [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] và [⌂ Live mode (⌂ Chế độ Live)]

Thao tác AF

- Thời gian lấy nét sẽ lâu hơn so với [Quick mode (Chế độ nhanh)].
- Ngay cả khi đã lấy được nét, bạn có thể lấy nét lại bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.
- Bạn có thể lấy nét liên tục một chủ thể chuyển động.
- Độ sáng của ảnh có thể thay đổi trong và sau thao tác AF.
- Nếu nguồn sáng thay đổi khi ảnh Live View hiển thị, màn hình có thể nhấp nháy và khó thực hiện lấy nét hơn. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và thực hiện lấy nét dưới nguồn sáng thực.

Xem phóng to

- Khi đặt thành [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] và nhấn nút <⌂>, khu vực được điểm AF bao trùm sẽ phóng to. Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét khi đang ở chế độ xem phóng to. Thao tác này hiệu quả khi lắp máy ảnh vào chân máy và muốn lấy được nét thật chính xác. Nếu khó lấy nét ở chế độ xem phóng to, bạn có thể trở về hiển thị bình thường và lấy nét tự động. Lưu ý rằng tốc độ AF có thể khác nhau giữa chế độ xem bình thường và chế độ xem phóng to.
- Nếu phóng to chế độ xem sau khi lấy nét bằng [FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] ở chế độ xem bình thường, ảnh có thể không được lấy nét chính xác.
- Không thể xem phóng to khi thiết lập [⌂ Live mode (⌂ Chế độ Live)].

Các điều kiện chụp khó lấy nét

- Chủ thể có độ tương phản thấp, ví dụ bầu trời xanh, bề mặt phẳng có màu đồng nhất, hoặc khi các chi tiết vùng sáng hoặc vùng tối bị mất.
- Chủ thể dưới ánh sáng yếu.
- Sọc vằn và các chi tiết chỉ có độ tương phản theo hướng ngang.
- Chủ thể có chi tiết lặp đi lặp lại (Ví dụ: Cửa sổ của tòa nhà cao tầng, bàn phím máy tính, v.v...).
- Đường mảnh và đường viền của chủ thể.
- Chủ thể dưới nguồn sáng có độ sáng, màu sắc hoặc hình dạng luôn thay đổi.
- Cảnh ban đêm hoặc các đốm sáng.
- Ảnh nhấp nháy dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED.
- Chủ thể cực nhỏ.
- Chủ thể ở phần rìa của bức ảnh.
- Ngược sáng mạnh hoặc các chủ thể phản chiếu (Ví dụ: Thân xe ô tô có độ phản chiếu cao, v.v...).
- Điểm AF bao trùm cả chủ thể gần và xa (Ví dụ: Động vật bị nhốt trong chuồng, v.v...).
- Chủ thể liên tục di chuyển trong phạm vi điểm AF và không thể giữ nguyên hình do rung máy hoặc chủ thể bị mờ.
- Chủ thể đang di chuyển đến gần hoặc ra xa khỏi máy ảnh.
- Lấy nét tự động khi chủ thể bị mất nét nghiêm trọng.
- Áp dụng hiệu ứng lấy nét mềm với ống kính lấy nét mềm.
- Áp dụng bộ lọc hiệu ứng đặc biệt.
- Nhiều hạt (điểm sáng, dải, v.v...) xuất hiện trên màn hình trong khi lấy nét tự động.



- Nếu không lấy được nét trong các điều kiện chụp nêu ở trang trước, bạn có thể đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và thực hiện lấy nét tay.
- Nếu thực hiện lấy nét tự động với bất kỳ ống kính nào sau đây, bạn nên sử dụng chế độ **[Quick mode (Chế độ nhanh)]**. Thời gian lấy nét tự động bằng **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]** hoặc **[L Live mode (L Chế độ Live)]** có thể lâu hơn hoặc ảnh có thể không được lấy nét chính xác.

EF50mm f/1.4 USM, EF50mm f/1.8 II, EF50mm f/2.5 Compact Macro,
EF100mm f/2.8 Macro USM, EF75-300mm f/4-5.6 II,
EF75-300mm f/4-5.6 III USM

Để tìm hiểu thông tin về các ống kính khác, tham khảo trang web của Canon.



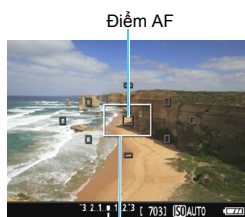
- Nếu chủ thể ở ngoài rìa bức ảnh và hơi bị mất nét, hướng điểm AF trung tâm vào chủ thể để lấy nét, rồi thực hiện bố cục lại và chụp ảnh.
- Máy ảnh sẽ không đánh sáng tia giúp lấy nét. Tuy nhiên, nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) được trang bị đèn LED, đèn LED sẽ bật để hỗ trợ lấy nét khi cần.
- Trong chế độ xem phóng to, bạn có thể khó lấy nét do máy ảnh rung. Bạn nên sử dụng chân máy.

Chế độ nhanh: AFQuick

Cảm biến AF chuyên dụng được sử dụng để lấy nét trong chế độ lấy nét một lần (tr.97), sử dụng phương pháp AF giống như chụp bằng khung ngắm.

Mặc dù có thể nhanh chóng lấy nét chủ thể đích, **ảnh Live View sẽ bị gián đoạn trong giây lát khi thực hiện thao tác AF.**

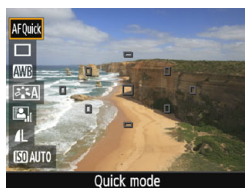
Bạn có thể sử dụng chín điểm AF để lấy nét (được chọn tự động). Bạn cũng có thể chọn một điểm AF để lấy nét và chỉ lấy nét khu vực được bao trùm bởi điểm AF đó (chọn bằng tay).



Khung phóng to

1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút < >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Các hộp nhỏ trên màn hình là điểm AF, và hộp to hơn là khung phóng to.



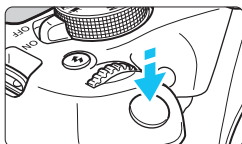
Quick mode

2 Chọn điểm AF. ☆

- Nhấn nút < > () để hiển thị màn hình điều khiển nhanh.
- ▶ Các chức năng có thể thiết lập sẽ hiển thị ở bên trái màn hình.
- Nhấn các phím < > < > để khiến điểm AF có thể chọn được.
- Xoay nút xoay < > để chọn điểm AF.



Manual selection



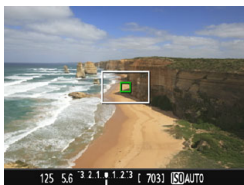
3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Ảnh Live View sẽ tắt, gương lật hạ xuống và máy ảnh thực hiện lấy nét tự động. (Không có ảnh nào được chụp.)
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF lấy được nét chuyển sang màu xanh lá cây và ảnh Live View sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu cam và nhấp nháy.



4 Chụp ảnh.

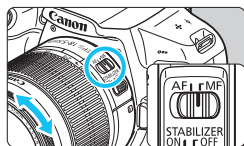
- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.140).



Không thể chụp ảnh trong quá trình lấy nét tự động. Chụp ảnh khi ảnh Live View hiển thị.

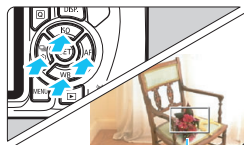
MF: Lấy nét tay

Bạn có thể phóng to ảnh và lấy nét chính xác với lấy nét tay.



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

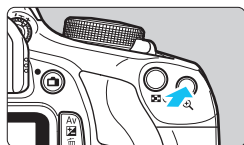
- Xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét thô.



2 Di chuyển khung phóng to.

- Nhấn phím đa chiều <⇦⇨> để di chuyển khung phóng to đến vị trí muốn lấy nét.
- Nhấn <SET> để đưa khung phóng to về trung tâm. (Nếu đặt C.Fn-9, nhấn giữ nút <Av/☐/☐> rồi nhấn <SET>.)

Khung phóng to



3 Phóng to ảnh.

- Nhấn nút <Q>.
- ▶ Khu vực nằm trong khung phóng to sẽ được phóng to.
- Mỗi lần nhấn nút <Q>, hệ số phóng to của ảnh sẽ thay đổi theo thứ tự sau:

→5x → 10x → Chế độ xem bình thường



4 Lấy nét tay.

- Khi xem ảnh phóng to, xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét.
- Sau khi lấy được nét, nhấn nút <Q> để trở về chế độ xem bình thường.

Khóa phơi sáng
Vị trí khu vực phóng to

Hệ số phóng to

5 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và độ phơi sáng, rồi nhấn nút chụp để chụp ảnh (tr.140).



Các lưu ý chung khi chụp Live View

Chất lượng ảnh

- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiễu hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dải).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể gây nhiễu ảnh và màu trong ảnh không đều.
- Sử dụng chụp Live View liên tục trong thời gian dài có thể làm nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên và chất lượng ảnh xấu đi. Thoát chụp Live View khi không sử dụng.
- Chụp phơi sáng lâu khi nhiệt độ bên trong máy ảnh cao có thể làm chất lượng ảnh xấu đi. Thoát chụp Live View và đợi vài phút trước khi chụp lại.

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh <H> màu trắng và <H> màu đỏ

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do chụp Live View trong thời gian dài hoặc trong điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng <H> màu trắng hoặc <H> màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <H> màu trắng cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên tạm thời thoát chế độ chụp Live View để nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống trước khi chụp lại.
- Biểu tượng <H> màu đỏ cho biết chụp Live View sẽ nhanh chóng tự động tắt. Trong trường hợp này, không thể tiếp tục chụp cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Thoát chụp Live View hoặc tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Sử dụng chụp Live View ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng <H> và <H> xuất hiện sớm hơn. Luôn tắt máy ảnh khi không chụp.
- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao, chất lượng của ảnh chụp với tốc độ ISO cao hoặc phơi sáng lâu có thể giảm sút ngay cả trước khi biểu tượng <H> màu trắng hiển thị.

Kết quả chụp

- Nếu chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, phơi sáng có thể không đạt được hiệu quả mong muốn. Trờ về chế độ xem bình thường trước khi chụp ảnh. Ở chế độ xem phóng to, thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu cam. Ngay cả khi chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, ảnh vẫn được chụp với khu vực chụp ở chế độ xem bình thường.
- Sử dụng ống kính TS-E (ngoại trừ TS-E17mm f/4L hoặc TS-E24mm f/3.5L II) và di chuyển/ngiên nghiêng ống kính hoặc sử dụng ống nối, có thể làm phơi sáng không chuẩn hoặc dẫn đến phơi sáng không đều.

Các lưu ý chung khi chụp Live View

Ảnh Live View

- Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, ảnh Live View có thể không phản ánh được độ sáng của ảnh chụp.
- Ngay cả khi đặt tốc độ ISO thấp, nhiều hạt có thể thấy rõ trên ảnh Live View dưới ánh sáng yếu. Tuy nhiên, khi chụp, ảnh ghi lại sẽ ít nhiễu hơn. (Chất lượng ảnh của ảnh Live View khác so với chất lượng ảnh của ảnh được ghi.)
- Nếu nguồn sáng trong ảnh thay đổi, màn hình có thể nhấp nháy. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và tiếp tục chụp Live View dưới nguồn sáng thực.
- Hướng máy ảnh theo hướng khác có thể làm mất độ sáng chính xác của ảnh Live View trong giây lát. Chờ mức độ sáng ổn định rồi tiến hành chụp.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ hiển thị chính xác khu vực sáng.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, nếu đặt [**42: LCD brightness (Độ sáng LCD)**] ở một mức độ sáng nhất định, ảnh Live View có thể xuất hiện nhiều hạt hoặc nhiễu sắc độ. Tuy nhiên, nhiều hạt hoặc nhiễu sắc độ sẽ không ghi lại trong ảnh chụp.
- Khi phóng to ảnh, độ sắc nét của ảnh có thể trông rõ ràng hơn trong ảnh thực.

Chức năng tùy chỉnh

- Khi chụp Live View, một số thiết lập chức năng tùy chỉnh nhất định sẽ không có hiệu lực (tr.261).

Ống kính và Flash

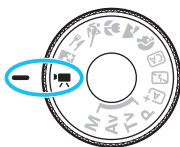
- Trong khi chụp Live View, bạn không thể sử dụng chức năng lấy nét được thiết lập sẵn cho ống kính siêu xa.
- Khi sử dụng flash tích hợp hay đèn Speedlite gắn ngoài, khóa phơi sáng flash sẽ không hoạt động. Đánh sáng flash mẫu sẽ không hoạt động với đèn Speedlite gắn ngoài.

Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, rộp da do bỏng tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.

6

Quay phim



Bạn có thể quay phim bằng cách đặt nút xoay chế độ thành <📹>. Định dạng phim được ghi là MOV.

- Để tìm hiểu thẻ nhớ có thể ghi phim, tham khảo trang 5.



Full HD 1080

Full HD 1080 chỉ khả năng tương thích với độ phân giải cao với 1080 điểm ảnh dọc (đường quét).



Quay phim

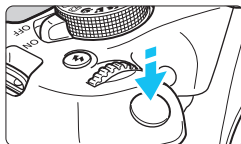
Kết nối máy ảnh đến TV để xem lại phim đã quay (tr.228).

Quay phim phơi sáng tự động



1 Đặt nút xoay chế độ thành <[Movie Camera Icon]>.

- ▶ Gương lật phát ra âm thanh, sau đó ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



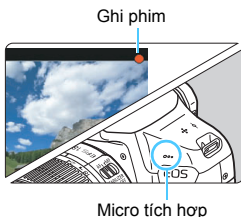
2 Lấy nét chủ thể.

- Trước khi quay phim, thực hiện lấy nét tự động hoặc lấy nét tay (tr.148-156).
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF hiện tại.



3 Quay phim.

- Nhấn nút <[Movie Camera Icon]> để bắt đầu quay phim. Để dừng quay phim, nhấn lại nút <[Movie Camera Icon]>.
- ▶ Trong khi đang quay phim, dấu [●] sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
- ▶ Âm thanh sẽ được ghi qua micro tích hợp.





- Các lưu ý chung khi quay phim nằm ở trang 181-182.
- Nếu cần, tham khảo thêm phần Các lưu ý chung khi chụp Live View ở các trang 157-158.



- Tốc độ ISO (ISO 100 - ISO 6400), tốc độ màn trập và khẩu độ được thiết lập tự động.
- Bạn có thể nhấn nút < > (tr.120) để khóa phơi sáng (khóa phơi sáng). Thiết lập phơi sáng sẽ hiển thị số giây thiết lập với [2: **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)**]. Nếu thực hiện khóa phơi sáng khi đang quay phim, bạn có thể hủy khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút < >. (Thiết lập khóa phơi sáng được lưu giữ cho đến khi nhấn nút < >.)
- Bạn có thể nhấn giữ nút < > và xoay nút xoay < > để thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Nếu quay phim với phơi sáng tự động, tốc độ ISO, tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ không được lưu lại trong thông tin Exif của phim.
- Với quay phim phơi sáng tự động, máy ảnh sẽ tự động bật đèn LED của đèn Speedlite trong điều kiện ánh sáng yếu. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite.

Quay phim phơi sáng chỉnh tay

Bạn có thể thiết lập bằng tay tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO để quay phim. Quay phim với phơi sáng chỉnh tay dành cho người dùng chuyên nghiệp.



1 Đặt nút xoay chế độ thành <[Movie exposure]>.

- ▶ Gương lật phát ra âm thanh, sau đó ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



2 Chọn [Movie exposure (Phơi sáng phim)].

- Nhấn nút <MENU> và chọn [Movie exposure (Phơi sáng phim)] trong tab [<1>], rồi nhấn <[SET]>.



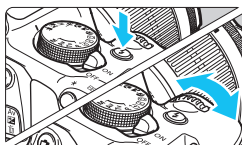
3 Chọn [Manual (Chỉnh tay)].

- ▶ Chọn [Manual (Chỉnh tay)], rồi nhấn <[SET]>.



4 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <[Shutter speed]>. Tốc độ màn trập có thể thiết lập sẽ khác nhau tùy thuộc vào tốc độ khung hình <[Frame rate]>.
 - 30 25 24 : 1/4000 giây - 1/30 giây
 - 60 50 : 1/4000 giây - 1/60 giây
- Để thiết lập khẩu độ, nhấn giữ nút <Av/125> và xoay nút xoay <[Aperture]>.



5 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhấn nút <[ISO]> và nhấn các phím <[Left]> <[Right]> hoặc xoay nút xoay <[ISO]> để chọn tốc độ ISO.
- Để tìm hiểu chi tiết về tốc độ ISO, tham khảo trang tiếp theo.

6 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 2 và 3 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.160).

Tốc độ ISO trong khi quay phim phơi sáng chỉnh tay

- Ở chế độ **[Auto (Tự động)]**, tốc độ ISO được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400.
- Tốc độ ISO có thể thiết lập bằng tay trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400 ở mức tăng chẵn.
- Nếu [**1: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] được đặt thành **[Enable (Bật)]**, tốc độ ISO sẽ là ISO 200 - ISO 6400.



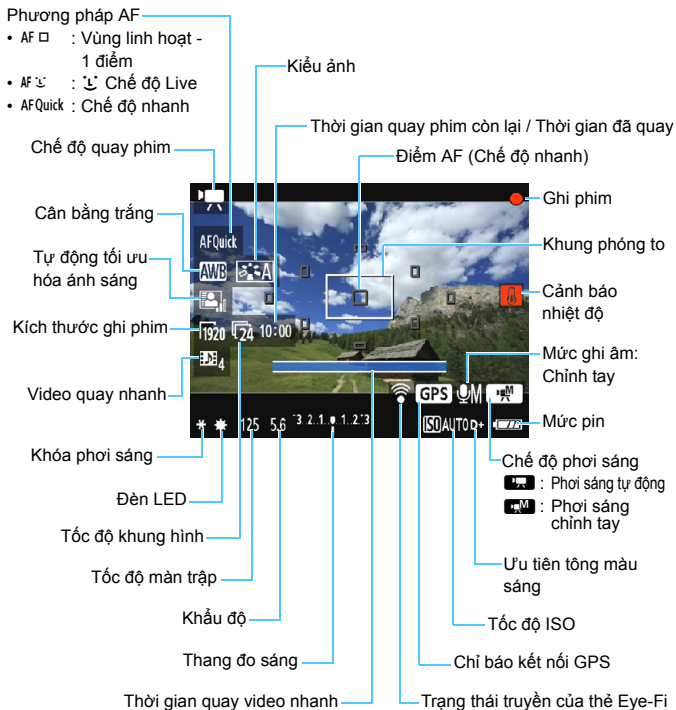
- Không thể thiết lập khóa phơi sáng và bù trừ phơi sáng.
- Không nên thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ khi đang quay phim do những thay đổi về độ phơi sáng sẽ được ghi lại.
- Nếu thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hiện tượng nhấp nháy có thể bị ghi lại.



- Với ISO tự động, phim có thể được quay với mức phơi sáng phù hợp ngay cả khi độ sáng xung quanh thay đổi.
- Nhấn nút <DISP.> để hiển thị biểu đồ.
- Sử dụng tốc độ màn trập từ 1/30 giây đến 1/125 giây để quay phim chủ thể động. Tốc độ màn trập càng nhanh, chuyển động của chủ thể trông càng kém mượt.

Hiển thị thông tin

- Mỗi lần nhấn nút <DISP.>, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.



- Nếu không có thẻ trong máy ảnh, thời gian quay phim còn lại sẽ hiển thị bằng màu đỏ.
- Khi bắt đầu quay phim, thời gian quay phim còn lại sẽ chuyển thành thời gian đã quay.

Lưu ý khi quay phim



Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, rộp da do bong tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.



- Khi đặt [**1**: **AF w/ shutter button during** ] (**Lấy nét tự động bằng nút chụp trong khi** ) thành [**Enable (Bật)**] (tr.176), nhấn nửa chừng nút chụp trong khi quay phim sẽ thực hiện lấy nét. Tuy nhiên, trường hợp sau có thể xảy ra.
 - Lấy nét có thể trở nên quá xa trong giây lát.
 - Độ sáng của phim được ghi có thể thay đổi.
 - Phim được ghi có thể bị dừng hình trong giây lát.
 - Máy ảnh có thể ghi lại tiếng thao tác trên ống kính.
- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Nếu đặt thành <**AWB**> hoặc <**AWB w**> và thay đổi tốc độ ISO hoặc khẩu độ khi quay phim, cân bằng trắng cũng có thể bị thay đổi.
- Nếu quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, phim có thể bị nhấp nháy.
- Bạn nên quay thử một vài đoạn phim tại nơi bạn sẽ thực hiện zoom trong quá trình quay phim. Zoom trong khi quay phim có thể dẫn tới thay đổi độ phơi sáng, tiếng hoạt động của ống kính hoặc hình ảnh có thể bị mất nét.
- Trong khi quay phim, không thể phóng to ảnh ngay cả khi nhấn nút < >.
- Quá trình quay phim sẽ kết thúc nếu kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI trong khi quay phim.
- Chú ý không để ngón tay, v.v... che lấp micro (tr.160).
- **Các lưu ý chung khi quay phim nằm ở trang 181-182.**
- **Nếu cần, tham khảo thêm phần Các lưu ý chung khi chụp Live View ở các trang 157-158.**



- Các thiết lập liên quan đến phim nằm trong các tab [ 1], [ 2] và [ 3] (tr.176).
- Phim sẽ được ghi thành từng tập tin phim riêng biệt cho mỗi lần quay (tr.169).
- Phim có phạm vi hình ảnh khoảng 100% (nếu kích thước ghi phim đặt thành [ 1920]).
- Âm thanh được ghi dưới dạng âm thanh stereo bằng micro tích hợp của máy ảnh (tr.160).
- Với Pin LP-E10 được sạc đầy, tổng thời gian quay phim sẽ như sau: khoảng 1 giờ 15 phút ở nhiệt độ phòng (23°C / 73°F) và khoảng 1 giờ 10 phút ở nhiệt độ thấp (0°C / 32°F).
- Trong khi quay phim, bạn không thể sử dụng lấy nét được thiết lập sẵn cho ống kính siêu xa.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng là chức năng hiển thị phim có áp dụng các thiết lập hiện tại về kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng quay khác.

Trong khi quay phim, hình ảnh hiển thị sẽ tự động cho thấy hiệu ứng của các thiết lập liệt kê bên dưới.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho quay phim

- Kiểu ảnh
 - * Tất cả các thiết lập ví dụ như độ sắc nét, độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Phơi sáng
- Độ sâu trường ảnh
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Ưu tiên tông màu sáng

Chụp ảnh

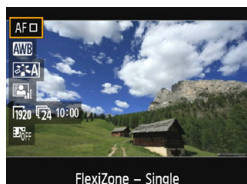
Không thể chụp ảnh ở chế độ quay phim. Để chụp ảnh, xoay nút xoay chế độ để chuyển sang chế độ chụp.

Thiết lập chức năng chụp

Thiết lập chức năng cụ thể cho quay phim được giải thích dưới đây.

Q Điều khiển nhanh

Nếu bạn nhấn nút <Q> trong khi ảnh hiển thị trên màn hình LCD, bạn có thể thiết lập bất kỳ tùy chọn nào sau đây: Phương pháp AF, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Kích thước ghi phim và Video quay nhanh.



1 Nhấn nút <Q> (10).

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.
- Nếu phương pháp AF là <AFQuick>, thì điểm AF cũng sẽ hiển thị. Bạn cũng có thể chọn điểm AF (tr.154).

2 Chọn và thiết lập chức năng.

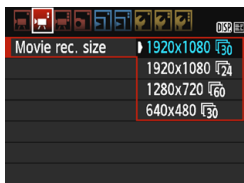
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chức năng.
- ▶ Các thiết lập của chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.55) sẽ xuất hiện.
- Nhấn phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <WHEEL> để chọn chức năng. Nhấn <SET> sẽ hiển thị màn hình thiết lập chức năng tương ứng.
- Để đặt cân bằng trắng tự động, chọn [AWB], nhấn <SET>, rồi nhấn nút <DISP.>.

3 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút <Q> để trở về màn hình quay phim.

Tốc độ ISO cũng có thể đặt khi phơi sáng chỉnh tay.

MENU Thiết lập kích thước ghi phim



Tùy chọn menu [**2: Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**] cho phép chọn kích thước hình ảnh của phim [****x****] và tốc độ khung hình [**1/30**] (số khung hình được ghi mỗi giây). Tốc độ khung hình **1/30** tự động thay đổi tùy thuộc vào thiết lập [**2: Video system (Hệ thống video)**].

• Kích thước khung hình

- [**1920x1080**] (**1920**) : Chất lượng ghi hình độ phân giải cao (Full HD). Tỷ lệ khung ảnh sẽ là 16:9.
- [**1280x720**] (**1280**) : Chất lượng ghi hình độ phân giải cao (HD). Tỷ lệ khung ảnh sẽ là 16:9.
- [**640x480**] (**640**) : Chất lượng ghi hình độ phân giải chuẩn. Tỷ lệ khung ảnh sẽ là 4:3.

• Tốc độ khung hình (fps: số khung hình trên giây)

- 1/30 / 1/60** : Dành cho khu vực có hệ thống TV là NTSC (Nam Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, v.v...).
- 1/25 / 1/50** : Dành cho khu vực có định dạng TV là PAL (Châu Âu, Nga, Trung Quốc, Úc, v.v...).
- 1/24** : Chủ yếu cho phim.

Tổng thời gian quay phim và kích thước tập tin trên phút (Ước chừng)

Kích thước ghi phim		Tổng thời gian ghi phim trên thẻ			Kích thước tập tin
		4 GB	16 GB	64 GB	
[1920x1080]	30	11 phút	44 phút	2 giờ 59 phút	340 MB/phút
	25				
	24				
[1280x720]	60	11 phút	44 phút	2 giờ 59 phút	340 MB/phút
	50				
[640x480]	30	42 phút	2 giờ 50 phút	11 giờ 20 phút.	90 MB/phút
	25				

- Tập tin phim vượt quá 4 GB**

Do hệ thống tập tin, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim nếu kích thước tập tin của một clip phim đạt đến 4 GB. Nhấn nút <📷> để tiếp tục quay phim. (Phim sẽ được ghi dưới dạng tập tin phim mới.)

- Giới hạn thời gian quay phim**

Thời gian ghi tối đa của một clip phim là 29 phút 59 giây. Nếu thời gian quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim. Nhấn nút <📷> để tiếp tục quay phim. (Phim sẽ được ghi dưới dạng tập tin phim mới.)



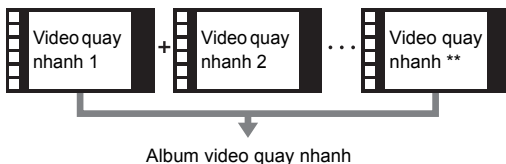
Nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên có thể khiến quá trình quay phim kết thúc trước thời gian ghi tối đa được trình bày ở bảng trên (tr.181).

MENU Quay video quay nhanh

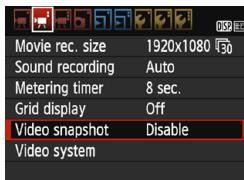
Video quay nhanh là sê-ri các clip phim ngắn được quay liên tiếp với thời lượng khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây. Nhiều video quay nhanh có thể được nối lại thành một clip phim và được gọi là album video quay nhanh. Do vậy, bạn có thể trình chiếu nhanh chóng một sự kiện hoặc chuyến du lịch.

Album video quay nhanh có thể được phát cùng với nhạc nền (tr.174, 221).

Khái niệm về album video quay nhanh

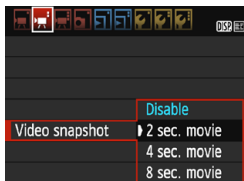


Thiết lập thời lượng video quay nhanh



1 Chọn [Video snapshot (Video quay nhanh)].

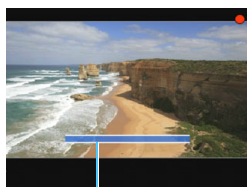
- Trong tab [2], chọn [Video snapshot (Video quay nhanh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn thời gian quay [Video snapshot (Video quay nhanh)].

- Chọn thời gian quay cho một video quay nhanh, rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu và trở về màn hình quay phim.

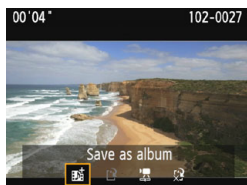
Tạo album video quay nhanh



Thời lượng quay

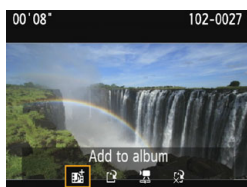
3 Quay video quay nhanh đầu tiên.

- Nhấn nút <[RECORD]>, rồi quay phim.
- ▶ Thanh màu xanh da trời biểu thị thời lượng quay sẽ giảm dần. Sau khi hết thời lượng quay đã đặt, quá trình quay sẽ dừng lại tự động.
- ▶ Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện (tr.172).



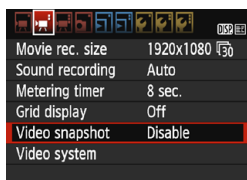
4 Lưu thành album video quay nhanh.

- Chọn [1] **Save as album (Lưu thành album)**, rồi nhấn <[SET]>.
- ▶ Clip phim sẽ được lưu thành video đầu tiên của album video quay nhanh.



5 Tiếp tục quay các video quay nhanh khác.

- Lặp lại bước 3 để quay video quay nhanh tiếp theo.
- Chọn [2] **Add to album (Thêm vào album)**, rồi nhấn <[SET]>.
- Để tạo album video quay nhanh khác, chọn [3] **Save as a new album (Lưu thành album mới)**.
- Lặp lại bước 5 nếu cần.



6 Thoát quay video quay nhanh.

- Đặt [Video snapshot (Video quay nhanh)] thành [Disable (Tắt)]. Đề trở về chế độ quay phim bình thường, đảm bảo đã đặt thành [Disable (Tắt)].
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu và trở về chế độ quay phim bình thường.

Tùy chọn ở bước 4 và 5

Chức năng	Mô tả
 Save as album (Lưu thành album) (Bước 4)	Clip phim sẽ được lưu thành video đầu tiên của album video quay nhanh.
 Add to album (Thêm vào album) (Bước 5)	Video quay nhanh vừa ghi sẽ được thêm vào album được ghi trước đó.
 Save as a new album (Lưu thành album mới) (Bước 5)	Album video quay nhanh mới được tạo và clip phim được lưu thành video đầu tiên. Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận. Album mới là một tập tin khác với album trước đó.
 Playback video snapshot (Phát lại video quay nhanh) (Bước 4 và 5)	Video quay nhanh vừa ghi sẽ được phát. Để tìm hiểu thao tác phát lại, tham khảo bảng bên dưới.
 Do not save to album (Không lưu vào album) (Bước 4)  Delete without saving to album (Xóa và không lưu vào album) (Bước 5)	Video quay nhanh vừa ghi sẽ bị xóa thay vì được lưu vào album. Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.

Thao tác [Playback video snapshot (Phát lại video quay nhanh)]

Chức năng	Mô tả phát lại
 Exit (Thoát)	Màn hình trước đó sẽ xuất hiện trở lại.
 Play (Phát)	Nhấn <  > để phát hoặc tạm dừng video quay nhanh vừa ghi.
 First frame (Khung hình đầu tiên)	Hiển thị cảnh đầu tiên của video quay nhanh thứ nhất trong album.
 Skip backward (Tua về trước*)	Mỗi lần nhấn <  >, video quay nhanh sẽ được tua về trước vài giây.
 Previous frame (Khung hình trước)	Mỗi lần nhấn <  >, khung hình trước đó sẽ hiển thị. Nhấn giữ <  > để tua lại phim.
 Next frame (Khung hình tiếp theo)	Mỗi lần nhấn <  >, phim sẽ phát từng khung hình một. Nhấn giữ <  > để tua nhanh phim.
 Skip forward (Tua về sau*)	Mỗi lần nhấn <  >, video quay nhanh sẽ được tua về sau vài giây.
 Last frame (Khung hình cuối)	Hiển thị cảnh cuối của video quay nhanh cuối cùng trong album.
	Vị trí xem lại
mm' ss" (phút' giây")	Thời lượng xem lại (phút:giây)
 Volume (Âm lượng)	Xoay nút xoay <  > để điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.220).

* Đối với [Skip backward (Tua về trước)] và [Skip forward (Tua về sau)], thời lượng tua sẽ tương ứng với số giây được đặt trong [Video snapshot (Video quay nhanh)] (khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây).



Thận trọng khi quay video quay nhanh

- Bạn chỉ có thể thêm vào album các video có cùng thời lượng (mỗi video khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây).
- Lưu ý rằng khi đang quay video quay nhanh nếu thực hiện các thao tác dưới đây, album mới sẽ được tạo cho các video quay nhanh tiếp theo.
 - Thay đổi [**Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**] (tr.168).
 - Thay đổi thời gian quay [**Video snapshot (Video quay nhanh)**] (tr.170).
 - Thay đổi thiết lập [**Sound rec. (Ghi âm)**] từ [**Auto (Tự động)**]/[**Manual (Chỉnh tay)**] thành [**Disable (Tắt)**] hoặc từ [**Disable (Tắt)**] thành [**Auto (Tự động)**]/[**Manual (Chỉnh tay)**] (tr.178).
 - Mở nắp khe cắm thẻ/ngăn chứa pin.
 - Cập nhật firmware.
- Không thể thay đổi thứ tự video quay nhanh trong album.
- Không thể thêm các video quay nhanh được quay về sau vào album hiện tại.
- Thời lượng quay của video quay nhanh chỉ là ước chừng. Tùy thuộc vào tốc độ khung hình, thời lượng quay hiển thị trong thời gian phát lại có thể không chính xác.

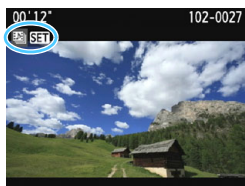
Xem lại album

Bạn có thể xem lại một album video quay nhanh tương tự như xem phim bình thường (tr.220).



1 Phát lại phim.

- Nhấn nút <▶> để hiển thị ảnh.



2 Chọn album.

- Trên màn hình hiển thị từng ảnh, biểu tượng [SET] hiển thị ở phía trên bên trái màn hình biểu thị cho album video quay nhanh.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn album video quay nhanh, rồi nhấn <SET>.



3 Xem lại album.

- Trên bảng phát lại phim được hiển thị, chọn [▶] (Phát), rồi nhấn <SET>.

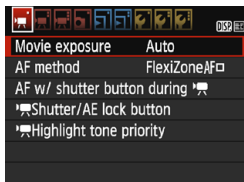
**Nhạc nền**

- Bạn có thể phát nhạc nền khi xem lại album, phim bình thường và trình chiếu trên máy ảnh (tr.174, 221). Để phát nhạc nền, trước tiên bạn phải sao chép nhạc nền vào thẻ bằng EOS Utility (Phần mềm EOS). Để tìm hiểu về cách sao chép nhạc nền, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility.
- Nhạc được ghi trên thẻ nhớ chỉ sử dụng cho mục đích giải trí cá nhân. Không thực hiện hành vi vi phạm quyền lợi của người giữ bản quyền.

MENU Thiết lập chức năng menu

Phần bên dưới giải thích các tùy chọn menu nằm trong các tab [P1], [P2] và [P3].

[P1]



- **Movie exposure (Phơi sáng phim)**

Thông thường, đặt thiết lập này thành **[Auto (Tự động)]**.

Đặt thiết lập này thành **[Manual (Chỉnh tay)]** sẽ cho phép bạn thiết lập bằng tay tốc độ ISO, tốc độ màn trập và khẩu độ để quay phim (tr.162).

- **AF method (Phương pháp AF)**

Phương pháp AF tương tự như được trình bày ở các trang 148-155. Bạn có thể chọn **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**, **[Live mode (Chế độ Live)]** hoặc **[Quick mode (Chế độ nhanh)]**. Lưu ý rằng tính năng lấy nét liên tục chủ thể chuyển động không thể thực hiện.

- **AF with shutter button during (Lấy nét tự động bằng nút chụp trong khi)**

Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, tính năng lấy nét tự động có thể thực hiện trong khi quay phim. Tuy nhiên, không thể thực hiện lấy nét tự động liên tục. Nếu bạn lấy nét tự động trong khi quay phim, lấy nét có thể bị sai lệch trong giây lát hoặc phơi sáng có thể thay đổi. Ngoài ra, máy ảnh sẽ ghi lại tiếng hoạt động của ống kính vào phim. Trong khi quay phim, nếu đặt phương pháp AF thành **[Quick mode (Chế độ nhanh)]**, máy sẽ thực hiện lấy nét tự động ở chế độ **[FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)]**.



- Các thiết lập trong tab menu [P1], [P2] và [P3] chỉ hoạt động ở chế độ <P>. Các thiết lập này sẽ không được áp dụng trong các chế độ chụp khác ngoài chế độ <P>.
- Thiết lập **[AF method (Phương pháp AF)]** cũng sẽ được áp dụng cho chụp Live View.

- **' Shutter/AE lock button (' Nút chụp/khóa phơi sáng)**

Bạn có thể thay đổi chức năng được chỉ định cho vị trí nửa chừng của nút chụp và cho nút khóa phơi sáng.

- **AF/AE lock (AF/Khóa phơi sáng):**

Chức năng bình thường. Nhấn nửa chừng nút chụp để thực hiện lấy nét tự động. Nhấn nút < > cho khóa phơi sáng.

- **AE lock/AF (Khóa phơi sáng/AF):**

Nhấn nửa chừng nút chụp để khóa phơi sáng. Để lấy nét tự động, nhấn nút < >. Tính năng này tiện lợi khi bạn muốn lấy nét riêng và đo sáng riêng.

- **AF/AF lock, no AE lock (AF/Khóa nét, không khóa phơi sáng):**

Nhấn nửa chừng nút chụp để thực hiện lấy nét tự động. Khi bạn tự động lấy nét bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp, bạn có thể nhấn giữ nút < > để tạm dừng lấy nét tự động. Bạn có thể nhả nút < > để tiếp tục lấy nét tự động. Tính năng khóa phơi sáng không thể thực hiện.

- **AE/AF, no AE lock (AE/AF, không khóa phơi sáng):**

Nhấn nửa chừng nút chụp để đo sáng. Để lấy nét tự động, nhấn nút < >. Tính năng khóa phơi sáng không thể thực hiện.

- **' Highlight tone priority (' Ưu tiên tông màu sáng)**

Nếu đặt thành [Enable (Bật)], chi tiết vùng sáng sẽ được cải thiện. Dải tương phản động sẽ mở rộng từ xám 18% tiêu chuẩn đến các màu sáng tươi. Độ chuyển màu giữa màu xám và màu sáng sẽ trở nên mượt hơn. Phạm vi tốc độ ISO có thể thiết lập sẽ là ISO 200 - ISO 6400. Chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng cũng sẽ được đặt tự động thành [Disable (Tắt)] và không thể thay đổi.

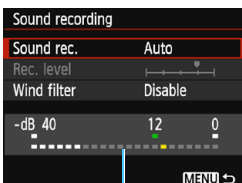
[P 2]



- **Movie recording size (Kích thước ghi phim)**

Bạn có thể thiết lập kích thước ghi phim (kích thước ảnh và tốc độ khung hình). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 168.

- **Sound recording (Ghi âm)**



Âm thanh sẽ được ghi qua micro mono tích hợp. Không thể sử dụng micro ngoài.

Thước đo mức ghi âm

Các tùy chọn **[Sound rec. (Ghi âm)]** và **[Rec. level (Mức ghi âm)]**
[Auto (Tự động)]:

Mức ghi âm được điều chỉnh tự động. Điều khiển mức tự động sẽ hoạt động tùy theo mức âm thanh.

[Manual (Chỉnh tay)]:

Dành cho người dùng chuyên nghiệp. Bạn có thể điều chỉnh mức ghi âm theo 64 mức.

Chọn **[Rec. level (Mức ghi âm)]** và xem thước đo mức khi nhấn phím <◀> <▶> để điều chỉnh mức ghi âm. Nhìn vào mức cao nhất trên thang đo và điều chỉnh sao cho mức đo nhấp sáng ở bên phải dấu “12” (-12dB) để đạt âm thanh to nhất. Nếu vượt quá “0”, âm thanh sẽ bị méo.

[Disable (Tắt)]:

Âm thanh sẽ không được ghi.

[Wind filter (Lọc gió)]

Đặt thành **[Enable (Bật)]** sẽ giảm tiếng ồn khi ngoài trời có gió.

Lưu ý rằng thiết lập **[Enable (Bật)]** cũng làm giảm âm trầm, vì vậy nên đặt chức năng này thành **[Disable (Tắt)]** khi không có gió. Âm thanh sẽ được ghi tự nhiên hơn so với **[Enable (Bật)]**.



Âm thanh sẽ được ghi ở tỷ lệ mẫu là 48 kHz/16 bit.

- **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)**

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị thiết lập phơi sáng (thời gian khóa phơi sáng).

- **Grid display (Hiển thị khung lưới)**

Bạn có thể chọn hiển thị **[Grid 1 1:1 (Khung lưới 1 1:1)]** hoặc **[Grid 2 2:1 (Khung lưới 2 2:1)]**. để có thể cân bằng máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang khi chụp.

- **Video snapshot (Video quay nhanh)**

Bạn có thể quay video quay nhanh. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 170.

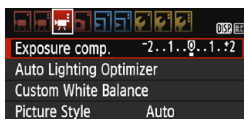
- **Video system (Hệ thống video)**

Chọn **[NTSC]** hoặc **[PAL]** cho phù hợp với hệ thống video của TV (tr.168).



Các thiết lập hẹn giờ đo sáng và hiển thị khung lưới cũng sẽ được phản ánh trong chế độ chụp Live View.

[P 3]



- **Exposure compensation (Bù trừ phơi sáng)**

Bù trừ phơi sáng có thể được thiết lập lên đến ± 3 điểm dừng.

- **Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**

Bạn có thể thiết lập chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng như được trình bày ở trang 123.

Nếu đặt [P Highlight tone priority (P Ưu tiên tông màu sáng)] của tab menu [P 1] thành [Enable (Bật)], chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng sẽ được tự động đặt thành [Disable (Tắt)] và không thể thay đổi.

- **Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)**

Như giải thích ở trang 133, bạn có thể chọn ảnh cho cân bằng trắng tùy chỉnh.

- **Picture Style (Kiểu ảnh)**

Bạn có thể thiết lập kiểu ảnh như được trình bày ở trang 95.



Các lưu ý chung khi quay phim

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh <H> màu đỏ

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên do quay phim trong thời gian dài hoặc điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng <H> màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <H> màu đỏ cho biết quá trình quay phim sẽ sớm dừng tự động. Trong trường hợp này, không thể tiếp tục chụp cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Quay phim ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho biểu tượng <H> xuất hiện sớm hơn. Luôn tắt máy ảnh khi không chụp.

Ghi phim và chất lượng ảnh

- Nếu ống kính được lắp có hệ thống ổn định hình ảnh và công tắc ổn định hình ảnh (IS) đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ luôn hoạt động ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp. Hệ thống ổn định hình ảnh tiêu tốn năng lượng pin và có thể làm rút ngắn tổng thời gian quay phim. Nếu sử dụng chân máy hoặc nếu không cần sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh, bạn nên đặt công tắc IS thành <OFF>.
- Micro tích hợp sẽ ghi lại âm thanh thao tác của máy ảnh.
- Khi sử dụng phơi sáng tự động, nếu độ sáng khi quay phim thay đổi, phim có thể tạm thời bị dừng hình. Trong trường hợp này, thực hiện quay phim với phơi sáng chỉnh tay.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Phim sẽ được ghi gần như chính xác như hình hiển thị trên màn hình LCD.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, hình ảnh có thể xuất hiện nhiều hạt hoặc không đều màu. Phim sẽ được ghi gần giống hệt như hình hiển thị trên màn hình LCD.



Các lưu ý chung khi quay phim

Ghi phim và chất lượng ảnh

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm, thang đo năm mức sẽ xuất hiện ở bên phải màn hình trong khi quay phim. Thang đo này cho biết lượng dữ liệu chưa được ghi vào thẻ (dung lượng còn lại của bộ nhớ đệm bên trong). Thẻ có tốc độ ghi càng chậm, thang đo tăng lên càng nhanh. Nếu thang đo ở mức cao nhất, quá trình quay phim sẽ tự động dừng lại. Nếu thẻ có tốc độ ghi nhanh, thang đo sẽ không xuất hiện hoặc mức thang (nếu hiển thị) sẽ ít tăng lên. Trước tiên, quay thử một vài đoạn phim để kiểm tra tốc độ ghi của thẻ.



Thang đo

Phát lại và kết nối TV

- Nếu bạn kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI (tr.228) và quay phim ở độ phân giải **[1920x1080]** hoặc **[1280x720]**, phim đang quay sẽ hiển thị ở kích thước nhỏ trên TV. Phim vẫn được ghi ở kích thước ghi phim đã thiết lập.
- Nếu kết nối máy ảnh với TV (tr.228) và quay phim, TV sẽ không phát ra âm thanh khi đang quay. Tuy nhiên, âm thanh vẫn sẽ được ghi lại chính xác.

7

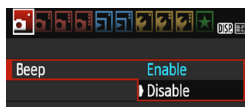
Tính năng tiện dụng

- Tắt tiếng bíp (tr.184)
- Trình nhắc thẻ (tr.184)
- Đặt thời gian xem lại ảnh (tr.184)
- Đặt thời gian tự động tắt nguồn (tr.185)
- Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD (tr.185)
- Tạo và chọn thư mục (tr.186)
- Phương pháp đánh số thứ tự tập tin (tr.188)
- Thiết lập thông tin bản quyền (tr.190)
- Tự động xoay ảnh dọc (tr.192)
- Kiểm tra thiết lập máy ảnh (tr.193)
- Khôi phục thiết lập mặc định của máy ảnh (tr.194)
- Bật/tắt màn hình LCD (tr.199)
- Thay đổi màu của màn hình thiết lập chụp (tr.199)
- Thiết lập flash (tr.200)
- Thêm dữ liệu xóa bụi (tr.205)
- Làm sạch cảm biến bằng tay (tr.207)

Tính năng tiện dụng

MENU Tắt tiếng bíp

Bạn có thể tắt tiếng bíp phát ra khi lấy được nét hoặc trong quá trình chụp hẹn giờ.



Trong tab [📷 1], chọn **[Beep (Bíp)]**, rồi nhấn <SET>. Chọn **[Disable (Tắt)]**, rồi nhấn <SET>.

MENU Trình nhắc thẻ

Thiết lập này không cho phép chụp khi không có thẻ trong máy.



Trong tab [📷 1], chọn **[Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)]**, rồi nhấn <SET>. Chọn **[Disable (Tắt)]**, rồi nhấn <SET>.

Nếu không lắp thẻ vào máy ảnh mà nhấn nút chụp, “Card” sẽ hiển thị trong khung ngắm và không thể nhả màn trập.

MENU Đặt thời gian xem lại ảnh

Bạn có thể đặt thời gian ảnh hiển thị trên màn hình LCD ngay sau mỗi lần chụp. Nếu đặt **[Off (Tắt)]**, ảnh sẽ không hiển thị ngay sau khi chụp. Nếu đặt **[Hold (Giữ)]**, máy ảnh sẽ hiển thị xem lại ảnh cho đến khi thời gian **[🕒 1: Auto power off (Tự động tắt nguồn)]** hết.

Khi xem lại ảnh, nếu bạn thực hiện bất kỳ thao tác điều khiển máy ảnh nào ví dụ như nhấn nửa chừng nút chụp, xem lại ảnh sẽ kết thúc.



Trong tab [📷 1], chọn **[Image review (Xem lại ảnh)]**, rồi nhấn <SET>. Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

MENU Đặt thời gian tự động tắt nguồn

Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt khi kết thúc thời gian nghỉ đã đặt. Bạn có thể đặt thời gian tự động tắt nguồn. Khi máy ảnh đã tắt do chức năng tự động tắt nguồn, bạn có thể bật lại máy bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp hoặc nhấn bất kỳ các nút sau: <MENU>, <DISP.>, <▶>, <⏻>, v.v...

Nếu đặt [Disable (Tắt)], nên tắt máy ảnh hoặc nhấn nút <DISP.> để tắt màn hình LCD giúp tiết kiệm pin.

Ngay cả khi đặt [Disable (Tắt)], nếu máy ảnh không được sử dụng trong 30 phút, màn hình LCD sẽ tự động tắt. Để bật lại màn hình LCD, nhấn nút <DISP.>.



Trong tab [1], chọn [Auto power off (Tự động tắt nguồn)], rồi nhấn <SET>. Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

MENU Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng màn hình LCD để giúp dễ xem hơn.



Trong tab [2], chọn [LCD brightness (Độ sáng LCD)], rồi nhấn <SET>. Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh độ sáng trên màn hình điều chỉnh, rồi nhấn <SET>.

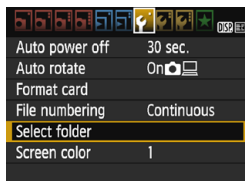


Khi kiểm tra độ phơi sáng của ảnh, đặt độ sáng màn hình LCD thành 4 và ngăn ánh sáng bên ngoài ảnh hưởng đến ảnh.

MENU Tạo và chọn thư mục

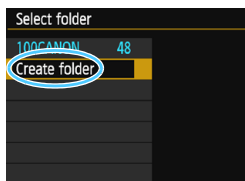
Bạn có thể tùy ý tạo và chọn thư mục để lưu ảnh đã chụp. Thao tác này là tùy chọn, vì máy ảnh sẽ tự động tạo thư mục để lưu ảnh đã chụp.

Tạo thư mục



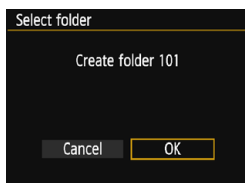
1 Chọn [Select folder (Chọn thư mục)].

- Trong tab [1], chọn [Select folder (Chọn thư mục)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Create folder (Tạo thư mục)].

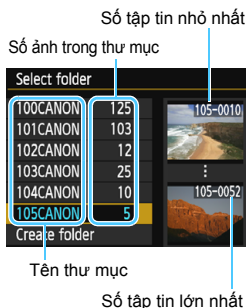
- Chọn [Create folder (Tạo thư mục)], rồi nhấn <SET>.



3 Tạo thư mục mới.

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- Thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo.

Chọn thư mục



- Khi hiển thị màn hình chọn thư mục, chọn một thư mục rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Thư mục sẽ lưu ảnh đã chụp được chọn.
- Ảnh chụp sau đó sẽ được ghi vào thư mục đã chọn.



Thư mục

Lấy **"100CANON"** làm ví dụ, tên thư mục bắt đầu bằng ba chữ số (số thư mục), theo sau là năm ký tự chữ và số. Thư mục có thể chứa tối đa 9999 ảnh (số tập tin 0001 - 9999). Khi thư mục đầy, thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo tự động. Ngoài ra, nếu đặt lại bằng tay (tr.189), thư mục mới sẽ được tạo tự động. Bạn có thể tạo thư mục được đánh số thứ tự từ 100 đến 999.

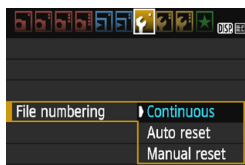
Tạo thư mục bằng máy tính

Mở thẻ trên màn hình và tạo thư mục mới có tên **"DCIM"**. Mở thư mục DCIM và tạo số lượng thư mục cần để lưu và quản lý ảnh. Tên thư mục phải theo định dạng **"100ABC_D"**. Ba chữ số trước là số thư mục, từ 100 đến 999. Năm ký tự cuối có thể là sự kết hợp bất kỳ của chữ viết hoa và viết thường từ A đến Z, số và dấu gạch dưới **"_"**. Tên thư mục không được bao gồm dấu cách. Ngoài ra, lưu ý rằng tên hai thư mục không thể có ba chữ số của số thư mục giống nhau (ví dụ: **"100ABC_D"** và **"100W_XYZ"**), ngay cả khi năm ký tự cuối cùng trong mỗi tên khác nhau.

MENU Phương pháp đánh số thứ tự tập tin

Tập tin ảnh sẽ được đánh số từ 0001 đến 9999 theo thứ tự ảnh chụp, rồi được lưu vào thư mục. Bạn có thể thay đổi cách chỉ định số tập tin. Số tập tin sẽ xuất hiện trên máy tính dưới định dạng sau:

IMG_0001.JPG



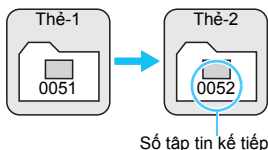
Trong tab [1], chọn [File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)], rồi nhấn <SET>. Thiết lập có sẵn được trình bày bên dưới. Chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.

- **[Continuous (Kế tiếp)]: Số tập tin vẫn tiếp tục theo thứ tự ngay cả sau khi bạn thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.**

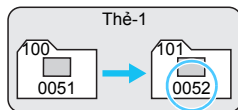
Ngay cả sau khi bạn thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới, số tập tin vẫn tiếp tục theo thứ tự cho đến 9999. Thiết lập này giúp lưu tất cả ảnh được đánh số từ 0001 đến 9999 trên nhiều thẻ hoặc trong nhiều thư mục vào cùng một thư mục trên máy tính.

Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần bạn muốn đánh số thứ tự tập tin kế tiếp.

Đánh số thứ tự tập tin sau khi thay thẻ nhớ



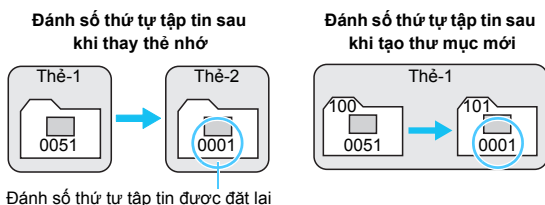
Đánh số thứ tự tập tin sau khi tạo thư mục mới



- **[Auto reset (Tự động đặt lại)]:** Đánh số thứ tự tập tin bắt đầu lại từ 0001 mỗi lần thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

Khi thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới, số thứ tự tập tin sẽ bắt đầu lại từ 0001 cho ảnh mới được lưu. Thiết lập này giúp quản lý ảnh theo thẻ hoặc thư mục.

Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần muốn lưu ảnh với số thứ tự tập tin bắt đầu từ 0001.



- **[Manual reset (Đặt lại bằng tay)]:** Để đặt lại số thứ tự tập tin thành 0001 bằng tay hoặc bắt đầu đánh số thứ tự tập tin từ 0001 trong thư mục mới.

Khi đặt lại đánh số thứ tự tập tin bằng tay, thư mục mới sẽ được tạo tự động và số thứ tự tập tin của ảnh được lưu vào thư mục đó sẽ bắt đầu từ 0001.

Thiết lập này hữu ích trong nhiều trường hợp, chẳng hạn như khi bạn muốn sử dụng thư mục khác nhau cho ảnh chụp ngày hôm qua và ảnh chụp ngày hôm nay. Sau khi đặt lại bằng tay, đánh số thứ tự tập tin sẽ trở lại thành kế tiếp hoặc tự động đặt lại. (Hộp thoại xác nhận đặt lại bằng tay sẽ không hiển thị.)



Nếu số tập tin trong thư mục 999 đạt đến 9999, bạn sẽ không thể chụp ảnh ngay cả khi thẻ vẫn còn dung lượng lưu trữ. Màn hình LCD sẽ hiển thị thông báo cho biết cần thay thẻ. Vui lòng thay thẻ mới.



Đối với ảnh JPEG và ảnh RAW, tên tập tin đều bắt đầu bằng "IMG_". Tên tập tin phim sẽ bắt đầu với "MVI_". Đuôi tập tin sẽ là ".JPG" cho ảnh JPEG, ".CR2" cho ảnh RAW và ".MOV" cho phim.

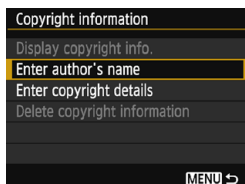
MENU Thiết lập thông tin bản quyền ☆

Sau khi cài đặt, thông tin bản quyền sẽ được thêm vào ảnh dưới dạng thông tin Exif.



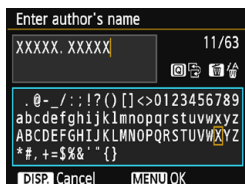
1 Chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)].

- Trong tab [43], chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn tùy chọn cần thiết lập.

- Chọn [Enter author's name (Nhập tên tác giả)] hoặc [Enter copyright details (Nhập chi tiết bản quyền)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình nhập văn bản sẽ xuất hiện.
- Chọn [Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)] để kiểm tra thông tin bản quyền vừa cài đặt.
- Chọn [Delete copyright information (Xóa thông tin bản quyền)] để xóa thông tin bản quyền vừa cài đặt.



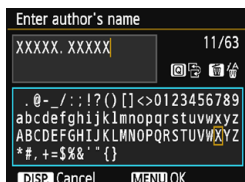
3 Nhập văn bản.

- Xem phần “Quy trình nhập văn bản” ở trang tiếp theo và nhập thông tin bản quyền.
- Nhập tối đa 63 ký tự chữ, số và ký hiệu.

4 Thoát thiết lập.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút <MENU> để thoát thiết lập.

Quy trình nhập văn bản



Thay đổi vùng nhập

Nhấn nút để chuyển giữa vùng nhập trên cùng và dưới cùng.

Di chuyển con trỏ

Nhấn các phím để di chuyển con trỏ.

Nhập văn bản

Trong vùng dưới cùng, nhấn phím đa chiều hoặc xoay nút xoay để chọn ký tự, rồi nhấn để nhập.

Xóa ký tự

Nhấn nút để xóa một ký tự.

Kết thúc nhập văn bản

Sau khi nhập văn bản, nhấn nút để hoàn tất nhập văn bản và quay về màn hình ở bước 2.

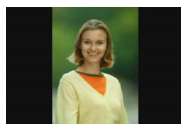
Hủy bỏ nhập văn bản

Để hủy nhập văn bản, nhấn nút để hủy và quay về màn hình ở bước 2.

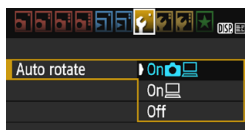


Bạn cũng có thể nhập hoặc kiểm tra thông tin bản quyền bằng EOS Utility (Phần mềm EOS, tr.322).

MENU Tự động xoay ảnh dọc



Ảnh dọc được xoay tự động để hiển thị theo chiều dọc thay vì theo chiều ngang trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính. Bạn có thể thay đổi thiết lập cho tính năng này.



Trong tab [1], chọn [**Auto rotate (Tự động xoay)**], rồi nhấn <SET>. Thiết lập có sẵn được trình bày bên dưới. Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

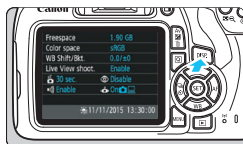
- [**On** (Bật)]:
Ảnh dọc được xoay tự động trong khi phát lại trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính.
- [**On** (Bật)]:
Ảnh dọc chỉ được xoay tự động trên máy tính.
- [**Off (Tắt)**] : Ảnh dọc không được xoay tự động.

? Câu hỏi thường gặp

- **Ảnh dọc không xoay khi xem lại ảnh ngay sau khi chụp.**
Nhấn nút <▶> và phần xem lại ảnh sẽ hiển thị ảnh đã xoay.
- **Mặc dù đã đặt [**On** (Bật), nhưng ảnh không xoay khi phát lại.**
Tính năng tự động xoay sẽ không hoạt động với ảnh dọc được chụp khi đặt [**Auto rotate (Tự động xoay)**] thành [**Off (Tắt)**]. Nếu chụp ảnh dọc khi máy ảnh hướng lên hoặc hướng xuống, ảnh có thể không được xoay tự động khi xem lại. Trong trường hợp này, vui lòng xem phần “Xoay ảnh” ở trang 213.
- **Trên màn hình LCD của máy ảnh, tôi muốn xoay ảnh được chụp khi đã đặt [**On** (Bật).**
Đặt [**On** (Bật), rồi xem lại ảnh. Ảnh sẽ được xoay.
- **Ảnh dọc không xoay trên màn hình máy tính.**
Phần mềm được sử dụng không tương thích với tính năng xoay ảnh. Sử dụng phần mềm EOS thay thế.

DISP. Kiểm tra thiết lập máy ảnh

Khi menu hiển thị, nhấn nút <DISP.> để hiển thị các thiết lập cho chức năng chính của máy ảnh.



- Khi menu hiển thị, nhấn nút <DISP.> để hiển thị các thiết lập.
- Nhấn lại nút <DISP.> để quay lại menu.

Hiển thị thiết lập

Freespace	1.90 GB	Dung lượng thẻ còn lại
Color space	sRGB	Không gian màu (tr.137)
WB Shift/Bkt.	0.0/±0	Hiệu chỉnh cân bằng trắng (tr.135)/ Cân bằng trắng hỗn hợp (tr.136)
Live View shoot.	Enable	Chụp Live View (tr.139)
30 sec.	Disable	Giảm mắt đỏ (tr.106)
Enable	On	Hiển thị tự động xoay (tr.192)
11/11/2015 13:30:00		Ngày/Giờ (tr.41)
		Giờ mùa hè (tr.42)
		Tiếng bíp (tr.184)
		Tự động tắt nguồn (tr.185)

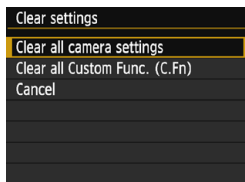
MENU Khôi phục thiết lập mặc định của máy ảnh ☆

Thiết lập chức năng chụp và thiết lập menu của máy ảnh có thể được khôi phục về thiết lập mặc định. Tùy chọn này sẵn có ở các chế độ vùng sáng tạo.



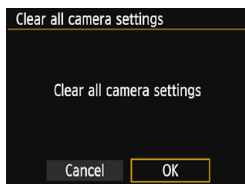
1 Chọn [Clear settings (Xóa thiết lập)].

- Trong tab [📷3], chọn [Clear settings (Xóa thiết lập)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)].

- Chọn [Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)], rồi nhấn <SET>.



3 Chọn [OK].

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- Thiết lập [Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)] sẽ đưa máy ảnh về thiết lập mặc định như được trình bày ở các trang tiếp theo.

? Câu hỏi thường gặp

● Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh

Sau quy trình nêu trên, chọn [Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] trong [📷3: Clear settings (Xóa thiết lập)] để xóa tất cả các thiết lập chức năng tùy chỉnh (tr.260).

Thiết lập chức năng chụp

EN		VI	
AF operation	One-Shot AF	Thao tác AF	Lấy nét một lần
AF point selection	Automatic selection	Chọn điểm AF	Chọn tự động
Drive/self-timer	☐ (Single shooting)	Kiểu chụp/hẹn giờ	☐ (Chụp từng ảnh)
Metering mode	☒ (Evaluative metering)	Chế độ đo sáng	☒ (Đo sáng toàn khung ảnh)
ISO speed	AUTO (Auto)	Tốc độ ISO	AUTO (Tự động)
ISO Auto	Maximum 3200	ISO tự động	Tối đa 3200
Exposure compensation/AEB	Canceled	Bù trừ phơi sáng/AEB	Đã hủy
Flash exposure compensation	0 (Zero)	Bù trừ phơi sáng flash	0 (Không)
Custom Functions	Unchanged	Chức năng tùy chỉnh	Không thay đổi

Thiết lập ghi ảnh

EN		VI	
Image quality	 L	Chất lượng ảnh	 L
Picture Style	Auto	Kiểu ảnh	Tự động
Auto Lighting Optimizer	Standard	Tự động tối ưu hóa ánh sáng	Tiêu chuẩn
Peripheral illumination correction	Enable / Correction data retained	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	Bật / Dữ liệu chỉnh được lưu giữ
Color space	sRGB	Không gian màu	sRGB
White balance	 AWB (Ambience priority)	Cân bằng trắng	 AWB (Ưu tiên môi trường)
Custom White Balance	Canceled	Cân bằng trắng tùy chỉnh	Đã hủy

Thiết lập ghi ảnh

EN	
White balance correction	Canceled
White balance bracketing	Canceled
File numbering	Continuous
Dust Delete Data	Erased

VI	
Hiệu chỉnh cân bằng trắng	Đã hủy
Cân bằng trắng hỗn hợp	Đã hủy
Đánh số thứ tự tập tin	Kế tiếp
Dữ liệu xóa bụi	Đã xóa

Thiết lập máy ảnh

EN	
Auto power off	30 sec.
Beep	Enable
Release shutter without card	Enable
Image review	2 sec.
Histogram display	Brightness
Image jump w/ 	↔ (10 images)
Auto rotate	On  
LCD brightness	    
LCD off/on button	Shutter button
Date/Time/Zone	Unchanged
Language	Unchanged
Screen color	1
Feature guide	Enable
Copyright information	Unchanged
Eye-Fi transmission	Disable
Wi-Fi/NFC	Disable
Wi-Fi function	Unchanged

VI	
Tự động tắt nguồn	30 giây
Bíp	Bật
Nhả màn trập khi không lắp thẻ	Bật
Xem lại ảnh	2 giây
Hiển thị biểu đồ	Độ sáng
Nhảy ảnh với 	↔ (10 ảnh)
Tự động xoay	Bật  
Độ sáng LCD	    
Nút bật/tắt LCD	Nút chụp
Ngày/Giờ/Múi giờ	Không thay đổi
Ngôn ngữ	Không thay đổi
Màu màn hình	1
Hướng dẫn tính năng	Bật
Thông tin bản quyền	Không thay đổi
Truyền Eye-Fi	Tắt
Wi-Fi/NFC	Tắt
Chức năng Wi-Fi	Không thay đổi

Thiết lập máy ảnh

EN		VI	
My Menu settings	Unchanged	Thiết lập Danh mục riêng	Không thay đổi
Display from My Menu	Disable	Hiển thị từ Danh mục riêng	Tắt

Thiết lập chụp Live View

EN		VI	
Live View shooting	Enable	Chụp Live View	Bật
AF method	FlexiZone - Single	Phương pháp AF	Vùng linh hoạt - 1 điểm
Grid display	Hide	Hiển thị khung lưới	Ẩn
Aspect ratio	3:2	Tỷ lệ khung ảnh	3:2
Metering timer	8 sec.	Hẹn giờ đo sáng	8 giây

Thiết lập quay phim

EN		VI	
Movie shooting mode	Auto	Chế độ quay phim	Tự động
AF method	FlexiZone - Single	Phương pháp AF	Vùng linh hoạt - 1 điểm
AF with shutter button during movie recording	Disable	Lấy nét tự động bằng nút chụp trong khi quay phim	Tắt
⏏ Shutter/AE lock button	AF/AE lock	⏏ Nút chụp/khóa phơi sáng	AF/Khóa phơi sáng
⏏ Highlight tone priority	Disable	⏏ Ưu tiên tông màu sáng	Tắt
Movie recording size	1920x1080	Kích thước ghi phim	1920x1080
Sound recording	Auto	Ghi âm	Tự động
Metering timer	8 sec.	Hẹn giờ đo sáng	8 giây

Thiết lập quay phim

EN		VI	
Grid display	Hide	Hiển thị khung lưới	Ẩn
Video snapshot	Disable	Video quay nhanh	Tắt
Video system	Unchanged	Hệ thống video	Không thay đổi
Exposure compensation	Canceled	Bù trừ phơi sáng	Đã hủy
Auto Lighting Optimizer	Standard	Tự động tối ưu hóa ánh sáng	Tiêu chuẩn
Custom White Balance	Canceled	Cân bằng trắng tùy chỉnh	Đã hủy
Picture Style	Auto	Kiểu ảnh	Tự động

 Tham khảo hướng dẫn sử dụng chức năng không dây để tìm hiểu về thiết lập Wi-Fi/NFC.

MENU Bật/tắt màn hình LCD

Bạn có thể thiết lập máy ảnh để hiển thị thiết lập chức năng chụp (tr.54) không tắt đi bật lại liên tục khi nhấn nửa chừng nút chụp (hoặc nhấn nút <★>).

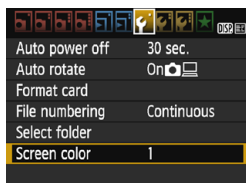


Trong tab [**2**], chọn [**LCD off/on btn (Nút bật/tắt LCD)**], rồi nhấn <SET>. Thiết lập có sẵn được trình bày bên dưới. Chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.

- [**Shutter btn. (Nút chụp)**]:
Khi nhấn nửa chừng nút chụp, màn hình sẽ tắt. Khi nhả nút chụp, hiển thị sẽ bật trở lại.
- [**Shutter/DISP (Nút chụp/HIỂN THỊ)**]:
Khi nhấn nửa chừng nút chụp, màn hình sẽ tắt. Màn hình vẫn tắt ngay cả khi nhả nút chụp. Nhấn nút <DISP.> để bật màn hình.
- [**Remains on (Luôn bật)**]:
Màn hình vẫn bật ngay cả khi nhấn nửa chừng nút chụp. Để tắt hiển thị, nhấn nút <DISP.>.

MENU Thay đổi màu của màn hình thiết lập chụp

Bạn có thể thay đổi màu nền của màn hình thiết lập chụp.



Trong tab [**1**], chọn [**Screen color (Màu màn hình)**], rồi nhấn <SET>. Chọn màu mong muốn, rồi nhấn <SET>.

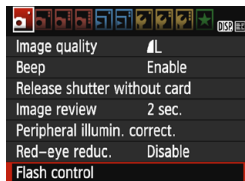
Khi thoát menu, màn hình thiết lập chụp sẽ hiển thị theo màu đã chọn.



MENU Thiết lập flash ☆

Bạn có thể thiết lập flash tích hợp và đèn Speedlite gắn ngoài bằng menu của máy ảnh. Bạn chỉ có thể sử dụng menu của máy ảnh để thiết lập chức năng của đèn Speedlite gắn ngoài nếu **lắp đèn Speedlite sê-ri EX tương thích với chức năng này**.

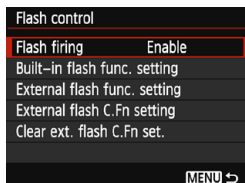
Quy trình thiết lập giống như thiết lập chức năng menu của máy ảnh.



Chọn [Flash control (Điều khiển flash)].

- Trong tab [1], chọn [Flash control (Điều khiển flash)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình điều khiển flash sẽ xuất hiện.

[Flash firing (Đánh sáng flash)]



- Thông thường, đặt thiết lập này thành [Enable (Bật)].
- Nếu đặt [Disable (Tắt)], cả flash tích hợp và đèn Speedlite gắn ngoài sẽ không đánh sáng. Thiết lập này hữu dụng khi bạn chỉ muốn sử dụng tia giúp lấy nét của flash.



Ngay cả khi [Flash firing (Đánh sáng flash)] được đặt thành [Disable (Tắt)], nếu khó lấy được nét trong điều kiện ánh sáng yếu, flash tích hợp có thể vẫn phát ra một loạt tia sáng (tia giúp lấy nét, tr.100).

[Built-in flash func. setting (Thiết lập chức năng flash tích hợp)] và [External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)]

Với [Built-in flash func. setting (Thiết lập chức năng flash tích hợp)] và [External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)], bạn có thể thiết lập các chức năng trong bảng bên dưới. Các chức năng hiển thị trong [External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)] sẽ khác nhau tùy thuộc vào model đèn Speedlite.

Built-in flash func. setting	
Flash mode	E-TTL II
Shutter sync.	1st curtain
Flash exp. comp	-2...1...0...1...2
E-TTL II meter.	Evaluative
MENU ➞	

- Chọn [Built-in flash func. setting (Thiết lập chức năng flash tích hợp)] hoặc [External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)].
- ▶ Các chức năng flash sẽ hiển thị. Bạn chỉ có thể chọn và cài đặt các chức năng được đánh dấu sáng màu.

Chức năng [Built-in flash func. setting (Thiết lập chức năng flash tích hợp)] và [External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)]

Chức năng	[Built-in flash func. setting (Thiết lập chức năng flash tích hợp)]	[External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)]	Trang
Flash mode (Chế độ flash)	E-TTL II (Cố định)	○	203
Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)	○		203
FEB*	-	○	-
Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)	○		117
E-TTL II flash metering (Đo sáng flash E-TTL II)	○		203
Flash zoom*	-	○	-
Wireless functions (Chức năng không dây)*	-	○	-

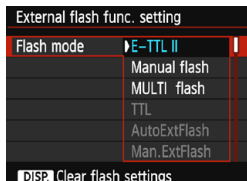
* Về [FEB] (Phơi sáng hỗn hợp flash), [Zoom] và [Wireless func. (Chức năng không dây)], tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với chức năng đó.



- Thận trọng khi chụp ảnh flash không dây có truyền sóng vô tuyến
 - Bạn không thể đặt chụp ảnh flash không dây có truyền sóng vô tuyến bằng máy ảnh. Sử dụng đèn Speedlite để thiết lập chức năng này.
 - Đặt tốc độ đồng bộ flash thành 1/100 hoặc thấp hơn.
 - Đồng bộ tốc độ cao không thể thực hiện.
 - Flash nhóm không thể thực hiện.
- Máy ảnh đôi khi không thể thiết lập một số chức năng như [Flash mode (Chế độ flash)], [Zoom] và [MULTI flash (ĐA flash)], tùy thuộc vào model đèn Speedlite được sử dụng. Trong trường hợp này, sử dụng đèn Speedlite để thiết lập chức năng.

● Flash mode (Chế độ flash)

Khi sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, bạn có thể chọn chế độ flash phù hợp với kiểu chụp flash mong muốn.



- **[E-TTL II]** là chế độ tiêu chuẩn của đèn Speedlite sê-ri EX dành cho chụp với flash tự động.
- **[Manual flash (Flash chỉnh tay)]** cho phép bạn tự đặt công suất flash. Đây là tính năng dành cho người dùng chuyên nghiệp.
- Về các chế độ flash khác, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với chức năng đó.

● Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)

Thông thường, đặt chế độ này thành **[1st curtain (Màn trập 1)]** để flash đánh sáng ngay lập tức sau khi bắt đầu phơi sáng.

Nếu đặt **[2nd curtain (Màn trập 2)]**, flash sẽ đánh sáng ngay trước khi màn trập đóng. Khi kết hợp với tốc độ màn trập chậm, bạn có thể tạo ra vệt sáng giống như từ đèn pha ô tô vào ban đêm với cảm giác tự nhiên hơn. Khi sử dụng E-TTL II (phơi sáng flash tự động), flash sẽ đánh sáng hai lần: một lần khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp và một lần ngay trước khi phơi sáng kết thúc. Ngoài ra, nếu tốc độ màn trập là 1/30 giây trở lên, đồng bộ màn trập 1 sẽ được áp dụng tự động. Nếu lắp đèn Speedlite gắn ngoài, bạn có thể chọn **[High-speed synchronization (Đồng bộ tốc độ cao)]** (⚡_H). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite.

● Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)

Tham khảo phần “Bù trừ phơi sáng flash” ở trang 117.

● E-TTL II flash metering (Đo sáng flash E-TTL II)

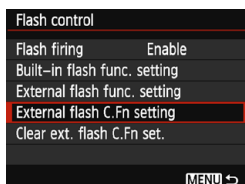
Đối với phơi sáng thông thường, đặt thành **[Evaluative (Toàn khung ảnh)]**. **[Average (Trung bình)]** dành cho người dùng chuyên nghiệp. Đối với đèn Speedlite gắn ngoài, đo sáng được lấy trung bình cho toàn bộ khu vực. Tùy thuộc vào cảnh, có thể cần bù trừ phơi sáng flash.

● Clear flash settings (Xóa thiết lập flash)

Trên màn hình [External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)], nhấn nút <DISP.> để hiển thị màn hình xóa thiết lập flash. Khi chọn [OK], các thiết lập cho flash tích hợp và đèn Speedlite gắn ngoài sẽ được xóa.

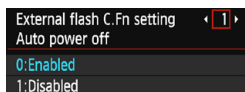
Thiết lập chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite gắn ngoài

Chức năng tùy chỉnh hiển thị trong [External flash C.Fn setting (Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài)] sẽ khác nhau tùy thuộc vào model đèn Speedlite.



1 Hiện thị chức năng tùy chỉnh.

- Chọn [External flash C.Fn setting (Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài)], rồi nhấn <SET>.



2 Đặt chức năng tùy chỉnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số chức năng, rồi thiết lập chức năng đó. Quy trình giống với đặt chức năng tùy chỉnh của máy ảnh (tr.260).
- Để xóa tất cả thiết lập chức năng tùy chỉnh, chọn [Clear ext. flash C.Fn set. (Xóa thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài)] ở bước 1.

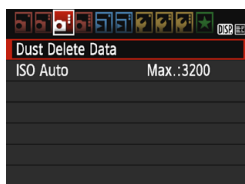
MENU Thêm dữ liệu xóa bụi ☆

Bụi vào máy ảnh có thể dính vào cảm biến hình và gây ra các chấm bụi nhìn thấy trên ảnh chụp. Để xóa các chấm bụi này, bạn có thể thêm dữ liệu xóa bụi vào ảnh. Dữ liệu xóa bụi được Digital Photo Professional (Phần mềm EOS, tr.322) sử dụng để xóa tự động các chấm bụi.

Chuẩn bị

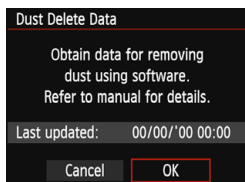
- Chuẩn bị vật màu trắng đồng nhất, ví dụ như một tờ giấy.
- Đặt tiêu cự ống kính từ 50 mm trở lên.
- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành **<MF>** và đặt lấy nét thành vô cực (∞). Nếu ống kính không có thước đo khoảng cách, xoay máy ảnh hướng về phía bạn và xoay vòng lấy nét theo chiều kim đồng hồ.

Lấy dữ liệu xóa bụi



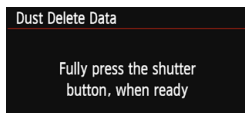
1 Chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)].

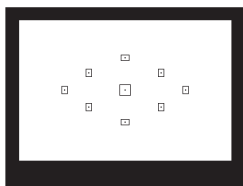
- Trong tab [3], chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)], rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn [OK].

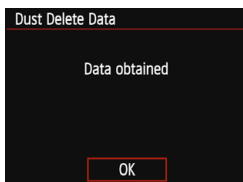
- Chọn [OK], rồi nhấn **<SET>**. Hướng dẫn sẽ xuất hiện.





3 Chụp vật màu trắng đồng nhất.

- Ở khoảng cách 20 cm - 30 cm (0,7 ft. - 1,0 ft.), lấp đầy khung ngắm với vật thể có màu trắng đồng nhất và không có hoa văn, rồi chụp ảnh.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ với khẩu độ f/22.
- Do ảnh sẽ không được lưu, nên máy ảnh vẫn lấy được dữ liệu ngay cả khi không có thể.
- ▶ Khi chụp xong ảnh, máy ảnh sẽ bắt đầu thu thập dữ liệu xóa bụi. Khi có được dữ liệu xóa bụi, thông báo sẽ xuất hiện.
Chọn **[OK]** và menu sẽ xuất hiện lại.
- Nếu không lấy dữ liệu thành công, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo quy trình “Chuẩn bị” ở trang trước, rồi chọn **[OK]**. Chụp lại ảnh.



Dữ liệu xóa bụi

Sau khi có được dữ liệu xóa bụi, dữ liệu được thêm vào tất cả các ảnh JPEG và RAW chụp sau đó. Trước khi chụp ảnh quan trọng, bạn nên cập nhật dữ liệu xóa bụi bằng cách lấy lại dữ liệu.

Để tìm hiểu chi tiết về cách sử dụng Digital Photo Professional (Phần mềm EOS, tr.322) để xóa chấm bụi, tham khảo hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional.

Dữ liệu xóa bụi được thêm vào ảnh quá nhỏ nên hầu như không ảnh hưởng đến kích thước tập tin ảnh.

⚠ Đảm bảo sử dụng vật màu trắng đồng nhất ví dụ như tờ giấy trắng mới. Hoa văn và thiết kế trên vật thể có thể được nhận biết là dữ liệu bụi và ảnh hưởng đến tính chính xác của việc xóa bụi bằng Digital Photo Professional (Phần mềm EOS).

MENU Làm sạch cảm biến bằng tay ☆

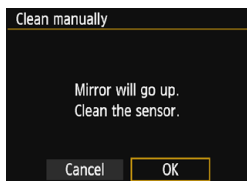
Nếu bụi dính vào cảm biến hình ảnh và chấm bụi xuất hiện trên ảnh, bạn có thể tự làm sạch cảm biến hình ảnh bằng bóng thổi máy ảnh. Trước khi làm sạch cảm biến, tháo ống kính khỏi máy ảnh.

Cảm biến ảnh rất mỏng manh. Nếu cần làm sạch trực tiếp trên cảm biến, vui lòng đưa máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon.



1 Chọn [Clean manually (Làm sạch bằng tay)].

- Trong tab [🔧], chọn [Clean manually (Làm sạch bằng tay)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- Trong giây lát, gương lật sẽ được lật lên và màn trập sẽ mở.

3 Làm sạch cảm biến.

4 Kết thúc làm sạch cảm biến.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.



Nếu sử dụng pin, đảm bảo pin được sạc đầy.



Để sử dụng nguồn điện lưới, bạn nên sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E10 (bán riêng) và Bộ điều hợp nguồn nhỏ gọn CA-PS700 (bán riêng).



- **Khi đang làm sạch cảm biến, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau đây. Nếu cắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và cảm biến ảnh.**
 - **Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.**
 - **Mở nắp khe cắm thẻ/ngăn chứa pin.**
- Bề mặt của cảm biến ảnh rất mỏng manh. Cần thận khi làm sạch cảm biến.
- Sử dụng bóng thổi không kèm chổi. Chổi có thể làm xước cảm biến.
- Không đưa đầu bóng thổi vào trong ngàm ống kính của máy ảnh. Nếu tắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và gương lật.
- Tuyệt đối không sử dụng bình xịt không khí hoặc khí nén để làm sạch cảm biến. Áp lực khí nén có thể gây hư hại cảm biến, bụi khí có thể đóng băng trên cảm biến và làm xước cảm biến.
- Khi đang làm sạch cảm biến, nếu mức pin yếu, tiếng bíp sẽ phát ra để cảnh báo. Tạm dừng làm sạch cảm biến.
- Nếu vẫn còn vết bẩn không thể loại bỏ bằng bóng thổi, vui lòng mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

8

Xem lại ảnh

Chương này giải thích về chức năng xem ảnh và phim với các cách sử dụng nâng cao hơn so với Chương 2 “Chụp cơ bản và xem lại ảnh”. Bạn sẽ tìm thấy hướng dẫn về cách xem lại và xóa ảnh/phim trên máy ảnh, và cách xem ảnh/phim trên TV.

Ảnh được chụp và lưu lại bằng thiết bị khác

Máy ảnh có thể không hiển thị chính xác ảnh được chụp bằng máy ảnh khác, ảnh được chỉnh sửa bằng máy tính hoặc khi tập tin ảnh đã bị đổi tên.

▶ Tìm kiếm ảnh nhanh chóng

📷 Hiển thị nhiều ảnh trên một màn hình (Hiển thị bảng kê)

Tìm kiếm ảnh nhanh chóng với hiển thị bảng kê 4 ảnh hoặc 9 ảnh trên một màn hình.



1 Xem lại ảnh.

- Khi nhấn nút <▶>, máy ảnh sẽ hiển thị ảnh được chụp sau cùng.



2 Chuyển sang hiển thị bảng kê.

- Nhấn nút <📷🔍>.
- ▶ Hiển thị bảng kê 4 ảnh sẽ xuất hiện. Ảnh đã chọn được tô sáng bằng khung màu cam.
- Nhấn lại nút <📷🔍> để chuyển sang hiển thị 9 ảnh.
- Nhấn nút <🔍> sẽ chuyển giữa hiển thị 9 ảnh, hiển thị 4 ảnh và hiển thị 1 ảnh.



3 Chọn ảnh.

- Nhấn phím đa chiều <🔍> để di chuyển khung màu cam và chọn ảnh.
- Xoay nút xoay <🔄> để hiển thị ảnh trên màn hình tiếp theo hoặc trước đó.
- Nhấn <SET> trong hiển thị bảng kê để hiển thị ảnh đã chọn dưới dạng từng ảnh.

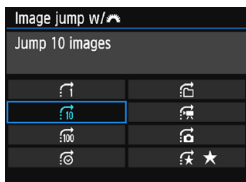
Nhảy qua các ảnh (Hiện thị nhảy ảnh)

Với hiện thị từng ảnh, bạn có thể xoay nút xoay <  > để nhảy qua các ảnh về phía trước hoặc phía sau theo kiểu nhảy ảnh đã thiết lập.



1 Chọn [Image jump w/] (Nhảy ảnh với).

- Trong tab [2], chọn [Image jump w/ ] (Nhảy ảnh với ), rồi nhấn <  >.



2 Chọn kiểu nhảy ảnh.

- Nhấn phím đa chiều <  > để chọn kiểu nhảy, rồi nhấn <  >.

: Hiện thị từng ảnh

: Nhảy 10 ảnh

: Nhảy 100 ảnh

: Hiện thị theo ngày

: Hiện thị theo thư mục

: Chỉ hiển thị phim

: Chỉ hiển thị ảnh

: Hiện thị theo xếp hạng ảnh (tr.214)

Xoay nút xoay <  > để chọn.



Kiểu nhảy ảnh

Vị trí xem lại

3 Duyệt ảnh với chức năng nhảy ảnh.

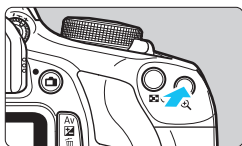
- Nhấn nút <  > để xem lại ảnh.
- Trên hiện thị từng ảnh, xoay nút xoay <  >.
- Bạn có thể duyệt ảnh theo cách thức đã đặt.



- Để tìm kiếm ảnh theo ngày chụp, chọn [Date (Ngày tháng)].
- Để tìm kiếm ảnh theo thư mục, chọn [Folder (Thư mục)].
- Nếu thẻ có chứa cả phim và ảnh, chọn [Movies (Phim)] hoặc [Stills (Ảnh)] để hiển thị một trong hai loại.
- Nếu không có ảnh phù hợp với [Rating (Xếp hạng)] được chọn, bạn không thể duyệt ảnh bằng nút xoay <  >.

Xem phóng to

Bạn có thể phóng to ảnh đã chụp khoảng 1,5x đến 10x trên màn hình LCD.



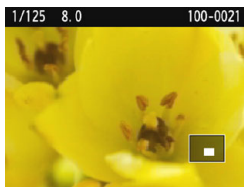
Vị trí khu vực phóng to

1 Phóng to ảnh.

- Phóng to ảnh bằng cách nhấn nút  khi xem lại ảnh.
- ▶ Ảnh được phóng to.
- Nếu nhấn giữ nút , ảnh sẽ được phóng to cho đến khi đạt đến hệ số phóng to tối đa.
- Nhấn nút  để thu nhỏ ảnh. Nhấn giữ nút này để thu nhỏ ảnh cho đến khi hiển thị từng ảnh.

2 Di chuyển quanh ảnh.

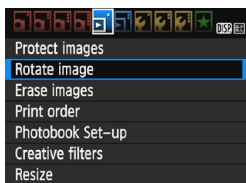
- Sử dụng phím đa chiều  để lướt quanh ảnh phóng to.
- Để thoát hiển thị phóng to, nhấn nút  và trở về hiển thị từng ảnh.



- Ở chế độ xem phóng to, xoay nút xoay  để xem ảnh khác ở cùng hệ số phóng to.
- Không thể phóng to ảnh trong thời gian xem lại ngay sau khi chụp.
- Không thể phóng to phim.

Xoay ảnh

Bạn có thể xoay ảnh hiển thị theo hướng mong muốn.



1 Chọn [Rotate image (Xoay ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Rotate image (Xoay ảnh)], rồi nhấn < >.



2 Chọn ảnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ảnh muốn xoay.
- Bạn cũng có thể chọn ảnh trên hiển thị bằng thẻ (tr.210).



3 Xoay ảnh.

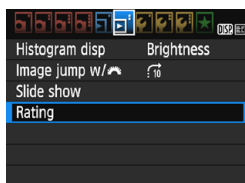
- Mỗi lần nhấn < >, ảnh sẽ xoay theo chiều kim đồng hồ như sau:
90° → 270° → 0°.
- Để xoay ảnh khác, lặp lại bước 2 và 3.
- Để thoát và quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.



- Nếu đặt [ 1: Auto rotate (Tự động xoay)] thành [On   (Bật  )] (tr.192) trước khi chụp ảnh dọc, không cần xoay ảnh như thao tác trên.
- Nếu ảnh đã xoay không hiển thị theo hướng xoay trong khi xem lại ảnh, đặt [ 1: Auto rotate (Tự động xoay)] thành [On   (Bật  )].
- Không thể xoay phim.

MENU Thiết lập xếp hạng

Bạn có thể xếp hạng ảnh (ảnh và phim) với một trong năm dấu xếp hạng sau: [★]/[★★]/[★★★]/[★★★★]/[★★★★★]. Chức năng này được gọi là xếp hạng.



1 Chọn [Rating (Xếp hạng)].

- Trong tab [▶2], chọn [Rating (Xếp hạng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn ảnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ảnh hoặc phim sẽ xếp hạng.
- Nhấn nút <📷🔍> có thể chọn ảnh từ màn hình hiển thị ba ảnh. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút <🔍>.



3 Xếp hạng ảnh.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn xếp hạng.
- Khi chọn xếp hạng cho ảnh, số bên cạnh xếp hạng đã đặt sẽ tăng theo mức một đơn vị.
- Để xếp hạng ảnh khác, lặp lại các bước 2 và 3.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.



Máy ảnh có thể hiển thị tối đa 999 ảnh đồng hạng. Nếu có nhiều hơn 999 ảnh được xếp đồng hạng, biểu tượng [###] sẽ hiển thị.

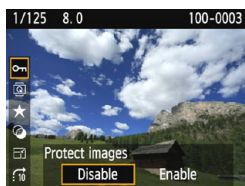
Lợi ích của xếp hạng ảnh

- Khi đặt thành [▶2: Image jump w/] (Nhảy ảnh với), bạn có thể chỉ hiển thị các ảnh có xếp hạng đã chỉ định.
- Khi đặt [▶2: Slide show (Trình chiếu)], bạn có thể chỉ xem lại ảnh có xếp hạng đã chỉ định.
- Với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.322), bạn có thể chỉ chọn ảnh có xếp hạng cụ thể (chỉ với tập tin ảnh).
- Tùy thuộc vào hệ điều hành máy tính, bạn có thể xem xếp hạng của mỗi tập tin trong hiển thị thông tin của tập tin hoặc trong phần mềm xem ảnh đi kèm (Chỉ với ảnh JPEG).

Điều khiển nhanh trong khi xem lại

Trong khi phát lại, bạn có thể nhấn nút  để đặt các thiết lập sau: [: **Protect images (Bảo vệ ảnh)**], [: **Rotate image (Xoay ảnh)**], [: **Rating (Xếp hạng)**], [: **Creative filters (Bộ lọc sáng tạo)**], [: **Resize (JPEG images only) (Thay đổi cỡ ảnh (chỉ với ảnh JPEG))**] và [: **Image jump w/  (Nhảy ảnh với **).

Đối với phim, chỉ có thể thiết lập các chức năng được in đậm ở trên.



1 Nhấn nút .

- Trong khi xem lại ảnh, nhấn nút .
- Tùy chọn điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



2 Chọn và thiết lập chức năng.

- Nhấn các phím   để chọn chức năng.
- Tên và thiết lập hiện tại của chức năng đã chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.
- Nhấn các phím   để thiết lập.
- Trong chế độ bộ lọc sáng tạo và thay đổi cỡ ảnh, nhấn  để thiết lập chức năng. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần Bộ lọc sáng tạo ở trang 238 và phần Thay đổi cỡ ảnh ở trang 241. Để hủy, nhấn nút .

3 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút  để thoát điều khiển nhanh.



Để xoay ảnh, đặt [**1: Auto rotate (Tự động xoay)**] thành [**On  ** (Bật  )]. Nếu đặt [**1: Auto rotate (Tự động xoay)**] thành [**On  (Bật **)] hoặc [**Off (Tắt)**], [** Rotate image (Xoay ảnh)**] sẽ được áp dụng cho ảnh, nhưng máy ảnh sẽ không hiển thị xoay ảnh.



- Nhấn nút <> trong khi hiển thị bảng kê sẽ chuyển sang hiển thị từng ảnh và biểu tượng điều khiển nhanh sẽ xuất hiện. Nhấn lại nút <> để trở về hiển thị bảng kê.
- Đối với ảnh chụp bằng máy ảnh khác, các chức năng có thể chọn sẽ bị hạn chế.

Thường thức phim

Bạn có thể xem lại phim theo 3 cách sau đây:

Phát lại trên TV (tr.228)



Bạn cần sử dụng cáp HDMI (bán riêng) để kết nối máy ảnh với TV. Ngoài ra, TV cũng phải có cổng HDMI. Khi kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI, bạn có thể xem lại phim và ảnh trên TV.

Nếu sử dụng TV độ phân giải cao và kết nối với máy ảnh qua cáp HDMI, bạn có thể xem phim có chất lượng hình ảnh tốt hơn như Độ phân giải cao (Full HD: 1920x1080) và Độ phân giải cao (HD: 1280x720).

-  Máy ảnh không có ngõ ra tiếng/hình. Do đó, bạn không thể kết nối máy ảnh với TV bằng cáp AV analog.
- Do máy ghi đĩa cứng không có cổng HDMI IN, máy ảnh không thể kết nối với máy ghi đĩa cứng bằng cáp HDMI.
- Ngay cả khi kết nối máy ảnh với máy ghi đĩa cứng bằng cáp USB, bạn cũng không thể phát lại hay lưu phim và ảnh.
- Không thể phát lại phim nếu thiết bị phát không tương thích với tập tin MOV.

Phát lại trên màn hình LCD của máy ảnh (tr.220-227)



Bạn có thể xem lại phim trên màn hình LCD của máy ảnh. Bạn cũng có thể cắt phim để chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim và xem lại ảnh và phim trên thẻ ở chế độ trình chiếu tự động.



Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể được ghi vào thẻ hoặc xem lại trên máy ảnh.

Phát lại và chỉnh sửa phim trên máy tính



Để phát lại hoặc chỉnh sửa phim, sử dụng phần mềm đã cài đặt sẵn hoặc phần mềm thông dụng nói chung, tương thích với định dạng phim ghi.



Nếu sử dụng phần mềm bán sẵn trên thị trường để xem lại hoặc chỉnh sửa phim, cần đảm bảo phần mềm tương thích với phim định dạng MOV. Để tìm hiểu chi tiết về các phần mềm này, liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

Phát lại phim



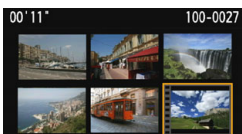
1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút  để hiển thị ảnh.



2 Chọn phim.

- Nhấn các phím   để chọn phim.
- Trong màn hình hiển thị từng ảnh, biểu tượng  **SET** ở phía trên bên trái biểu thị phim. Nếu phim là một video quay nhanh, biểu tượng  **SET** sẽ hiển thị.
- Ở hiển thị bảng kê, lỗ rỗng cửa ở rìa bên trái ảnh thu nhỏ biểu thị tập tin phim. **Do không thể xem lại phim khi hiển thị bảng kê, nhấn  để chuyển sang hiển thị từng ảnh.**



3 Trong màn hình hiển thị từng ảnh, nhấn .

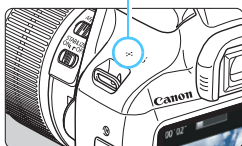
- ▶ Bảng điều khiển phát lại phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



4 Phát lại phim.

- Chọn  (Phát), rồi nhấn .
- ▶ Phim sẽ bắt đầu phát.
- Nhấn  để tạm dừng phát lại phim.
- Trong khi phát lại phim, bạn có thể điều chỉnh âm lượng loa tích hợp bằng cách xoay nút xoay .
- Để tìm hiểu chi tiết về quy trình phát lại, tham khảo trang tiếp theo.

Loa



Bảng điều khiển phát lại phim

Thao tác	Mô tả phát lại
 Exit (Thoát)	Trở về hiển thị từng ảnh.
 Play (Phát)	Nhấn <SET> để chuyển giữa phát và tạm dừng phim.
 Slow motion (Chuyển động chậm)	Điều chỉnh tốc độ chuyển động chậm bằng cách nhấn phím <◀> <▶>. Tốc độ chuyển động chậm hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
 First frame (Khung hình đầu tiên)	Hiển thị khung hình đầu tiên của phim.
 Previous frame (Khung hình trước)	Mỗi lần nhấn <SET>, khung hình trước đó sẽ hiển thị. Nhấn giữ <SET> để tua lại phim.
 Next frame (Khung hình tiếp theo)	Mỗi lần nhấn <SET>, phim sẽ phát từng khung hình một. Nhấn giữ <SET> để tua nhanh phim.
 Last frame (Khung hình cuối)	Hiển thị khung hình cuối của phim.
 Edit (Chỉnh sửa)	Hiển thị màn hình chỉnh sửa (tr.222).
 Background music (Nhạc nền)*	Phát lại phim với nhạc nền đã chọn (tr.227).
	Vị trí phát lại
mm' ss" (phút' giây")	Thời lượng phát lại (phút:giây)
 Volume (Âm lượng)	Xoay nút xoay <VOLUME> để điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.220).

* Khi bật nhạc nền, âm thanh của phim sẽ không được phát.



Máy ảnh không thể phát lại phim được quay bằng máy ảnh khác.



- Với Pin LP-E10 được sạc đầy, thời lượng phát lại liên tục ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) là khoảng 2 giờ 20 phút.
- Trong khi hiển thị từng ảnh, bạn có thể nhấn nút <DISP.> để thay đổi định dạng hiển thị ảnh (tr.235).
- Khi kết nối máy ảnh tới TV (tr.228) để xem lại phim, bạn có thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. (Không thể thay đổi âm lượng của phim bằng cách xoay nút xoay <VOLUME>.)

✂ Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim

Bạn có thể chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim ở mức tăng khoảng 1 giây.



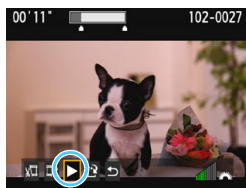
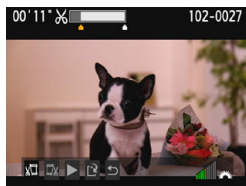
1 Trên màn hình phát lại phim, chọn [✂].

▶ Màn hình chỉnh sửa sẽ hiển thị.



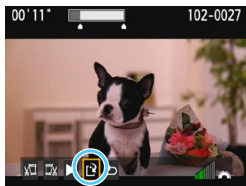
2 Chỉ định đoạn phim sẽ cắt để chỉnh sửa.

- Chọn [✂] (Cắt đoạn đầu) hoặc [✂] (Cắt đoạn cuối), rồi nhấn <SET>.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để xem các khung hình trước hoặc sau. Nhấn giữ phím để tua đi hoặc tua lại các khung hình.
- Sau khi quyết định đoạn phim sẽ cắt để chỉnh sửa, nhấn <SET>. Phần được tô sáng bằng màu trắng ở phía trên là phần sẽ được giữ lại.



3 Kiểm tra phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [▶] và nhấn <SET> để phát lại phim đã chỉnh sửa.
- Để thay đổi chỉnh sửa, quay lại bước 2.
- Để hủy chỉnh sửa, chọn [↶], rồi nhấn <SET>. Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận, rồi nhấn <SET>.



4 Lưu lại phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [⏮], rồi nhấn <ⓈET>.
- ▶ Màn hình lưu sẽ xuất hiện.
- Để lưu phim đã chỉnh sửa thành đoạn phim mới, chọn [**New file (Tập tin mới)**]. Để lưu và ghi đè tập tin phim gốc, chọn [**Overwrite (Ghi đè)**], rồi nhấn <ⓈET>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [**OK**], rồi nhấn <ⓈET> để lưu lại phim đã chỉnh sửa và trở về màn hình phát lại phim.



- Do phim được chỉnh sửa ở mức tăng khoảng 1 giây (vị trí chỉnh sửa được đánh dấu bằng biểu tượng [✕] ở trên cùng màn hình), vị trí chính xác của phim được chỉnh sửa có thể khác so với vị trí mà bạn chỉ định.
- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống, không thể lập [**New file (Tập tin mới)**].
- Khi mức pin yếu, bạn không thể chỉnh sửa phim. Hãy sử dụng pin đã sạc đầy.

MENU Trình chiếu (Tự động phát)

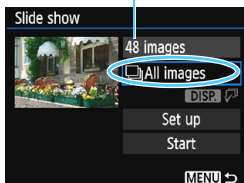
Bạn có thể xem lại ảnh trên thẻ dưới dạng trình chiếu tự động.



1 Chọn [Slide show (Trình chiếu)].

- Trong tab [2], chọn [Slide show (Trình chiếu)], rồi nhấn <SET>.

Số lượng ảnh sẽ xem lại



2 Chọn ảnh muốn xem lại.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn tùy chọn mong muốn, rồi nhấn <SET>.

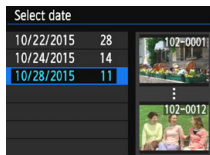
Tất cả ảnh/Phim/Ảnh

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn một trong các tùy chọn sau: [All images (Tất cả ảnh)] [Movies (Phim)] [Stills (Ảnh)]. Sau đó, nhấn <SET>.

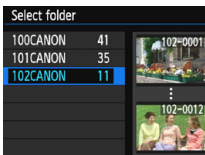
Ngày tháng/Thư mục/Xếp hạng

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn một trong các tùy chọn sau: [Date (Ngày tháng)] [Folder (Thư mục)] [Rating (Xếp hạng)].
- Khi biểu tượng <DISP> được tô sáng, nhấn nút <DISP>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.

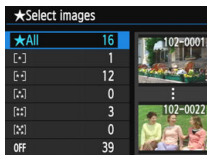
[Date (Ngày tháng)]



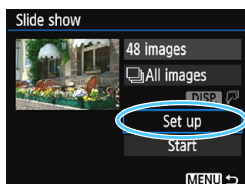
[Folder (Thư mục)]



[Rating (Xếp hạng)]



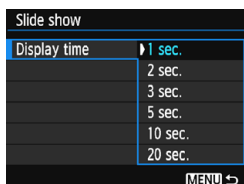
Mục	Mô tả phát lại
All images (Tất cả ảnh)	Xem lại tất cả ảnh và phim trên thẻ.
Date (Ngày tháng)	Xem lại ảnh và phim được chụp/quay vào ngày chụp/quay đã chọn.
Folder (Thư mục)	Xem lại ảnh và phim trong thư mục đã chọn.
Movies (Phim)	Chỉ phát lại phim trên thẻ.
Stills (Ảnh)	Chỉ xem lại ảnh trên thẻ.
Rating (Xếp hạng)	Chỉ xem lại ảnh và phim có xếp hạng đã chọn.



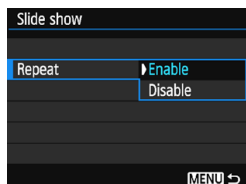
3 Định cấu hình [Set up (Cài đặt)] mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.
- Thiết lập [Display time (Thời gian hiển thị)], [Repeat (Lặp lại)] (xem lặp lại), [Transition effect (Hiệu ứng chuyển)] (hiệu ứng khi chuyển ảnh) và [Background music (Nhạc nền)] cho ảnh.
- Quy trình chọn nhạc nền được giải thích ở trang 227.
- Sau khi chọn thiết lập, nhấn nút <MENU>.

[Display time (Thời gian hiển thị)]

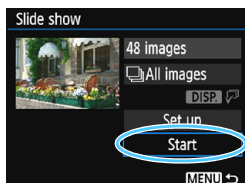
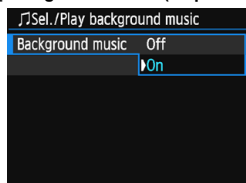
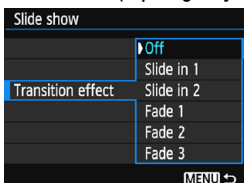


[Repeat (Lặp lại)]



[Transition effect (Hiệu ứng chuyển)]

[Background music (Nhạc nền)]



4 Bắt đầu trình chiếu.

- Nhấn các phím <▲><▼> để chọn [Start (Bắt đầu)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Sau khi [Loading image... (Đang tải ảnh...)] hiển thị, trình chiếu sẽ bắt đầu.

5 Thoát trình chiếu.

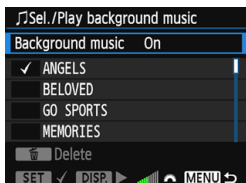
- Để thoát trình chiếu và quay lại màn hình thiết lập, nhấn nút <MENU>.



- Nhấn <SET> để tạm dừng trình chiếu. Trong khi tạm dừng, biểu tượng [III] sẽ hiển thị ở phía trên bên trái ảnh. Nhấn lại <SET> để tiếp tục trình chiếu.
- Trong khi tự động phát, nhấn nút <DISP.> để thay đổi định dạng hiển thị ảnh (tr.83).
- Trong khi phát lại phim, điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <VOLUME>.
- Trong khi tự động phát hoặc tạm dừng, bạn có thể nhấn các phím <◀> <▶> để xem ảnh khác.
- Trong khi tự động phát, tính năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Thời gian hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào ảnh.
- Để xem trình chiếu trên TV, tham khảo trang 228.

Chọn nhạc nền

Sau khi sử dụng EOS Utility (Phần mềm EOS) để sao chép nhạc nền vào thẻ, bạn có thể phát nhạc nền trong khi trình chiếu.



1 Chọn [Background music (Nhạc nền)].

- Đặt [Background music (Nhạc nền)] thành [On (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- Không thể thực hiện bước 2 nếu thẻ không có nhạc nền.

2 Chọn nhạc nền.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn nhạc nền, rồi nhấn <SET>. Bạn cũng có thể chọn nhiều bản nhạc nền.

3 Phát nhạc nền.

- Để nghe đoạn nhạc nền mẫu, nhấn nút <DISP.>.
- Nhấn phím <▲> <▼> để phát bản nhạc nền khác. Để dừng phát nhạc nền, nhấn lại nút <DISP.>.
- Điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <🔊>.
- Để xóa một bản nhạc nền, nhấn các phím <▲> <▼> để chọn bản nhạc nền muốn xóa, rồi nhấn nút <🗑️>.

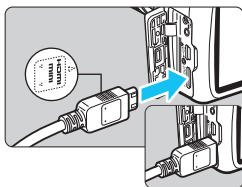


Khi mới mua, máy ảnh không chứa sẵn nhạc nền. Quy trình sao chép nhạc nền vào thẻ được giải thích trong Hướng dẫn sử dụng EOS Utility.

Xem ảnh trên TV

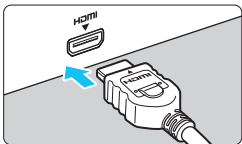
Bạn có thể xem lại ảnh và phim trên TV. Bạn cần sử dụng cáp HDMI (bán riêng) để kết nối máy ảnh với TV. Ngoài ra, TV cũng phải có cổng HDMI.

ⓘ Nếu đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], không thể kết nối máy ảnh với TV. Đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Disable (Tắt)**], rồi kết nối lại máy ảnh với TV bằng cáp HDMI.



1 Kết nối cáp HDMI với máy ảnh.

- Quay logo <▲ HDMI MINI> của đầu cắm về phía trước máy ảnh, rồi cắm đầu cắm vào cổng <HDMI OUT>.

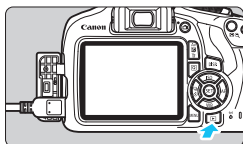


2 Kết nối cáp HDMI với TV.

- Kết nối cáp HDMI với ngõ vào HDMI của TV.

3 Bật TV và chuyển ngõ vào video của TV để chọn cổng đã kết nối.

4 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.



5 Nhấn nút <▶>.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV. (Màn hình LCD của máy ảnh không hiển thị thông tin.)
- Ảnh sẽ tự động hiển thị ở độ phân giải tối ưu của TV.
- Nhấn nút <DISP.> để thay đổi định dạng hiển thị.
- Để phát lại phim, tham khảo trang 220.

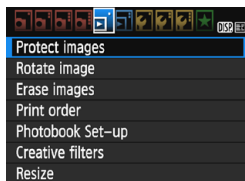


- Điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. Không thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng máy ảnh.
- Tắt máy ảnh và TV trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp giữa máy ảnh và TV.
- Tùy thuộc vào model TV, phần ảnh hiển thị có thể bị cắt bớt.
- Không kết nối đầu ra của bất kỳ thiết bị nào khác tới cổng <HDMI OUT> của máy ảnh. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Bạn không thể xem lại ảnh trên một số model TV nhất định.

Bảo vệ ảnh

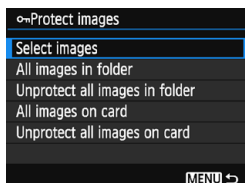
Bạn có thể đặt bảo vệ để ngăn các ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa.

MENU Bảo vệ từng ảnh



1 Chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình thiết lập bảo vệ sẽ xuất hiện.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

- Chọn [Select images (Chọn ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.

Biểu tượng bảo vệ ảnh

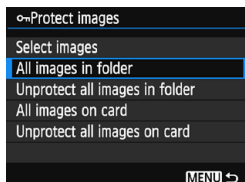


3 Bảo vệ ảnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ảnh cần bảo vệ, rồi nhấn <SET>.
- Khi ảnh được bảo vệ, biểu tượng < > sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Để hủy bảo vệ ảnh, nhấn lại <SET>. Biểu tượng < > sẽ biến mất.
- Để bảo vệ ảnh khác, lặp lại bước 3.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.

MENU Bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi chọn [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**] trong [**► 1: Protect images (Bảo vệ ảnh)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được bảo vệ.

Để hủy bảo vệ ảnh, chọn [**Unprotect all images in folder (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)**].

 **Nếu định dạng thẻ (tr.52), các ảnh được bảo vệ cũng sẽ bị xóa.**



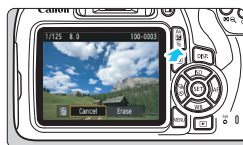
- Bạn cũng có thể đặt bảo vệ phim.
- Không thể xóa ảnh đã bảo vệ bằng chức năng xóa của máy ảnh. Để xóa ảnh đã bảo vệ, trước tiên phải hủy bảo vệ ảnh.
- Nếu bạn xóa tất cả ảnh (tr.233), sẽ chỉ còn lại ảnh đã bảo vệ. Tính năng này giúp xóa các ảnh không cần thiết cùng một lúc.

Xóa ảnh

Bạn có thể chọn và xóa từng ảnh hoặc xóa nhiều ảnh cùng một lúc. Ảnh được bảo vệ (tr.230) sẽ không bị xóa.

 Không thể khôi phục được ảnh đã bị xóa. Đảm bảo chỉ xóa những ảnh không cần thiết. Thực hiện bảo vệ ảnh để ngăn những ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa. Xóa ảnh **RAW** +  sẽ xóa cả ảnh RAW và ảnh JPEG.

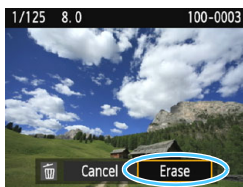
Xóa từng ảnh



1 Xem lại ảnh sẽ xóa.

2 Nhấn nút .

▶ Menu xóa sẽ xuất hiện.

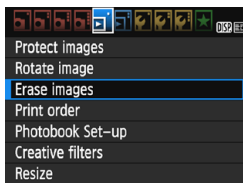


3 Xóa ảnh.

- Chọn [**Erase (Xóa)**], rồi nhấn < >. Ảnh đang hiển thị sẽ bị xóa.

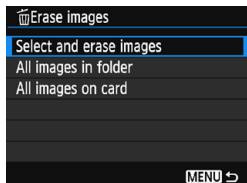
MENU Đánh dấu [✓] vào ảnh để xóa cùng một lúc

Đánh dấu [✓] vào các ảnh cần xóa để xóa nhiều ảnh cùng một lúc.



1 Chọn [**Erase images (Xóa ảnh)**].

- Trong tab [ 1], chọn [**Erase images (Xóa ảnh)**], rồi nhấn < >.



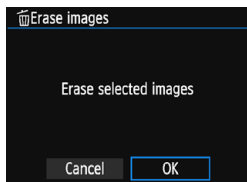
2 Chọn [Select and erase images (Chọn và xóa ảnh)].

- Chọn [Select and erase images (Chọn và xóa ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ảnh sẽ hiển thị.
- Để mở hiển thị ba ảnh, nhấn nút <[Grid Icon]>. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút <[Single Icon]>.



3 Chọn ảnh muốn xóa.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ảnh sẽ xóa, rồi nhấn các phím <▲> <▼>.
- ▶ Dấu chọn [✓] hiển thị ở phía trên bên trái màn hình.
- Để chọn ảnh khác cần xóa, lặp lại bước 3.



4 Xóa ảnh.

- Nhấn nút <[Trash Icon]>.
- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ảnh đã chọn sẽ bị xóa.

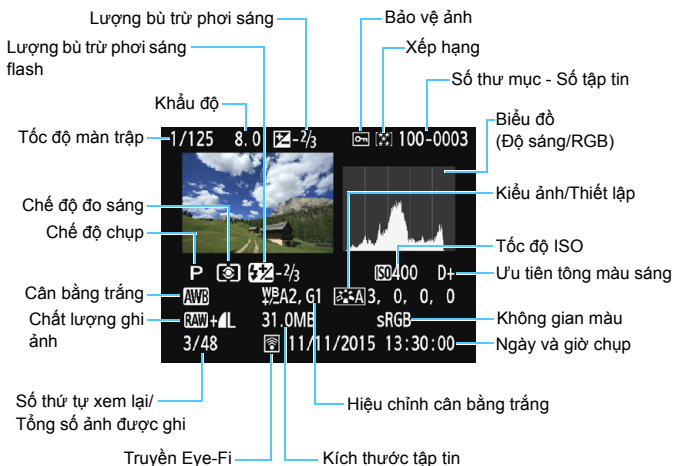
MENU Xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc. Khi đặt [▶ 1:Erase images (Xóa ảnh)] thành [All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)] hoặc [All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ bị xóa.

 Định dạng thẻ để xóa tất cả ảnh, bao gồm ảnh được bảo vệ (tr.52).

DISP. Hiển thị thông tin chụp

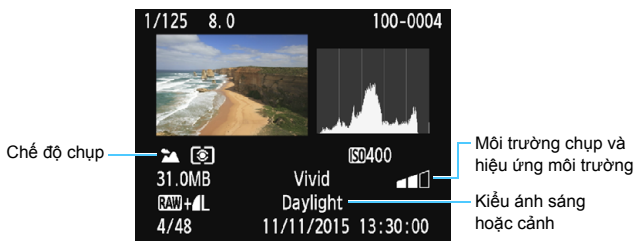
Ảnh mẫu được chụp ở chế độ vùng sáng tạo



- * Với ảnh **RAW** + **L**, kích thước tập tin **RAW** sẽ hiển thị.
- * Nếu ảnh được áp dụng bộ lọc sáng tạo hay thay đổi cỡ ảnh, biểu tượng **<RAW>** sẽ chuyển thành **<L>**.
- * Ảnh chụp sử dụng flash mà không thiết lập bù trừ phơi sáng flash được đánh dấu bằng biểu tượng **<F>**. Ảnh chụp thiết lập bù trừ phơi sáng flash được đánh dấu bằng biểu tượng **<F>**.

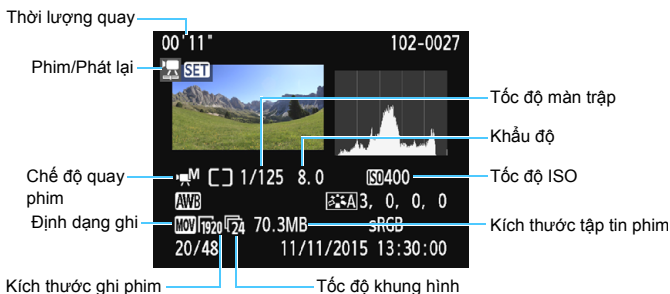
- Một số thông tin chụp có thể sẽ không hiển thị nếu ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Ảnh chụp với máy ảnh này có thể không xem lại được trên máy ảnh khác.

Ảnh mẫu được chụp ở chế độ vùng cơ bản



* Với ảnh được chụp ở chế độ vùng cơ bản, thông tin hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào chế độ chụp.

Hiển thị thông tin phim mẫu



* Nếu sử dụng phôi sáng chỉnh tay, thông số tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO (khi được đặt bằng tay) sẽ hiển thị.

* Biểu tượng <[Movie Icon]> biểu thị cho video quay nhanh.

● Cảnh báo vùng sáng

Khi hiển thị thông tin chụp, khu vực dư sáng trên ảnh sẽ nhấp nháy. Để thu được nhiều chi tiết ảnh hơn ở các khu vực dư sáng, thiết lập bù trừ phơi sáng về số âm rồi chụp lại.

● Biểu đồ

Biểu đồ độ sáng hiển thị phân phối mức phơi sáng và độ sáng tổng thể. Biểu đồ RGB để kiểm tra độ bão hòa màu và độ chuyển màu. Hiển thị có thể được chuyển với [ 2: Histogram disp (Hiển thị biểu đồ)].

Hiển thị [Brightness (Độ sáng)]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của ảnh. Trục ngang biểu diễn mức độ sáng (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu diễn số lượng điểm ảnh tồn tại cho mỗi mức độ sáng. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, thì ảnh càng tối. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, thì ảnh càng sáng. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, chi tiết vùng tối sẽ mất. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, chi tiết vùng sáng sẽ mất. Độ chuyển màu ở khoảng giữa sẽ được tái tạo. Kiểm tra ảnh và biểu đồ độ sáng có thể cho biết độ lệch của mức phơi sáng và độ chuyển màu tổng thể.

Biểu đồ mẫu



Ảnh tối



Độ sáng bình thường



Ảnh sáng

Hiển thị [RGB]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của mỗi màu chính trong ảnh (RGB hoặc đỏ, xanh lá cây và xanh da trời). Trục ngang biểu diễn mức độ sáng của màu (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu diễn số lượng điểm ảnh tồn tại cho mỗi mức độ sáng của màu. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, ảnh càng tối và độ ẩm màu càng ít. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, ảnh càng sáng và màu càng đậm hơn. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, thông tin màu tương ứng sẽ bị thiếu. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, màu sẽ quá bão hòa và không có độ chuyển màu. Kiểm tra biểu đồ RGB của ảnh có thể cho biết độ chuyển màu và tình trạng bão hòa màu, cũng như độ lệch cân bằng trắng.

9

Xử lý hậu kỳ ảnh

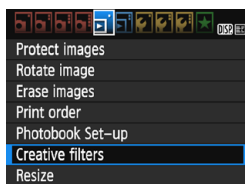
Sau khi chụp, bạn có thể áp dụng bộ lọc sáng tạo hoặc thay đổi cỡ ảnh JPEG (giảm độ phân giải).



- Máy ảnh không thể xử lý ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Xử lý hậu kỳ ảnh trình bày trong chương này không thể thực hiện khi máy ảnh được kết nối tới máy tính thông qua cáp nối.

Áp dụng bộ lọc sáng tạo

Bạn có thể áp dụng các bộ lọc sáng tạo sau cho ảnh và lưu thành ảnh mới: Đen trắng hạt, Nét mềm, Hiệu ứng mắt cá, Hiệu ứng máy đồ chơi và Hiệu ứng thu nhỏ.



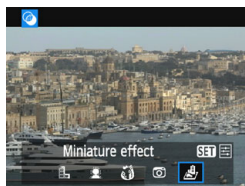
1 Chọn [Creative filters (Bộ lọc sáng tạo)].

- Trong tab [1], chọn [Creative filters (Bộ lọc sáng tạo)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.



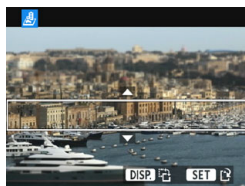
2 Chọn ảnh.

- Chọn ảnh bạn muốn áp dụng bộ lọc.
- Nhấn nút <[]> có thể chuyển sang hiển thị bảng kê và chọn ảnh.



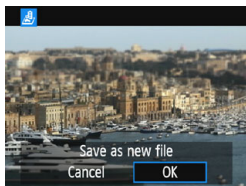
3 Chọn một bộ lọc.

- Khi nhấn <SET>, các loại bộ lọc sáng tạo sẽ hiển thị (tr.240).
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn một bộ lọc, rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị với các hiệu ứng của bộ lọc được áp dụng.



4 Điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc, rồi nhấn <SET>.
- Đối với hiệu ứng thu nhỏ, nhấn các phím <▲> <▼> để di chuyển khung màu trắng đến khu vực muốn làm sắc nét, rồi nhấn <SET>.



5 Lưu ảnh.

- Chọn **[OK]** để lưu ảnh.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn **[OK]**.
- Để áp dụng bộ lọc cho ảnh khác, lặp lại bước 2 đến bước 5.
- Để quay trở về menu, nhấn nút **<MENU>**.



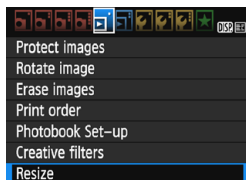
- Khi chụp ảnh **RAW** + **L** hoặc **RAW**, hiệu ứng bộ lọc sẽ áp dụng cho ảnh **RAW** và ảnh sẽ được lưu dưới dạng JPEG.
- Nếu đặt tỷ lệ khung ảnh cho ảnh **RAW** rồi áp dụng hiệu ứng bộ lọc, ảnh sẽ được lưu ở tỷ lệ khung ảnh đã đặt.
- Ảnh chụp với hiệu ứng mắt cá sẽ không được thêm Dữ liệu xóa bụi (tr.205).

Đặc tính bộ lọc sáng tạo

- 🎨 **Grainy B/W (Đen trắng hạt)**
Tạo ảnh đen trắng nhiều hạt. Điều chỉnh độ tương phản có thể thay đổi hiệu ứng đen trắng.
- 🌫️ **Soft focus (Nét mềm)**
Làm cho ảnh trông dịu. Điều chỉnh độ mờ có thể thay đổi độ dịu.
- 🐟 **Fish-eye effect (Hiệu ứng mắt cá)**
Tạo hiệu ứng ống kính mắt cá. Ảnh sẽ biến dạng theo kiểu hình ống. Tùy thuộc vào mức độ của hiệu ứng bộ lọc, khu vực bị cắt dọc theo rìa ảnh sẽ thay đổi. Ngoài ra, hiệu ứng bộ lọc này sẽ phóng to phần trung tâm ảnh, do vậy độ phân giải ở phần trung tâm ảnh có thể giảm đi tùy thuộc vào độ phân giải được ghi. Đặt hiệu ứng bộ lọc ở bước 4 trong khi kiểm tra kết quả.
- 📷 **Toy camera effect (Hiệu ứng máy đồ chơi)**
Làm tối các góc ảnh và áp dụng tông màu khiến ảnh trông như được chụp bằng máy ảnh đồ chơi. Điều chỉnh tông màu có thể thay đổi sắc thái màu.
- 🏠 **Miniature effect (Hiệu ứng thu nhỏ)**
Tạo hiệu ứng cảnh tầm sâu. Bạn có thể thay đổi vị trí của vùng ảnh sắc nét. Ở bước 4 ở trang 238, nếu nhấn nút <DISP.>, bạn có thể thay đổi hướng của khung màu trắng thành hướng dọc hoặc hướng ngang.

Thay đổi cỡ ảnh JPEG

Bạn có thể thay đổi cỡ ảnh JPEG để giảm độ phân giải và lưu thành ảnh mới. Chức năng thay đổi cỡ ảnh chỉ có thể thực hiện với ảnh JPEG L/M/S1/S2. Không thể thay đổi cỡ ảnh JPEG S3 và RAW.



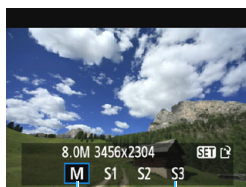
1 Chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.



2 Chọn ảnh.

- Chọn ảnh bạn muốn thay đổi kích cỡ.
- Nhấn nút <Q> có thể chuyển sang hiển thị bằng kẻ và chọn ảnh.



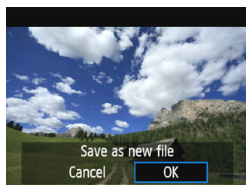
Cỡ ảnh mong muốn

3 Chọn cỡ ảnh mong muốn.

- Nhấn <SET> để hiển thị cỡ ảnh.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn cỡ ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.

4 Lưu ảnh.

- Chọn [OK] để lưu ảnh đã thay đổi kích cỡ.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để thay đổi cỡ cho ảnh khác, lặp lại các bước từ 2 đến 4.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.



Tùy chọn thay đổi cỡ ảnh theo cỡ ảnh gốc

Cỡ ảnh gốc	Thiết lập thay đổi cỡ ảnh có sẵn			
	M	S1	S2	S3
L	☐	☐	☐	☐
M		☐	☐	☐
S1			☐	☐
S2				☐
S3				

Cỡ ảnh

Cỡ ảnh hiển thị ở bước 3 trên trang trước, ví dụ như [***M ***x***], có tỷ lệ khung ảnh là 3:2. Cỡ ảnh theo tỷ lệ được trình bày trong bảng bên dưới.

Mục đánh dấu sao cho biết số liệu không khớp hoàn toàn với tỷ lệ khung ảnh. Trong trường hợp này, ảnh sẽ bị cắt một chút.

Chất lượng ảnh	Tỷ lệ khung ảnh và độ phân giải (Ước chừng)			
	3:2	4:3	16:9	1:1
M	3456x2304 (8,0 megapixel)	3072x2304 (7,0 megapixel)	3456x1944 (6,7 megapixel)	2304x2304 (5,3 megapixel)
S1	2592x1728 (4,5 megapixel)	2304x1728 (4,0 megapixel)	2592x1456* (3,8 megapixel)	1728x1728 (3,0 megapixel)
S2	1920x1280 (2,5 megapixel)	1696x1280* (2,2 megapixel)	1920x1080 (2,1 megapixel)	1280x1280 (1,6 megapixel)
S3	720x480 (350.000 pixel)	640x480 (310.000 pixel)	720x400* (290.000 pixel)	480x480 (230.000 pixel)

10

In ảnh

- **In ảnh (tr.244)**

Bạn có thể kết nối máy ảnh trực tiếp với máy in và in ảnh trong thẻ. Máy ảnh tương thích với tiêu chuẩn in trực tiếp “PictBridge”. Bạn cũng có thể dùng mạng LAN không dây để truyền ảnh tới máy in PictBridge (LAN không dây) và in ảnh. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng chức năng không dây.

- **Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF) (tr.253)**

DPOF (Digital Print Order Format - Định dạng lệnh in kỹ thuật số) cho phép in ảnh đã ghi trong thẻ theo các hướng dẫn in bao gồm chọn ảnh, số lượng in, v.v... Bạn có thể in nhiều ảnh cùng một lúc hoặc đặt lệnh in với tiệm rửa ảnh.

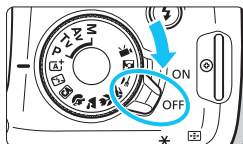
- **Chỉ định ảnh cho sách ảnh (tr.257)**

Bạn có thể chỉ định ảnh trong thẻ để in thành sách ảnh.

Chuẩn bị in

Quy trình in trực tiếp có thể được thực hiện hoàn toàn bằng máy ảnh trong khi xem màn hình thiết lập trên màn hình LCD.

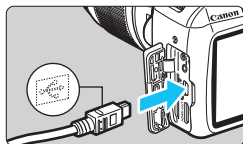
Kết nối máy ảnh với máy in



1 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.

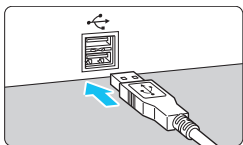
2 Cài đặt máy in.

- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

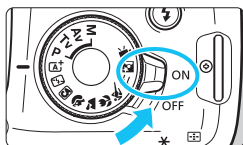


3 Kết nối máy ảnh với máy in.

- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Kết nối cáp với cổng digital của máy ảnh với biểu tượng <↔> của chân cắm cáp hướng về phía trước máy ảnh.
- Để kết nối với máy in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.



4 Bật máy in.



5 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

- ▶ Một số máy in có thể phát ra tiếng bíp.



6 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện với biểu tượng <  > ở phía trên bên trái màn hình biểu thị máy ảnh đã được kết nối với máy in.



- Trước khi sử dụng máy in, đảm bảo máy in có cổng kết nối PictBridge.
- Không thể in phim.
- Bạn không thể sử dụng máy ảnh với máy in chỉ tương thích với CP Direct hoặc Bubble Jet Direct.
- Không sử dụng bất kỳ cáp nối nào khác ngoài cáp được cung cấp.
- Nếu xuất hiện tiếng bip dài ở bước 5, máy in có thể gặp trục trặc. Giải quyết vấn đề hiển thị trong thông báo lỗi (tr.252).
- Nếu đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], không thể kết nối máy ảnh với máy in. Đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Disable (Tắt)**], rồi kết nối lại máy ảnh với máy in qua cáp nối.



- Bạn cũng có thể in các ảnh RAW được chụp bằng máy ảnh này.
- Khi sử dụng pin để cấp nguồn cho máy ảnh, đảm bảo pin được sạc đầy. Với pin được sạc đầy, bạn có thể thực hiện in trong khoảng 2 giờ. 40 phút.
- Tắt máy ảnh và máy in trước khi ngắt kết nối cáp. Giữ đầu cắm (không giữ dây) để rút cáp ra.
- Để in trực tiếp, bạn nên sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E10 (bán riêng) và Bộ điều hợp nguồn nhỏ gọn CA-PS700 (bán riêng) để cấp nguồn cho máy ảnh.

In ảnh

Thông tin hiển thị trên màn hình và tùy chọn thiết lập sẽ khác nhau tùy thuộc vào máy in. Một số thiết lập có thể không có sẵn. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Biểu tượng kết nối máy in



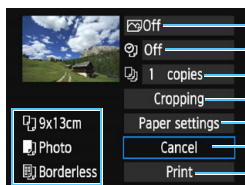
1 Chọn ảnh muốn in.

- Kiểm tra biểu tượng <🖨️> được hiển thị ở phía trên bên trái của màn hình LCD.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn ảnh muốn in.

2 Nhấn <SET>.

- ▶ Màn hình thiết lập in sẽ xuất hiện lại.

Màn hình thiết lập in



Đặt hiệu ứng in (tr.248).

Đặt in ngày hoặc số tập tin thành bật hoặc tắt.

Đặt số lượng bản in.

Đặt khu vực in (tr.251).

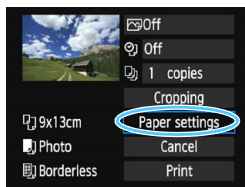
Đặt khổ giấy, kiểu giấy và bố cục giấy.

Quay lại màn hình ở bước 1.

Bắt đầu in.

Hiển thị khổ giấy, kiểu giấy và bố cục giấy đã đặt.

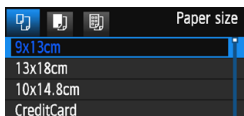
*** Tùy thuộc vào máy in, một số thiết lập nhất định như in ngày, số tập tin và cắt ảnh có thể không chọn được.**



3 Chọn [Paper settings (Thiết lập giấy)].

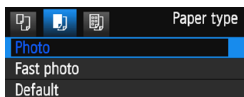
- Chọn [Paper settings (Thiết lập giấy)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình thiết lập giấy sẽ xuất hiện.

Thiết lập khổ giấy



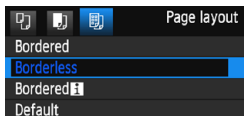
- Chọn khổ giấy được nạp vào máy in, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Màn hình loại giấy sẽ xuất hiện.

Thiết lập loại giấy



- Chọn kiểu giấy được nạp vào máy in, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Màn hình trình bày ảnh sẽ xuất hiện.

Thiết lập trình bày ảnh



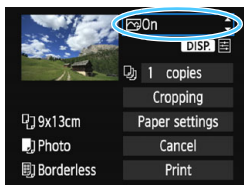
- Chọn cách trình bày ảnh, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Màn hình thiết lập in sẽ xuất hiện lại.

Bordered (Có viền)	In có viền trắng dọc theo rìa ảnh.
Borderless (Không có viền)	In không có viền. Trong trường hợp máy in chỉ có thể in có viền, bản in sẽ được in có viền.
Bordered [1] (Có viền [1])	In thông tin chụp ^{*1} trên viền của bản in có kích thước từ 9x13 cm trở lên.
xx-up (Nhân xx)	Tùy chọn để in 2, 4, 8, 9, 16 hoặc 20 ảnh trên một tờ.
20-up [1] (Nhân 20 [1]) 35-up [1] (Nhân 35 [1])	In 20 hoặc 35 ảnh dưới dạng hình thu nhỏ trên giấy khổ A4 hoặc Letter ^{*2} . • In thông tin chụp ^{*1} với [20-up [1] (Nhân 20 [1])] .
Default (Mặc định)	Trình bày ảnh sẽ khác nhau tùy thuộc vào model máy in hoặc thiết lập của máy in.

*1: Thông tin từ dữ liệu Exif như tên máy ảnh, tên ống kính, chế độ chụp, tốc độ màn trập, khẩu độ, lượng bù trừ phơi sáng, tốc độ ISO, cân bằng trắng, v.v... sẽ được in.

*2: Sau khi đặt lệnh in với "Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)" (tr.253), bạn nên in theo "In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in" (tr.256).

⚠ Nếu tỷ lệ khung ảnh khác với tỷ lệ cỡ của giấy in, ảnh có thể bị cắt đáng kể nếu bạn in ảnh không có viền. Nếu bị cắt, số lượng điểm ảnh sẽ giảm làm bản in trông nhiều hơn.



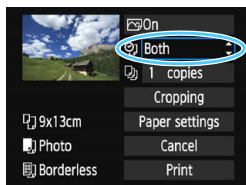
4 Đặt hiệu ứng in (tối ưu hóa ảnh).

- Thiết lập các tính năng này nếu cần. Nếu không, chuyển đến bước 5.
- **Nội dung được hiển thị trên màn hình thay đổi tùy thuộc vào máy in.**
- Chọn tùy chọn, rồi nhấn <SET>.
- Chọn hiệu ứng in mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Nếu biểu tượng <DISP> hiển thị sáng bên cạnh <DISP>, bạn cũng có thể điều chỉnh hiệu ứng in (tr.250).

Hiệu ứng in	Mô tả
On (Bật)	In với màu chuẩn của máy in. Dữ liệu Exif của ảnh được dùng để chỉnh sửa tự động.
Off (Tắt)	Không áp dụng chỉnh sửa tự động.
Vivid (Rực rỡ)	In với bão hòa màu cao hơn để tạo màu xanh da trời và xanh lá cây trông sống động hơn.
NR (Giảm nhiễu)	Giảm nhiễu ảnh trước khi in.
B/W B/W (Đen trắng)	In ảnh đen trắng với màu đen thật.
B/W Cool tone (Đen trắng tông lạnh)	In ảnh đen trắng với màu đen xanh có tông lạnh.
B/W Warm tone (Đen trắng tông ấm)	In ảnh đen trắng với màu đen vàng có tông ấm.
Natural (Tự nhiên)	In ảnh với màu và độ tương phản thực. Không áp dụng điều chỉnh màu tự động.
Natural M (Tự nhiên M)	Các đặc tính in giống với thiết lập "Natural" (Tự nhiên). Tuy nhiên, thiết lập này cho phép điều chỉnh in mịn hơn so với "Natural" (Tự nhiên).
Default (Mặc định)	Chức năng in khác nhau tùy thuộc vào máy in. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

* Khi bạn thay đổi hiệu ứng in, các thay đổi sẽ được thể hiện trong ảnh hiển thị ở phía trên bên trái màn hình. Lưu ý rằng ảnh được in có thể trông khác so với ảnh hiển thị vì ảnh hiển thị chỉ là gần chính xác. Điều này cũng xảy ra với [Brightness (Độ sáng)] và [Adjust levels (Điều chỉnh mức)] ở trang 250.

ⓘ Nếu in kèm thông tin chụp trên ảnh chụp ở tốc độ ISO mở rộng (H), tốc độ ISO chính xác có thể sẽ không được in.



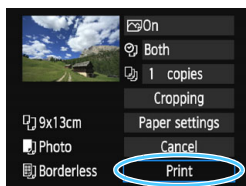
5 Đặt in ngay và số tập tin.

- Thiết lập các tính năng này nếu cần.
- Chọn <Both>, rồi nhấn <SET>.
- Đặt thiết lập in mong muốn, rồi nhấn <SET>.



6 Đặt số lượng bản in.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Chọn <1>, rồi nhấn <SET>.
- Đặt số lượng bản sao, rồi nhấn <SET>.



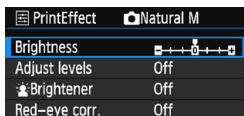
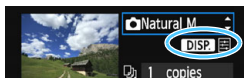
7 Bắt đầu in.

- Chọn [Print (In)], rồi nhấn <SET>.



- Thiết lập [**Default (Mặc định)**] cho hiệu ứng in và các tùy chọn khác là thiết lập mặc định của máy in do nhà sản xuất máy in quy định. Để tìm hiểu về thiết lập [**Default (Mặc định)**], tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.
- Tùy thuộc vào kích thước tập tin của ảnh và chất lượng ghi ảnh, có thể mất một khoảng thời gian để bắt đầu in sau khi chọn [**Print (In)**].
- Thời gian in ảnh đã chỉnh độ nghiêng (tr.251) sẽ dài hơn.
- Để dừng in, nhấn <SET> khi thông báo [**Stop (Dừng)**] hiển thị rồi chọn [**OK**].
- Nếu bạn thực hiện [**Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)**] (tr.194), tất cả các thiết lập sẽ trở về cài đặt mặc định.

Điều chỉnh hiệu ứng in



Chọn hiệu ứng in ở bước 4 trang 248. Khi biểu tượng <DISP.> nhấp sáng bên cạnh <DISP.>, có thể nhấn nút <DISP.> để điều chỉnh hiệu ứng in. Những hiệu ứng in có thể điều chỉnh hoặc thông tin được hiển thị sẽ phụ thuộc vào lựa chọn ở bước 4.

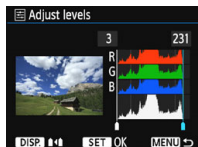
● Brightness (Độ sáng)

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng ảnh.

● Adjust levels (Điều chỉnh mức)

Khi chọn [Manual (Chỉnh tay)], bạn có thể thay đổi phân phối của biểu đồ và điều chỉnh độ sáng và độ tương phản của ảnh.

Khi màn hình điều chỉnh mức hiển thị, nhấn nút <DISP.> để thay đổi vị trí của con trỏ <▶>. Nhấn các phím <◀> <▶> để tùy ý điều chỉnh mức tối (0-127) hoặc mức sáng (128-255).



● Brightener (Đánh sáng khuôn mặt)

Có hiệu quả khi khuôn mặt của chủ thể bị tối do chụp ngược sáng. Khi đặt thành [On (Bật)], khuôn mặt sẽ được làm sáng.

● Red-eye corr. (Hiệu chỉnh mắt đỏ)

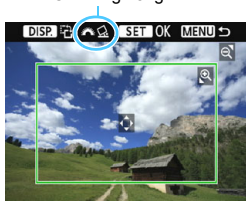
Có hiệu quả khi mắt chủ thể bị đỏ do chụp flash. Khi đặt thành [On (Bật)], hiện tượng mắt đỏ sẽ được chỉnh sửa.



- Các hiệu ứng [Brightener (Đánh sáng khuôn mặt)] và [Red-eye corr. (Hiệu chỉnh mắt đỏ)] sẽ không hiển thị trên màn hình.
- Khi chọn [Detail set. (Thiết lập chi tiết)], bạn có thể điều chỉnh [Contrast (Độ tương phản)], [Saturation (Bão hòa màu)], [Color tone (Tông màu)] và [Color balance (Cân bằng màu)]. Để điều chỉnh [Color balance (Cân bằng màu)], sử dụng phím đa chiều <◀▶>. B là màu xanh da trời, A là màu hồng phách, M là màu đỏ tía và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu sẽ được điều chỉnh theo hướng màu di chuyển.
- Nếu chọn [Clear all (Xóa tất cả)], tất cả các thiết lập hiệu ứng in sẽ trở về mặc định.

Cắt ảnh

Chỉnh nghiêng



Bạn có thể cắt ảnh và in bản phóng to của phần đã cắt như một cách bố cục lại ảnh.

Thực hiện cắt ảnh trước khi in. Nếu thay đổi thiết lập in sau khi đặt cắt ảnh, bạn có thể phải thực hiện cắt lại ảnh trước khi in.

- 1 Trên màn hình thiết lập in, chọn **[Cropping (Cắt ảnh)]**.
- 2 Đặt kích cỡ, vị trí và tỷ lệ khung ảnh của khung cắt ảnh.

- Khu vực ảnh nằm trong khung cắt ảnh sẽ được in. Bạn có thể thay đổi tỷ lệ của khung cắt ảnh bằng **[Paper settings (Thiết lập giấy)]**.

Thay đổi kích thước khung cắt ảnh

Nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$ hoặc $\langle \text{Q} \rangle$ để thay đổi kích thước khung cắt ảnh. Khung cắt ảnh càng nhỏ, hệ số phóng to ảnh để in càng lớn.

Di chuyển khung cắt ảnh

Nhấn phím đa chiều $\langle \text{D} \rangle$ để di chuyển khung trên ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang. Di chuyển cho đến khi khung cắt ảnh bao trùm khu vực mong muốn.

Xoay chiều khung cắt ảnh

Nhấn nút $\langle \text{DISP.} \rangle$ sẽ chuyển khung cắt ảnh giữa hướng dọc và hướng ngang. Điều này cho phép tạo bản in hướng dọc từ ảnh ngang.

Chỉnh nghiêng ảnh

Bạn có thể xoay nút xoay $\langle \text{D} \rangle$ để điều chỉnh góc nghiêng ảnh tối đa ± 10 độ với mức tăng 0,5 độ. Khi điều chỉnh nghiêng ảnh, biểu tượng $\langle \text{D} \rangle$ trên màn hình sẽ chuyển sang màu xanh da trời.

- 3 Nhấn $\langle \text{SET} \rangle$ để thoát tính năng cắt ảnh.

- ▶ Màn hình thiết lập in sẽ xuất hiện lại.
- Bạn có thể kiểm tra khu vực ảnh được cắt ở phía trên bên trái của màn hình thiết lập in.



- Tùy thuộc vào model máy in, khu vực ảnh đã cắt có thể không được in như bạn đã chỉ định.
- Khung cắt ảnh được tạo càng nhỏ, bản in sẽ trông càng nhiều hạt hơn.
- Kiểm tra màn hình LCD của máy ảnh khi cắt ảnh. Nếu bạn nhìn vào ảnh trên màn hình TV, khung cắt ảnh có thể không được hiển thị chính xác.



Xử lý lỗi máy in

Nếu tiến trình in không tiếp tục sau khi bạn đã giải quyết lỗi máy in (không có mực, không có giấy, v.v...) và chọn [**Continue (Tiếp tục)**], thao tác các nút trên máy in để tiếp tục in. Để tìm hiểu chi tiết về thao tác tiếp tục in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Thông báo lỗi

Nếu xảy ra vấn đề trục trặc khi đang in, thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình LCD của máy ảnh. Nhấn <  > để dừng in. Tiếp tục in sau khi đã khắc phục các vấn đề trục trặc. Để tìm hiểu chi tiết về cách khắc phục vấn đề in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Paper Error (Lỗi giấy)

Kiểm tra và đảm bảo giấy được nạp đúng cách vào máy in.

Ink Error (Lỗi mực)

Kiểm tra mức mực của máy in và hộp mực thải.

Hardware Error (Lỗi phần cứng)

Kiểm tra máy in có xảy ra vấn đề trục trặc khác ngoài lỗi về giấy và mực không.

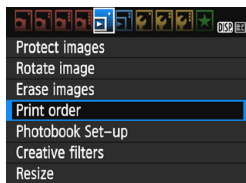
File Error (Lỗi tập tin)

Không thể in ảnh được chọn qua PictBridge. Không thể in ảnh do máy ảnh khác chụp hoặc ảnh đã được chỉnh sửa bằng máy tính.

Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)

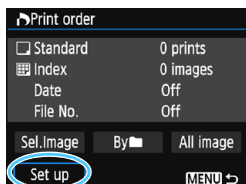
Bạn có thể đặt kiểu in, ngày in và số tập tin sẽ in. Thiết lập in sẽ được áp dụng cho tất cả các ảnh đã đặt lệnh in. (Không thể thiết lập các cài đặt này riêng cho từng ảnh.)

Thiết lập tùy chọn in



1 Chọn [Print order (Lệnh in)].

- Trong tab [1], chọn [Print order (Lệnh in)], rồi nhấn <SET>.



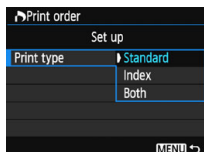
2 Chọn [Set up (Cài đặt)].

- Chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.

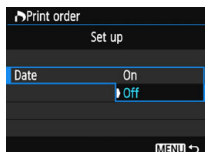
3 Đặt tùy chọn mong muốn.

- Đặt [Print type (Kiểu in)], [Date (Ngày tháng)] và [File No. (Số tập tin)].
- Chọn tùy chọn sẽ đặt, rồi nhấn <SET>. Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

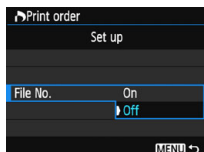
[Print type (Kiểu in)]



[Date (Ngày tháng)]



[File No. (Số tập tin)]



Print type (Kiểu in)		Tiêu chuẩn	In một ảnh trên một trang.
		Bảng kê	Nhiều ảnh thu nhỏ được in trên một trang.
		Cả hai	Cả định dạng tiêu chuẩn và định dạng bảng kê đều được in.
Date (Ngày tháng)	Bật	[On (Bật)] sẽ in ngày đã ghi lên bản in.	
	Tắt		
Số tập tin	Bật	[On (Bật)] sẽ in số tập tin lên bản in.	
	Tắt		

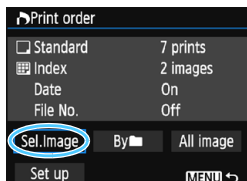
4 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút <MENU>.
- ▶ Màn hình lệnh in sẽ xuất hiện lại.
- Tiếp theo, chọn [**Sel.Image (Chọn ảnh)**], [**By**  (**Theo thư mục** )] hoặc [**All image (Tất cả ảnh)**] để đặt lệnh in cho ảnh cần in.

- 
- Không thể đặt lệnh in cho ảnh RAW và phim. Ảnh RAW có thể được in với PictBridge (tr.244).
 - Ngay cả khi đặt [**Date (Ngày tháng)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**], ngày hoặc số tập tin có thể sẽ không được in, tùy thuộc vào thiết lập kiểu in và model máy in.
 - Với kiểu in [**Index (Bảng kê)**], không thể đặt [**Date (Ngày tháng)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**] cùng một lúc.
 - Sử dụng thẻ có thông số kỹ thuật lệnh in đã được cài đặt để in với DPOF. Không thể in với lệnh in đã chỉ định nếu bạn xuất ảnh khỏi thẻ và in.
 - Một số máy in và tiệm rửa ảnh tương thích DPOF có thể không in được ảnh như bạn chỉ định. Tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in trước khi in hoặc kiểm tra với tiệm rửa ảnh về tính tương thích khi đặt lệnh in.
 - Không lắp thẻ có lệnh in đã được đặt bằng máy ảnh khác vào máy ảnh rồi đặt lệnh in. Bạn có thể ghi đè lệnh in. Ngoài ra, lệnh in có thể không thực hiện được, tùy thuộc vào loại ảnh.

Đặt lệnh in

Sel.Image (Chọn ảnh)



Chọn ảnh và đặt lệnh in từng ảnh.

Để mở hiển thị ba ảnh, nhấn nút $\langle \text{Image} \rangle$. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút $\langle \text{Image} \rangle$.

Nhấn nút $\langle \text{MENU} \rangle$ để lưu lệnh in vào thẻ.



Số lượng

Tổng số ảnh được chọn

[Standard (Tiêu chuẩn)] [Both (Cả hai)]

Nhấn các phím $\langle \blacktriangle \rangle$ $\langle \blacktriangledown \rangle$ để đặt số lượng bản sao sẽ in cho ảnh hiển thị.



Dấu chọn

Biểu tượng bảng kê

[Index (Bảng kê)]

Nhấn các phím $\langle \blacktriangle \rangle$ $\langle \blacktriangledown \rangle$ để đánh dấu chọn vào ô $\langle \checkmark \rangle$. Ảnh sẽ được gộp vào in bảng kê.

By (Theo thư mục)

Chọn **[Mark all in folder (Đánh dấu tất cả trong thư mục)]** và chọn thư mục. Lệnh in một bản sao của tất cả ảnh trong thư mục sẽ được chỉ định. Nếu chọn **[Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)]** và chọn thư mục, lệnh in cho thư mục đó sẽ bị hủy.

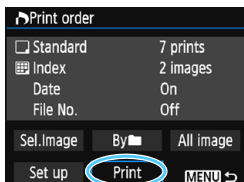
All image (Tất cả ảnh)

Nếu bạn chọn **[Mark all on card (Đánh dấu tất cả trên thẻ)]**, một bản sao của tất cả ảnh trong thẻ sẽ được đặt để in. Nếu chọn **[Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)]**, lệnh in sẽ được xóa cho tất cả ảnh trong thẻ.



- Lưu ý rằng lệnh in không bao gồm ảnh RAW và phim ngay cả khi đặt **[By (Theo thư mục)]** hoặc **[All image (Tất cả ảnh)]**.
- Khi sử dụng máy in PictBridge, không in nhiều hơn 400 ảnh cho một lệnh in. Nếu bạn chỉ định nhiều hơn số lượng này, tất cả ảnh sẽ không được in.

In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in



Với máy in PictBridge, bạn có thể dễ dàng in ảnh với DPOF.

1 Chuẩn bị in.

- Tham khảo trang 244.

Thực hiện theo quy trình “Kết nối máy ảnh với máy in” đến bước 5.

2 Trong tab [▶ 1], chọn [Print order (Lệnh in)].

3 Chọn [Print (In)].

- [Print (In)] sẽ chỉ hiển thị nếu máy ảnh được kết nối với máy in và có thể thực hiện in.

4 Đặt [Paper settings (Thiết lập giấy)] (tr.246).

- Đặt hiệu ứng in (tr.248) nếu cần.

5 Chọn [OK].

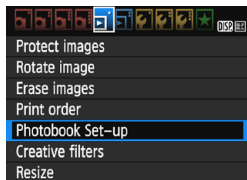
- Trước khi in, đảm bảo khổ giấy đã được đặt.
- Một số máy in có thể không in được số tập tin.
- Nếu đặt [Bordered (Có viền)], một số máy in có thể in ngày trên viền.
- Tùy thuộc vào máy in, ngày có thể bị mờ nếu in trên nền sáng hoặc in trên viền.

- Trong [Adjust levels (Điều chỉnh mức)], bạn không thể chọn [Manual (Chỉnh tay)].
- Nếu bạn đã dừng in và muốn tiếp tục in các ảnh còn lại, chọn [Resume (Tiếp tục)]. Lưu ý rằng không thể tiếp tục in khi xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây.
 - Bạn đã thay đổi lệnh in hoặc xóa bất kỳ ảnh đã đặt lệnh in nào trước khi tiếp tục in.
 - Khi đặt thành bảng kê, bạn đã thay đổi thiết lập giấy trước khi tiếp tục in.
 - Khi dừng in, dung lượng còn lại của thẻ ít.
- Nếu xảy ra vấn đề trực tiếp trong quá trình in, tham khảo trang 252.

Chỉ định ảnh cho sách ảnh

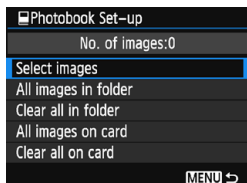
Bạn có thể chỉ định tối đa 998 ảnh để in trong sách ảnh. Khi sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS) để truyền ảnh tới máy tính, các ảnh được chỉ định sẽ được sao chép vào thư mục riêng. Chức năng này giúp đặt lệnh một sách ảnh trên Internet và in sách ảnh trên máy in.

Chỉ định một ảnh mỗi lần



1 Chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)], rồi nhấn < >.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

- Chọn [Select images (Chọn ảnh)], rồi nhấn < >.
- Ảnh sẽ hiển thị.
- Để mở hiển thị ba ảnh, nhấn nút <  >. Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút < >.

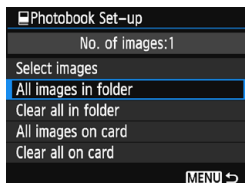


3 Chọn ảnh muốn chỉ định.

- Nhấn các phím < > < > để chọn ảnh sẽ chỉ định, rồi nhấn các phím < > < >.
- Lặp lại bước này để chọn ảnh khác. Số lượng ảnh đã chỉ định sẽ hiển thị ở phía trên bên trái của màn hình.
- Để hủy chỉ định ảnh, nhấn lại các phím < > < >.
- Để quay trở về menu, nhấn nút <MENU>.

Chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi đặt [1: Photobook Set-up (Lập sách ảnh)] thành [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được chỉ định.

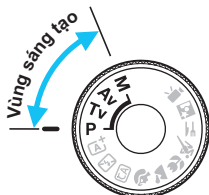
Để hủy chỉ định ảnh, chọn [**Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)**] hoặc [**Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)**].

- ❗ Không thể chỉ định ảnh RAW và phim.
- Không dùng các ảnh đã chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh khác để chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh này. Thiết lập cho sách ảnh có thể bị ghi đè.

11

Tùy chỉnh máy ảnh

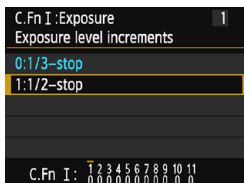
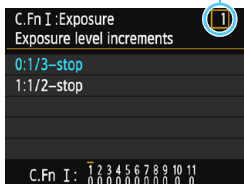
Bạn có thể thực hiện tinh chỉnh cho các chức năng khác nhau của máy ảnh để phù hợp với sở thích chụp ảnh cá nhân bằng chức năng tùy chỉnh. Chức năng tùy chỉnh chỉ có thể dùng ở các chế độ vùng sáng tạo.



MENU Thiết lập chức năng tùy chỉnh ☆



Số chức năng tùy chỉnh



1 Chọn [Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))].

- Trong tab [F3], chọn [Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn số chức năng tùy chỉnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số của chức năng tùy chỉnh, rồi nhấn <SET>.

3 Thay đổi thiết lập theo ý muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn thiết lập mong muốn (số), rồi nhấn <SET>.
- Lặp lại các bước 2 và 3 nếu muốn đặt các chức năng tùy chỉnh khác.
- Ở cuối màn hình, các thiết lập chức năng tùy chỉnh hiện tại được hiển thị bên dưới số của chức năng tương ứng.

4 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút <MENU>.
- Màn hình cho bước 1 sẽ xuất hiện lại.

Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh

Trong tab [F3: Clear settings (Xóa thiết lập)], chọn [Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] để xóa tất cả các thiết lập chức năng tùy chỉnh (tr.194).

Chức năng tùy chỉnh

C.Fn I: Phơi sáng

 **Chụp Live View**

1	Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)	tr.262	☐
2	ISO expansion (Mở rộng ISO)		☐
3	Flash synchronization speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)	tr.263	☐

C.Fn II: Ảnh

4	Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)	tr.264	☐
5	High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)	tr.265	☐
6	Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)		☐

C.Fn III: Lấy nét tự động/Kiểu chụp

7	AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)	tr.266	☐ (Với AFQuick*)
---	--	--------	--------------------------------------

* Nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) có trang bị đèn LED, đèn LED sẽ bật để hỗ trợ lấy nét ngay cả ở chế độ AF □ hoặc AF ∞.

C.Fn IV: Thao tác/Khác

8	Shutter/AE lock button (Nút chụp/khóa phơi sáng)	tr.267	☐
9	Assign SET button (Gán cho nút SET)	tr.268	☐ (Ngoại trừ 3)
10	Flash button function (Chức năng của nút flash)		☐
11	LCD display when power ON (Hiển thị LCD khi nguồn BẬT)		



- Bạn không thể đặt các chức năng tùy chỉnh trong khi quay phim. (Thiết lập đã được đặt sẽ bị tắt.)
- Các chức năng tùy chỉnh bị tô đen không hoạt động khi chụp Live View (LV).

MENU Thiết lập chức năng tùy chỉnh ☆

Chức năng tùy chỉnh được phân thành bốn nhóm dựa theo loại chức năng: C.Fn I: Phơi sáng, C.Fn II: Ảnh, C.Fn III: Lấy nét tự động/Kiểu chụp, C.Fn IV: Thao tác/Khác.

C.Fn I: Phơi sáng

C.Fn-1 Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)

0: 1/3-stop (1/3 điểm dừng)

1: 1/2-stop (1/2 điểm dừng)

Đặt mức tăng 1/2 điểm dừng cho tốc độ màn trập, khẩu độ, bù trừ phơi sáng, AEB, bù trừ phơi sáng flash, v.v... Bạn có thể sử dụng cách đặt này khi muốn điều chỉnh độ phơi sáng ở các mức tăng lớn hơn 1/3 điểm dừng.

 Khi đặt 1, mức phơi sáng sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên màn hình LCD như hình minh họa bên dưới.



C.Fn-2 ISO expansion (Mở rộng ISO)

0: Off (Tắt)

1: On (Bật)

Khi đặt tốc độ ISO, bạn có thể đặt thiết lập "H" (tương đương với ISO 12800). Lưu ý nếu đặt [C.Fn-6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [1: Enable (Bật)], bạn không thể đặt thiết lập "H".

C.Fn-3 Flash Synchronization Speed in Av Mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)

Bạn có thể đặt tốc độ đồng bộ flash để chụp ảnh với đèn flash ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ <Av>.

0: Auto (Tự động)

Tốc độ đồng bộ flash được đặt tự động trong phạm vi từ 1/200 giây đến 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh. Tính năng đồng bộ tốc độ cao cũng có thể thực hiện với đèn Speedlite gắn ngoài.

1: 1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)

Không cho phép thiết lập tốc độ màn trập chậm trong điều kiện ánh sáng yếu. Thiết lập này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy. Tuy nhiên, khi chủ thể được phơi sáng chuẩn bằng flash, hậu cảnh có thể tối hơn.

2: 1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))

Tốc độ đồng bộ flash cố định ở 1/200 giây. Thiết lập này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy hiệu quả hơn so với [1: 1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)]. Tuy nhiên, trong điều kiện ánh sáng yếu, hậu cảnh của chủ thể sẽ tối hơn so với [1: 1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)].



Khi đặt thành 1 hoặc 2, bạn không thể sử dụng tính năng đồng bộ tốc độ cao với đèn Speedlite gắn ngoài.

C.Fn II: Ảnh

C.Fn-4 Long Exposure Noise Reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)

0: Off (Tắt)

1: Auto (Tự động)

Với phơi sáng 1 giây hoặc lâu hơn, nếu máy ảnh phát hiện nhiều hạt đặc trưng của phơi sáng lâu, giảm nhiễu hạt sẽ tự động thực hiện. Thiết lập [Auto (Tự động)] có hiệu quả trong hầu hết các trường hợp.

2: On (Bật)

Giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả phơi sáng 1 giây hoặc phơi sáng lâu hơn. Thiết lập [2: On (Bật)] có thể giảm những hạt nhiễu mà thiết lập [1: Auto (Tự động)] không thể phát hiện.

- Với thiết lập 1 và 2, sau khi chụp ảnh, thời gian thực hiện quy trình giảm nhiễu hạt bằng với thời gian phơi sáng. Bạn không thể chụp ảnh khác cho đến khi hoàn tất quá trình giảm nhiễu hạt.
- Ở tốc độ ISO 1600 hoặc cao hơn, thiết lập 2 sẽ cho thấy nhiễu hạt rõ hơn so với thiết lập 0 hoặc 1.
- Với thiết lập 1 hoặc 2, nếu chụp phơi sáng lâu với ảnh Live View được hiển thị, thông báo “BUSY” sẽ hiển thị trong quá trình giảm nhiễu hạt. Hiển thị Live View sẽ không xuất hiện cho đến khi quá trình giảm nhiễu hạt hoàn tất. (Không thể chụp ảnh khác.)

C.Fn-5 High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)

Chức năng này làm giảm nhiễu hạt trên ảnh. Mặc dù giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả tốc độ ISO nhưng hiệu quả nhất là ở tốc độ ISO cao. Ở tốc độ ISO thấp, nhiễu hạt ở những phần tối hơn trên ảnh (vùng tối) sẽ giảm nhiều hơn. Thay đổi thiết lập để phù hợp với mức độ nhiễu hạt.

- 0: Standard (Tiêu chuẩn) 2: Strong (Mạnh)**
1: Low (Thấp) 3: Disable (Tắt)



- Với thiết lập 2, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ bị giảm đáng kể. Ngoài ra, tốc độ chụp liên tục có thể sẽ chậm hơn.
- Nếu xem lại hoặc in trực tiếp ảnh **RAW** hoặc **RAW + L** bằng máy ảnh, hiệu quả giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao có thể bị giảm đi. Kiểm tra hiệu quả giảm nhiễu hạt hoặc in ảnh giảm nhiễu hạt với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.322).
- Nếu gửi ảnh RAW đến smartphone, hiệu ứng giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao đối với ảnh đã lưu trên smartphone có thể yếu đi. Do đó, nếu chụp ảnh RAW, bạn nên thiết lập chất lượng ghi ảnh thành **RAW + L**.

C.Fn-6 Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)

- 0: Disable (Tắt)**
1: Enable (Bật)

Cải thiện chi tiết màu sáng. Dải tương phản động sẽ mở rộng từ xám 18% tiêu chuẩn đến các màu sáng tươi. Độ chuyển màu giữa màu xám và màu sáng sẽ trở nên mượt hơn.



- Với thiết lập 1, Tự động tối ưu hóa ánh sáng (tr.123) được tự động đặt thành **[Disable (Tắt)]** và bạn không thể thay đổi thiết lập này.
- Với thiết lập 1, hiện tượng nhiễu (ảnh nhiễu hạt, dải, v.v...) có thể rõ hơn so với thiết lập 0.



Với thiết lập 1, phạm vi tốc độ ISO có thể thiết lập sẽ là ISO 200 - ISO 6400. Ngoài ra, biểu tượng **<D+>** sẽ hiển thị trên màn hình LCD và trong khung ngắm để cho biết chức năng ưu tiên tông màu sáng đã bật.

C.Fn III: Lấy nét tự động/Kiểu chụp

C.Fn-7 AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)

Bật hoặc tắt việc phát tia giúp lấy nét của đèn flash tích hợp hoặc đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS.

0: Enable (Bật)

Nếu cần, tia giúp lấy nét sẽ được phát ra.

1: Disable (Tắt)

Máy ảnh sẽ không đánh sáng tia giúp lấy nét. Việc này ngăn tia giúp lấy nét khỏi ảnh hưởng tới người xung quanh.

2: Enable external flash only (Chỉ bật flash ngoài)

Nếu có đèn Speedlite gắn ngoài, đèn sẽ phát ra tia giúp lấy nét khi cần. Đèn flash tích hợp của máy ảnh sẽ không đánh sáng tia giúp lấy nét.

3: IR AF assist beam only (Chỉ dùng tia giúp lấy nét hồng ngoại)

Nếu có đèn Speedlite gắn ngoài, chỉ những đèn có tia giúp lấy nét hồng ngoại mới phát ra tia giúp lấy nét. Điều này ngăn bất kỳ đèn Speedlite nào sử dụng một loạt đèn flash gián đoạn (giống flash tích hợp) để đánh sáng tia giúp lấy nét.

Với đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị đèn LED, đèn LED sẽ không tự động bật để hỗ trợ lấy nét.

 Nếu đặt chức năng tùy chỉnh [**AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)**] của đèn Speedlite gắn ngoài thành [**Disabled (Tắt)**], đèn Speedlite sẽ không phát ra tia giúp lấy nét ngay cả khi đặt C.Fn-7 của máy ảnh thành 0, 2 hoặc 3.

C.Fn IV: Thao tác/Khác

C.Fn-8 Shutter/AE lock button (Nút chụp/khóa phơi sáng)

0: AF/AE lock (AF/Khóa phơi sáng)

1: AE lock/AF (Khóa phơi sáng/AF)

Tính năng này tiện lợi khi bạn muốn lấy nét riêng và đo sáng riêng. Nhấn nút <✱> để lấy nét tự động và nhấn nửa chừng nút chụp để áp dụng khóa phơi sáng.

2: AF/AF lock, no AE lock (AF/Khóa nét, không khóa phơi sáng)

Trong quá trình lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, bạn có thể nhấn nút <✱> để tạm dừng thao tác AF. Tính năng này ngăn lấy nét tự động bị sai lệch do có chướng ngại vật đi qua giữa máy ảnh và chủ thể. Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.

3: AE/AF, no AE lock (AE/AF, không khóa phơi sáng)

Tính năng này hữu ích cho những chủ thể liên tục di chuyển và dừng lại nhiều lần. Trong quá trình lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, bạn có thể nhấn nút <✱> để bắt đầu hoặc tạm dừng thao tác lấy nét AI Servo. Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh. Theo đó, bạn có thể thiết lập máy ảnh để đạt được lấy nét và phơi sáng tối ưu và chờ thời điểm quyết định.



Trong khi chụp Live View

- Với thiết lập 1 hoặc 3, nhấn nút <✱> để lấy nét một lần.
- Với thiết lập 0 hoặc 2, nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét một lần.

C.Fn-9 Assign SET button (Gán cho nút SET)

Bạn có thể chỉ định một chức năng thường dùng cho <SET>. Nhấn nút <SET> khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp sẽ hiển thị màn hình thiết lập chức năng tương ứng.

0: Normal (disabled) (Bình thường (tắt))

1: Image quality (Chất lượng ảnh)

Màn hình thiết lập chất lượng ảnh sẽ xuất hiện. Chọn chất lượng ghi ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.

2: Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)

Màn hình thiết lập bù trừ phơi sáng flash sẽ xuất hiện. Đặt lượng điều chỉnh, rồi nhấn <SET>.

3: LCD monitor On/Off (Bật/tắt màn hình LCD)

Bạn có thể bật hoặc tắt màn hình LCD.

4: Depth-of-field preview (Xem trước độ sâu trường ảnh)

Ống kính dừng ở khẩu độ đã đặt và bạn có thể xem độ sâu trường ảnh (phạm vi lấy nét hợp lý) trong khung ngắm hoặc trong ảnh Live View.

C.Fn-10 Flash button function (Chức năng của nút flash)

0: Raise built-in flash (Nâng đèn flash tích hợp)

1: ISO speed (Tốc độ ISO)

Màn hình thiết lập tốc độ ISO sẽ xuất hiện. Nhấn các phím <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <ISO/AF-ON> để thay đổi tốc độ ISO. Bạn cũng có thể tham khảo khung ngắm để đặt tốc độ ISO.

C.Fn-11 LCD display when power ON (Hiển thị LCD khi nguồn BẬT)

0: Display on (Hiển thị bật)

Khi bật công tắc nguồn, thiết lập chụp sẽ hiển thị (tr.54).

1: Previous display status (Trạng thái hiển thị trước đó)

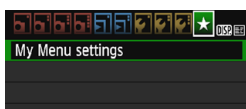
Nếu nhấn nút <DISP.> và tắt máy ảnh trong khi màn hình LCD tắt, thiết lập chức năng chụp sẽ không hiển thị khi bật lại máy ảnh.

Tính năng này giúp tiết kiệm pin. Có thể sử dụng các thao tác menu và xem lại ảnh như bình thường.

Nếu nhấn nút <DISP.> để hiển thị thiết lập chức năng chụp và sau đó tắt máy ảnh, thiết lập chức năng chụp sẽ hiển thị khi bật lại máy ảnh.

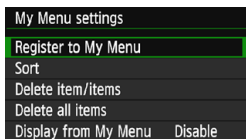
MENU Đăng ký Danh mục riêng ☆

Trong tab Danh mục riêng, bạn có thể đăng ký tối đa sáu tùy chọn menu và chức năng tùy chỉnh mà bạn thường xuyên thay đổi thiết lập.



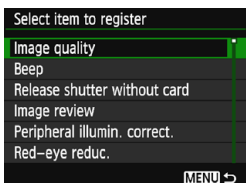
1 Chọn [My Menu settings (Thiết lập Danh mục riêng)].

- Trong tab [★], chọn [My Menu settings (Thiết lập Danh mục riêng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Register to My Menu (Đăng ký vào Danh mục riêng)].

- Chọn [Register to My Menu (Đăng ký vào Danh mục riêng)], rồi nhấn <SET>.



3 Đăng ký mục mong muốn.

- Chọn mục, rồi nhấn <SET>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [OK] rồi nhấn <SET> để đăng ký.
- Bạn có thể đăng ký tối đa sáu mục.
- Để trở về màn hình ở bước 2, nhấn nút <MENU>.

Thiết lập Danh mục riêng

● Sort (Sắp xếp)

Bạn có thể thay đổi thứ tự các mục đã đăng ký trong Danh mục riêng. Chọn [Sort (Sắp xếp)] rồi chọn mục bạn muốn thay đổi thứ tự. Sau đó, nhấn <SET>. Khi [◆] hiển thị, nhấn phím <▲> <▼> để thay đổi thứ tự, rồi nhấn <SET>.

● Delete item/items (Xóa mục/các mục) và Delete all items (Xóa tất cả các mục)

Bạn có thể xóa mục đã đăng ký. [Delete item/items (Xóa mục/các mục)] sẽ xóa từng mục mỗi lần và [Delete all items (Xóa tất cả các mục)] sẽ xóa tất cả các mục đã đăng ký.

● Display from My Menu (Hiển thị từ Danh mục riêng)

Nếu đặt [Enable (Bật)], tab [★] sẽ hiển thị trước tiên trong hiển thị màn hình menu.

[illegible]

12

Tham khảo

Chương này cung cấp thông tin tham khảo về tính năng máy ảnh, phụ kiện hệ thống, v.v...

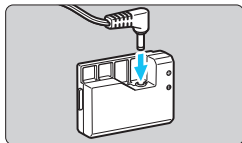


Logo chứng nhận

Trong tab [**3**], nếu chọn [**Certification Logo Display (Hiển thị Logo chứng nhận)**] và nhấn <Ⓔ>, một số logo chứng nhận của máy ảnh sẽ xuất hiện. Các logo chứng nhận khác có thể có trong Hướng dẫn sử dụng, trên thân máy và trên bao bì sản phẩm.

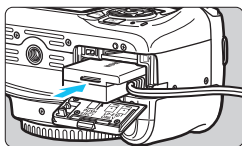
Sử dụng ổ điện gia đình

Bạn có thể cấp nguồn cho máy ảnh từ nguồn điện lưới bằng cách sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E10 và Bộ điều hợp nguồn nhỏ gọn CA-PS700 (bán riêng).



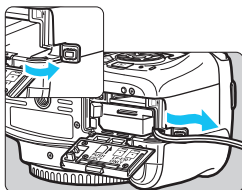
1 Kết nối bộ nối nguồn DC.

- Kết nối phích cắm của dây DC với bộ nối nguồn DC.



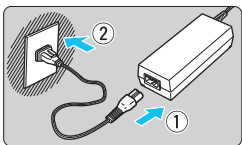
2 Lắp bộ nối nguồn DC.

- Mở nắp và cắm bộ nối nguồn DC cho đến khi vào vị trí khóa.



3 Đẩy dây DC vào trong.

- Mở nắp hốc dây DC và lắp dây như hình minh họa.
- Đóng nắp.



4 Kết nối dây nguồn.

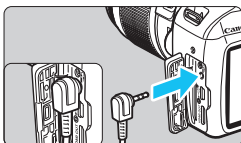
- Cắm dây nguồn như hình minh họa.
- Sau khi sử dụng máy ảnh, rút phích cắm khỏi ổ điện.

 Không cắm hoặc rút dây nguồn khi đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

 Cũng có thể sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E10 (bán riêng).

Sử dụng công tắc điều khiển từ xa

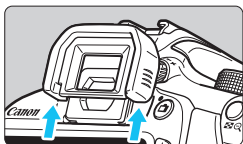
Công tắc điều khiển từ xa RS-60E3 (bán riêng) đi kèm với dây nối dài khoảng 60 cm/2,0 ft. Khi kết nối với cổng kết nối điều khiển từ xa của máy ảnh, bạn có thể nhấn nửa chừng và nhấn hoàn toàn công tắc như khi nhấn nút chụp.



Bạn không thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6, RC-1 và RC-5 (tất cả đều bán riêng) với máy ảnh này.

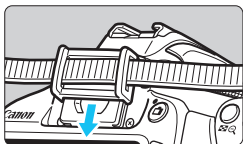
Sử dụng nắp thị kính

Khi sử dụng chức năng hẹn giờ, phơi sáng bulb hoặc công tắc điều khiển từ xa và không nhìn qua khung ngắm, ánh sáng khuếch tán lọt vào khung ngắm có thể khiến ảnh trông tối. Để tránh hiện tượng này xảy ra, nên sử dụng nắp thị kính (tr.33) được gắn vào dây đeo máy ảnh. **Không cần lắp nắp thị kính trong khi chụp Live View và quay phim.**



1 Tháo vành đỡ mắt.

- Đẩy phần đáy vành đỡ mắt để tháo ra.



2 Lắp nắp thị kính.

- Trượt nắp thị kính xuống vào rãnh thị kính để lắp nắp.
- Sau khi kết thúc chụp ảnh, tháo nắp thị kính rồi lắp vành đỡ mắt bằng cách trượt vào rãnh thị kính.

Đèn Speedlite gắn ngoài

Đèn Speedlite sê-ri EX dành riêng cho máy ảnh EOS

Thao tác dễ dàng như thao tác cơ bản với flash tích hợp.

Khi lắp đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) vào máy ảnh, hầu hết tất cả các điều khiển flash tự động đều do máy ảnh thực hiện. Nói cách khác, máy ảnh giống như được lắp đèn flash ngoài công suất cao thay vì flash tích hợp.

Để tìm hiểu hướng dẫn chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite sê-ri EX. Máy ảnh là máy kiểu A.



- Với đèn Speedlite sê-ri EX không tương thích với thiết lập chức năng flash (tr.201), chỉ có thể đặt **[Flash exp. comp (Bù trừ phơi sáng flash)]** và **[E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)]** cho **[External flash func. setting (Thiết lập chức năng flash ngoài)]**. (Chức năng **[Shutter sync. (Đồng bộ màn trập)]** cũng có thể được thiết lập cho một số đèn Speedlite sê-ri EX.)
- Nếu đặt bù trừ phơi sáng flash với đèn Speedlite gắn ngoài, biểu tượng bù trừ phơi sáng flash hiển thị trên màn hình LCD sẽ thay đổi từ  thành .
- Nếu thông qua chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite để đặt chế độ đo sáng flash thành flash tự động TTL, flash sẽ chỉ đánh sáng ở công suất tối đa.

Đèn Speedlite Canon không phải sê-ri EX

- Với đèn Speedlite sê-ri EZ/E/EG/ML/TL được đặt trong chế độ flash tự động TTL hoặc A-TTL, flash sẽ chỉ đánh sáng ở công suất tối đa.
Đặt chế độ chụp của máy ảnh thành <M> (phơi sáng chỉnh tay) hoặc <Av> (tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) và điều chỉnh thiết lập khẩu độ trước khi chụp.
- Nếu đèn Speedlite có trang bị chế độ flash chỉnh tay, nên chụp ở chế độ flash chỉnh tay.

Sử dụng thiết bị flash không phải của Canon

Tốc độ đồng bộ

Máy ảnh có thể đồng bộ với thiết bị flash nhỏ gọn không phải của Canon ở tốc độ màn trập từ 1/200 giây trở xuống. Hãy sử dụng tốc độ đồng bộ chậm hơn 1/200 giây.

Đảm bảo thử nghiệm thiết bị flash trước khi sử dụng để chắc chắn thiết bị đồng bộ với máy ảnh một cách chính xác.



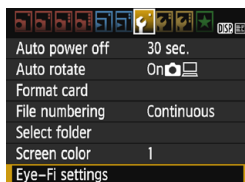
- Nếu sử dụng máy ảnh với thiết bị flash hoặc phụ kiện flash dành riêng cho thương hiệu máy ảnh khác, máy ảnh này có thể không hoạt động chính xác và gặp trục trặc.
- Không lắp thiết bị flash điện áp cao vào ngàm gắn của máy ảnh. Flash có thể không đánh sáng.

Sử dụng thẻ Eye-Fi

Sau khi cài đặt thẻ Eye-Fi bán trên thị trường, bạn có thể tự động truyền ảnh đã chụp đến máy tính hoặc tải lên dịch vụ trực tuyến qua mạng LAN không dây. Truyền ảnh là chức năng của thẻ Eye-Fi. Để tìm hiểu hướng dẫn về cách cài đặt và sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc để khắc phục các vấn đề trực tiếp về truyền ảnh, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc liên hệ với nhà sản xuất thẻ.

⚠ Máy ảnh không đảm bảo hỗ trợ các chức năng thẻ Eye-Fi (bao gồm truyền không dây). Trong trường hợp thẻ Eye-Fi gặp trục trặc, vui lòng liên hệ nhà sản xuất thẻ. Ngoài ra, lưu ý rằng tại nhiều quốc gia hoặc khu vực, việc sử dụng thẻ Eye-Fi phải được phê chuẩn. Nếu không được phê chuẩn, không được phép sử dụng thẻ này. Nếu không chắc chắn thẻ có được phê chuẩn để sử dụng tại khu vực sở tại hay không, xác nhận lại với nhà sản xuất thẻ.

1 Lắp thẻ Eye-Fi (tr.36).



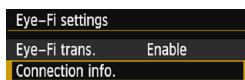
2 Chọn [Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)].

- Trong tab [**1**], chọn [**Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)**], rồi nhấn **<SET>**.
- Menu này chỉ hiển thị khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh.



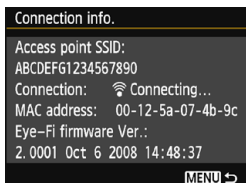
3 Bật truyền Eye-Fi.

- Chọn [**Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)**], rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn **<SET>**.
- Nếu đặt [**Disable (Tắt)**], quá trình truyền tự động sẽ không thực hiện được ngay cả khi cắm thẻ Eye-Fi (biểu tượng trạng thái truyền ).



4 Hiển thị thông tin kết nối.

- Chọn [**Connection info. (Thông tin kết nối)**], rồi nhấn **<SET>**.



5 Kiểm tra [Access point SSID: (SSID điểm truy cập:)].

- Kiểm tra xem điểm truy cập có hiển thị **[Access point SSID: (SSID điểm truy cập:)]** hay không.
- Ngoài ra, bạn có thể kiểm tra phiên bản firmware và địa chỉ MAC của thẻ Eye-Fi.
- Nhấn nút <MENU> 3 lần để thoát menu.



Biểu tượng trạng thái truyền

(Màu xám) **Not connected (Không kết nối):**

Không kết nối với điểm truy cập.

(Nhấp nháy) **Đang kết nối...** : Đang kết nối với điểm truy cập.

(Sáng) **Connected (Đã kết nối)** : Đã kết nối với điểm truy cập.

(#) **Transferring... (Đang truyền...)** : Đang truyền ảnh đến điểm truy cập.

Thận trọng khi sử dụng thẻ Eye-Fi

- Nếu đặt [**3: Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], việc truyền ảnh bằng thẻ Eye-Fi sẽ không thực hiện được.
- “” biểu thị đã xảy ra lỗi trong khi truy xuất thông tin thẻ. Tắt và bật lại công tắc nguồn của máy ảnh.
- Ngay cả khi đặt [**1: Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)**] thành [**Disable (Tắt)**], thẻ vẫn có thể truyền tín hiệu. Tại bệnh viện, sân bay và một số nơi cấm truyền không dây, vui lòng tháo thẻ Eye-Fi khỏi máy ảnh.
- Nếu chức năng truyền ảnh không hoạt động, kiểm tra thẻ Eye-Fi và thiết lập của máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ.
- Tùy thuộc vào điều kiện kết nối của mạng LAN không dây, quá trình truyền ảnh có thể bị kéo dài hoặc gián đoạn.
- Thẻ Eye-Fi có thể nóng lên khi truyền.
- Pin sẽ tiêu hao nhanh hơn.
- Trong khi truyền ảnh, chức năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Nếu sử dụng thẻ LAN không dây khác ngoài thẻ Eye-Fi, [**1: Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)**] sẽ không xuất hiện. Ngoài ra, biểu tượng trạng thái truyền < > cũng sẽ không xuất hiện.

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

●: Thiết lập tự động ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn/Tắt

Nút xoay chế độ		Vùng cơ bản									Vùng sáng				
		AE/AF-L	Fn	CA	AF-ON	AE-L/AF-ON	Fn2	Fn3	Fn4	Fn5	P	Tv	Av	M	
Tắt cả các thiết lập chất lượng ảnh có thể chọn		○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
ISO speed (Tốc độ ISO)	Thiết lập tự động/Tự động	●	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	○
	Thiết lập bằng tay	□	□	□	□	□	□	□	□	□	○	○	○	○	○ ^{*1}
	Tối đa cho tự động	□	□	□	□	□	□	□	□	□	○	○	○	○	□
Picture Style (Kiểu ảnh)	Thiết lập tự động/Tự động	●	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	○
	Chọn bằng tay	□	□	□	□	□	□	□	□	□	○	○	○	○	○
Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)		□	□	○	○	○	○	○	○	○	□	□	□	□	□
Light/scene-based shots (Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh)		□	□	□	○	○	○	○	□	□	□	□	□	□	□
Blurring/sharpening the background (Làm mờ/làm sắc nét hậu cảnh)		□	□	○	□	□	□	□	□	□	□	□	□	□	□
Color tone (Tổng màu)		□	□	□	□	□	□	□	○	□	□	□	□	□	□
White balance (Cân bằng trắng)	Tự động	AWB	AWB	AWB	AWB	AWB	AWB	AWB	AWB w	AWB	○	○	○	○	○
	Đặt trước	□	□	□	□	□	□	□	□	□	○	○	○	○	○
	Tùy chỉnh	□	□	□	□	□	□	□	□	□	○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh/Phơi sáng hỗn hợp	□	□	□	□	□	□	□	□	□	○	○	○	○	□
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)		●	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	○
Peripheral illumination correction (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)		○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)		□	□	□	□	□	□	□	□	□	○	○	○	○	□
High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)		●	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	□
Highlight tone priority (Ưu tiên tổng màu sáng)		□	□	□	□	□	□	□	□	□	○	○	○	○	○
Color space (Không gian màu)	sRGB	●	●	●	●	●	●	●	●	●	○	○	○	○	□
	Adobe RGB	□	□	□	□	□	□	□	□	□	○	○	○	○	□
AF operation (Thao tác AF) (Chụp qua khung ngắm)	Lấy nét một lần	□	□	□	●	●	●	□	●	●	○	○	○	○	□
	Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục	□	□	□	□	□	□	●	□	□	○	○	○	○	□
	Lấy nét tự động AI	●	●	●	□	□	□	□	□	□	○	○	○	○	□
AF operation (Thao tác AF) (Chụp Live View)	Lấy nét một lần	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	□
	AF □	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
AF method (Phương pháp AF) (Chụp Live View)	AF ∞	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○
	AF Quick	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○	○ ^{*2}

*1: Chỉ có thể thiết lập cho phơi sáng chỉnh tay.

*2: Nếu sử dụng trong khi quay phim, thiết lập sẽ chuyển thành <AF □>.

Nút xoay chế độ		Vùng cơ bản										Vùng sáng tạo				
												P	Tv	Av	M	
AF (Lấy nét tự động)	Chọn điểm AF											☐	☐	☐	☐	AFQuick
	Tia giúp lấy nét	●		●	●	*3	●	*4	●	●	●	☐	☐	☐	☐	
Metering mode (Chế độ đo sáng)	Đo sáng toàn khung ảnh	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	☐	☐	☐	☐	
	Chọn chế độ đo sáng											☐	☐	☐	☐	
Exposure (Phơi sáng)	Thay đổi chương trình											☐				
	Bù trừ phơi sáng											☐	☐	☐		☐ *6
	AEB											☐	☐	☐	☐	
	Khóa phơi sáng											☐	☐	☐		☐ *6
	Xem trước độ sâu trường ảnh											☐ (C.Fn-9-4)				
Drive/self-timer (Kiểu chụp/hẹn giờ)	Chụp từng ảnh	☐	☐	☐		☐	☐		☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
	Chụp liên tục			☐	☐			☐				☐	☐	☐	☐	
	(10 giây)	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
	(2 giây)											☐	☐	☐	☐	
	(Liên tục)	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
Built-in flash (Flash tích hợp)	Đánh sáng tự động	●		☐	●		●			●						
	Flash bật (Luôn đánh sáng)			☐					☐			☐	☐	☐	☐	
	Flash tắt		●	☐		●		●	☐			☐	☐	☐	☐	●
	Giảm mắt đỏ	☐		☐	☐		☐		☐	☐		☐	☐	☐	☐	
	Khóa phơi sáng flash											☐	☐	☐	☐	
	Bù trừ phơi sáng flash											☐	☐	☐	☐	
External flash (Đèn flash ngoài)	Thiết lập chức năng											☐	☐	☐	☐	
	Thiết lập chức năng tùy chỉnh											☐	☐	☐	☐	
Live View shooting (Chụp Live View)		☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)*5												☐	☐	☐	☐	
Quick Control (Điều khiển nhanh)		☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
Feature guide (Hướng dẫn tính năng)		☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

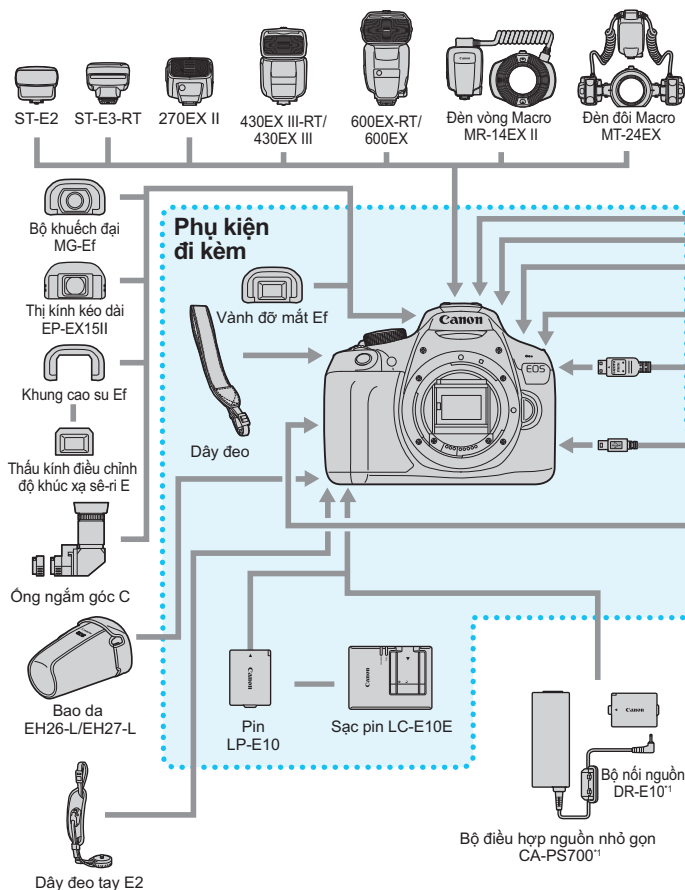
*3: Khi sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, đèn sẽ phát ra tia giúp lấy nét nếu cần.

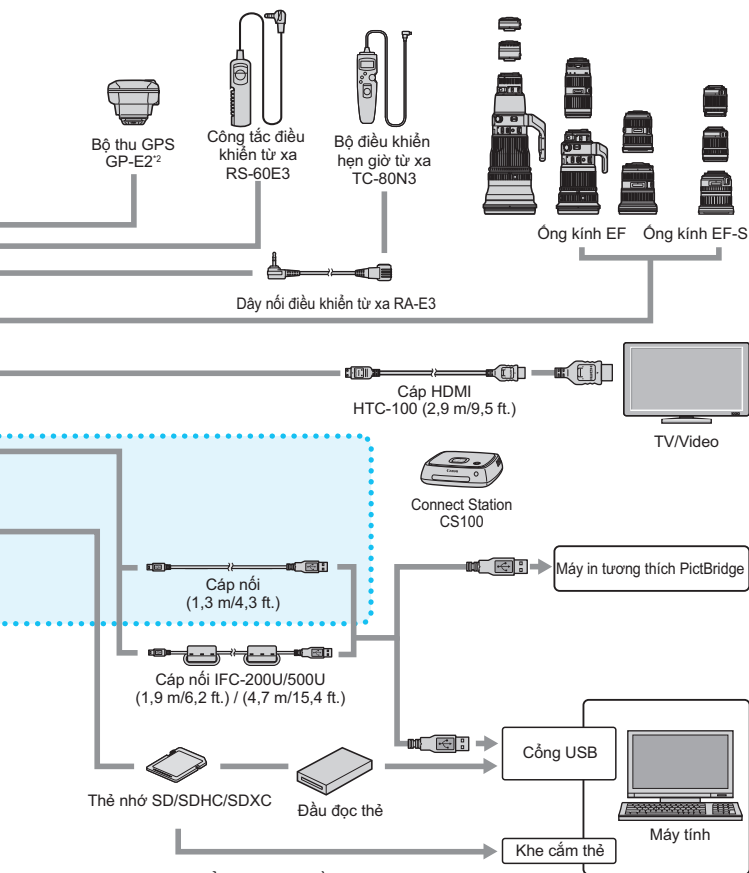
*4: Nếu phương pháp AF là <AFQuick> trong khi chụp Live View, đèn Speedlite gắn ngoài sẽ phát ra tia giúp lấy nét khi cần.

*5: Chỉ có thể thiết lập khi chụp Live View.

*6: Chỉ có thể thiết lập cho phơi sáng tự động.

Sơ đồ hệ thống





*1: Cũng có thể sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E10.

*2: Khi sử dụng GP-E2 với máy ảnh, kết nối bộ thu với máy ảnh bằng cáp đi kèm với GP-E2.

* Độ dài của tất cả cáp được nêu chỉ mang tính tương đối.

MENU Thiết lập menu

Chụp qua khung ngắm và chụp Live View

Chụp 1 (Đồ)

Trang

EN		
Image quality	 L /  L /  M /  M /  S1 /  S1 / S2 / S3 / RAW +  L / RAW	88
Beep	Enable / Disable	184
Release shutter without card	Enable / Disable	184
Image review	Off / 2 sec. / 4 sec. / 8 sec. / Hold	184
Peripheral illumination correction	Enable / Disable	124
Red-eye reduction	Disable / Enable	106
Flash control	Flash firing / Built-in flash function setting / External flash function setting / External flash C.Fn setting / Clear external flash C.Fn setting	200

VI		
Chất lượng ảnh	 L /  L /  M /  M /  S1 /  S1 / S2 / S3 / RAW +  L / RAW	88
Bíp	Bật / Tắt	184
Nhà màn trập khi không lắp thẻ	Bật / Tắt	184
Xem lại ảnh	Tắt / 2 giây / 4 giây / 8 giây / Giữ	184
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	Bật / Tắt	124
Giảm mắt đỏ	Tắt / Bật	106
Điều khiển flash	Đánh sáng flash / Thiết lập chức năng flash tích hợp / Thiết lập chức năng flash ngoài / Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài / Xóa thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài	200

Chụp 2 (Đỏ)

Trang

EN		
Exposure compensation/AEB	1/3-stop or 1/2-stop increments, ± 5 stops (AEB: ± 2 stops)	118
Auto Lighting Optimizer	Disable / Low / Standard / High	123
Metering mode	Evaluative metering / Partial metering / Center-weighted average metering	115
Custom White Balance	Manual setting of white balance	133
White balance shift/bracketing	WB correction: White balance correction BKT setting: White balance bracketing	135 136
Color space	sRGB / Adobe RGB	137
Picture Style	 Auto /  Standard /  Portrait /  Landscape /  Neutral /  Faithful /  Monochrome /  User Def. 1-3	95 126 129

VI		
Bù trừ phơi sáng/AEB	Điều chỉnh với mức tăng 1/3 điểm dừng hoặc 1/2 điểm dừng trong khoảng ± 5 điểm dừng (AEB: ± 2 điểm dừng)	118
Tự động tối ưu hóa ánh sáng	Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao	123
Chế độ đo sáng	Đo sáng toàn khung ảnh / Đo sáng từng phần / Đo sáng trung bình trung tâm	115
Cân bằng trắng tùy chỉnh	Thiết lập cân bằng trắng bằng tay	133
Thay đổi cân bằng trắng/ Cân bằng trắng hỗn hợp	Hiệu chỉnh WB: Hiệu chỉnh cân bằng trắng Thiết lập BKT: Cân bằng trắng hỗn hợp	135 136
Không gian màu	sRGB / Adobe RGB	137
Kiểu ảnh	 Tự động /  Tiêu chuẩn /  Chân dung /  Phong cảnh /  Trung tính /  Chân thực /  Đơn sắc /  Người dùng xác định 1-3	95 126 129



☐ Tùy chọn menu được tô bóng không hiển thị trong chế độ vùng cơ bản.

Chụp 3 (Đỏ)

Trang

EN		
Dust Delete Data	Obtains data to be used to erase dust spots	205
ISO Auto	Max.:400 / Max.:800 / Max.:1600 / Max.:3200 / Max.:6400	94

VI		
Dữ liệu xóa bụi	Thu thập dữ liệu cần dùng để xóa chấm bụi	205
ISO tự động	Tối đa:400 / Tối đa:800 / Tối đa:1600 / Tối đa:3200 / Tối đa:6400	94

Chụp 4* (Đỏ)

EN		
Live View shooting	Enable / Disable	141
AF method	FlexiZone - Single /  Live mode / Quick mode	148
Grid display	Off / Grid 1  / Grid 2 	145
Aspect ratio	3:2 / 4:3 / 16:9 / 1:1	146
Metering timer	4 sec. / 8 sec. / 16 sec. / 30 sec. / 1 min. / 10 min. / 30 min.	147

VI		
Chụp Live View	Bật / Tắt	141
Phương pháp AF	Vùng linh hoạt - 1 điểm /  Chế độ Live / Chế độ nhanh	148
Hiển thị khung lưới	Tắt / Khung lưới 1  / Khung lưới 2 	145
Tỷ lệ khung ảnh	3:2 / 4:3 / 16:9 / 1:1	146
Hẹn giờ đo sáng	4 giây / 8 giây / 16 giây / 30 giây / 1 phút / 10 phút / 30 phút	147

* Trong chế độ vùng cơ bản, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab  2.

 Xem lại 1 (Xanh da trời)

Trang

EN		
Protect images	Protect images	230
Rotate image	Rotate images	213
Erase images	Erase images	232
Print order	Specify images to be printed (DPOF)	253
Photobook Set-up	Specify images for a photobook	257
Creative filters	Grainy B/W / Soft focus / Fish-eye effect / Toy camera effect / Miniature effect	238
Resize	Downsize JPEG image's pixel count	241

VI		
Bảo vệ ảnh	Bảo vệ ảnh	230
Xoay ảnh	Xoay ảnh	213
Xóa ảnh	Xóa ảnh	232
Lệnh in	Chỉ định các ảnh được in (DPOF)	253
Lập sách ảnh	Chỉ định ảnh cho sách ảnh	257
Bộ lọc sáng tạo	Đen trắng hạt / Nét mềm / Hiệu ứng mắt cá / Hiệu ứng máy đồ chơi / Hiệu ứng thu nhỏ	238
Thay đổi cỡ ảnh	Giảm độ phân giải của ảnh JPEG	241

 Xem lại 2 (Xanh da trời)

Trang

EN		
Histogram display	Brightness / RGB	236
Image jump w/ 	1 image / 10 images / 100 images / Date / Folder / Movies / Stills / Rating	211
Slide show	Playback description / Display time / Repeat / Transition effect / Background music	224
Rating	[OFF] / [★] / [★★] / [★★★] / [★★★★] / [★★★★★]	214

VI		
Hiển thị biểu đồ	Độ sáng / RGB	236
Nhảy ảnh với 	1 ảnh / 10 ảnh / 100 ảnh / Ngày tháng / Thư mục / Phim / Ảnh / Xếp hạng	211
Trình chiếu	Mô tả xem lại / Thời gian hiển thị / Lặp lại / Hiệu ứng chuyển / Nhạc nền	224
Xếp hạng	[OFF (TẮT)] / [★] / [★★] / [★★★] / [★★★★] / [★★★★★]	214

Cài đặt 1 (Vàng)

Trang

EN		
Auto power off	30 sec. / 1 min. / 2 min. / 4 min. / 8 min. / 15 min. / Disable	185
Auto rotate	On   / On  / Off	192
Format card	Initialize and erase data on the card	52
File number	Continuous / Auto reset / Manual reset	188
Select folder	Create and select a folder	186
Screen color	Select the shooting settings screen color	199
Eye-Fi settings	Displayed when a commercially-available Eye-Fi card is inserted	276

VI		
Tự động tắt nguồn	30 giây / 1 phút / 2 phút / 4 phút / 8 phút / 15 phút / Tắt	185
Tự động xoay	Bật   / Bật  / Tắt	192
Định dạng thẻ	Khởi tạo và xóa dữ liệu trên thẻ	52
Số tập tin	Kế tiếp / Tự động đặt lại / Đặt lại bằng tay	188
Chọn thư mục	Tạo và chọn thư mục	186
Màu màn hình	Chọn màu màn hình thiết lập chụp	199
Thiết lập Eye-Fi	Hiển thị khi lắp thẻ Eye-Fi bán sẵn trên thị trường	276

🔧 Cài đặt 2 (Vàng)

Trang

EN		
LCD brightness	Adjust the brightness (seven levels)	185
LCD off/on button	Shutter button / Shutter/DISP / Remains on	199
Date/Time/Zone	Date (year, month, day) / Time (hour, min., sec.) / Daylight saving time / Time zone	41
Language 🗨️	Select the interface language	43
Clean manually	Clean image sensor manually	207
Feature guide	Enable / Disable	55
GPS device settings	Settings available when the GPS Receiver GP-E2 (sold separately) is attached	290

VI		
Độ sáng LCD	Điều chỉnh độ sáng (bảy mức)	185
Nút bật/tắt LCD	Nút chụp / Nút chụp/HIỂN THỊ / Luôn bật	199
Ngày/Giờ/Múi giờ	Ngày (năm, tháng, ngày) / Giờ (giờ, phút, giây) / Giờ mùa hè / Múi giờ	41
Ngôn ngữ 🗨️	Chọn ngôn ngữ giao diện	43
Làm sạch bằng tay	Làm sạch cảm biến hình ảnh bằng tay	207
Hướng dẫn tính năng	Bật / Tắt	55
Thiết lập thiết bị GPS	Thiết lập có thể sử dụng khi lắp Bộ thu GPS GP-E2 (bán riêng)	290

Y: Cài đặt 3 (Vàng)

Trang

EN		
Wi-Fi/NFC	Disable / Enable	_*
	Allow NFC connections	
Wi-Fi function	Transfer images between cameras / Connect to smartphone / Print from Wi-Fi printer / Upload to Web service	
Certification Logo Display	Displays some of the logos of the camera's certifications	271
Custom Functions (C.Fn)	Customize camera functions as desired	260
Copyright information	Display copyright information / Enter author's name / Enter copyright details / Delete copyright information	190
Clear settings	Clear all camera settings / Clear all Custom Func. (C.Fn)	194
Firmware Ver.	For updating the firmware	-

VI		
Wi-Fi/NFC	Tắt / Bật	_*
	Cho phép kết nối NFC	
Chức năng Wi-Fi	Truyền ảnh giữa các máy ảnh / Kết nối với smartphone / In từ máy in Wi-Fi / Tải lên dịch vụ web	
Hiển thị logo chứng nhận	Hiển thị một số logo chứng nhận của máy ảnh	271
Chức năng tùy chỉnh (C.Fn)	Tùy chỉnh các chức năng máy ảnh theo mong muốn	260
Thông tin bản quyền	Hiển thị thông tin bản quyền / Nhập tên tác giả / Nhập chi tiết bản quyền / Xóa thông tin bản quyền	190
Xóa thiết lập	Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh / Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn)	194
Phiên bản firmware	Để cập nhật firmware	-

* Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng chức năng không dây.

★ Danh mục riêng (Xanh lá cây)

Trang

EN		
My Menu settings	Register frequently-used menu options and Custom Functions	269

VI		
Thiết lập Danh mục riêng	Đăng ký tùy chọn menu thường dùng và chức năng tùy chỉnh	269

-  • Khi sử dụng chức năng Wi-Fi, đảm bảo kiểm tra những nơi được phép sử dụng thiết bị và sử dụng theo quy định của quốc gia và khu vực sở tại.
- Không thể sử dụng **[Wi-Fi/NFC]** nếu đang kết nối máy ảnh với máy tính, máy in, bộ thu GPS, TV hoặc thiết bị khác qua cáp. Khi **[Wi-Fi/NFC]** được đặt thành **[Enable (Bật)]**, bạn không thể kết nối máy ảnh với những thiết bị trên qua cáp.

-  **Thận trọng khi sử dụng Bộ thu GPS GP-E2 (bán riêng)**
- Kiểm tra xem quốc gia hoặc khu vực của bạn có cho phép sử dụng GPS hay không, đồng thời tuân thủ tất cả quy định pháp lý.
- Khi sử dụng GP-E2 với máy ảnh, kết nối bộ thu với máy ảnh bằng cáp đi kèm với GP-E2. Nếu bạn không sử dụng cáp kèm theo, thông tin thẻ địa lý sẽ không được thêm vào ảnh khi chụp.
- Một số chức năng nhất định của GP-E2 sẽ không hoạt động với máy ảnh này. Lưu ý những điều sau:
- Hướng chụp không được ghi. (Không thể sử dụng la bàn kỹ thuật số.)
 - Thông tin thẻ địa lý có thể được thêm vào phim khi bắt đầu quay. Tuy nhiên, vị trí sẽ không hiển thị trên tiện ích bản đồ (phần mềm EOS). Kiểm tra vị trí bằng máy ảnh.

Quay phim

Phim 1 (Đỏ)

Trang

EN		
Movie exposure	Auto / Manual	176
AF method	FlexiZone - Single /  Live mode / Quick mode	176
AF with shutter button during movie recording	Disable / Enable	176
 Shutter button/ AE lock button	AF/AE lock / AE lock/AF / AF/AF lock, no AE lock / AE/AF, no AE lock	177
 Highlight tone priority	Disable / Enable	177

VI		
Phơi sáng phim	Tự động / Chính tay	176
Phương pháp AF	Vùng linh hoạt - 1 điểm /  Chế độ Live / Chế độ nhanh	176
Lấy nét tự động bằng nút chụp trong khi quay phim	Tắt / Bật	176
 Nút chụp / Nút khóa phơi sáng	AF/Khóa phơi sáng / Khóa phơi sáng/AF / AF/Khóa nét, không khóa phơi sáng / AE/AF, không khóa phơi sáng	177
 Ưu tiên tông màu sáng	Tắt / Bật	177

Phím 2 (Đỏ)

Trang

EN		
Movie recording size	1920x1080 (1920/1080/1080) / 1280x720 (1280/720) / 640x480 (640/480)	168
Sound recording	Sound recording: Auto / Manual / Disable	178
	Recording level	
	Wind filter: Disable/ Enable	
Metering timer	4 sec. / 8 sec. / 16 sec. / 30 sec. / 1 min. / 10 min. / 30 min.	179
Grid display	Off / Grid 1 1 1 1 / Grid 2 2 2 2	179
Video snapshot	Disable / 2 sec. movie / 4 sec. movie / 8 sec. movie	170
Video system	NTSC / PAL	179

VI		
Kích thước ghi phim	1920x1080 (1920/1080/1080) / 1280x720 (1280/720) / 640x480 (640/480)	168
Ghi âm	Ghi âm: Tự động / Chỉnh tay / Tắt	178
	Mức ghi âm	
	Lọc gió: Tắt / Bật	
Hẹn giờ đo sáng	4 giây / 8 giây / 16 giây / 30 giây / 1 phút / 10 phút / 30 phút	179
Hiển thị khung lưới	Tắt / Khung lưới 1 1 1 1 / Khung lưới 2 2 2 2	179
Video quay nhanh	Tắt / Phím 2 giây / Phím 4 giây / Phím 8 giây	170
Hệ thống video	NTSC / PAL	179

Phím 3 (Đỏ)

Trang

EN		
Exposure compensation	1/3-stop increments, ± 3 stops	180
Auto Lighting Optimizer	Disable / Low / Standard / High	180
Custom White Balance	Manual setting of white balance	180
Picture Style	Auto / Standard / Portrait / Landscape / Neutral / Faithful / Monochrome / User Def. 1-3	180

VI		
Bù trừ phơi sáng	Mức tăng 1/3 điểm dừng, ± 3 điểm dừng	180
Tự động tối ưu hóa ánh sáng	Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao	180
Cân bằng trắng tùy chỉnh	Thiết lập cân bằng trắng bằng tay	180
Kiểu ảnh	Tự động / Tiêu chuẩn / Chân dung / Phong cảnh / Trung tính / Chân thực / Đơn sắc / Người dùng xác định 1-3	180



Menu cho chế độ quay phim

- Các tab [1], [2] và [3] chỉ xuất hiện ở chế độ quay phim.
- Các tab [4], [5], [6] và [7] không xuất hiện.
- Các mục menu sau không xuất hiện:
 - [1]: Giảm mắt đỏ, Điều khiển flash
 - [2]: Màu màn hình
 - [3]: Nút bật/tắt LCD, Làm sạch bằng tay
 - [4]: Hiển thị logo chứng nhận, Chức năng tùy chỉnh (C.Fn), Thông tin bản quyền, Xóa thiết lập, Phiên bản firmware

Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực

Nếu máy ảnh xảy ra vấn đề trực trực, trước tiên bạn nên tham khảo hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực này. Nếu hướng dẫn không giúp giải quyết được vấn đề, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Vấn đề trực trực liên quan đến nguồn

Pin không sạc.

- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E10 chính hãng của Canon.

Đèn sạc pin nhấp nháy.

- Nếu sạc pin gặp trực trực, mạch bảo vệ sẽ dừng sạc và đèn sạc sẽ nhấp nháy màu cam. Trong trường hợp này, rút phích cắm nguồn của sạc khỏi ổ điện và tháo pin ra. Lắp lại pin vào sạc và đợi một lúc trước khi cắm lại sạc vào ổ điện. Nếu vẫn xảy ra trực trực, liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Máy ảnh không hoạt động ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <ON>.

- Đảm bảo rằng pin đã lắp đúng cách vào máy ảnh (tr.36).
- Đảm bảo rằng nắp khe cắm thẻ/ngăn chứa pin đã đóng (tr.36).
- Sạc pin (tr.34).
- Nhấn nút <DISP.> (tr.54).

Đèn truy cập vẫn sáng hoặc nhấp nháy ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.

- Nếu tắt nguồn khi đang ghi ảnh vào thẻ, đèn truy cập vẫn sáng/liên tục nhấp nháy trong vài giây. Khi ghi ảnh xong, nguồn sẽ tự động tắt.

Pin rất nhanh hết.

- Sử dụng pin sạc đầy (tr.34).
- Hiệu suất pin có thể sạc sẽ giảm qua nhiều lần sử dụng. Hãy mua pin mới.
- Số ảnh có thể chụp sẽ giảm khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt AF mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
 - Chụp Live View hoặc quay phim liên tục trong một khoảng thời gian dài.
 - Chức năng giao tiếp của thẻ Eye-Fi đang hoạt động.

Máy ảnh tự tắt.

- Tự động tắt nguồn đang hoạt động. Nếu bạn không muốn sử dụng tự động tắt nguồn, đặt [**1: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.185).
- Ngay cả khi đặt [**1: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**], màn hình LCD vẫn tắt khi không sử dụng máy ảnh trong khoảng 30 phút. (Nguồn máy ảnh không tắt.) Nhấn nút <DISP.> để bật màn hình LCD.

Vấn đề trực trực liên quan đến chụp

Không thể lắp ống kính.

- Máy ảnh không thể sử dụng ống kính EF-M (tr.44).

Không thể chụp hoặc ghi ảnh.

- Đảm bảo cắm thẻ đúng cách (tr.36).
- Trượt mấu chống ghi của thẻ đến vị trí ghi/xóa (tr.36).
- Nếu thẻ đầy, thay thẻ hoặc xóa những ảnh không cần thiết để có thêm dung lượng trống (tr.36, 232).
- Nếu thực hiện thao tác lấy nét một lần và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm nhấp nháy, bạn sẽ không thể chụp ảnh. Nhấn nửa chừng nút chụp lần nữa để lấy nét tự động lại hoặc lấy nét tay (tr.47, 101).

Không thể sử dụng thẻ.

- Nếu thông báo lỗi thẻ hiển thị, tham khảo trang 38 hoặc 306.

Ảnh bị mất nét.

- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.44).
- Nhấn nút chụp nhẹ nhàng để tránh rung máy (tr.46-47).
- Nếu ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh, đặt công tắc IS thành <ON>.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ màn trập có thể trở nên chậm. Bạn có thể sử dụng tốc độ màn trập nhanh hơn (tr.108), đặt tốc độ ISO cao hơn (tr.92), sử dụng flash (tr.104) hoặc chân máy.

Không thể khóa lấy nét và bố cục lại ảnh.

- Đặt thao tác lấy nét tự động thành lấy nét một lần. Không thể khóa lấy nét trong chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục hay khi servo hoạt động trong chế độ lấy nét tự động AI (tr.97).

Xuất hiện đường sọc ngang hoặc phơi sáng hay tông màu bất thường.

- Đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể xuất hiện do đèn huỳnh quang, đèn LED hoặc các nguồn sáng khác trong khi chụp với khung ngắm hoặc chụp Live View. Phơi sáng hoặc tông màu cũng có thể không chính xác. Đặt tốc độ màn trập chậm có thể giải quyết được vấn đề.

Không thể đạt phơi sáng chuẩn hoặc phơi sáng không chính xác.

- Khi chụp với khung ngắm hoặc chụp Live View, nếu sử dụng ống kính TS-E (ngoại trừ TS-E17mm f/4L hoặc TS-E24mm f/3.5L II) và di chuyển hoặc nghiêng ống kính hoặc sử dụng ống nối, có thể không đạt được phơi sáng chuẩn hoặc có thể dẫn đến phơi sáng không chính xác.

Tốc độ chụp liên tục chậm.

- Tùy thuộc vào loại ống kính, tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện của chủ thể, độ sáng, v.v..., tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn.

Số ảnh chụp liên tục tối đa giảm dần.

- Trong [**43: Custom Functions (C.Fn)**] (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn)), đặt [**5: High ISO speed noise reduct'n**] (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)] thành [**0: Standard (Tiêu chuẩn)**], [**1: Low (Thấp)**] hoặc [**3: Disable (Tắt)**]. Nếu đặt thành [**2: Strong (Mạnh)**], số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ bị giảm đáng kể (tr.265).
- Trong chế độ cân bằng trắng hỗn hợp, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ giảm (tr.136).
- Nếu bạn chụp vật thể có chi tiết nhỏ chẳng hạn như bãi cỏ, kích thước tập tin sẽ lớn hơn và số ảnh chụp liên tục tối đa thực tế có thể thấp hơn số lượng ảnh đề cập ở trang 89.

Không thể đặt ISO 100.

- Trong [**F3: Custom Functions (C.Fn)** (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu đặt [**6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**1: Enable (Bật)**], bạn không thể thiết lập ISO 100. Nếu đặt [**0: Disable (Tắt)**], bạn có thể thiết lập ISO 100 (tr.265). Chức năng này cũng có hiệu lực khi quay phim (tr.177).

Không thể đặt tốc độ ISO [H] (ISO 12800).

- Trong [**F3: Custom Functions (C.Fn)** (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu đặt [**6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**1: Enable (Bật)**], bạn không thể thiết lập tốc độ ISO [H] (tương đương ISO 12800) ngay cả khi [**2: ISO expansion (Mở rộng ISO)**] được đặt thành [**1: On (Bật)**]. Nếu đặt [**6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**0: Disable (Tắt)**], bạn có thể thiết lập [H] (tr.265).

Không thể thiết lập Tự động tối ưu hóa ánh sáng.

- Trong [**F3: Custom Functions (C.Fn)** (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], nếu đặt [**6: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**1: Enable (Bật)**], bạn không thể sử dụng Tự động tối ưu hóa ánh sáng. Nếu đặt thành [**0: Disable (Tắt)**], bạn có thể thiết lập Tự động tối ưu hóa ánh sáng (tr.265).

Mặc dù đã giảm bù trừ phơi sáng, nhưng ảnh vẫn quá sáng.

- Đặt [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] thành [**Disable (Tắt)**]. Khi đặt thành [**Low (Thấp)**], [**Standard (Tiêu chuẩn)**] hoặc [**High (Cao)**], cho dù bạn đã giảm bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash, ảnh vẫn có thể quá sáng (tr.123).

Khi sử dụng chế độ <Av> với flash, tốc độ màn trập bị giảm.

- Nếu bạn chụp vào ban đêm khi hậu cảnh tối, tốc độ màn trập sẽ tự động giảm xuống (chụp đồng bộ chậm) để cả chủ thể và hậu cảnh đều được phơi sáng chuẩn. Để tránh tốc độ màn trập quá chậm, trong [**3: Custom Functions (C.Fn) (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], đặt [**3: Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**1: 1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**] hoặc [**2: 1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**] (tr.263).

Đèn flash tích hợp tự động nâng lên.

- Ở các chế độ (<A> <CA> <P> <M>) có thiết lập mặc định là <A> (tự động đánh sáng flash tích hợp), flash tích hợp sẽ tự động nâng lên khi cần.

Đèn flash tích hợp không đánh sáng.

- Nếu bạn sử dụng đèn flash tích hợp quá thường xuyên trong một khoảng thời gian ngắn, flash có thể sẽ dừng đánh sáng trong một lúc để bảo vệ thiết bị phát sáng.

Đèn flash ngoài luôn đánh sáng với công suất tối đa.

- Nếu sử dụng thiết bị flash không phải đèn Speedlite sê-ri EX, flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.275).
- Trong [**1: Flash control (Điều khiển flash)**], nếu đặt [**Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)**] cho [**External flash C.Fn setting (Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash ngoài)**] thành [**TTL**], flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.204).

Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash cho đèn Speedlite gắn ngoài.

- Nếu đặt bù trừ phơi sáng flash trên đèn Speedlite gắn ngoài, bạn sẽ không thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh. Khi hủy bù trừ phơi sáng flash của đèn Speedlite gắn ngoài (đặt thành 0), bạn có thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh.

Không thể đặt đồng bộ tốc độ cao ở chế độ <Av>.

- Trong [**F3: Custom Functions (C.Fn)** (Chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], đặt [**3: Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**0: Auto (Tự động)**] (tr.263).

Máy ảnh phát ra tiếng ồn khi bị rung.

- Bộ phận bật lên của đèn flash tích hợp sẽ chuyển động nhẹ. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trực trực.

Màn trập tạo ra hai âm thanh chụp khi chụp Live View.

- Nếu sử dụng flash, tiếng màn trập sẽ phát ra hai lần cho mỗi lần chụp (tr.141).

Trong khi chụp Live View, biểu tượng màu trắng hoặc màu đỏ xuất hiện.

- Biểu thị nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao. Nếu biểu tượng màu trắng hiển thị, chất lượng ảnh có thể xấu đi. Nếu biểu tượng màu đỏ hiển thị, chụp Live View sẽ nhanh chóng tự động dừng (tr.157).

Trong khi quay phim, biểu tượng B màu đỏ hiển thị.

- Biểu thị nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao. Nếu biểu tượng màu đỏ hiển thị, quay phim sẽ nhanh chóng tự động dừng (tr.181).

Quay phim tự dừng lại.

- Nếu tốc độ ghi của thẻ chậm, quay phim có thể tự động dừng. Nên sử dụng thẻ SD Speed Class 6 “CLASS[®]” hoặc nhanh hơn. Để tìm hiểu tốc độ đọc/ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ, v.v...
- Nếu kích thước tập tin của clip phim đạt đến 4 GB hoặc thời lượng quay đạt đến 29 phút 59 giây, quay phim sẽ tự động dừng.

Bạn không thể đặt tốc độ ISO cho quay phim.

- Nếu đặt [**1: Movie exposure (Phơi sáng phim)**] thành [**Auto (Tự động)**], tốc độ ISO sẽ được đặt tự động. Nếu đặt [**Manual (Chỉnh tay)**], bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng tay (tr.162).

Phơi sáng thay đổi trong khi quay phim.

- Nếu thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ trong khi quay phim, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.
- Zoom ống kính trong khi quay phim có thể dẫn đến các thay đổi phơi sáng cho dù khẩu độ lớn nhất của ống kính có thay đổi hay không. Do vậy, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.

Chủ thể bị méo trong khi quay phim.

- Nếu bạn di chuyển nhanh máy ảnh sang trái hoặc sang phải (di chuyển tốc độ cao) hoặc chụp chủ thể chuyển động, ảnh có thể bị méo.

Xuất hiện nhấp nháy ảnh hoặc đường sọc ngang trong khi quay phim.

- Nhấp nháy, đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể xuất hiện do ánh đèn huỳnh quang, đèn LED hoặc các nguồn sáng khác trong khi quay phim. Ngoài ra, các thay đổi của phơi sáng (độ sáng) hoặc tông màu cũng có thể được ghi lại. Với phơi sáng chỉnh tay, đặt tốc độ màn trập chậm có thể giải quyết được vấn đề.

Chức năng không dây

Không thể sử dụng Wi-Fi.

- Nếu máy ảnh kết nối với máy tính, máy in, bộ thu GPS, TV hoặc thiết bị khác qua cáp, không thể sử dụng Wi-Fi ([**3: Wi-Fi/NFC**] sẽ bị tắt). Ngắt kết nối cáp trước khi thay đổi thiết lập.
- Tham khảo Hướng dẫn sử dụng chức năng không dây.

Vấn đề trực trực về hiển thị

Màn hình menu hiển thị ít tab và tùy chọn hơn.

- Trong chế độ vùng cơ bản và chế độ quay phim, một số tab và tùy chọn menu nhất định sẽ không hiển thị. Đặt chế độ chụp thành chế độ vùng sáng tạo (tr.50).

Ký tự đầu tiên trong tên tập tin là dấu gạch dưới (“_”).

- Đặt không gian màu thành sRGB. Nếu đặt thành Adobe RGB, ký tự đầu tiên là dấu gạch dưới (tr.137).

Tên tập tin bắt đầu bằng “MVI_”.

- Đây là tập tin phim (tr.189).

Số thứ tự tập tin không bắt đầu từ 0001.

- Nếu thẻ đã chứa ảnh, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.188).

Ngày và giờ chụp hiển thị không chính xác.

- Kiểm tra để đảm bảo ngày và giờ được đặt chính xác (tr.41).
- Kiểm tra múi giờ và giờ mùa hè (tr.41).

Ngày và giờ không xuất hiện trong ảnh.

- Ngày và giờ chụp không xuất hiện trong ảnh. Thay vào đó, ngày và giờ được ghi vào dữ liệu ảnh làm thông tin chụp. Bạn có thể in ngày và giờ vào ảnh bằng cách sử dụng ngày và giờ được ghi trong thông tin chụp (tr.249).

Khi [###] hiển thị.

- Nếu số lượng ảnh đã ghi trên thẻ vượt quá số lượng ảnh có thể hiển thị, [###] sẽ xuất hiện (tr.215).

Màn hình LCD không hiển thị ảnh rõ ràng.

- Nếu màn hình LCD bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau màn hình.
- Trong môi trường nhiệt độ thấp hoặc cao, màn hình LCD có thể hiển thị chậm hoặc trông đen hơn. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

[Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] không xuất hiện.

- **[Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)]** chỉ xuất hiện khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh. Nếu đặt mấu chống ghi của thẻ Eye-Fi đến vị trí LOCK, bạn sẽ không thể kiểm tra trạng thái kết nối của thẻ hoặc tắt truyền Eye-Fi (tr.276).

Vấn đề trực trực khi xem lại

Một phần ảnh nhấp nháy màu đen.

- Đây là cảnh báo vùng sáng (tr.236). Những khu vực dư sáng có vùng sáng bị cắt sẽ nhấp nháy.

Không thể xóa ảnh.

- Nếu ảnh được bảo vệ, bạn không thể xóa ảnh (tr.230).

Không thể phát lại phim.

- Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể phát lại trên máy ảnh.

Khi phát lại phim, đôi khi bạn có thể nghe thấy tiếng ồn thao tác của máy ảnh.

- Khi quay phim, tiếng ồn xoay nút xoay hoặc thao tác ống kính có thể bị ghi lại.

Phim có những đoạn dừng hình.

- Khi quay phim phơi sáng tự động, nếu có thay đổi đáng kể về mức phơi sáng, tiến trình ghi sẽ dừng ngay lập tức cho đến khi độ sáng ổn định. Trong trường hợp này, thực hiện quay phim với phơi sáng chỉnh tay (tr.162).

Tôi không thể kết nối máy ảnh tới TV.

- Bạn cần sử dụng cáp HDMI (bán riêng) để kết nối máy ảnh với TV. Nên sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) (tr.228).
- Ngoài ra, kiểm tra xem TV của bạn có cổng HDMI IN không. Nếu TV không có cổng HDMI IN mà chỉ có jack A/V IN, bạn không thể kết nối máy ảnh.

Không có hình ảnh trên TV.

- Kiểm tra để đảm bảo đã cắm chặt đầu cắm của cáp HDMI (tr.228).
- Nếu đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], không thể kết nối máy ảnh với TV. Đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Disable (Tắt)**], rồi kết nối lại máy ảnh với TV bằng cáp HDMI.

Đầu đọc thẻ không nhận thẻ.

- Tùy thuộc vào đầu đọc thẻ và hệ điều hành máy tính, thẻ SDXC có thể không được nhận diện đúng. Trong trường hợp này, kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp nối, rồi truyền ảnh đến máy tính bằng cách sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.322).

Không thể thay đổi cỡ ảnh.

- Bạn không thể thay đổi cỡ ảnh JPEG **S3** và RAW bằng máy ảnh (tr.241).

Vấn đề trực trực về in ảnh

Tôi không thể kết nối máy ảnh với máy in.

- Nếu đặt [**3: Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], không thể kết nối máy ảnh với máy in. Đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Disable (Tắt)**], rồi kết nối lại máy ảnh với máy in qua cáp nối.

Có ít hiệu ứng in hơn so với danh sách trong hướng dẫn sử dụng.

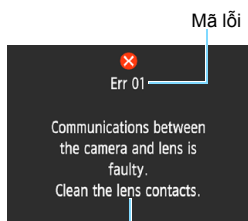
- Nội dung được hiển thị trên màn hình thay đổi tùy thuộc vào máy in. Hướng dẫn sử dụng này liệt kê tất cả các hiệu ứng in có sẵn (tr.248).

Vấn đề trực trực khi kết nối với máy tính

Không thể tải ảnh vào máy tính.

- Cài đặt phần mềm EOS trên máy tính (tr.323).
- Nếu đặt [**3: Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], không thể kết nối máy ảnh với máy tính. Đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Disable (Tắt)**], rồi kết nối lại máy ảnh với máy tính qua cáp nối.

Mã lỗi



Nếu máy ảnh gặp trục trặc, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Nguyên nhân và biện pháp giải quyết

Mã	Thông báo lỗi và cách giải quyết
01	Lỗi giao tiếp giữa máy ảnh và ống kính. Làm sạch điểm tiếp xúc của ống kính. → Vệ sinh các điểm tiếp xúc điện trên máy ảnh và ống kính hoặc sử dụng ống kính Canon (tr.25, 26).
02	Không thể truy cập thẻ. Lắp lại/thay đổi thẻ hoặc định dạng thẻ bằng máy ảnh. → Tháo và lắp lại thẻ, thay thẻ hoặc định dạng thẻ (tr.36, 52).
04	Không thể lưu ảnh vì thẻ đã đầy. Thay thẻ. → Thay thẻ, xóa ảnh không cần thiết hoặc định dạng thẻ (tr.36, 52, 232).
05	Đèn flash tích hợp không nâng lên. Tắt máy ảnh rồi bật lại. → Thao tác công tắc nguồn (tr.39).
10, 20 30, 40 50, 60 70, 80 99	Không thể chụp do lỗi. Tắt máy ảnh rồi bật lại hoặc lắp lại pin. → Vận hành công tắc nguồn, tháo và lắp lại pin hoặc sử dụng ống kính Canon (tr.36, 39).

***Nếu không xử lý được trục trặc, ghi lại mã lỗi và liên hệ với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.**

Thông số kỹ thuật

• Loại

Loại: Máy ảnh kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn AF/AE có đèn flash tích hợp

Phương tiện ghi: Thẻ nhớ SD, thẻ nhớ SDHC, thẻ nhớ SDXC

Kích thước cảm biến ảnh: Khoảng 22,3 x 14,9 mm

Ống kính tương thích: Ống kính Canon EF (bao gồm ống kính EF-S)
* Ngoại trừ ống kính EF-M
(Góc nhìn quy đổi theo phim 35mm tương đương với góc nhìn của ống kính có 1,6 lần tiêu cự được hiển thị.)
Ngàm ống kính: Ngàm Canon EF

• Cảm biến ảnh

Loại: Cảm biến CMOS

Số điểm ảnh hiệu dụng: Khoảng 18,0 megapixel

Tỷ lệ khung ảnh: 3:2

Tính năng xóa bụi: Thêm dữ liệu xóa bụi, Làm sạch bằng tay

• Hệ thống ghi

Định dạng ghi: Quy tắc thiết kế cho Hệ thống tập tin máy ảnh (DCF) 2.0
Loại ảnh: JPEG, RAW (Bản gốc Canon 14 bit)

Có thể ghi đồng thời ảnh RAW+JPEG Lớn

Độ phân giải được ghi: L (Lớn) : Khoảng 17,9 megapixel (5184 x 3456)

M (Trung bình): Khoảng 8,0 megapixel (3456 x 2304)

S1 (Nhỏ 1) : Khoảng 4,5 megapixel (2592 x 1728)

S2 (Nhỏ 2) : Khoảng 2,5 megapixel (1920 x 1280)

S3 (Nhỏ 3) : Khoảng 350.000 pixel (720 x 480)

RAW : Khoảng 17,9 megapixel (5184 x 3456)

Tạo/chọn thư mục: Có thể

Đánh số thứ tự tập tin: Kế tiếp, Tự động đặt lại, Đặt lại bằng tay

• Xử lý ảnh trong khi chụp

Kiểu ảnh: Tự động, Tiêu chuẩn, Chân dung, Phong cảnh, Trung tính, Chân thực, Đơn sắc, Người dùng xác định 1 - 3

Cơ bản+: Chụp ảnh dựa trên môi trường, Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh

Cân bằng trắng: Tự động (Ưu tiên môi trường), Tự động (Ưu tiên màu trắng), Đặt trước (Ban ngày, Bóng râm, Nhiều mây, Đèn dây tóc, Đèn huỳnh quang trắng, Flash), Tùy chỉnh
Cung cấp các tính năng hiệu chỉnh cân bằng trắng và cân bằng trắng hỗn hợp

* Cho phép truyền thông tin nhiệt độ màu flash

Giảm nhiễu: Có thể áp dụng cho chụp phơi sáng lâu và chụp tốc độ ISO cao

Chỉnh độ sáng ảnh tự động: Tự động tối ưu hóa ánh sáng

Ưu tiên tông màu sáng: Được cung cấp

Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi của ống kính: Được cung cấp

• Khung ngắm

Loại: Lăng kính năm mặt ngang tầm mắt

Tầm bao phủ: Chiều dọc/Chiều ngang khoảng 95% (với điểm đặt mắt khoảng 21 mm)

Hệ số phóng to: Khoảng 0,8x (-1 m⁻¹ với ống kính 50mm ở vô cực)

Điểm đặt mắt: Khoảng 21 mm (từ trung tâm thấu kính thị kính ở -1 m⁻¹)

Phạm vi điều chỉnh độ khúc xạ: Khoảng -2,5 - +0,5 m⁻¹ (dpt)

Màn hình lấy nét: Cố định, loại Precision Matte

Gương lật: Loại thu về nhanh

Xem trước độ sâu trường ảnh: Sử dụng với thiết lập Chức năng tùy chỉnh

• Lấy nét tự động (khi chụp qua khung ngắm)

Loại: Đăng ký ảnh thứ cấp TTL, phát hiện lệch pha

Điểm AF: 9 điểm (AF chữ thập và nhảy với f/5.6 có điểm AF trung tâm)

Phạm vi quét sáng lấy nét: EV 0 - 18 (Điểm AF trung tâm)

EV 1 - 18 (Điểm AF khác)

(Lấy nét một lần, tại nhiệt độ phòng, ISO 100)

Thao tác AF: Lấy nét một lần, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, Lấy nét tự động AI

Tia giúp lấy nét: Một loạt tia sáng nhỏ do đèn flash tích hợp phát ra

• Điều khiển phơi sáng

Chế độ đo sáng: Đo sáng khẩu độ mở TTL 63 vùng

• Đo sáng toàn khung ảnh (liên kết tới tất cả các điểm AF)

• Đo sáng từng phần (khoảng 10% của khung ngắm tại trung tâm)

• Đo sáng trung bình trung tâm

Phạm vi quét sáng đo sáng: EV 1 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)

Chế độ chụp: Chế độ vùng cơ bản:

Tự động nhận cảnh thông minh, Flash tắt, Tự động sáng tạo, Chân dung, Phong cảnh, Cận cảnh, Thể thao, Đồ ăn, Chân dung ban đêm

Chế độ vùng sáng tạo:

Phơi sáng tự động P, Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ, Phơi sáng chỉnh tay

Tốc độ ISO (chỉ số phơi sáng khuyến dùng):	Chế độ vùng cơ bản*: ISO 100 - ISO 3200 được đặt tự động * Chân dung: ISO 100 Chế độ vùng sáng tạo: ISO 100 - ISO 6400 đặt bằng tay (mức tăng chấn), ISO 100 - ISO 6400 đặt tự động, Tốc độ ISO tối đa có thể đặt cho ISO tự động hoặc Mở rộng ISO tới "H" (tương đương ISO 12800)
Bù trừ phơi sáng:	Chỉnh tay: ± 5 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng AEB: ± 2 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng (Có thể kết hợp với bù trừ phơi sáng bằng tay)
Khóa phơi sáng:	Tự động: Áp dụng cho Lấy nét một lần với đo sáng toàn khung ảnh khi lấy được nét Chỉnh tay: Bắn nút khóa phơi sáng

• Màn trập

Loại:	Màn trập mặt phẳng tiêu cự, điều khiển điện tử
Tốc độ màn trập:	1/4000 giây đến 30 giây (Tổng phạm vi tốc độ màn trập. Phạm vi khả dụng thay đổi theo chế độ chụp.), Bulb, đồng bộ flash ở 1/200 giây

• Flash

Flash tích hợp:	Đèn flash tự động bật, có thể thu lại Chỉ số hướng dẫn: Khoảng 9,2/30,2 (ISO 100, tính bằng mét/feet) hoặc khoảng 13/42,7 (ISO 200, tính bằng mét/feet) Tầm tác dụng của flash: Góc nhìn ống kính khoảng 17mm Thời gian hồi đèn: Khoảng 2 giây
Flash ngoài:	Đèn Speedlite sê-ri EX
Đo sáng flash:	Flash tự động E-TTL II
Bù trừ phơi sáng flash:	± 2 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
Khóa phơi sáng flash:	Được cung cấp
Cổng cho máy tính:	Không

• Hệ thống kiểu chụp

Kiểu chụp:	Chụp từng ảnh, Chụp liên tục, Chụp hẹn giờ với thời gian trễ 10 giây hoặc 2 giây và Chụp liên tục với thời gian trễ 10 giây
Tốc độ chụp liên tục:	Tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây
Số ảnh chụp liên tục tối đa (Ước chừng):	JPEG Lớn/Đẹp: 1110 ảnh RAW: 6 ảnh RAW+JPEG Lớn/Đẹp: 5 ảnh * Số liệu dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon (ISO 100 và Kiểu ảnh tiêu chuẩn) và sử dụng thẻ 8 GB.

• Chụp Live View

Tỷ lệ khung ảnh:	3:2, 4:3, 16:9, 1:1
Phương pháp lấy nét:	Nhận diện tương phản (Vùng linh hoạt - một điểm, chế độ Live nhận diện khuôn mặt), Phát hiện lệch pha (Chế độ nhanh) Lấy nét tay (có thể phóng to khoảng 5x / 10x)
Phạm vi quét sáng lấy nét:	EV 1 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Chế độ đo sáng:	Đo sáng thời gian thực với cảm biến ảnh
Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Hiển thị khung lưới:	2 loại

• Quay phim

Định dạng ghi:	MOV
Phim:	MPEG-4 AVC/H.264 Tỷ lệ bit (trung bình) có thể thay đổi
Âm thanh:	PCM tuyến tính
Kích thước ghi và tốc độ khung hình:	1920x1080 (Full HD): 30p/25p/24p 1280x720 (HD) : 60p/50p 640x480 (SD) : 30p/25p * 30p: 29,97 fps, 25p: 25,00 fps, 24p: 23,98 fps, 60p: 59,94 fps, 50p: 50,00 fps
Tốc độ bit:	1920x1080 (30p/25p/24p) : Khoảng 46 Mbps 1280x720 (60p/50p) : Khoảng 46 Mbps 640x480 (30p/25p) : Khoảng 11 Mbps
Phương pháp lấy nét:	Tương tự lấy nét khi chụp Live View
Phạm vi quét sáng lấy nét:	EV 1 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Chế độ đo sáng:	Đo sáng trung bình trung tâm và đo sáng toàn khung ảnh với cảm biến ảnh * Đặt tự động theo phương pháp lấy nét.
Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Điều khiển phơi sáng:	Phơi sáng tự động và Phơi sáng chỉnh tay
Bù trừ phơi sáng:	±3 điểm dừng ở mức tăng 1/3 điểm dừng
Tốc độ ISO (chỉ số phơi sáng khuyến dùng):	Với quay phim phơi sáng tự động: ISO 100 - ISO 6400 được đặt tự động Với phơi sáng chỉnh tay: ISO 100 - ISO 6400 được đặt tự động/bằng tay
Video quay nhanh:	Có thể đặt thành 2 giây/4 giây/8 giây
Ghi âm:	Micro mono tích hợp Có thể điều chỉnh mức ghi âm, bộ lọc gió đi kèm
Hiển thị khung lưới:	2 loại
Chụp ảnh trong khi quay phim:	Không sử dụng được trong khi quay phim

• Màn hình LCD

Loại:	Màn hình màu tinh thể lỏng TFT
Kích thước và số điểm ảnh màn hình:	Khoảng 7,5 cm (3,0 in.) (4:3) với khoảng 920.000 điểm
Điều chỉnh độ sáng:	Bằng tay (7 mức)
Ngôn ngữ giao diện:	25
Hướng dẫn tính năng:	Có thể hiển thị

• Phát lại

Định dạng hiển thị ảnh:	Thông tin cơ bản, thông tin cơ bản + chất lượng ảnh/số thứ tự xem lại, hiển thị thông tin chụp, biểu đồ sắc độ, hiển thị bảng kê (4/9)
Hệ số phóng to:	Khoảng 1,5x - 10x
Cảnh báo vùng sáng:	Khu vực dư sáng sẽ nhấp nháy
Phương pháp duyệt ảnh:	Một ảnh, nhảy 10 ảnh hoặc 100 ảnh, theo ngày chụp, theo thư mục, theo phim, theo ảnh, theo xếp hạng
Xoay ảnh:	Có thể
Xếp hạng:	Được cung cấp
Phát lại phim:	Cho phép (Màn hình LCD, HDMI) Loa tích hợp
Bảo vệ ảnh:	Có thể
Trình chiếu:	Tất cả ảnh, theo ngày, theo thư mục, theo phim, theo ảnh, theo xếp hạng Có thể chọn 5 hiệu ứng chuyển tiếp
Nhạc nền:	Có thể chọn cho trình chiếu và phát lại phim

• Xử lý hậu kỳ ảnh

Bộ lọc sáng tạo:	Đen trắng hạt, Nét mềm, Hiệu ứng mắt cá, Hiệu ứng máy đồ chơi, Hiệu ứng thu nhỏ
Thay đổi cỡ ảnh:	Có thể

• In trực tiếp

Máy in tương thích:	Máy in tương thích PictBridge
Ảnh có thể in:	Ảnh JPEG và RAW
Đặt lệnh in:	Tương thích DPOF phiên bản 1.1

• Tính năng tùy chỉnh

Chức năng tùy chỉnh:	11
Đăng ký Danh mục riêng:	Có thể
Thông tin bản quyền:	Có thể nhập và thêm

• Cổng kết nối

Cổng Digital:	Tương đương USB tốc độ cao: Giao tiếp máy tính, In trực tiếp, Bộ thu GPS GP-E2, kết nối Connect Station CS100
Cổng HDMI OUT mini:	Loại C (Tự động chuyển đổi độ phân giải)
Cổng điều khiển từ xa:	Dành cho Công tắc điều khiển từ xa RS-60E3
Thẻ Eye-Fi:	Tương thích

• Thiết bị nguồn

Pin:	Pin LP-E10 (Số lượng 1) * Có thể cấp điện xoay chiều từ nguồn điện lưới thông qua phụ kiện.
Số ảnh có thể chụp: (Dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm CIPA, với 50% ảnh sử dụng flash)	Chụp qua khung ngắm: Khoảng 500 ảnh chụp ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), khoảng 410 ảnh chụp ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) Chụp Live View: Khoảng 180 ảnh chụp ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), khoảng 170 ảnh chụp ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F)
Thời gian quay phim:	Khoảng 1 giờ 15 phút ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) Khoảng 1 giờ 10 phút ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) (với Pin LP-E10 sạc đầy)

• Kích thước và trọng lượng

Kích thước (R x C x S):	Khoảng 129,0 x 101,3 x 77,6 mm / 5,08 x 3,99 x 3,06 in.
Trọng lượng:	Khoảng 485 g / 17,11 oz. (Theo chỉ dẫn của CIPA), Khoảng 440 g / 15,52 oz. (Chỉ riêng thân máy ảnh)

• Môi trường vận hành

Phạm vi nhiệt độ vận hành:	0°C - 40°C / 32°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn

• Pin LP-E10

Loại:	Pin lithium-ion có thể sạc lại
Điện áp định mức:	7,4 V DC
Dung lượng pin:	860 mAh
Phạm vi nhiệt độ vận hành:	Trong khi sạc: 6°C - 40°C / 43°F - 104°F Trong khi chụp: 0°C - 40°C / 32°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn
Kích thước (R x C x S):	Khoảng 36,2 x 14,7 x 49,0 mm / 1,4 x 0,6 x 1,9 in.
Trọng lượng:	Khoảng 45 g / 1,6 oz.

• Sạc pin LC-E10E

Pin tương thích:	Pin LP-E10
Chiều dài dây nguồn:	Khoảng 1 m / 3,3 ft.
Thời gian sạc:	Khoảng 2 giờ (ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F))
Đầu vào định mức:	100 - 240 V AC (50/60 Hz)
Đầu ra định mức:	8,3 V DC / 580 mA
Phạm vi nhiệt độ vận hành:	6°C - 40°C / 43°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn
Kích thước (R x C x S):	Khoảng 67,0 x 30,5 x 87,5 mm / 2,6 x 1,2 x 3,4 in.
Trọng lượng:	Khoảng 82 g / 2,9 oz. (không bao gồm dây nguồn)

- Tất cả dữ liệu ở trên đều căn cứ theo các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon cũng như tiêu chuẩn thử nghiệm và hướng dẫn của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Kích thước và trọng lượng liệt kê ở trên được dựa trên Hướng dẫn của CIPA (ngoại trừ trọng lượng của riêng thân máy ảnh).
- Thông số kỹ thuật của sản phẩm và bề ngoài có thể thay đổi mà không thông báo trước.
- Nếu có vấn đề xảy ra với ống kính không phải của Canon được lắp vào máy ảnh, vui lòng tham vấn nhà sản xuất ống kính.

Nhãn hiệu

- Adobe là nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.
- Microsoft và Windows là các nhãn hiệu thuộc quyền hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
- Macintosh và Mac OS là các nhãn hiệu đã đăng ký của Apple Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- Logo SDXC là nhãn hiệu của SD-3C, LLC.
- HDMI, logo HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các nhãn hiệu thuộc quyền hoặc nhãn hiệu được đăng ký của HDMI Licensing LLC.
- Các nhãn hiệu khác thuộc sở hữu của các hãng tương ứng.

Giới thiệu về cấp phép MPEG-4

"This product is licensed under AT&T patents for the MPEG-4 standard and may be used for encoding MPEG-4 compliant video and/or decoding MPEG-4 compliant video that was encoded only (1) for a personal and non-commercial purpose or (2) by a video provider licensed under the AT&T patents to provide MPEG-4 compliant video. No license is granted or implied for any other use for MPEG-4 standard."

* Thông báo hiển thị bằng tiếng Anh theo yêu cầu.

Bạn nên sử dụng phụ kiện Canon chính hãng

Sản phẩm này được thiết kế để đạt hiệu quả tối ưu khi sử dụng với các phụ kiện chính hãng của Canon.

Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng nào đối với sản phẩm này và/hoặc tai nạn, chẳng hạn như cháy, v.v... do trục trặc của các phụ kiện không chính hãng Canon (ví dụ như rò rỉ và/hoặc nổ pin). Lưu ý rằng bảo hành không áp dụng đối với sửa chữa do trục trặc của phụ kiện không chính hãng Canon, tuy nhiên bạn có thể yêu cầu sửa chữa và phải thanh toán chi phí.

THẬN TRỌNG

CÓ NGUY CƠ CHÁY NỔ NẾU THAY PIN BẰNG LOẠI PIN KHÔNG ĐÚNG. VỨT BỎ PIN ĐÃ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

[illegible]

[illegible]

GHI NHỚ

[illegible]

[illegible]

[illegible]

13

Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm / Tải ảnh xuống máy tính

Chương này trình bày các nội dung sau:

- Giới thiệu về phần mềm cho máy ảnh EOS DIGITAL
- Cách tải xuống và cài đặt phần mềm trên máy tính
- Cách tải xuống và xem Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF)
- Cách tải ảnh từ máy ảnh về máy tính

Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm

Giới thiệu về phần mềm

Phần này giới thiệu về các ứng dụng phần mềm khác nhau dành cho máy ảnh EOS DIGITAL. Bạn cần kết nối internet để tải và cài đặt phần mềm. Không thể tải và cài đặt trong môi trường không có kết nối internet.

EOS Utility

Với máy ảnh được kết nối với máy tính, phần mềm EOS Utility cho phép truyền ảnh chụp và phim quay từ máy ảnh tới máy tính. Bạn cũng có thể sử dụng phần mềm này để đặt các thiết lập khác nhau của máy ảnh và chụp từ xa qua máy tính được kết nối với máy ảnh. Ngoài ra, có thể sao chép các bản nhạc nền, chẳng hạn như EOS Sample Music*, vào thẻ nhớ.

* Bạn có thể sử dụng nhạc nền trong khi xem lại album video quay nhanh, phim hoặc trình chiếu ảnh trên máy ảnh.

Digital Photo Professional

Phần mềm này dành cho người dùng thường xuyên chụp ảnh RAW. Bạn có thể xem, chỉnh sửa và in ảnh RAW hay JPEG.

* Một vài chức năng sẽ khác nhau giữa phiên bản cài đặt trên hệ thống máy tính 64-bit và phiên bản cài đặt trên hệ thống máy tính 32-bit.

Picture Style Editor

Bạn có thể chỉnh sửa kiểu ảnh, tạo và lưu các tập tin kiểu ảnh. Phần mềm này dành cho người dùng chuyên nghiệp có kinh nghiệm về xử lý ảnh.

Tải xuống và cài đặt phần mềm



- **Không kết nối máy ảnh với máy tính trước khi cài đặt phần mềm. Nếu không, phần mềm sẽ không được cài đặt chính xác.**
- Ngay cả khi máy tính của bạn đã cài đặt phiên bản phần mềm trước đó, thực hiện theo quy trình dưới đây để cài đặt phần mềm mới nhất. (Phiên bản trước sẽ bị ghi đè.)

1 Tải xuống phần mềm.

- Kết nối internet từ máy tính và truy cập trang web dưới đây của Canon.

www.canon.com/icpd

- Chọn quốc gia hoặc khu vực cư trú của bạn và tải xuống phần mềm.
- Giải nén phần mềm trên máy tính.

Đối với Windows:

Nhấp chuột vào tập tin bộ cài hiển thị để khởi động bộ cài.

Đối với Macintosh:

Một tập tin dmg sẽ được tạo và hiển thị. Thực hiện theo các bước dưới đây để khởi động bộ cài.

(1) Nhấp đúp vào tập tin dmg.

- ▶ Biểu tượng ổ đĩa và tập tin bộ cài sẽ xuất hiện trên màn hình máy tính.

Nếu tập tin bộ cài không xuất hiện, nhấp đúp vào biểu tượng ổ đĩa để hiển thị.

(2) Nhấp đúp vào tập tin bộ cài.

- ▶ Bộ cài sẽ khởi động.

2 Nhấp vào [Easy Installation] và thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để cài đặt.

- Trên máy Macintosh, nhấp vào [Install].

Tải xuống và xem Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF)

Bạn cần kết nối internet để tải Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF). Không thể tải trong môi trường không có kết nối internet.

1 Tải xuống Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF).

- Kết nối internet và truy cập trang web dưới đây của Canon.
www.canon.com/icpd
- Chọn quốc gia hoặc khu vực cư trú của bạn và tải xuống Hướng dẫn sử dụng.

2 Xem Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF).

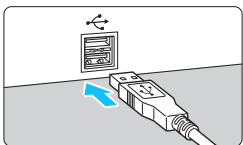
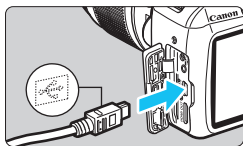
- Nhấp đúp vào Hướng dẫn sử dụng đã tải xuống (Tập tin PDF) để mở.
- Để xem Hướng dẫn sử dụng (Tập tin PDF), bạn cần cài đặt Adobe Acrobat Reader DC hoặc phần mềm xem PDF khác của Adobe (nên sử dụng phiên bản mới nhất).
- Bạn có thể tải miễn phí Adobe Acrobat Reader DC từ internet.
- Để tìm hiểu về cách sử dụng phần mềm xem PDF, tham khảo mục Trợ giúp của phần mềm.

Tải ảnh xuống máy tính

Bạn có thể sử dụng phần mềm EOS để tải ảnh từ máy ảnh vào máy tính theo hai cách sau.

Tải xuống bằng cách kết nối máy ảnh với máy tính

1 Cài đặt phần mềm (tr.323).



2 Sử dụng cáp nối đi kèm để kết nối máy ảnh với máy tính.

- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Kết nối cáp với cổng digital của máy ảnh với biểu tượng <•↔•> của chân cắm cáp hướng về phía trước máy ảnh.
- Kết nối đầu cắm của cáp với cổng USB của máy tính.

3 Sử dụng phần mềm EOS Utility để tải ảnh.

- Tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility.



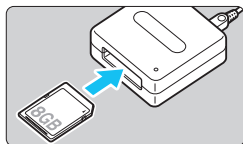
Nếu đặt [**43: Wi-Fi/NFC**] thành [**Enable (Bật)**], không thể kết nối máy ảnh với máy tính. Đặt [**Wi-Fi/NFC**] thành [**Disable (Tắt)**], rồi kết nối lại máy ảnh với máy tính qua cáp nối.

Tải ảnh xuống bằng đầu đọc thẻ

Bạn cũng có thể dùng đầu đọc thẻ để tải ảnh xuống máy tính.

1 Cài đặt phần mềm (tr.323).

2 Cắm thẻ vào đầu đọc thẻ.



3 Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional để tải ảnh.

- Tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional.

 Khi tải ảnh từ máy ảnh xuống máy tính cá nhân bằng đầu đọc thẻ mà không dùng phần mềm EOS, hãy sao chép thư mục DCIM trên thẻ vào máy tính.

Chỉ mục

Số

1280x720 (phim).....	168
1920x1080 (phim).....	168
640x480 (phim).....	168

A

[A+] (Tự động nhận cảnh thông minh).....	58
Adobe RGB.....	137
AEB (Tự động phơi sáng hỗn hợp).....	118, 262
AF → Lấy nét	
AF một điểm.....	99
AI FOCUS (Lấy nét tự động AI).....	98
AI SERVO (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục).....	98
Album video quay nhanh	170
Ảnh	
Bảo vệ ảnh	230
Biểu đồ	236
Cảnh báo vùng sáng	236
Đặc tính ảnh (Kiểu ảnh).....	95, 126, 129
Hệ số phóng to	212
Hiện thị bằng kẻ.....	210
Hiện thị nhảy ảnh (duyet ảnh).....	211
Số thứ tự	188
Thời gian xem lại.....	184
Thông tin chụp.....	234
Trình chiếu.....	224
Truyền	276
Tự động phát.....	224
Xem lại.....	83, 209
Xem trên TV	218, 228
Xếp hạng	214
Xóa	232
Xoay ảnh bằng tay.....	213
Xoay tự động	192
Ảnh đen trắng	76, 96, 128
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ).....	110

Â

Âm lượng (phát lại phim).....	221
-------------------------------	-----

B

Bão hòa màu	127
Bảo vệ ảnh	230
Biểu đồ (Độ sáng/RGB).....	236
Biểu tượng MENU	8
Biểu tượng ☆ (vùng sáng tạo).....	8
Bình thường (Chất lượng ghi ảnh) ...	28
Bíp (Tiếng bip).....	184
Bộ lọc sáng tạo.....	238
Bộ nổi nguồn DC	272
Bù trừ phơi sáng	116
BULB (phơi sáng bulb).....	114

C

[CA] (Tự động sáng tạo)	64
Cảnh báo an toàn.....	20
Cảnh báo nhiệt độ.....	157, 181
Cảnh báo vùng sáng	236
Cảnh đêm.....	68, 72
Cáp.....	3, 218, 228, 244, 280, 325
Cân bằng trắng (WB)	131
Cá nhân	134
Chỉnh.....	135
Hỗn hợp	136
Tùy chỉnh	133
Ưu tiên màu trắng (AWB w).....	132
Ưu tiên môi trường (AWB)	132
Cân bằng trắng tùy chỉnh	133
Cận cảnh	69
Cấu hình ICC.....	137
Chân dung.....	67, 95
Chân dung ban đêm.....	72
Chân thực.....	96
Chất lượng ghi ảnh	88
Chế độ chụp	30
📷 (Cận cảnh).....	69

 (Chân dung)	67
 (Chân dung ban đêm)	72
 (Đồ ăn)	71
 (Flash tắt)	63
M (Phơi sáng chỉnh tay)	113
P (Phơi sáng tự động P)	86
 (Phong cảnh)	68
 (Thể thao)	70
 (Tự động nhận cảnh thông minh)	58
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ)	110
Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập)	108
 (Tự động sáng tạo)	64
Chế độ đo sáng	115
Chế độ nhanh	154
Chế độ vùng cơ bản	30
Chế độ vùng sáng tạo	30
Chọn bằng tay (Điểm AF)	99
Chọn tự động (Điểm AF)	99
Chọn tự động lấy nét 9 điểm	99
Chụp ảnh dựa trên ánh sáng/cảnh	80
Chụp ảnh dựa trên môi trường	76
Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh) ...	58
Chụp liên tục	102
Chụp Live View	62, 139
Chế độ nhanh	154
Điều khiển nhanh	144
Hẹn giờ đo sáng	147
Hiển thị khung lưới	145
Hiển thị thông tin	142
Lấy nét tay (MF)	101, 156
Nhận diện khuôn mặt Chế độ Live (AF)	149
Số ảnh có thể chụp	141
Tỷ lệ khung ảnh	146
Vùng linh hoạt - 1 điểm	148
Chụp macro	69

Chụp từng ảnh	66, 279
Chức năng khả dụng theo chế độ chụp	278
Chức năng tùy chỉnh	260
Công tắc chế độ lấy nét ...	44, 101, 156
Công tắc điều khiển từ xa	273
Cổng Digital	244, 325
Cổng USB (digital)	244, 325

D

Danh mục riêng	269
Dấu xếp hạng	214
Dây đeo	33
DPOF (Định dạng lệnh in kỹ thuật số)	253
Dự đoán (AI Servo)	98
Dữ liệu xóa bụi	205

Đ

Đánh số thứ tự tập tin kế tiếp	188
Đặt lại bằng tay	189
Đen trắng (Đơn sắc)	96, 128
Đen trắng hạt	240
Đèn báo lấy nét	58
Đèn flash (Đèn Speedlite)	
Chế độ flash	203
Chức năng tùy chỉnh	204
Điểm tiếp xúc đồng bộ flash	26
Điều khiển flash	200
Đồng bộ màn trập (Màn trập 1/2)	203
Flash chỉnh tay	203
Flash tắt	63, 66, 75
Flash tích hợp	104
Khóa phơi sáng flash	121
Tốc độ đồng bộ flash	263, 275
Đèn flash tích hợp	104
Đèn truy cập	38
Đẹp (chất lượng ghi ảnh)	28
Điểm lấy nét (điểm AF)	99

Điều chỉnh độ khúc xạ.....	46
Điều khiển nhanh.....	74
Định dạng (khởi tạo thẻ).....	52
Đo sáng toàn khung ảnh.....	115
Đo sáng trung bình trung tâm.....	115
Đo sáng từng phần.....	115
Đồ ăn.....	71
Độ nhạy sáng → Tốc độ ISO	
Độ phân giải.....	88
Độ phân giải cao (Full HD)....	168, 218
Độ sắc nét.....	127
Độ sáng (độ phơi sáng).....	116
Bù trừ phơi sáng.....	116
Khóa phơi sáng.....	120
Phương pháp đo (chế độ đo sáng).....	115
Tự động phơi sáng hỗn hợp (AEB).....	118, 262
Độ tương phản.....	127
Đồng bộ màn trập (Màn trập 1/2)...	203
Đồng bộ màn trập 1.....	203
Đồng bộ màn trập 2.....	203
Đơn sắc.....	76, 96, 128
Đuôi tập tin.....	189

F

Firmware.....	289
Flash (Đèn Speedlite)	
Bù trừ phơi sáng flash.....	117
Đèn flash ngoài.....	274
Giảm mất đồ.....	106
Phạm vi hiệu quả.....	105
Flash ngoài.....	274
Chức năng tùy chỉnh.....	204
Flash tích hợp	
Thiết lập chức năng.....	201

G

Giải quyết vấn đề trực trực.....	294
Giảm mất đồ.....	106

Giảm nhiễu hạt	
Phơi sáng lâu.....	264
Tốc độ ISO cao.....	265
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu.....	264
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao.....	265
Giờ mùa hè.....	42
Góc ngắm.....	45

H

HDMI.....	218, 228
Hẹn giờ.....	103
Hẹn giờ 10 giây hoặc 2 giây.....	103
Hẹn giờ đo sáng.....	147, 179
Hệ thống video.....	168, 179
Hiển thị bảng kê.....	210
Hiển thị khung lưới.....	145, 179
Hiển thị một ảnh.....	83
Hiển thị nhảy ảnh.....	211
Hiển thị thông tin chụp.....	234
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi.....	124
Hiệu ứng bộ lọc.....	128
Hiệu ứng máy đồ chơi.....	240
Hiệu ứng mắt cá.....	240
Hiệu ứng thu nhỏ.....	240
Hiệu ứng tông màu (đơn sắc).....	128
Hốc gắn chân máy.....	27
Hướng dẫn tính năng.....	55

I

In	
Cắt ảnh.....	251
Chỉnh nghiêng ảnh.....	251
Hiệu ứng in.....	248
Lập sách ảnh.....	257
Lệnh in (DPOF).....	253
Thiết lập giấy.....	246
Trình bày ảnh.....	247

In ảnh.....	243
In trực tiếp.....	244

J

JPEG	89
------------	----

K

Khóa lấy nét.....	61
Khóa phơi sáng	120
Khóa phơi sáng flash.....	121
Khôi phục thiết lập mặc định.....	194
Không gian màu (phạm vi tái tạo màu).....	137
Khung ngắm	29
Điều chỉnh độ khúc xạ	46
Kích thước tập tin	89, 169, 234
Kiểm tra độ sâu trường ảnh.....	112
Kiểu ảnh.....	95, 126, 129
Kiểu chụp/hẹn giờ.....	28, 66, 102, 103

L

Làm sạch (cảm biến ảnh).....	207
Làm sạch cảm biến.....	207
Lập sách ảnh	257
Lấy nét	
Bố cục lại ảnh.....	61
Chọn điểm AF	99
Chữ thể khó lấy nét	101, 152
Lấy nét tay.....	101, 156
Mất nét	46, 101, 152
Phương pháp AF.....	148, 176
Thao tác lấy nét tự động	97
Tia giúp lấy nét	100, 266
Tiếng bíp.....	184
Lấy nét tay (MF).....	101, 156
Lấy nét tự động.....	97, 99
Loa.....	220
Lọc gió	179
Lớn (chất lượng ghi ảnh).....	28

M

M (Phơi sáng chỉnh tay)	113
Mã lỗi.....	306
Màn hình LCD	24
Điều chỉnh độ sáng	185
Hiển thị menu.....	50, 282
Màu màn hình.....	199
Thiết lập chức năng chụp	28, 54
Xem lại ảnh.....	83, 209
Máy ảnh	
Giữ máy ảnh	46
Hiển thị thiết lập	193
Xóa thiết lập máy ảnh	194
Menu	50
Danh mục riêng	269
Quy trình thiết lập	51
Thiết lập	282
MF (lấy nét tay)	101, 156
Micro	160
Mô phỏng hình ảnh cuối cùng	143, 166
MỘT LẦN (Lấy nét một lần)	97
Múi giờ	41
Mức tăng phơi sáng	262

N

Nắp thị kính	33, 273
Nâu đỏ (Đơn sắc).....	76, 128
Nét mềm.....	240
Ngàm gắn.....	26, 274
Ngày/Giờ	41
Ngăn bụi ảnh	205, 207
Ngôn ngữ giao diện.....	43
Nguồn	
Mức pin.....	40
Ổ điện gia đình	272
Sạc.....	34
Số ảnh có thể chụp.....	40, 88, 141
Tự động tắt nguồn	185
Nhà màn trập khi không lắp thẻ ...	184

Nhạc nền.....	227
Nhấn hoàn toàn	47
Nhấn nửa chừng.....	47
Nhấp nháy liên tục	236
Nhiệt độ màu.....	131
Nhỏ (chất lượng ghi ảnh).....	28, 242
NTSC	168, 292
Nút chụp.....	47
Nút xoay.....	26, 107
Nút xoay chế độ	30

Ô

Ô điện gia đình.....	272
Ổng kính	44
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	124
Nhả khóa	45

P

P (Phơi sáng tự động P).....	86
PAL	168, 292
Phim.....	159
Album video quay nhanh	170
Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng	222
Điều khiển nhanh.....	167
Ghi âm	178
Hẹn giờ đo sáng	179
Hiển thị khung lưới	179
Hiển thị thông tin.....	164
Kích thước ghi phim	168
Kích thước tập tin	169
Lấy nét tay	160
Lọc gió	179
Phát lại.....	220
Phơi sáng tự động.....	160
Phương pháp AF.....	167, 176
Quay phim phơi sáng chỉnh tay	162
Thời gian quay phim.....	169
Thường thức	218
Tốc độ khung hình.....	168

Video quay nhanh	170
Xem trên TV	218, 228
Phim độ phân giải cao (HD).....	168, 218
Phong cảnh	68, 96
Phóng to	156, 212
Phơi sáng chỉnh tay.....	113, 162
Phơi sáng hỗn hợp.....	118, 136
Phơi sáng hỗn hợp flash	202
Phơi sáng lâu	114
Phơi sáng tự động P	86
Phụ kiện	3
PictBridge	243
Pin	34, 36, 40

Q

Q (Điều khiển nhanh)	48, 74, 144, 167, 216
-------------------------------	-----------------------

R

RAW	28, 89, 91
RAW+JPEG.....	28, 89, 91
Rung máy	46

S

Sạc	34
Số ảnh chụp liên tục tối đa	89, 90
Số ảnh có thể chụp	40, 88, 141
Sơ đồ hệ thống.....	280
sRGB.....	137

T

Tạo/chọn thư mục	186
Tên bộ phận	26
Tên tập tin	188
Thay đổi chương trình.....	87
Thay đổi cỡ ảnh	241
Thẻ	25, 36, 52
Chống ghi.....	36
Định dạng.....	52

Định dạng mức thấp	53
Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trực	38, 53
Trình nhắc thẻ	184
Thẻ Eye-Fi	276
Thẻ nhớ	
Tốc độ thẻ SD	5
Thẻ nhớ → Thẻ	
Thẻ SD, SDHC, SDXC → Thẻ	
Thể thao	70
Thiết bị flash không phải của Canon	275
Thiết lập chức năng chụp	28, 54
Thiết lập giấy (in)	246
Thông tin bản quyền	190
Thời gian xem lại ảnh	184
Thu hẹp khẩu độ	268
Tốc độ ISO	92
Mở rộng ISO	262
Thiết lập tự động (Tự động)	93
Tốc độ ISO tối đa với ISO tự động	94
Tốc độ khung hình	168
Tông màu	71, 127
Trình chiếu	224
Trung bình (Chất lượng ghi ảnh)	28
Trung tính	96
Tự động đặt lại	189
Tự động phát	224
Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ	110
Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập	108
Tự động sáng tạo	64
Tự động tắt nguồn	39, 185
Tự động tối ưu hóa ánh sáng	57, 123
Tự động xoay ảnh dọc	192

Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập)	108
Tỷ lệ khung ảnh	146

U

Ưu tiên tông màu	177, 265
Ưu tiên tông màu sáng	177, 265

V

Vành đỡ mắt	273
Video quay nhanh	170
Vùng ảnh	30

W

Wi-Fi/NFC	289
-----------------	-----

X

Xem lại	83, 209
Xem trên TV	218, 228
Xem trước độ sâu trường ảnh	112
Xóa ảnh	232
Xóa thiết lập máy ảnh	194
Xoay (ảnh)	192, 213, 251

[illegible]



Những mô tả trong hướng dẫn sử dụng này được cập nhật cho đến tháng 11 năm 2016. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích với các sản phẩm mới hơn, vui lòng liên hệ Trung tâm bảo hành của Canon. Tham khảo trang web của Canon để có hướng dẫn sử dụng phiên bản mới nhất.